



**TỔNG CÔNG TY
THÉP VIỆT NAM - CTCP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Digitally signed by TỔNG
CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
- CTCP
2025.08.22 18:53:05
+07'00'

Số: **8 7 7** /VNS-KTĐT

Hà Nội, ngày **22** tháng **8** năm **2025**

THÔNG BÁO

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng Số 308/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22/8/2025)

I. GIỚI THIỆU VỀ CỔ ĐÔNG CHÀO BÁN CỔ PHIẾU

1. Tên tổ chức chào bán: **Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP.**
2. Tên viết tắt: **VNS/VNSTEEL.**
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 91 Láng Hạ, Phường Đống Đa, Hà Nội.
4. Số điện thoại: 024 38561767 . Số fax: 024 38561815. Website: www.vnsteel.vn
5. Vốn điều lệ: 6.780.000.000.000 đồng.
6. Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ngọc Khánh Hà Nội.
Số hiệu tài khoản: 2890068996.
7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 05/02/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 20/09/2024.
8. Giấy phép thành lập và hoạt động: Không có.

II. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC CHÀO BÁN

1. Tên Công ty đại chúng có cổ phiếu được chào bán: **Công ty Cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL.**
2. Tên viết tắt: **VCS.**
3. Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
4. Số điện thoại: 0251 3836148. Fax: 0251 3836505. Website: www.vicasasteel.com
5. Vốn điều lệ: 151.873.220.000 đồng.
6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600961762 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp đăng ký lần đầu ngày 25/12/2007, cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 14/08/2024
 - Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất sắt, thép gang, sản xuất sản phẩm thép, nguyên vật liệu, sắt thép các loại. Mã ngành: 2410 (Chính).
 - Sản phẩm/dịch vụ chính: Sản xuất sắt, thép, gang.
7. Giấy phép thành lập và hoạt động: Không có.

III. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN

1. Tên cổ phiếu: **Cổ phiếu Công ty cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL.**
2. Mã cổ phiếu: **VCA.**
3. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông, tự do chuyển nhượng
4. Số lượng cổ phiếu chào bán: **9.871.875 cổ phiếu**, số lượng lô cổ phần chào bán: 01 lô.
5. Tỷ lệ số lượng cổ phiếu chào bán/tổng số lượng cổ phiếu sở hữu: 100%.
6. Tỷ lệ số lượng cổ phiếu chào bán/tổng số lượng cổ phiếu cùng loại đang lưu hành của Công ty đại chúng có cổ phiếu được chào bán: 65%.
7. Giá chào bán (giá khởi điểm): 12.790 đồng/cổ phiếu, giá chào bán 01 lô cổ phiếu 126.261.281.250 đồng/lô cổ phiếu.
8. Phương thức phân phối: Bán đấu giá công khai theo lô tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
9. Số lượng đăng ký mua tối thiểu: được quy định tại Quy chế đấu giá do HNX ban hành.
10. Thời gian nhận đăng ký mua: Dự kiến trong tháng 9 và tháng 10/2025 (Thời gian cụ thể sẽ được công bố chính thức tại thông báo bán đấu giá cổ phần do Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP ban hành).
11. Địa điểm nhận đăng ký mua cổ phiếu: tại các Đại lý đấu giá được quy định tại Quy chế đấu giá do HNX ban hành.
12. Thời gian nhận tiền mua cổ phiếu: Dự kiến trong tháng 9 và tháng 10/2025.
13. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu:
 - Chủ tài khoản: Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP.
 - Số tài khoản: 860 004 3620.
 - Mở tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ngọc Khánh Hà Nội
14. Các tổ chức liên quan:

(1) Tổ chức tư vấn:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn Ngoại giao, phường Xuân Đình, TP Hà Nội.

Điện thoại: 024. 3974 1771 Fax: 024. 3974 1760

Website: www.cts.vn

(2) Tổ chức kiểm toán BCTC cho CTCP Thép VICASA - VNSTEEL:

Tổ chức Kiểm toán BCTC năm 2023, 2024:

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Phường Cửa Nam, Hà Nội.

Điện thoại: 024 3824 1990 Fax: 024 3825 3973

Website:

www.aasc.com.vn

Tổ chức Kiểm toán BCTC soát xét năm 2025

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ: Tầng 03, Tòa nhà Galaxy 9, Số 9 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hội, Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028 3945 0505

Fax: 028 3945 1106

Website:

www.aasc.com.vn

(3) Tổ chức định giá:

CÔNG TY CP ĐỊNH GIÁ VÀ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH VIỆT NAM VVFC

Địa chỉ: Số 03 đường Thụy Khuê, Phường Tây Hồ, Hà Nội.

Điện thoại: 024 3843 2171

Fax: 024 3847 2271

Website: www.vvfc.vn

(4) Tổ chức thực hiện bán đấu giá:

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Điện thoại: 024. 39421 2626 Fax: 024. 3936 0750

Website: www.hnx.vn

15. Địa điểm công bố Bản cáo bạch: Bản cáo bạch và các tài liệu liên quan khác được đăng tải tại website: www.vnsteel.vn, www.vicasasteel.com, www.cts.vn, www.hnx.vn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (b/c);
- Ban Kiểm soát;
- TGD và Ban TGD;
- Ban PC; TCKT;
- Trợ lý TGD;
- Thư ký Tcty;
- Lưu: VT, KTĐT.



**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phạm Công Thảo

Số: 308 /GCN-UBCK

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2025

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Xét Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu Công ty cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL ra công chúng của Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý Chào bán Chứng khoán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho công đồng:

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP

– Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM STEEL CORPORATION;

– Tên công ty viết tắt: VNSTEEL.CORP;

– Địa chỉ trụ sở chính: Số 91 Láng Hạ, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam;

– Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0100100047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký

lần đầu ngày 05 tháng 02 năm 1996, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 20 tháng 9 năm 2024;

– Vốn điều lệ: 6.780.000.000.000 đồng (*Sáu nghìn bảy trăm tám mươi tỷ đồng*).

Điều 2. Cổ phiếu Công ty cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL được Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP chào bán ra công chúng theo các nội dung sau:

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông, tự do chuyển nhượng;
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (*Mười nghìn đồng*);
3. Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: 9.871.875 cổ phiếu (*Chín triệu tám trăm bảy mươi một nghìn tám trăm bảy mươi lăm cổ phiếu*);
4. Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký chào bán tính theo mệnh giá: 98.718.750.000 đồng (*Chín mươi tám tỷ bảy trăm mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*);
5. Thời gian phân phối: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực;
6. Phương thức phân phối: Theo phương án nêu trong Bản cáo bạch;
7. Tổ chức tư vấn phát hành: Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Điều 3. Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP, tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình lập hồ sơ phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán và nội dung trong Giấy chứng nhận này, đồng thời phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ.

Điều 4. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Giấy chứng nhận này được lập thành năm (05) bản gốc: 01 bản cấp cho Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP, 02 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 01 bản gửi cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và 01 bản gửi cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Văn Thu

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP

(Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100047, đăng ký lần đầu ngày 05/02/1996, thay đổi lần thứ 13 ngày 20/09/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp)

**CHÀO BÁN CỔ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL
RA CÔNG CHÚNG**

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 308/GCN-UBCKNN do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22 tháng 8 năm 2025)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại: www.vnsteel.vn, www.cts.vn và www.hnx.vn sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

TỔ CHỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN

	TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP		
	Địa chỉ:	91 Láng Hạ, Phường Đống Đa, TP Hà Nội	
	Điện thoại:	024 3856 1767	Fax: 024 3856 1815
	Website:	www.vnsteel.vn	

TỔ CHỨC TƯ VẤN

	CTCP CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM		
	Địa chỉ:	Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn Ngoại giao Phường Xuân Đình, TP Hà Nội	
	Điện thoại:	024. 3974 1771	Fax: 024. 3974 1760
	Website:	www.cts.vn	

TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁN ĐẤU GIÁ

	SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI		
	Địa chỉ:	Số 2 Phan Chu Trinh, Phường Cửa Nam, TP Hà Nội	
	Điện thoại:	024. 39421 2626	Fax: 024. 3936 0750
	Website:	www.hnx.vn	

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông Phạm Công Thảo

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Điện thoại: 024 3856 1767

Hà Nội, năm 2025

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP

(Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100047, đăng ký lần đầu ngày 05/02/1996, thay đổi lần thứ 13 ngày 20/09/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp)



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL .
Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu (Mười nghìn đồng một cổ phiếu).
Giá chào bán: **12.790** đồng/cổ phiếu (sau khi làm tròn), giá chào bán 01 lô cổ phiếu: 126.261.281.250 đồng/lô.
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 9.871.875 cổ phiếu.
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 98.718.750.000 đồng.

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Trụ sở chính: Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn Ngoại giao, Phường Xuân Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024. 3974 1771

Fax: 024. 3974 1760

Website: www.cts.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BCTC NĂM 2023, 2024

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Phường Cửa Nam, Hà Nội

Điện thoại: 024 3824 1990

Fax: 024 3825 3973

Website: www.aasc.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BCTC SOÁT XÉT NĂM 2025

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ: Tầng 03, Tòa nhà Galaxy 9, Số 9 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hội, Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3945 0505

Fax: 028 3945 1106

Website: www.aasc.com.vn

MỤC LỤC

I.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	6
1.	Cổ đông chào bán cổ phiếu ra công chúng.....	6
2.	Tổ Chức Tư Vấn	6
II.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	6
1.	Rủi ro về kinh tế.....	6
2.	Rủi ro về lãi suất.....	9
3.	Rủi ro về luật pháp	9
4.	Rủi ro đặc thù	9
5.	Rủi ro sự kiện bất khả kháng	10
6.	Rủi ro của đợt chào bán	10
7.	Rủi ro của tính hoạt động liên tục	10
III.	CÁC KHÁI NIỆM.....	11
IV.	GIỚI THIỆU VỀ CỔ ĐÔNG CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG.....	12
1.	Thông tin sơ lược về Cổ đông.....	12
2.	Mối quan hệ giữa Cổ đông với Công ty đại chúng có cổ phiếu được chào bán.....	14
V.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC CHÀO BÁN.....	16
1.	Thông tin chung về Công ty đại chúng.....	16
2.	Cơ cấu tổ chức của Công ty đại chúng	19
3.	Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty đại chúng.....	19
4.	Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Công ty đại chúng.....	33
5.	Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	33
6.	Hoạt động kinh doanh	34
7.	Tình hình tài chính	38
7.1.	Tình hình các khoản phải thu của Công ty giai đoạn 31/12/2023 – 30/06/2025	38
7.2.	Các khoản nợ phải trả của Công ty giai đoạn 31/12/2023 – 30/06/2025	38
7.3.	Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 30/06/2025.....	39
7.4.	Nguồn vốn.....	39
8.	Kết quả hoạt động kinh doanh.....	39
9.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	40
10.	Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty đại chúng.....	41
11.	Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức	42
12.	Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng	

Giám đốc, Kế toán trưởng	43
13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty đại chúng có cổ phiếu được chào bán.....	56
14. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty đại chúng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty đại chúng, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán.....	57
VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	57
1. Loại cổ phiếu.....	57
2. Mệnh giá	57
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán	57
4. Tỷ lệ số lượng cổ phiếu chào bán/tổng số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu của Cổ đông.....	57
5. Tỷ lệ số lượng cổ phiếu chào bán/tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty đại chúng	57
6. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	57
7. Giá chào bán (giá khởi điểm) dự kiến	57
8. Nguyên tắc xác định giá chào bán	57
9. Phương thức phân phối	58
10. Đăng ký mua cổ phiếu.....	59
11. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu	59
12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.....	61
13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt chào bán cổ phần của cổ đông	61
14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài.....	61
15. Các loại thuế có liên quan.....	61
VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	62
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	62
1. Tổ chức chào bán chứng khoán.....	62
2. Tổ chức có cổ phiếu được chào bán	62
3. Tổ chức kiểm toán cho Công ty CP Thép VICASA - VNSTEEL	62
4. Tổ chức thực hiện đấu giá.....	63
5. Tổ chức định giá.....	63
6. Tổ chức tư vấn	63
IX. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ.....	63
X. BÁO CÁO CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC CHÀO BÁN VỀ CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY ĐẠI CHÚNG TRONG BẢN CÁO	

BẠCH.....	64
XI. PHỤ LỤC.....	66

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Cổ đông chào bán cổ phiếu ra công chúng

Cổ đông tổ chức: TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP

Người đại diện: Ông **Phạm Công Thảo**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.

(Theo văn bản ủy quyền số 1141/GUQ-VNS do Ông Nghiêm Xuân Đa Tổng Giám đốc Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP ký ngày 14/11/2024)

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, Chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ Chức Tư Vấn

Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Người đại diện: Ông **Phạm Ngọc Hiệp**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Theo giấy uỷ quyền số 32/2025/GUQ-CKCT ngày 17 tháng 03 năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam).

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 12/2024/TVTC/CKCT07-VNS ngày 16/07/2024 và phụ lục Hợp đồng số 01/12/2024/TVTC/CKCT07-VNS ngày 15/07/2025 với Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Môi trường kinh tế khách quan với những yếu tố cơ bản của nền kinh tế như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, tỷ giá hối đoái, lãi suất... sẽ có những ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất trong kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp trong mọi ngành nghề. Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sắt thép cũng chịu sự tác động đáng kể trước những biến động chung của nền kinh tế.

(a) Rủi ro về tăng trưởng GDP

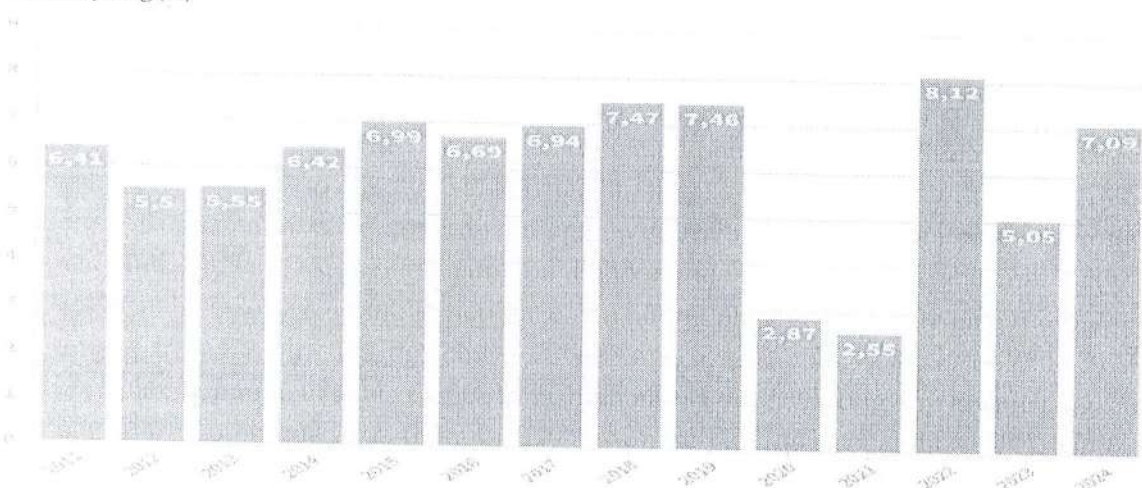
Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng phản ánh khả năng tăng trưởng của hầu hết các ngành nghề và lĩnh vực kinh tế.

Theo Tổng cục Thống kê năm 2023, kinh tế thế giới tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, toàn diện hơn, gia tăng căng thẳng địa chính, xung đột Nga - U-crai-na diễn biến phức tạp, giao tranh ở khu vực Trung đông đã tác động tiêu cực tới quá trình phục hồi kinh tế thế giới sau dịch Covid 19. Thiên tai, hạn hán, biến

đổi khí hậu gây hậu quả nghiêm trọng, nguy cơ về an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh mạng gia tăng. Lạm phát tuy đã hạ nhiệt nhưng vẫn neo ở mức cao, nhiều nền kinh tế lớn duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất cao, thương mại, tiêu dùng và đầu tư toàn cầu tiếp tục suy giảm, hàng rào bảo hộ, phòng vệ thương mại gia tăng... ảnh hưởng đến hoạt động xuất nhập khẩu của khu vực và thế giới. Kinh tế Việt Nam năm 2023 mặc dù vẫn còn nhiều khó khăn, nhưng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chủ động, linh hoạt, quyết liệt sát sao chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương cùng với sự đoàn kết, tin tưởng, ủng hộ của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp đã triển khai nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, nhờ đó kinh tế nước ta vẫn đạt được kết quả khả quan. Nền kinh tế tiếp tục có xu hướng phục hồi với mức tăng trưởng quý sau cao hơn quý trước (4 quý lần lượt tăng 3,28%, 5,6%, 5,92% và 6,72%) và cả năm 2023 tăng 5,05%, dù thấp hơn mục tiêu của Quốc Hội, Chính phủ là 6-6,5%, song đây là mức tăng cao hơn mức tăng trưởng bình quân của thế giới (2,9%) và mức bình quân của khu vực Asean (4,3%), tương đương mức tăng trưởng của Trung Quốc.

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP GIAI ĐOẠN 2011-2024

● Tốc độ tăng (%)



GDP năm 2024 tăng 7,09% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2011-2024. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,27%, đóng góp 5,37%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,24%, đóng góp 45,17%; khu vực dịch vụ tăng 7,38%, đóng góp 49,46%.

Những diễn biến chung của nền kinh tế cũng như ngành, lĩnh vực hoạt động luôn ảnh hưởng tới sự phát triển của các thành phần kinh tế. Khi nền kinh tế ở chu kỳ tăng trưởng, các yếu tố vĩ mô được kiểm soát tốt, sức cầu tăng mạnh sẽ là động lực để phát triển doanh nghiệp và ngược lại sẽ là lực cản không nhỏ tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Là doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất sắt thép, Công ty cũng sẽ chịu ảnh hưởng không nhỏ từ việc nền kinh tế trong nước biến động. Vì vậy, Ban Lãnh đạo Công ty luôn cập nhật tình hình kinh tế - xã hội vĩ mô nhằm xây dựng và hoạch định chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty phù hợp với những thay đổi của tình hình kinh tế trong nước cũng như trên thế giới. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý II/2025 tăng trưởng tích cực, với tốc độ tăng ước đạt 7,96% so với cùng kỳ năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 8,56% của quý II/2022 trong giai đoạn 2020-2025. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,89%, đóng góp 5,19% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,97%, đóng

góp 43,63%; khu vực dịch vụ tăng 8,46%, đóng góp 51,18%. GDP sáu tháng đầu năm 2025 tăng 7,52% so với cùng kỳ năm trước, là mức cao nhất của sáu tháng đầu năm trong giai đoạn 2011-2025[2]. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,84%, đóng góp 5,59%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,33%, đóng góp 42,20%; khu vực dịch vụ tăng 8,14%, đóng góp 52,21%.

Trong bối cảnh xuất khẩu vẫn đối mặt với nhiều thách thức do nhu cầu hàng hóa toàn cầu phục hồi chậm, cạnh tranh gia tăng và xu hướng bảo hộ thương mại tại một số thị trường xuất khẩu chủ lực, đầu tư công tiếp tục được kỳ vọng sẽ là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong nước, qua đó hỗ trợ tích cực cho các ngành công nghiệp nền tảng như ngành thép.

Trước những biến động khó lường của kinh tế thế giới và trong nước, Công ty luôn theo dõi sát sao các diễn biến thị trường, chủ động nắm bắt cơ hội và ứng phó kịp thời với thách thức nhằm duy trì ổn định hoạt động sản xuất – kinh doanh, từng bước đưa Công ty Cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL phát triển bền vững trong giai đoạn mới.

(b) *Rủi ro lạm phát:*

Bên cạnh tăng trưởng GDP, chỉ số lạm phát cũng là một yếu tố vĩ mô ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Lạm phát gia tăng sẽ đẩy giá nguyên vật liệu đầu vào cũng như chi phí chung của doanh nghiệp tăng cao, ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp.

Theo Tổng cục Thống kê năm 2023, lạm phát bình quân của Việt Nam tăng 3,25%, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra là kiểm soát lạm phát ở mức 4,5%. Đây là năm thứ 10 liên tiếp Việt Nam kiểm soát được lạm phát theo mục tiêu, góp phần đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng kinh tế bền vững, củng cố niềm tin của người dân, doanh nghiệp và nhà đầu tư nước ngoài vào đồng nội tệ và môi trường kinh doanh tại Việt Nam. Thành công trong kiểm soát lạm phát là kết quả của sự phối hợp đồng bộ giữa chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác, giữa các bộ, ngành quản lý kinh tế ở Trung ương và các địa phương trong công tác quản lý, điều hành giá, đảm bảo cân đối cung cầu và lưu thông các mặt hàng trên thị trường và sự phản ứng chủ động, linh hoạt, kịp thời của các cơ quan chức năng trước những diễn biến mới từ thị trường quốc tế và nội địa.

Theo Tổng cục Thống kê, CPI bình quân quý IV/2024 tăng 2,87% so với cùng kỳ năm trước, CPI bình quân năm 2024 tăng 3,63% so với năm 2023 đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Lạm phát cơ bản tháng 12/2024 tăng 0,25% so với tháng trước, tăng 2,85% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân năm 2024, lạm phát cơ bản tăng 2,71% so với năm 2023, thấp hơn mức tăng CPI bình quân chung (3,63%), chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, dịch vụ giáo dục, dịch vụ y tế là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản. CPI bình quân quý II/2025 tăng 3,31% so với quý II/2024. Bình quân sáu tháng đầu năm 2025, CPI tăng 3,27% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 3,16%.

Trong trường hợp lạm phát của Việt Nam tăng cao trở lại thì chi phí hoạt động của Công ty, bao gồm cả chi phí cho nhân viên, chi phí nguyên vật liệu, chi phí vận chuyển, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí tài chính và các chi phí quản lý khác dự kiến cũng sẽ tăng theo tương ứng. Nếu Công ty không thể chuyển các chi phí và phí tổn gia tăng này vào giá dịch vụ cho khách hàng, thì các chi phí đó sẽ có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Hơn nữa, tỷ lệ lạm phát và mức lãi suất cho vay cao có thể ảnh hưởng bất lợi đến nền kinh tế Việt Nam, môi trường kinh doanh và do đó ảnh hưởng bất lợi đáng

kể đến tình hình kinh doanh, tình hình tài chính, và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về lãi suất

Lãi suất là một yếu tố rất nhạy cảm đối với nền kinh tế, ảnh hưởng trực tiếp đến tiết kiệm và đầu tư, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và các nhà đầu tư nói riêng.

Sự biến động lãi suất có thể gây áp lực tài chính cho Công ty, làm tăng chi phí lãi vay ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty và khả năng đầu tư mở rộng. Vì vậy, để hạn chế tác động của lãi suất lên chi phí của Công ty, ban lãnh đạo Công ty luôn thận trọng, cân nhắc kỹ lưỡng trước khi ra quyết định sử dụng khoản vay từ Ngân hàng để kiểm soát, hạn chế tối đa rủi ro lãi suất.

3. Rủi ro về luật pháp

Hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp trong mọi hoạt động của mình.

Công ty Cổ phần Thép Vicasa - VNSTEEL hoạt động theo mô hình công ty cổ phần và cổ phiếu được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nên mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Công ty luôn cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp.

4. Rủi ro đặc thù

Là đơn vị hoạt động kinh doanh trong ngành sản xuất sắt, thép, gang, sản xuất khí đốt, do vậy Công ty có những rủi ro về thị trường mang tính đặc thù ngành như rủi ro về biến động về chính trị giá hàng hóa, rủi ro về thị trường.

Rủi ro về biến động giá nguyên liệu

Sản xuất và kinh doanh thép tiếp tục là hoạt động kinh doanh chủ lực của Công ty. Trong cơ cấu giá thành sản phẩm, chi phí nguyên vật liệu đầu vào như quặng sắt, than, thép phế liệu... chiếm khoảng 70–75%. Do đó, chỉ cần giá nguyên liệu biến động tăng/giảm 1% cũng có thể ảnh hưởng đáng kể đến giá thành sản xuất và hiệu quả kinh doanh.

Hiện nay, thị trường nguyên vật liệu toàn cầu vẫn tiềm ẩn nhiều biến động do các yếu tố địa chính trị kéo dài, đặc biệt là căng thẳng tại Trung Đông, xung đột thương mại và chính sách kiểm soát xuất khẩu nguyên liệu tại một số quốc gia lớn. Giá quặng sắt và than có xu hướng tăng cao trở lại từ giữa năm 2024 và vẫn duy trì ở mức cao trong nửa đầu năm 2025. Ngoài ra, rủi ro chi phí còn bị tác động bởi biến động tỷ giá và chi phí vận chuyển quốc tế.

Trước tình hình đó, Công ty đã chủ động theo dõi sát sao các diễn biến thị trường nguyên vật liệu, cập nhật thường xuyên thông tin từ các thị trường có ảnh hưởng lớn như Trung Quốc, Ấn Độ, Úc,...; đồng thời xây dựng các kịch bản ứng phó rủi ro giá hàng hóa. Công ty cũng tăng cường hiệu quả quản trị hàng tồn kho, linh hoạt trong kế hoạch mua hàng và sử dụng nguyên liệu để tối ưu chi phí và đảm bảo hoạt động sản xuất – kinh doanh không bị gián đoạn.

Rủi ro các biện pháp phòng vệ thương mại

Việt Nam đã ký kết nhiều Hiệp định thương mại FTA thế hệ mới với các cam kết thuế suất ưu đãi cho nhiều mặt hàng, trong đó phần lớn mặt hàng sắt thép đã đang và sẽ có mức thuế về 0%. Do đó, các quốc gia đang có các biện pháp khác (ngoài thuế thu nhập) để tạo ra rào cản kỹ thuật đối với hàng hóa nhập khẩu nhằm hỗ trợ ngành sản xuất nội địa của mình.

Những năm gần đây, chính sách bảo hộ tại các thị trường xuất khẩu như Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU, Mexico... đã tạo ra sức ép và có những tác động đáng kể đến xuất khẩu của Việt Nam. Những vụ việc phòng vệ thương mại đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam ngày càng xuất hiện nhiều hơn với tính chất phức tạp và gia tăng.

Rủi ro biến đổi khí hậu

Ứng phó biến đổi khí hậu đang trở thành trọng tâm hàng đầu hiện nay với cam kết tại COP26 của Chính phủ, đặc biệt với ngành thép. Kiểm toán, giảm thiểu và báo cáo lượng phát thải khí nhà kính ngày càng trở nên quan trọng đối với các công ty thép để tuân thủ các quy định nghiêm ngặt nhằm đạt được mục tiêu phát thải ròng bằng 0 và yêu cầu khắt khe về thép có hàm lượng carbon thấp từ người mua cuối trong chuỗi giá trị.

Tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP, Quyết định 01/2022/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính. Các doanh nghiệp sản xuất thép đang tích cực kiểm kê số liệu phát thải, qua đó sử dụng số liệu này để lên lộ trình giảm phát thải nhà kính.

5. Rủi ro sự kiện bất khả kháng

Bên cạnh những yếu tố rủi ro đã nêu trên, còn có các yếu tố rủi ro xảy ra do hiện tượng thiên nhiên khách quan, mang tính bất khả kháng như thiên tai (bão, lũ, hạn hán, dịch bệnh, động đất...), chiến tranh hoặc hỏa hoạn hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn.... Những rủi ro này nếu xảy ra (tùy thuộc vào mức độ và phạm vi ảnh hưởng) sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Minh chứng rõ nhất cho thấy sự ảnh hưởng của những rủi ro này đối với HĐKD của Công ty là sự bùng phát của dịch bệnh COVID-19 diễn ra trên phạm vi toàn thế giới kể từ năm 2020 đến nay. Đại dịch COVID-19 là cú sốc về y tế, gây tác động mạnh mẽ và tiêu cực đến mọi mặt của nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, cụ thể: tăng trưởng kinh tế của toàn cầu và nhiều quốc gia, khu vực ở mức âm; đầu tư thương mại toàn cầu suy giảm; các chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy; quan hệ giao thương bị đình trệ; hoạt động SXKD của các doanh nghiệp liên tục bị gián đoạn; người lao động bị mất việc làm, tỷ lệ thất nghiệp tăng cao; người dân bị hạn chế đi lại và tiếp xúc...

Ngoài ra, sự thay đổi của chính sách tiền tệ, cơ chế thanh toán, lãi vay, phí và các điều kiện ràng buộc của ngân hàng, kho bạc Nhà nước cũng tạo nên các rủi ro bất khả kháng cho doanh nghiệp. Do vậy, để giảm thiểu được những rủi ro này, Công ty luôn chú ý đến những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và có những biện pháp để khắc phục những hậu quả kịp thời

6. Rủi ro của đợt chào bán

Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP thực hiện chào bán cổ phiếu theo phương thức bán đấu giá công khai theo lô với giá trị chào bán là hơn 126 tỷ đồng (tính theo giá chào bán khởi điểm) trong bối cảnh thị trường chứng khoán chịu nhiều ảnh hưởng từ những biến động của nền kinh tế vĩ mô, xu hướng chung của thị trường chưa ổn định và các tác động tiêu cực đến thị trường vẫn còn tồn tại, rủi ro không chào bán được cổ phiếu trong đợt chào bán là có thể xảy ra.

7. Rủi ro của tính hoạt động liên tục

Công ty CP Thép VICASA - VNSTEEL thuộc diện quy hoạch chuyển đổi công năng Khu Công nghiệp Biên Hòa 1 thành Khu Đô thị – Thương mại – Dịch vụ theo Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 22/02/2012 và Thông báo số 438/TB-UBND ngày 11/04/2025. Đồng thời, theo Quyết định số 1515/QĐ-XPHC ngày 09/05/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai, Công ty bị đình chỉ hoạt động trong 3,75 tháng do chưa có giấy phép môi trường và buộc phải di dời toàn bộ cơ sở sản xuất. Đồng thời, theo Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 22/6/2025, tỉnh Đồng Nai yêu cầu VICASA phải di dời trước ngày 01/8/2025 để KCN Biên Hòa 1 chuyển đổi công năng thành Khu Đô thị – Thương mại – Dịch vụ. Hiện tại, Công ty đã tạm ngừng hoạt động tại lò luyện thép và sản sản thành phẩm. Những yếu tố này tiềm ẩn rủi ro trọng yếu có thể ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Nếu không kịp thời bố trí địa điểm thay thế và đảm bảo nguồn lực tài chính cho việc di dời, hoạt động của Công ty có thể bị gián đoạn, tác động tiêu cực đến kết quả kinh doanh và quyền lợi cổ đông.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Công ty/VICASA/Tổ chức phát hành : Công ty Cổ phần Thép Vicasa - VNSTEEL
- VNS/ Tổng Công ty : Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP
- CTCP : Công ty Cổ phần
- TNHH : Trách nhiệm hữu hạn
- VietinBank Securities/Tổ chức tư vấn : Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- HĐTV : Hội đồng thành viên
- BCTC : Báo cáo tài chính
- HĐKD : Hoạt động kinh doanh
- SXKD : Sản xuất kinh doanh
- CMND : Chứng minh nhân dân
- CCCD : Căn cước công dân
- TCHC : Tổ chức hành chính
- CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- BHXH : Bảo hiểm xã hội
- BHYT : Bảo hiểm y tế
- BHTN : Bảo hiểm thất nghiệp
- BHTNLĐ : Bảo hiểm tai nạn lao động

IV. GIỚI THIỆU VỀ CỔ ĐÔNG CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

1. Thông tin sơ lược về Cổ đông

❖ Thông tin chung

- + Tên tiếng Việt (*đầy đủ*) : TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP
- + Tên viết bằng tiếng nước ngoài : VIET NAM STEEL CORPORATION
- + Tên viết tắt : VNSTEEL.CORP
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Địa chỉ Trụ sở chính : Số 91 Láng Hạ, Phường Đồng Đa, TP Hà Nội, Việt Nam
- + Điện thoại : 0243 8561767
- + Fax : 0243 8561815
- + Website : www.vnsteel.vn
- + Logo :



- + Vốn điều lệ : 6.780.000.000.000 đồng (*Sáu nghìn bảy trăm tám mươi tỷ đồng*)
- + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : Số 0100100047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/02/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 20/09/2024.
- + Người đại diện theo pháp luật : **Ông Nghiêm Xuân Đa**
Chức vụ: Tổng giám đốc
- + Người đại diện theo ủy quyền tại Công ty Cổ phần Thép Vicasa - VNSTEEL : **1/ Ông Nguyễn Phú Dương**
Chức vụ: Chủ tịch HĐQT, đại diện 3.796.875 cổ phần của VNS, tương ứng với 25% vốn điều lệ VICASA.
Quyết định số 55/QĐ-VNS ngày 08/04/2025 là Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của VNS tại VICASA.
2/ Ông Ngô Tiến Thọ
Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty đại diện 2.278.125 cổ phần của VNS, tương ứng với 15% vốn điều lệ VICASA.
Quyết định số 180/QĐ-VNS ngày 07/08/2024 là Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của VNS tại VICASA.
3/ Ông Dương Văn Hà
Chức vụ: Thành viên HĐQT đại diện 2.278.125 cổ phần của VNS,

tương ứng với 15% vốn điều lệ VICASA.

Quyết định số 55/QĐ-VNS ngày 08/04/2025 là Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của VNS tại VICASA.

4/ Ông Hoàng Ngọc Chiến

Chức vụ: Thành viên HĐQT đại diện 1.518.750 cổ phần của VNS, tương ứng với 10% vốn điều lệ VICASA.

Quyết định số 69/QĐ-VNS ngày 04/04/2024 là Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của VNS tại VICASA.

- + Ngành nghề kinh doanh chính : Khai thác quặng sắt; khai thác than mỡ và các nguyên liệu trợ dung cho công nghiệp sản xuất thép; tái chế phế liệu; sản xuất thép và các kim loại khác và các sản phẩm thép sau cán; sản xuất sản phẩm chịu lửa; sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; sản xuất, kinh doanh khí oxy, nitơ, argon; sản xuất cấu kiện kim loại; sản xuất máy luyện kim;

Bán buôn: quặng sắt và kim loại màu, sắt thép và kim loại màu ở dạng nguyên sinh, thành phẩm bằng sắt thép và kim loại màu; kinh doanh nguyên nhiên liệu, nhiên liệu cán thép; bán buôn phế liệu kim loại: cao su, xăng, dầu, mỡ, ga và các loại vật tư phụ tùng, thiết bị phục vụ cho sản xuất thép, xây dựng, giao thông, cơ khí và các ngành công nghiệp khác; kinh doanh phế liệu kim loại; xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;

Dịch vụ logistic; kinh doanh khai thác cảng và dịch vụ giao nhận, kho bãi, nhà xưởng; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; thiết kế, tư vấn thiết kế các công trình sản xuất thép, các công trình công nghiệp và dân dụng; dịch vụ lưu trú ngắn ngày: khách sạn, biệt thự du lịch, phòng hoặc căn hộ khách sạn, nhà khách; hoạt động của các cơ sở thể thao; xuất khẩu lao động...và một số ngành, nghề khác đã đăng ký và pháp luật không cấm.

- Quá trình hình thành và phát triển:

Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP được hình thành qua các thời kỳ, gắn liền với sự phát triển của đất nước nói chung và ngành công nghiệp luyện kim nói riêng, trên cơ sở hợp nhất, sáp nhập nhiều doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị trong ngành sản xuất thép và kinh doanh kim khí thuộc sở hữu nhà nước.

Thực hiện Quyết định số 91/QĐ-TTg ngày 7/3/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm thành lập Tập đoàn kinh doanh ở một số bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật (gọi tắt là Tổng Công ty 91), ngày 29/4/1995 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 255/QĐ-TTg thành lập Tổng công ty Thép Việt Nam trên cơ sở hợp nhất Tổng Công ty Thép Việt Nam thuộc Bộ Công nghiệp nặng và Tổng Công ty Kim khí thuộc Bộ Thương mại.

Ngày 23 tháng 11 năm 2006, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 267/2006/QĐ-TTg, thành lập Công ty mẹ - Tổng công ty Thép Việt Nam. Thực hiện chủ trương của Đảng

và Nhà nước về đổi mới và phát triển Doanh nghiệp nhà nước, ngày 18 tháng 4 năm 2011 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 552/QĐ-TTg về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Thép Việt Nam và Tổng công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/10/2011.

Nhiệm vụ chính của Tổng Công ty là xây dựng và phát triển theo mô hình kinh doanh đa ngành, với hoạt động cốt lõi là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép.

2. Mọi quan hệ giữa Cổ đông với Công ty đại chúng có cổ phiếu được chào bán

2.1. Mọi quan hệ giữa Cổ đông với Công ty đại chúng, cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của Công ty đại chúng và người liên quan của các đối tượng này.

- Mọi quan hệ giữa cổ đông với Công ty đại chúng: Công ty mẹ.

Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP là Công ty mẹ sở hữu 65% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL.

- Mọi quan hệ giữa cổ đông với cổ đông sáng lập: Không.
- Mọi quan hệ giữa cổ đông với cổ đông lớn, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của Công ty đại chúng và người liên quan của các đối tượng này:

+ Ông Nguyễn Phú Dương là Chủ tịch Hội đồng quản trị VICASA đồng thời là Phó Tổng Giám đốc của VNS .

+ Ông Dương Văn Hà là thành viên Hội đồng quản trị VICASA đồng thời là chuyên viên ban Kỹ thuật Đầu tư của VNS.

+ Ông Hoàng Ngọc Chiến là thành viên Hội đồng quản trị VICASA đồng thời là Trưởng Ban Pháp chế của VNS.

+ Bà Ngô Thị Minh Nguyệt là Trưởng ban kiểm soát VICASA đồng thời là chuyên viên Ban Tài chính Kế toán VNS.

+ Ông Đặng Minh Đức là thành viên Ban kiểm soát VICASA đồng thời là chuyên viên Văn phòng của VNS và thư ký Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP.

- Thông tin về sở hữu của cổ đông và những người có liên quan của Cổ đông tại Công ty đại chúng:

STT	Những người có liên quan của cổ đông	Mọi quan hệ với VNS	Loại hình sở hữu	Số lượng cổ phần sở hữu	Loại cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu hiện tại	Tỷ lệ biểu quyết hiện tại	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết dự kiến sau đợt chào bán
1	Nguyễn Phú Dương	- Đại diện được ủy quyền để quản lý phần vốn	Sở hữu cá nhân	0	-	-	-	-
			Phần vốn đại diện	3.796.875	Cổ phần phổ thông	25%	25%	0%

STT	Những người có liên quan của cổ đông	Mối quan hệ với VNS	Loại hình sở hữu	Số lượng cổ phần sở hữu	Loại cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu hiện tại	Tỷ lệ biểu quyết hiện tại	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết dự kiến sau đợt chào bán
		góp của VNS tại VICASA. - Phó Tổng Giám đốc của VNS.						
2	Ngô Tiến Thọ	Đại diện được ủy quyền để quản lý phần vốn góp của VNS tại VICASA.	Sở hữu cá nhân	0	-	-	-	-
			Phần vốn đại diện	2.278.125	Cổ phần phổ thông	15%	15%	0%
3	Dương Văn Hà	- Đại diện được ủy quyền để quản lý phần vốn của VNS tại VICASA. - Chuyên viên Ban Kỹ thuật Đầu tư VNS.	Sở hữu cá nhân	0	-	-	-	-
			Phần vốn đại diện	2.278.125	Cổ phần phổ thông	15%	15%	0%
4	Hoàng Ngọc Chiến	- Đại diện được ủy quyền để quản lý phần vốn của VNS tại VICASA. - Trưởng Ban Pháp chế VNS.	Sở hữu cá nhân	0	-	-	-	-
			Phần vốn đại diện	1.518.750	Cổ phần phổ thông	10%	10%	0%

❖ Thông tin về sở hữu của Cổ đông và những người liên quan tại Công ty đại chúng dự kiến sau đợt chào bán:

- Số lượng cổ phiếu sau chào bán của Cổ đông: 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ VICASA, tỷ lệ biểu quyết 0%;
- Số lượng cổ phiếu sau chào bán của những người liên quan của Cổ đông tại Công ty đại chúng: 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ VICASA, tỷ lệ biểu quyết 0%.

2.2. Đối với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty đại chúng và những người có liên quan

- Các hợp đồng giao dịch của VNS với VICASA: Không có
- Các hợp đồng giao dịch của những người có liên quan của VNS với VICASA: Không có
- Các hợp đồng giao dịch của người đại diện theo ủy quyền của VNS với VICASA: Không có
- Các hợp đồng giao dịch của những người có liên quan của người đại diện theo ủy quyền của VNS với VICASA: Không có

V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC CHÀO BÁN

1. Thông tin chung về Công ty đại chúng

❖ Thông tin chung

- Tên Tổ chức phát hành : **CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL**
(đầy đủ)
 - Tên viết bằng tiếng nước ngoài : VNSTEEL – VICASA JOINT STOCK COMPANY
 - Tên công ty viết tắt : VCS
 - Địa chỉ Trụ sở chính : Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trán Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
 - Điện thoại : 0251.3836148 Fax: 0251.3836505
 - Website : www.vicasasteel.com
 - Giấy Đăng ký doanh nghiệp : Số 3600961762 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 08 năm 2024.
 - Mã số thuế : 3600961762
 - Vốn điều lệ : 151.873.220.000 đồng
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 15.187.322 cổ phần
 - Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
 - Loại cổ phiếu : Cổ phần phổ thông
 - Logo :
- 
- Mã cổ phiếu : VCA

- Niêm yết tại : Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE).
- Người đại diện theo pháp luật : **Ông Ngô Tiên Thọ – Chức vụ: Tổng giám đốc.**

❖ **Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty**

Mã ngành	Tên ngành nghề kinh doanh
2410 (chính)	Sản xuất sắt, thép, gang Sản xuất sản phẩm thép, nguyên vật liệu sản xuất thép, sắt thép các loại
5022	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Mua bán thứ liệu và phế liệu kim loại
7120	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Kiểm định vỏ chai chứa khí áp lực
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: Mua bán xăng, dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng, mỡ máy (địa điểm kinh doanh xăng dầu phải phù hợp quy hoạch mạng lưới kinh doanh xăng dầu của tỉnh)
3830	Tái chế phế liệu: Xử lý, gia công, chế biến thứ liệu và phế liệu kim loại
2592	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại: Gia công kết cấu thép
2822	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại: Sản xuất máy móc thiết bị, phụ tùng ngành sản xuất thép. Chế tạo thiết bị cơ khí luyện kim.
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Mua bán máy móc, thiết bị phụ tùng ngành sản xuất thép
3520	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống: Sản xuất Oxy, Nitơ và Argon dạng lỏng hoặc khí.
3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp: Lắp đặt thiết bị cơ khí luyện kim
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Mua bán sản phẩm thép, nguyên vật liệu sản xuất thép
4663	Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Mua bán vật liệu xây dựng

(Nguồn: Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp)

❖ **Quá trình hình thành và phát triển**

Thời gian	Sự kiện
Năm 1967 (17/05/1967)	Nhà máy Thép Biên Hòa được hình thành do sự góp vốn của 15 cổ đông và do một chủ người Việt gốc Hoa quản lý, điều hành với tên gọi ban đầu là Xí nghiệp - Việt Nam cán sắt Công ty (viết tắt VICASA) là tiền thân Công ty Cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL. Nhà máy được khởi công xây dựng vào 1964 tại Khu Công nghiệp Biên Hòa I đến 1967 chính thức đi vào hoạt động sản xuất.
Năm 1976 (15/06/1975)	Nhà máy mang tên: Nhà máy luyện cán thép VICASA
Năm 1980	Đổi tên thành Nhà máy Luyện Cán Thép Biên Hòa
18/11/1992	Nhà máy đổi tên thành Nhà Máy Thép Biên Hòa theo Quyết định số 788 QĐ/CNNg-TC ngày 18/11/1992
01/07/2007	Nhà máy đổi tên thành Công ty Thép Biên Hòa. Thực hiện chủ trương cổ phần hóa theo Quyết định số 2255/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp ngày 29/6/2007 và Quyết định số 580/QĐ-HĐQT của Tổng Công ty Thép Việt Nam ngày 17/9/2007 về việc xác định giá trị Công ty Thép Biên Hòa tại thời điểm 01/07/2007.
01/01/2008	Đổi tên thành Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa (VICASA), chính thức hoạt động theo mô hình cổ phần từ ngày 01/01/2008
21/02/2011	Ngày 21/02/2011, Công ty chính thức giao dịch chứng khoán tập trung tại sàn giao dịch Upcom theo thông báo số 86/TB-SGDHN ngày 14/02/2011
Tháng 4/2014 (06/04/2016)	Đổi tên thành Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL
30/12/2020	Công ty Cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL được chấp thuận niêm yết tại HOSE theo quyết định số 891/QĐ-SGDHCM ngày 30/12/2020.

❖ **Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 30/6/2025**

STT	Danh mục	Số lượng (người)	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
A	Cổ phiếu đang lưu hành	987	15.187.322	151.873.220.000	100,00
I	Cổ đông trong nước	973	15.167.847	151.678.470.000	99,87
1	Cổ đông tổ chức	5	11.174.266	111.742.660.000	73,58
2	Cổ đông cá nhân	968	3.993.581	39.935.810.000	26,30
II	Cổ đông nước ngoài	14	19.475	194.750.000	0,13

1	Cổ đông tổ chức	3	2.900	29.000.000	0,02
2	Cổ đông cá nhân	11	16.575	165.750.000	0,11
B	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
Tổng cộng (A+B)		987	15.187.322	151.873.220.000	100

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL)

- ❖ **Danh sách cổ đông lớn nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty tại ngày 30/6/2025**

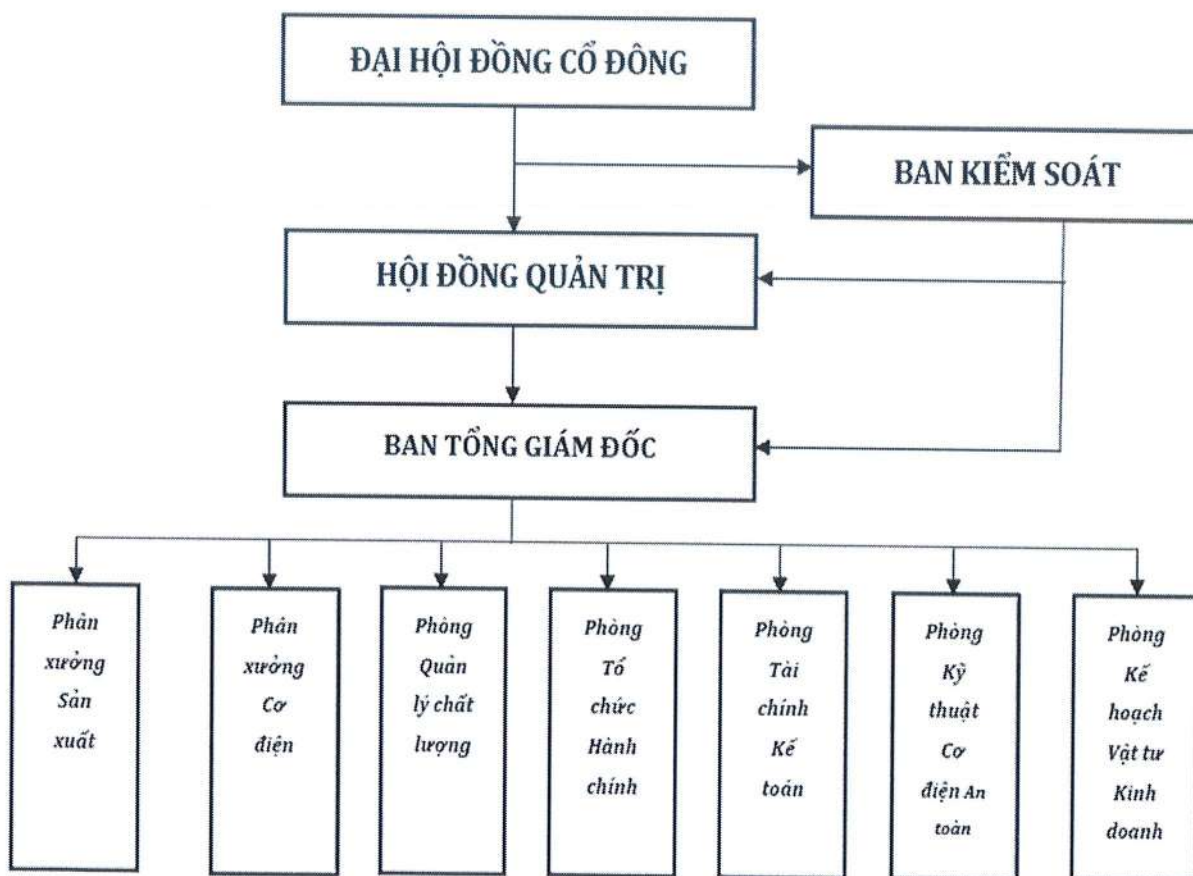
STT	Cổ đông	Số cổ phiếu nắm giữ (cổ phiếu)	Giá trị cổ phiếu nắm giữ tính theo mệnh giá (VNĐ)	Tỷ trọng/Vốn Điều lệ (%)
1	Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP	9.871.875	98.718.750.000	65,00%
2	Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng	1.084.629	10.846.290.000	7,14%
	Tổng cộng	10.956.504	109.565.040.000	72,14%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL)

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty đại chúng

Công ty Cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL được tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty cổ phần. Mô hình tổ chức của Công ty cổ phần Thép VICASA-VNSTEEL gồm có 2 phân xưởng (Phân xưởng sản xuất, Phân xưởng Cơ điện) và 05 phòng ban chuyên môn nghiệp vụ (Phòng Kế hoạch – Vật tư – Kinh doanh, Phòng Kỹ thuật – Cơ điện – An toàn, Phòng Tổ chức Hành chính, Phòng Tài chính Kế toán, Phòng Quản lý chất lượng).

3. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty đại chúng



(Nguồn: CTCP Thép VICASA - VNSTEEL)

Diễn giải cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý:

Theo quy định tại Điều lệ Công ty, Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của VICASA bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Ban Tổng Giám đốc
- Các phòng chuyên môn

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định các vấn đề có liên quan tới phương hướng hoạt động, vốn điều lệ, kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty, nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những vấn đề khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Kiến nghị về việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- Yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty;
- Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên, cụ thể:

- | | |
|-------------------------|-------------------|
| 1. Ông Nguyễn Phú Dương | - Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Ngô Tiến Thọ | - Thành viên HĐQT |
| 3. Ông Hoàng Ngọc Chiến | - Thành viên HĐQT |
| 4. Ông Nguyễn Bảo Giang | - Thành viên HĐQT |
| 5. Ông Dương Văn Hà | - Thành viên HĐQT |

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có trách nhiệm kiểm tra Báo cáo tài chính hàng quý, năm, xem xét các báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ và các nhiệm vụ khác thuộc thẩm quyền được quy định trong Điều lệ Công ty.

Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay gồm 03 thành viên:

- | | |
|---------------------------|------------------------|
| 1. Bà Ngô Thị Minh Nguyệt | - Trưởng Ban Kiểm soát |
|---------------------------|------------------------|

2. Ông Nguyễn Bạch Đường - Thành viên BKS
3. Ông Đặng Minh Đức - Thành viên BKS

Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- Tuyển dụng lao động;
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Các phó Tổng giám đốc: Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc điều hành một lĩnh vực hoặc một số lĩnh vực được Tổng Giám đốc phân công, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và trước pháp luật về lĩnh vực mình được phân công phụ trách.

Ban Tổng giám đốc Công ty hiện nay gồm 01 Tổng giám đốc và 02 Phó Tổng giám đốc:

1. Ông Ngô Tiến Thọ - Tổng Giám đốc
2. Ông Vũ Hồng Khanh - Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Nguyễn Quyết Chiến - Phó Tổng Giám đốc
4. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thanh – Phụ trách kế toán Công ty

Các Phòng, Ban, Phân xưởng của Công ty: gồm 05 phòng và 2 phân xưởng

(i) Phòng Kế hoạch - Vật tư - Kinh doanh

➤ Chức năng:

- Là cơ quan tham mưu giúp Tổng Giám đốc lập kế hoạch, theo dõi kiểm tra và báo cáo tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh của Công ty định kỳ hàng tháng, quý, năm và đột xuất theo yêu cầu của Lãnh đạo Công ty.

- Giúp Tổng Giám đốc theo dõi, đôn đốc thực hiện kế hoạch và điều hành công việc hàng ngày.
 - Quản lý các loại vật tư, xây dựng định mức vật tư nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ cho sản xuất, sửa chữa và xây dựng cơ bản và thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các định mức đó.
 - Quản lý bán thành phẩm, phế phẩm, thực hiện việc tiêu thụ sản phẩm theo nhiệm vụ của Tổng Giám đốc giao.
- Nhiệm vụ:
- Căn cứ vào kế hoạch của Công ty giao và tình hình thực tế của Công ty, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, quý, tháng trình Tổng Giám đốc duyệt.
 - Căn cứ vào kế hoạch đã được Tổng Giám đốc duyệt, tổ chức giao nhiệm vụ cho các Phòng, Ban, Phân xưởng, Đội, Trạm.
 - Theo dõi thống kê tình hình sản xuất hàng ngày, tổ chức họp điều độ sản xuất thường kỳ, đề kịp thời phát hiện và giải quyết những mất cân đối trong việc thực hiện kế hoạch.
 - Lập văn bản báo cáo sơ kết, tổng kết việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng, quý, năm để báo cáo Tổng Giám đốc và các báo cáo khác theo yêu cầu của Công ty.
 - Điều phối các hoạt động sản xuất kinh doanh trong Công ty trong trường hợp Ban Tổng Giám đốc vắng mặt.
 - Lập văn bản trình Tổng Giám đốc ký đề nghị Công ty điều chỉnh kế hoạch sản xuất, giá bán sản phẩm, phương án tiêu thụ...
 - Căn cứ kế hoạch sản xuất, sửa chữa, đầu tư hàng tháng, quý, năm. Trên cơ sở tiêu hao thực tế, định mức vật tư và yêu cầu vật tư, cân đối lượng vật tư tồn kho và số lượng cần dự phòng. Lập kế hoạch, đơn hàng vật tư gửi Công ty và các đơn vị có liên quan (định kỳ và đột xuất). Từng thời điểm có văn bản điều chỉnh kế hoạch hoặc đơn hàng để phù hợp với tình hình sản xuất (nếu có). Lập dự trữ vật tư, thiết bị, phụ tùng, vật liệu chủ yếu năm, tháng.
 - Tổ chức tiếp nhận mua, vận chuyển vật tư về Công ty theo tiến độ sản xuất.
 - Tổ chức sắp xếp vật tư hàng hóa trong kho, ngoài bãi có khoa học, theo từng chủng loại, quy cách, có treo bảng tên vật tư ghi đầy đủ chi tiết tên và quy cách vật tư, bảo quản tốt chất lượng hàng hóa vật tư tồn kho, bảo đảm an toàn theo quy định. Giám sát tình hình bảo quản sản phẩm trong kho bãi của Công ty để đảm bảo chất lượng sản phẩm.
 - Lập thẻ kho theo dõi vật tư, tồn kho hợp lý, thường xuyên cập nhật việc nhập, xuất, nắm chắc tồn kho để phục vụ sản xuất. Vật tư tồn kho phải có kiểm nghiệm đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật. Nhập và xuất vật tư phải lập phiếu ghi đầy đủ nội dung và các chữ ký theo quy định.
 - Cấp vật tư cho các đơn vị sử dụng kịp thời, đúng chất lượng, đủ số lượng. Thường xuyên phối hợp với Phòng Kỹ thuật-Cơ điện-An toàn và đơn vị sử dụng để quản lý việc sử dụng vật tư, kịp thời điều chỉnh hoặc thay đổi định mức phù hợp với tình trạng thiết bị được đầu tư.
 - Đối với các loại vật tư có trong định mức, cấp theo định mức, nếu cao hơn thì đơn vị sử dụng phải thuyết minh và Phòng Kỹ thuật - Cơ điện - An toàn duyệt đồng ý mới cấp.
 - Đối với các vật tư, phụ tùng sử dụng thường xuyên, Phòng Kế hoạch - Vật tư - Kinh doanh cần tìm nguồn, trình Tổng Giám đốc ký hợp đồng với các Công ty, đại lý cung ứng để đảm

bảo chất lượng ổn định, đáp ứng yêu cầu sản xuất.

- Đối với các loại vật tư dạng phụ tùng thay thế được cấp khi có ý kiến của đơn vị quản lý thiết bị và Trưởng Phòng Kỹ thuật - Cơ điện - An toàn. Khi mua đề cấp thì phải được Tổng Giám đốc duyệt.
- Những vật tư và phụ tùng mua ngoài (hay gia công ngoài) phải bảo đảm chất lượng yêu cầu (bản vẽ, thông số kỹ thuật), phải có ý kiến của Phòng Tài chính Kế toán về giá cả, phải có ý kiến của Tổng Giám đốc đối với các loại vật tư có giá trị lớn.
- Đối với các công trình kiến thiết cơ bản, sửa chữa lớn đầu tư chiều sâu, phải có dự trù vật tư được duyệt. Phòng Kế hoạch - Vật tư - Kinh doanh chuẩn bị vật tư cấp cho đơn vị thi công theo tiến độ, có sổ theo dõi riêng và quyết toán khi nghiệm thu công trình.
- Thực hiện nguyên tắc cấp mới thu cũ đối với các loại phụ tùng chi tiết thay thế, thu hồi phế liệu, phế phẩm ở các đơn vị. Phòng Kế hoạch - Vật tư - Kinh doanh quản lý các vật tư, phụ tùng thu hồi và có kế hoạch tái sử dụng.
- Lập kế hoạch vật tư, thiết bị, công cụ lao động theo kế hoạch hàng năm, để chủ động đáp ứng đầy đủ, kịp thời cho hoạt động sản xuất của Công ty.
- Thực hiện việc quản lý vật tư của Công ty theo đúng quy chế. Có trách nhiệm kiểm tra tình hình sử dụng vật tư ở tất cả các bộ phận trong Công ty, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả.
- Thực hiện chế độ báo cáo, quyết toán vật tư, nguyên nhiên liệu theo quy định của Công ty.
- Ban hành các biểu mẫu, sổ sách phục vụ việc quản lý vật tư các loại chứng từ, tài liệu nghiệp vụ đúng quy định.
- Lập báo cáo kết quả sản xuất, quyết toán sử dụng vật tư, xuất nhập tồn kho vật tư, sản phẩm, kiểm kê vật tư hàng hóa theo quy định của Công ty.
- Đẩy mạnh công tác Marketing, tham mưu cho Tổng Giám đốc về chiến lược tiêu thụ, chính sách giá cả, chiến lược sản phẩm, chiến lược phân phối... theo phân cấp quản lý của Công ty.
- Dự thảo các hợp đồng kinh tế: Mua vật tư, bán sản phẩm trình Tổng Giám đốc ký.
- Xem xét các đề nghị của các đơn vị về việc thực hiện kế hoạch sản xuất, sử dụng vật tư (điều chỉnh kế hoạch, tăng giảm số lượng, khen thưởng, phạt) báo cáo Tổng Giám đốc phê duyệt.
- Dự thảo các văn bản, quy phạm trong công tác nghiệp vụ trình Tổng Giám đốc, bồi dưỡng nghiệp vụ cho các nhân viên vật tư của các Phân xưởng.
- Bố trí lao động vệ sinh mặt bằng được Công ty phân công quản lý.
- Chủ trì giải quyết các khiếu nại của khách hàng.

(ii) Phòng Tài chính Kế toán

➤ Chức năng:

- Phòng Tài chính kế toán cung cấp thông tin kinh tế tài chính cho Tổng Giám đốc Công ty, giúp Tổng Giám đốc lập kế hoạch, tổ chức điều hành, kiểm tra và ra quyết định.
- Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính và lập báo cáo thực hiện kế hoạch tháng, quý, năm.

- Xây dựng kế hoạch và xác định nhu cầu vốn lưu động, huy động các nguồn vốn sẵn có đảm bảo nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh của Công ty.
- **Nhiệm vụ:**
- Thu thập và xử lý thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán, theo chuẩn mực và chế độ kế toán.
- Xây dựng kế hoạch huy động vốn trung, dài hạn, huy động kịp thời các nguồn vốn sẵn có vào hoạt động sản xuất kinh doanh, kế hoạch tạo lập và sử dụng các nguồn tài chính có hiệu quả, tăng cường tiết kiệm để hạ giá thành, tăng nhanh tích lũy nội bộ.
- Căn cứ vào chế độ của Nhà nước và quy định của ngành, Công ty để kiểm tra việc sử dụng tài sản, tiền vốn, kiểm tra việc chấp hành các quy định về dự toán, định mức chi phí trong sản xuất kinh doanh.
- Tổ chức tuần hoàn chu chuyển vốn, tổ chức thanh toán tiền kinh doanh, thu hồi công nợ. Quản lý chặt chẽ vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản và tổ chức thanh quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.
- Tham gia đàm phán, dự thảo các hợp đồng của Công ty và hướng dẫn kiểm tra các đơn vị trực thuộc trong công tác ký kết các hợp đồng kinh tế.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch trả nợ, thu nợ vay trung và dài hạn.
- Kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ; kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản; phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính kế toán.
- Phân tích thông tin, số liệu kế toán; tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của đơn vị.
- Cung cấp thông tin, số liệu kế toán theo quy định của pháp luật. Thực hiện các báo cáo trong lĩnh vực tài chính, tính thuế và nộp thuế theo quy định của Nhà nước.

(iii) Phòng Tổ chức Hành chính

➤ **Chức năng:**

Phòng TCHC có chức năng giúp Tổng Giám đốc Công ty xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện các mặt công tác chủ yếu sau:

- Công tác tổ chức sắp xếp bộ máy quản lý CBCNV, tuyển dụng lao động.
- Công tác quản lý lao động, định mức lao động, xây dựng và thi hành chế độ chính sách về tiền lương, thưởng và các chế độ của Người lao động đúng theo quy định của Luật lao động, Luật BHXH và các quy định khác có liên quan đến Người lao động.
- Đào tạo, nâng lương, nâng bậc cho CBCNV.
- Công tác văn thư, lưu trữ.
- Quản lý đội xe phục vụ nhu cầu công tác của CBCNV Công ty, trực cứu thương.
- Thực hiện các công tác hành chính quản trị, tổ chức phục vụ hội họp.
- Thực hiện chế độ ăn giữa ca, bồi dưỡng nặng nhọc độc hại cho CBCNV theo quy định của

Nhà nước và Công ty, nước uống cho CBCNV.

- Chăm sóc cây cảnh, vệ sinh khu vực văn phòng Công ty. Giặt đồ bảo hộ cho CBCNV Công ty.
- Quản lý trang bị các phương tiện dụng cụ văn phòng.
- Tổ chức các hoạt động văn thể mỹ cho CBCNV.
- Quản lý trạm y tế Công ty thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe cho Người lao động như: Sơ cấp cứu tai nạn lao động; khám sức khỏe định kỳ, bệnh nghề nghiệp; khám và cấp phát thuốc cho CBCNV; quản lý hồ sơ sức khỏe; kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm, lưu mẫu thực phẩm; tổ chức tuyên truyền phòng chống dịch bệnh...
- Tổ chức điều hành đội bảo vệ Công ty đảm bảo tình hình an ninh trật tự, bảo vệ an toàn tài sản của Công ty.
- Quản lý sân tennis, các đối tác thuê mặt bằng Công ty.
- Quản lý công tác công nghệ thông tin của Công ty.

➤ **Nhiệm vụ:**

- Quản trị nguồn nhân lực của Công ty; xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho sự phát triển lâu dài và bền vững của Công ty (nắm thông tin thị trường nguồn nhân lực, các cơ sở đào tạo; lập kế hoạch và triển khai chương trình đào tạo tháng, quý, năm; xây dựng chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích người lao động...).
- Căn cứ vào nhu cầu lao động lập kế hoạch nhân sự, kế hoạch tiền lương theo định mức lao động và đơn giá tiền lương sản phẩm đã ban hành.
- Kiểm tra việc thực hiện định mức lao động ở các đơn vị, có ý kiến kịp thời điều chỉnh những định mức không còn phù hợp hay lập định mức phát sinh.
- Báo cáo tổng hợp các số liệu về lao động, về tiền lương, về thu nhập trong các tháng theo yêu cầu cấp trên.
- Quyết toán lương, BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ.
- Xây dựng các quy chế, quy định để quản lý lao động như: Nội quy lao động, quy chế tuyển dụng điều động, quy chế quản trị hành chính văn phòng, quy chế đào tạo, quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng...
- Quản lý hồ sơ lý lịch CBCNV, giải quyết chế độ chính sách theo quy định của chính phủ và các cấp có thẩm quyền.
- Lập kế hoạch và tuyển dụng lao động; đào tạo, kèm cặp nâng bậc theo kế hoạch đã được duyệt. Giải quyết, bố trí lao động, cho nghỉ việc theo đúng chế độ chính sách.
- Tiếp nhận công văn đến, trình duyệt, vào sổ lưu, phân phối văn bản.
- Hướng dẫn các đơn vị lưu trữ, thực hiện các văn bản pháp quy.
- Thực hiện công tác khánh tiết, kiểm tra đối tác cung cấp suất ăn giữa ca cho CBCNV, dự trữ văn phòng phẩm, quản lý tài sản công, theo dõi thanh toán tiền điện thoại, bảo dưỡng thiết bị văn phòng...

- Chuẩn bị các báo cáo tổng hợp cho sơ kết tháng, quý; tổng kết năm, Đại hội cổ đông của Công ty.
- Ghi chép và theo dõi thực hiện kết luận của Tổng Giám đốc trong các cuộc họp sơ kết của Công ty.
- Thực hiện các thủ tục thay đổi giấy chứng nhận đầu tư, giấy đăng ký kinh doanh.
- Bố trí nhân lực quét dọn vệ sinh, chăm sóc cây xanh khu vực văn phòng, giặt đồ bảo hộ cho CBCNV Công ty.
- Quản lý việc cho thuê mặt bằng của Công ty.
- Thực hiện công tác quản lý và phát triển công nghệ thông tin trong Công ty.
- Tổ chức nghiên cứu và đề xuất các dự án Công nghệ thông tin nhằm đổi mới, hoàn thiện công tác vi tính hoá các hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh của Công ty và các đơn vị trực thuộc theo từng giai đoạn trình Giám đốc công ty xem xét, phê duyệt để đưa vào kế hoạch phát triển chung của Công ty.
- Lập kế hoạch, lên phương án phối hợp giữa các đơn vị liên quan trong toàn hệ thống để xây dựng, tổ chức triển khai những chương trình đã được phê duyệt.
- Xây dựng chương trình đào tạo Công nghệ thông tin chuẩn, thực hiện việc đào tạo tin học mọi lúc, mọi nơi dưới nhiều hình thức cho CBCNV trong toàn Công ty.
- Chịu trách nhiệm duy trì, phát triển hệ thống phần cứng máy chủ, hệ thống mạng LAN, WAN tại Công ty.
- Xây dựng, phát triển hệ thống website, đảm bảo tính chuyên nghiệp và hiệu quả của kênh thông tin này.
- Tổ chức, tham gia vào các hoạt động tuyên truyền, quảng bá thương hiệu của Công ty với các đối tác trong và ngoài nước, thông qua mạng Internet.
- Ủy viên thường trực Hội đồng khen thưởng kỷ luật Công ty là Trưởng Phòng TCHC.

(iv) Phòng Kỹ thuật - Cơ điện - An toàn

➤ Chức năng:

- Quản lý toàn bộ các thiết bị sản xuất chính và phụ trợ; nhà xưởng và hạ tầng kỹ thuật phương tiện vận tải, xe cơ giới của Công ty, các nguồn năng lượng phục vụ sản xuất, thiết bị dụng cụ đo lường (điện và áp lực, nhiệt độ, lưu lượng, cân đo).
- Kỹ thuật, công nghệ sản xuất.
- Tiến bộ kỹ thuật, tự chế thiết bị và thử nghiệm sản phẩm mới.
- Quản lý định mức tiêu hao vật tư năng lượng.
- Quản lý tiêu chuẩn sản xuất; tiêu chuẩn vật tư phụ tùng.
- Quản lý sáng kiến, cải tiến kỹ thuật.
- Kỹ thuật môi trường, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ; phòng chống thiên tai.

- Dự án đầu tư mới; đầu tư nâng cấp trang thiết bị.
- Xây dựng cơ bản, quy hoạch mặt bằng tổng thể của Công ty.
- Xây dựng phương án di dời của Công ty.
- Thường trực Ban thanh tra An toàn – Bảo hộ lao động Công ty, Hội đồng Bảo hộ lao động Công ty.
- Dự trù sửa chữa, bảo quản trang bị hiện có, trang thiết bị phục vụ cho công tác phòng cháy chữa cháy.
- Thực hiện công tác ISO của Công ty.
- Nhiệm vụ:
 - Quản lý toàn bộ thiết bị máy móc của Công ty về số lượng, chất lượng, bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa.
 - Quản lý và cung cấp sử dụng các nguồn năng lượng: Điện, nước, khí đốt, khí nén, Oxy... hợp lý và tiết kiệm. Lập kế hoạch nhu cầu điện, nước; sửa chữa trang thiết bị, hệ thống cung cấp điện nước...
 - Quản lý việc cấp phát đồ nghề, dụng cụ dùng cho sản xuất, sửa chữa. Trang bị thiết bị, đồ bảo hộ lao động, công cụ dụng cụ phòng cháy chữa cháy.
 - Quản lý tất cả các thiết bị đo đại lượng.
 - Cung cấp tài liệu kỹ thuật cho Phân xưởng. Theo dõi quy trình, quy định trong sản xuất, hỗ trợ Phân xưởng khắc phục sự cố về công nghệ và thiết bị. Nắm các thông tin về tình hình sản xuất, có ý kiến, biện pháp hỗ trợ xử lý sự cố, hoặc đề xuất Tổng Giám đốc các biện pháp giải quyết.
 - Nghiên cứu đề xuất thiết kế cải tạo, thử nghiệm sản xuất. Thiết kế, chế thử sản phẩm mới. Quản lý đề tài tiến bộ kỹ thuật theo phân cấp quản lý.
 - Nghiên cứu đề xuất, biện pháp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, xây dựng các định mức kỹ thuật, theo dõi chỉ đạo thực hiện nghiêm túc.
 - Nghiên cứu quy hoạch mặt bằng sản xuất, đầu tư chiều sâu.
 - Tổ chức xây dựng hoặc bổ sung quy trình công nghệ cho phù hợp với điều kiện sản xuất.
 - Phổ biến và tổ chức áp dụng nghiêm túc các tiến bộ khoa học kỹ thuật của Công ty, của ngành và của Nhà nước ban hành. Soạn thảo, xét duyệt các tiêu chuẩn cấp Công ty, tham gia xây dựng tiêu chuẩn cấp trên Công ty.
 - Hướng dẫn các vấn đề kỹ thuật có liên quan đến quản lý kho tàng. Đề xuất ý kiến sử dụng hợp lý các dạng phế phẩm của quá trình sản xuất.
 - Quản lý toàn diện công tác sáng kiến, sáng chế, phong trào Kaizen (đăng ký, công nhận, tổ chức áp dụng, khen thưởng...), xét sáng kiến định kỳ. Thường trực Hội đồng khoa học kỹ thuật và sáng kiến cải tiến kỹ thuật, bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác thi nâng bậc công nhân hàng năm.
 - Chủ trì biên soạn tài liệu về công nghệ, kỹ thuật để đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ tay nghề cho cán bộ công nhân viên.

- Công tác an toàn lao động - Vệ sinh lao động

(v) Phòng quản lý chất lượng

➤ Chức năng:

Phòng Quản lý chất lượng là cơ quan chức năng giúp Tổng Giám đốc quản lý chất lượng sản phẩm và bán sản phẩm của Công ty (theo dõi, kiểm tra đánh giá và điều chỉnh, đề xuất biện pháp để ổn định và nâng cao chất lượng thành phẩm và bán thành phẩm), thi hành pháp luật của Nhà nước, các quy định của các cơ quan cấp trên Công ty về công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm.

➤ Nhiệm vụ:

- Căn cứ vào tiêu chuẩn, điều kiện kỹ thuật, quy định của Công ty và của cấp trên, căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã ký kết mà kiểm tra chất lượng của thành phẩm, bán thành phẩm của Công ty. Ghi dấu kiểm tra và phân loại vào các sản phẩm đạt mức chất lượng quy định và chứng nhận tài liệu kèm theo sản phẩm.
- Loại các sản phẩm không đạt yêu cầu chất lượng khỏi chính phẩm và không cho phép xuất xưởng. Loại các bán thành phẩm không đạt yêu cầu kỹ thuật khỏi dây chuyền công nghệ kế tiếp sau.
- Lập và tổ chức thực hiện kế hoạch phấn đấu nâng cao chất lượng sản phẩm để sản phẩm Công ty được cấp dấu chất lượng Nhà nước.
- Căn cứ vào hợp đồng hoặc đơn đặt hàng hoặc tiêu chuẩn của Nhà nước mà kiểm tra chất lượng hàng xuất, theo dõi đóng gói, theo dõi ghi nhãn hiệu để lập phiếu kiểm tra chất lượng hàng xuất khỏi Công ty.
- Thống kê, phân tích các dạng xấu, hỏng của thành phẩm và bán thành phẩm của Công ty, những khiếu nại của khách hàng, đề xuất biện pháp khắc phục.
- Tham gia vào việc kiểm tra và giám định chất lượng các nguyên vật liệu, bán thành phẩm và đưa vào sản xuất theo yêu cầu của Tổng Giám đốc; tham gia lập biên bản khiếu nại đối với các mặt hàng nhập vào Công ty không đạt chất lượng.
- Xác lập quy trình, tổ chức và thực hiện đo kiểm tra thành phẩm và bán thành phẩm phù hợp với điều kiện của Công ty.
- Lập các báo cáo hàng tháng, hàng quý, hàng năm về chất lượng sản phẩm cho Tổng Giám đốc và cơ quan cấp trên.
- Tham gia nghiệm thu sản phẩm sản xuất thử, tham gia lập thủ tục xin duyệt sản xuất sản phẩm mới. Góp ý kiến cho các tiêu chuẩn ngành và tiêu chuẩn Nhà nước.
- Lập dự trù mua sắm trang thiết bị và mua sắm dụng cụ đo lường, kiểm tra, cân đo trong sản xuất. Lập kế hoạch và theo dõi đơn đốc thực hiện kế hoạch kiểm tra, kiểm định, sửa chữa thiết bị đo kiểm.
- Bố trí lao động dọn vệ sinh mặt bằng được Công ty phân công quản lý.
- Bồi dưỡng nâng cao trình độ tay nghề kiểm tra chất lượng cho CBCNV trong Phòng.

(vi) Phân xưởng sản xuất

➤ Chức năng:

- Tổ chức nhân lực, bố trí tác nghiệp để sản xuất các sản phẩm luyện, cán thép theo kế hoạch hàng ngày, tuần, tháng, hàng quý, năm của Công ty giao.
- Quản lý máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, nhà xưởng, lao động và chăm sóc đời sống cán bộ công nhân viên phân xưởng.
- Bố trí phương tiện vận tải phục vụ cho việc sản xuất của các phân xưởng, phục vụ công tác bán hàng của Công ty.
- Lập dự trù kế hoạch các vật tư, nguyên vật liệu, phụ tùng cần thiết để phục vụ cho việc tác nghiệp sản xuất của phân xưởng.
- Vệ sinh công nghiệp trong phạm vi mặt bằng của phân xưởng quản lý. Thực hiện công tác phòng chống cháy nổ trong phân xưởng.

➤ Nhiệm vụ:

- Tổ chức phân công bố trí các ca tổ sản xuất để khai thác tốt tiềm năng người và thiết bị. Điều phối nhịp nhàng giữa các ca tổ để đảm bảo sản xuất ổn định. Đồng thời phối hợp chặt chẽ với các phòng ban chức năng chủ động giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh trong sản xuất, đảm bảo sản xuất liên tục, ổn định.
- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nội quy, chế độ và tổ chức phổ biến quy trình, quy định đến từng CBCNV trong phân xưởng.
- Tổ chức và quản lý lao động của tất cả các ca tổ. Sử dụng tốt ngày, giờ công lao động, phân công đúng người, đúng việc. Phát huy tinh thần chủ động sáng tạo, khả năng nghề nghiệp của các thành viên trong Phân xưởng. Thực hiện nghiêm túc chỉ tiêu lao động và kỷ luật lao động.
- Quản lý tốt máy móc thiết bị, phương tiện vận tải của Phân xưởng: Thực hiện công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, thường xuyên theo dõi chuẩn hóa, cập nhật hóa, xây dựng kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng chế độ định kỳ, làm chủ máy móc thiết bị. Hạn chế tối đa hư hỏng, sử dụng tối ưu công suất thiết bị. Chủ động đề xuất và phối hợp với Phòng Kỹ thuật – Cơ điện – An toàn, Phòng Kế hoạch – Vật tư – Kinh doanh triển khai thực hiện các hạng mục đầu tư, sửa chữa lớn hàng năm.
- Quy hoạch mặt bằng các nhà xưởng, bãi đậu xe cơ giới của Công ty, kho chứa vật tư... đảm bảo trật tự ngăn nắp, khoa học, hợp lý, thuận tiện cho sản xuất, an toàn lao động, môi trường làm việc thông thoáng, sạch đẹp, đảm bảo sức khỏe và nâng cao hiệu suất công việc.
- Quản lý tốt các sản phẩm, phế phẩm, phế liệu, xăng dầu, vật tư tiêu hao, vật tư thu hồi... trên tinh thần triệt để tiết kiệm.
- Lập biên bản xử lý các sự cố thiết bị và công nghệ trong đơn vị. Tổng hợp và phân tích báo cáo tình hình sản xuất hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng ... của từng ca tổ để có cơ sở đưa ra những biện pháp quản lý hữu hiệu. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo.
- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quản lý theo Tiêu chuẩn chất lượng ISO trong Phân xưởng.
- Thực hiện tốt việc chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho CBCNV phân xưởng. Thực hiện công bằng hợp lý trong công tác lương, thường nhằm động viên khuyến khích CBCNV tích cực lao động sản xuất.

- Xây dựng đào tạo đội ngũ cán bộ kế cận, tạo nguồn cán bộ cho Phân xưởng và Công ty. Phân công bố trí người kèm cặp, nâng cao tay nghề cho lao động mới được tuyển dụng, lao động cần phải nâng cao tay nghề để đáp ứng tốt hơn yêu cầu công việc.
- Tổ chức triển khai phong trào thi đua phát huy sáng kiến, phong trào Kaizen, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất. Thực hiện tốt công tác tiết kiệm vật tư, xăng dầu, năng lượng, giữ gìn tốt thiết bị và các phương tiện vận tải.
- Thực hiện phòng cháy chữa cháy, bảo đảm an toàn người và tài sản.
- Bố trí lao động vệ sinh mặt bằng được Công ty phân công quản lý.
- Tạo điều kiện cho các tổ chức Đảng, Đoàn thể hoạt động đúng Pháp luật và quy định của Công ty.

(vii) Phân xưởng Cơ điện

➤ Chức năng:

- Tổ chức nhân lực, bố trí tác nghiệp để sản xuất các sản phẩm thép cán theo kế hoạch hàng ngày, tuần, tháng, hàng quý, năm của Công ty giao.
- Quản lý máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, nhà xưởng, lao động và chăm sóc đời sống cán bộ công nhân viên phân xưởng.
- Lập dự trù kế hoạch các vật tư, nguyên vật liệu, phụ tùng cần thiết để phục vụ cho việc tác nghiệp sản xuất của phân xưởng.
- Vệ sinh công nghiệp trong phạm vi mặt bằng của phân xưởng quản lý. Thực hiện công tác phòng chống cháy nổ trong phân xưởng.

➤ Nhiệm vụ

- Tổ chức phân công bố trí các ca tổ sản xuất để khai thác tốt tiềm năng người và thiết bị. Điều phối nhịp nhàng giữa các ca tổ để đảm bảo sản xuất ổn định. Đồng thời phối hợp chặt chẽ với các phòng ban chức năng chủ động giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh trong sản xuất, đảm bảo sản xuất liên tục, ổn định.
- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nội quy, chế độ và tổ chức phổ biến quy trình, quy định đến từng CBCNV trong phân xưởng.
- Tổ chức và quản lý lao động của tất cả các ca tổ. Sử dụng tốt ngày, giờ công lao động, phân công đúng người, đúng việc. Phát huy tinh thần chủ động sáng tạo, khả năng nghề nghiệp của các thành viên trong Phân xưởng. Thực hiện nghiêm túc chỉ tiêu lao động và kỷ luật lao động.
- Quản lý tốt máy móc thiết bị, phương tiện vận tải của Phân xưởng: Thực hiện công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, thường xuyên theo dõi chuẩn hóa, cập nhật hóa, xây dựng kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng chế độ định kỳ, làm chủ máy móc thiết bị. Hạn chế tối đa hư hỏng, sử dụng tối ưu công suất thiết bị. Chủ động đề xuất và phối hợp với Phòng Kỹ thuật – Cơ điện – An toàn, Phòng Kế hoạch – Vật tư – Kinh doanh triển khai thực hiện các hạng mục đầu tư, sửa chữa lớn hàng năm.
- Quy hoạch mặt bằng các nhà xưởng, kho chứa vật tư... đảm bảo trật tự ngăn nắp, khoa học, hợp lý, thuận tiện cho sản xuất, an toàn lao động, môi trường làm việc thông thoáng, sạch đẹp, đảm bảo sức khỏe và nâng cao hiệu suất công việc.

- Quản lý tốt các sản phẩm, phế phẩm, phế liệu, xăng dầu, vật tư tiêu hao, vật tư thu hồi... trên tinh thần triệt để tiết kiệm.
- Lập biên bản xử lý các sự cố thiết bị và công nghệ trong đơn vị. Tổng hợp và phân tích báo cáo tình hình sản xuất hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng... của từng ca tổ để có cơ sở đưa ra những biện pháp quản lý hữu hiệu. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo.
- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quản lý theo Tiêu chuẩn chất lượng ISO trong Phân xưởng.
- Thực hiện tốt việc chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho CBCNV phân xưởng. Thực hiện công bằng hợp lý trong công tác lương, thưởng nhằm động viên khuyến khích CBCNV tích cực lao động sản xuất.
- Xây dựng đào tạo đội ngũ cán bộ kế cận, tạo nguồn cán bộ cho Phân xưởng và Công ty. Phân công bố trí người kèm cặp, nâng cao tay nghề cho lao động mới được tuyển dụng, lao động cần phải nâng cao tay nghề để đáp ứng tốt hơn yêu cầu công việc.
- Tổ chức, triển khai phong trào thi đua phát huy sáng kiến, phong trào Kaizen, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất. Thực hiện tốt công tác tiết kiệm vật tư, xăng dầu, năng lượng, giữ gìn tốt thiết bị và các phương tiện vận tải.
- Thực hiện phòng cháy chữa cháy, bảo đảm an toàn người và tài sản.
- Bố trí lao động vệ sinh mặt bằng được Công ty phân công quản lý.
- Tạo điều kiện cho các tổ chức Đảng, Đoàn thể hoạt động đúng Pháp luật và quy định của Công ty.

4. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Công ty đại chúng

- Thông tin về công ty mẹ của VICASA: **Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP**
 - + Địa chỉ: Số 91 Láng Hạ, Phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
 - + Điện thoại: 84.4.38561767 Fax: 84.4.38561815
 - + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày lần đầu ngày 05/02/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 20/09/2024.
 - + Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nghiêm Xuân Đa** – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
 - + Vốn điều lệ: 6.780.000.000.000 đồng
 - + Hoạt động kinh doanh chính: Bán buôn kim loại và quặng kim loại: bán buôn quặng sắt và kim loại màu; bán buôn sắt thép và kim loại màu ở dạng nguyên sinh; bán buôn thành phẩm bằng sắt, thép và kim loại màu; cho thuê máy móc, thiết bị; cho thuê văn phòng; sản xuất sắt thép, các kim loại khác và các loại sản phẩm thép.
 - + Tỷ lệ nắm giữ và tỷ lệ biểu quyết tại VICASA : 65%
 - + VNS đầu tư góp vốn tại VICASA tính theo giá trị sổ sách là: 121.418.373.106 đồng.
- Thông tin về công ty con của VICASA : Không có

5. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty đại chúng theo quy định pháp luật: Căn cứ công văn số 4920/UBCK-PTTT ngày 05/08/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc Thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại CTCP Thép Vicasa - VNSTEEL, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại VICASA là 0%.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty đại chúng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty: Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ của VICASA không quy định tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty đại chúng hiện tại: Căn cứ danh sách cổ đông số 177/2025-VCA/VSDC-DK ngày 10/03/2025 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày 10/03/2025, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại VICASA là 0,13%.
- Khi thực hiện chuyển nhượng vốn tại VICASA thông qua phương thức bán đấu giá công khai theo lô cổ phần, nhà đầu tư nước ngoài sẽ không được tham gia đấu giá sẽ được nêu tại Bản cáo bạch của Tổng công ty Thép.

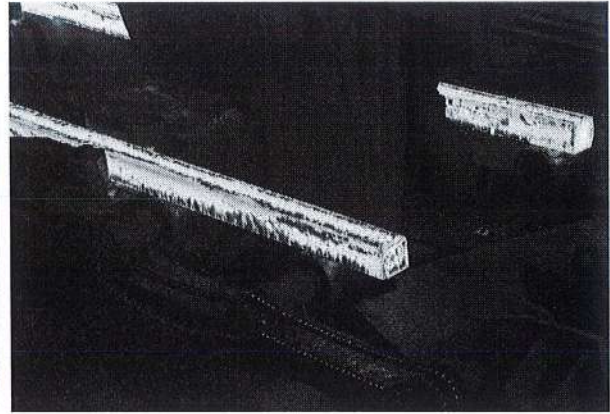
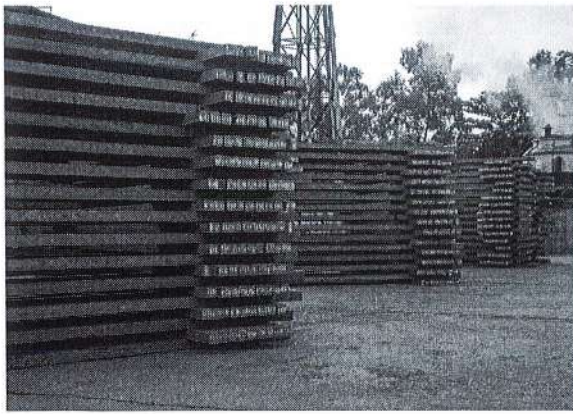
6. Hoạt động kinh doanh

Công ty Cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL tiền thân là Nhà máy Thép Biên Hòa được hình thành do sự góp vốn của 15 cổ đông và do một chủ người Việt gốc Hoa quản lý, điều hành với tên gọi ban đầu là VICASA. Nhà máy được khởi công xây dựng vào năm 1964 tại Khu Công nghiệp Biên Hòa I đến năm 1967 chính thức đi vào hoạt động sản xuất. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm: sản xuất thép cán và sản xuất phôi thép nên sản phẩm dịch vụ chính cũng là các sản phẩm thép.

6.1. Các sản phẩm kinh doanh tại thời điểm hiện tại:

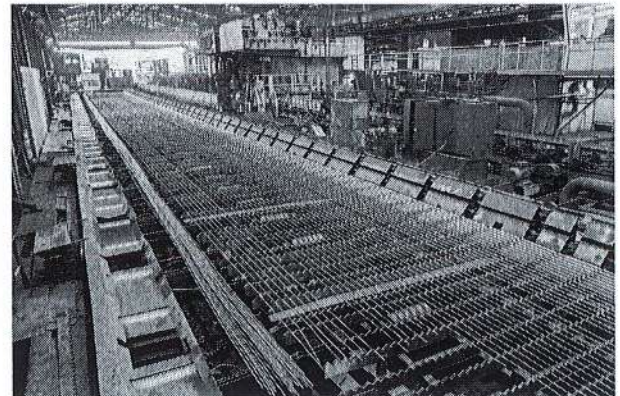
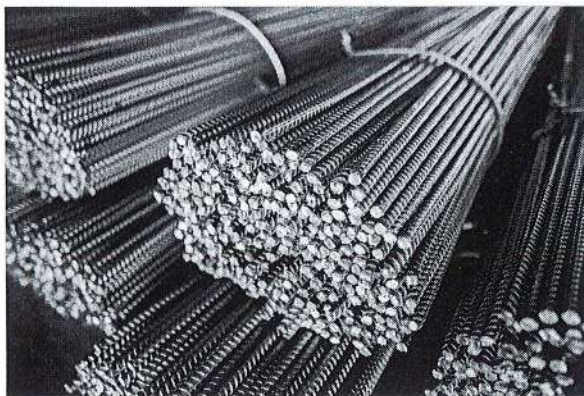
❖ Phôi thép

- Sản phẩm phôi thép dùng để sản xuất các loại thép cán nóng thông dụng.
- Thông số kỹ thuật:
 - + Chiều dài: 6m + 100mm
 - + Trọng lượng cây: ~670 kg
 - + Độ cong: 10mm/m Max, <=60mm/6m
 - + Độ lệch cạnh: 4mm
 - + Độ lệch đường chéo lớn nhất: ± 8mm



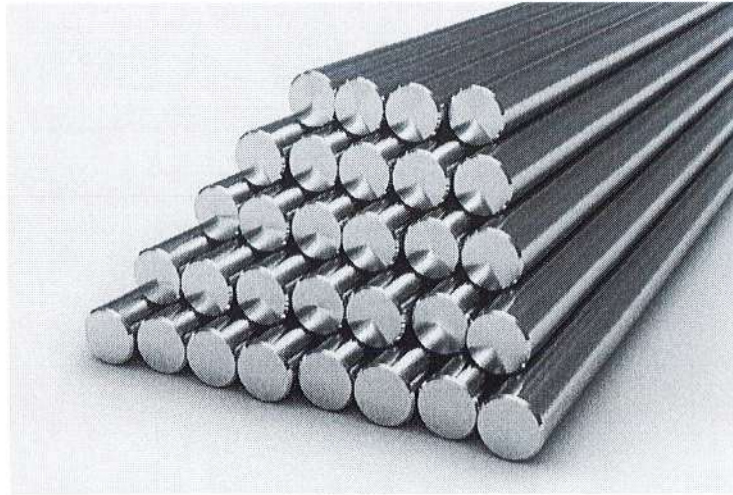
❖ Thép thanh vằn

- Sản phẩm thép thanh vằn ứng dụng rộng rãi trong mọi công trình xây dựng bê tông, cốt thép, nhà dân dụng, nhà công nghiệp, cao ốc văn phòng, cầu đường, các công trình thủy điện...
- Thông số kỹ thuật:
 - + Chung loại: D10, D12, D13, D14, D16, D18, D19, D20, D22, D25
 - + Chiều dài: 11,7m hoặc 12m
 - + Trọng lượng bó: ~2.500 kg
 - + Tiêu chuẩn: TCVN 1651-2-2018, JIS G3112-2020



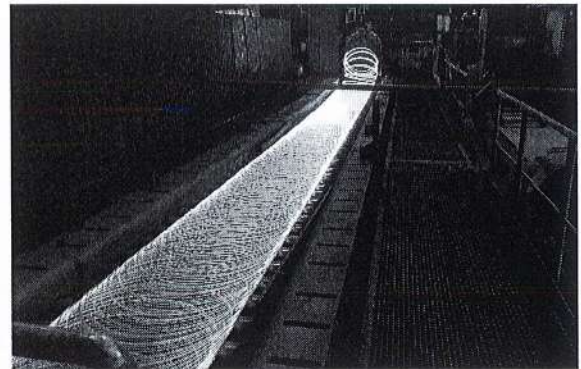
❖ Thép thanh trơn

- Thép thanh trơn sử dụng trong: Xây dựng kỹ thuật, xây dựng dân dụng, cơ sở hạ tầng khai thác mỏ, giao thông vận tải, cơ khí chế tạo.
- Thông số kỹ thuật:
 - + Chung loại: D10, D12, D14, D16, D18, D20, D25
 - + Chiều dài: 6m - 8m - 12m
 - + Trọng lượng bó: 1.300 kg ~ 2.500 kg

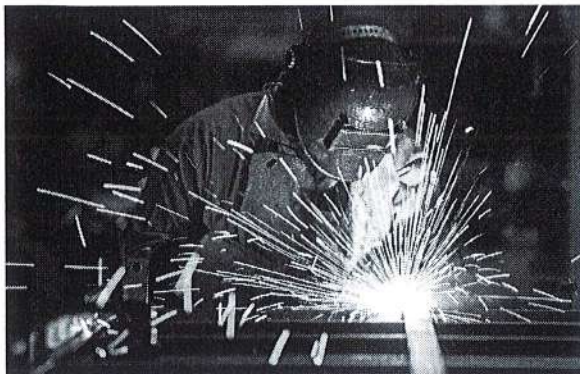


❖ Thép cuộn cốt bê tông

- Sản phẩm Thép cuộn cốt bê tông dùng trong xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, nhà cao tầng, cầu – đường...
- Thông số kỹ thuật:
 - + Kích thước: Đường kính: $\Phi 5.5\text{mm}$, $\Phi 6.0\text{mm}$, $\Phi 8.0\text{mm}$, $\Phi 10.0\text{mm}$, $\Phi 12.0\text{mm}$
 - + Trọng lượng bó: $\sim 2.000\text{ kg}$
 - + Tiêu chuẩn: TCVN 1651-1:2018



❖ Thép vật liệu ngành hàn



❖ Thép gia công công nghiệp

Sản phẩm thép gia công công nghiệp dùng trong sản xuất các vật liệu bulong, ốc vít; kéo dây thép lưới.



6.2. Thị trường hoạt động

Thị trường cung cấp sản phẩm dịch vụ của Công ty Cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL bao gồm: thị trường trong nước các khu vực miền Tây, miền Trung và xuất khẩu sang thị trường Campuchia.

6.3. Tình hình hoạt động kinh doanh

Bảng 1: Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 – 6 tháng đầu năm 2025

ST T	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm 2024/2023	30/06/2025
I	Sản xuất:					
1	Phôi thép	Tấn	124.953	103.498	-17,17%	64.622
2	Thép cán	Tấn	94.361	81.843	-13,27%	37.354
II	Tiêu thụ sản phẩm chính:					
1	Phôi thép	Tấn	29.795	19.183	-35,62%	29.092
2	Thép cán	Tấn	93.672	82.508	-11,92%	39.208
III	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.725	1.358	-21,28%	885
IV	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	9	1	-88,89%	3
V	Cổ tức	%	-	-	-	-

Kết quả sản xuất, tiêu thụ và lợi nhuận năm 2024 của Công ty không đạt chỉ tiêu Nghị quyết ĐHĐCĐ đã đề ra. Tuy nhiên, trong điều kiện kinh doanh rất khó khăn do nhiều yếu tố khách quan, đạt được kết quả trên là thành quả rất đáng ghi nhận, Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đã cố gắng duy trì sản xuất, đáp ứng đầy đủ, kịp thời chủng loại

sản phẩm cho thị trường, đồng thời cố gắng đảm bảo việc làm, ổn định đời sống cho người lao động.

7. Tình hình tài chính

7.1. Tình hình các khoản phải thu của Công ty giai đoạn 31/12/2023 – 30/06/2025

Bảng 2: Công nợ phải thu giai đoạn 31/12/2023 – 30/06/2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	55.223	63.446	109.564
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	54.106	63.153	109.168
2	Trả trước người bán ngắn hạn	925	181	245
3	Phải thu ngắn hạn khác	192	112	152
II	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
Tổng cộng		55.223	63.446	109.564

(Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2025 của VICASA)

7.2. Các khoản nợ phải trả của Công ty giai đoạn 31/12/2023 – 30/06/2025

Bảng 3: Các khoản nợ phải trả của Công ty giai đoạn 31/12/2023 – 30/06/2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
A	Nợ ngắn hạn	90.456	127.609	168.732
1	Phải trả cho người bán ngắn hạn	5.972	47.037	41.011
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	4.345	-	-
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	2.685	-	249
4	Phải trả người lao động	17.212	10.631	9.432
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	4.941	7.874	183
6	Phải trả ngắn hạn khác	1.314	1.474	2.179
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	49.286	60.434	115.626
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	4.702	-	-
9	Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	160	53
B	Nợ dài hạn	-	-	-
Tổng cộng		90.456	127.609	168.732

(Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2025)

của VICASA)

7.3. Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 30/06/2025

Bảng 4: Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 30/06/2025

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ giá trị còn lại/ Nguyên giá (%)
Tài sản cố định hữu hình	392.820	12.520	3,19
Nhà cửa, vật kiến trúc	60.860	208	0,05
Máy móc, thiết bị	289.406	10.720	2,73
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	34.109	1.141	0,29
Thiết bị, dụng cụ quản lý	8.445	451	0,11
Tài sản cố định vô hình	-	-	-
Tổng cộng	392.820	12.520	3,19

(Nguồn: BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2025 của VICASA)

7.4. Nguồn vốn

Bảng 5: Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 31/12/2023 - 30/06/2025

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
1	Tổng tài sản	282.650	319.965	362.951
2	Vốn chủ sở hữu	192.194	192.356	194.219
3	Nợ ngắn hạn	90.456	127.609	168.732
4	Nợ dài hạn	-	-	-

(Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2025 của VICASA)

8. Kết quả hoạt động kinh doanh

Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của VICASA trong giai đoạn từ năm 2023 đến 6 tháng đầu năm 2025, cụ thể:

Bảng 6: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 - 6 tháng đầu năm 2025

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm 2024/2023	6 tháng đầu năm 2025
1	Tổng tài sản	282.650	319.965	13,20%	362.951
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.724.963	1.357.758	(21,28%)	884.524

TT	Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm 2024/2023	6 tháng đầu năm 2025
3	Giá vốn hàng bán	1.668.539	1.328.119	(20,40%)	864.916
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	8.852	1.047	(88,17%)	2.901
5	Thu nhập khác	90	-	-	-
6	Lợi nhuận khác	90	-	-	(335)
7	Lợi nhuận trước thuế	8.942	1.047	(88,29%)	2.566
8	Lợi nhuận sau thuế	7.291	1.037	(85,78%)	1.966
9	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-
10	Tỷ lệ cổ tức	-	-	-	-

(Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2025 của VICASA)

- Các chỉ tiêu khác: Không có.
- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có.

9. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 7: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty năm 2023 và năm 2024

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần) (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	2,70	2,31
+ Hệ số thanh toán nhanh (lần) (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,84	0,78
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ (Nợ phải trả)/ Tổng tài sản (lần)	0,32	0,40
+ Hệ số Nợ (Nợ phải trả)/ Vốn chủ sở hữu (lần)	0,47	0,66
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
+ Vòng quay hàng tồn kho (vòng) (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	9,17	7,32
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân (lần)	5,27	4,51
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (%)	0,42%	0,08%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (%)	3,87%	0,54%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (%)	2,23%	0,34%
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần (%)	0,51%	0,08%
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	480	68

(Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã được kiểm toán của VICASA)

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có.

10. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty đại chúng

10.1. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2023

“Báo cáo tài chính được kiểm toán số 200224.001/BCTC.HCM:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

10.2. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2024

“Báo cáo tài chính được kiểm toán số 050325.001/BCTC.HCM:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

10.3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính soát xét năm 2025

“Báo cáo tài chính được kiểm toán số 140725.001/BCTC.HCM:

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 01 và Thuyết minh số 31 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, nhà máy của Công ty nằm trong phạm vi quy hoạch chuyển đổi công năng Khu Công nghiệp Biên Hòa 1 thành Khu Đô thị – Thương mại – Dịch vụ theo Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 22/02/2012 và Thông báo số 438/TB-UBND ngày

11/04/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai và UBND thành phố Biên Hòa. Ngoài ra, theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1515/QĐ-XPHC ngày 09/05/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai, Công ty bị đình chỉ hoạt động trong 3,75 tháng do chưa có giấy phép môi trường và buộc phải di dời toàn bộ cơ sở sản xuất trước ngày 01/12/2025. Đến thời điểm soát xét, Công ty đã tạm ngừng hoạt động sản xuất tại lò luyện thép và sản cán thành phẩm. Những sự kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục soát xét cần thiết nhưng chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng phù hợp để đánh giá việc Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp hay không.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ”.

11. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	
		Giá trị	% tăng giảm so với 2024
Doanh thu thuần (*)	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế	1.037	4.000	285,73%
Vốn chủ sở hữu (**)	-	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (%)	-	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế /VCSH (%)	-	-	-
Cổ tức (%)	-	-	-

➤ (Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 số 03/NQ-ĐHĐCĐ-VCA ngày 09/04/2025 của Công ty)

(*) (**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 số 03/NQ-ĐHĐCĐ-VCA ngày 09/04/2025 không thông qua chỉ tiêu doanh thu thuần và vốn chủ sở hữu.

Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch: Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Căn cứ để đặt kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên: Năm 2025 dự báo tình hình SXKD của ngành thép nói chung và Công ty còn gặp nhiều khó khăn trong việc sản xuất và tiêu thụ sản

phẩm. Công ty phải chuẩn bị công tác đầu tư di dời theo chủ trương của Tỉnh Đồng Nai (tìm kiếm vị trí mới phù hợp và vốn đầu tư di dời,...). Do vậy, ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 ủy quyền cho Hội đồng quản trị VICASA căn cứ diễn biến thực tế của thị trường để điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất – kinh doanh – lợi nhuận phù hợp với tình hình thực tế.

Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức: Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý để đưa ra các đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức của Công ty Cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL. Trong bối cảnh ngành thép vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức, đặc biệt là ở khâu tiêu thụ sản phẩm, và Công ty đang trong quá trình chuẩn bị cho hoạt động đầu tư di dời theo chủ trương của Tỉnh Đồng Nai (bao gồm việc tìm kiếm địa điểm phù hợp và vốn đầu tư di dời). Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam cho rằng kế hoạch về sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức của Công ty trong năm 2025 là có cơ sở và có thể đạt được, nếu không phát sinh các yếu tố bất khả kháng ảnh hưởng lớn đến thị trường hoặc hoạt động vận hành.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam xin nhấn mạnh rằng, các ý kiến đánh giá nêu trên được đưa ra dưới góc độ tư vấn, trên cơ sở nghiên cứu về tình hình hoạt động sản xuất – tài chính của Công ty Cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL, cũng như triển vọng của ngành thép và nền kinh tế Việt Nam trong năm 2025, và không hàm ý đảm bảo giá trị cổ phiếu hay sự chắc chắn của các số liệu dự báo. Những đánh giá trên đây của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

12. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh
1. Ông	Nguyễn Phú Dương	Chủ tịch HĐQT
2. Ông	Ngô Tiến Thọ	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc.
3. Ông	Hoàng Ngọc Chiến	Thành viên HĐQT
4. Ông	Nguyễn Bảo Giang	Thành viên HĐQT
5. Ông	Dương Văn Hà	Thành viên HĐQT

➤ Ông Nguyễn Phú Dương - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên: **Nguyễn Phú Dương**
 Ngày sinh: 13/09/1977
 Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 031077006553; Ngày cấp: 25/04/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội
 Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực Kỹ sư Khai thác mỏ, Thạc sỹ Quản trị Kinh Doanh
chuyên môn:

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ
Từ 11/1999 - 05/2005:	Nhân viên Kỹ thuật – An toàn. Xí nghiệp khai thác khoáng sản Công ty Đông Bắc – Bộ Quốc phòng (nay là Công ty TNHH Khai thác khoáng sản thuộc Tổng Công ty Đông Bắc – Bộ Quốc phòng);
Năm 2004:	Phó trưởng phòng Kỹ thuật – An Toàn. Xí nghiệp khai thác khoáng sản Công ty Đông Bắc – Bộ Quốc phòng;
Từ 05/2005 - 10/2005:	Trợ lý phòng Kỹ thuật sản xuất. Tổng Công ty Đông Bắc – Bộ Quốc phòng;
Từ 11/2005 - 04/2007:	Trưởng Phòng Kỹ thuật – An toàn. Công ty Khai thác khoáng sản Tây Nguyên thuộc Tổng Công ty Đông Bắc – Bộ Quốc phòng;
Từ 04/2007 - 12/2010:	Phó Tổng Giám đốc. Công ty cổ phần Alumin Nhân Cơ – KTV thuộc tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam; Kiêm Trưởng ban quản lý dự án Cụm Công nghiệp Nhân Cơ giai đoạn 1, Phó Trưởng ban quản lý dự án Nhà máy sản xuất Alumin Nhân Cơ;
Từ 12/2010 - 12/2015:	Giám đốc. Công ty Xây lắp Môi trường Nhân Cơ – Vinacomin thuộc Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam;
Từ 12/2015 - 09/2020:	Phó Giám đốc. Công ty Nhôm Đăk Nông – TKV thuộc tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam; Thành viên HĐQT Công ty CP Xây lắp Môi trường Nhân Cơ - TKV ;
Từ 09/2020 - 10/2023:	Phó Tổng Giám đốc VNS; Thành viên HĐQT - kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung;
Từ 10/2023 - 06/2025:	Phó Tổng Giám đốc VNS; Phó Chủ tịch Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung;
Từ 04/2025 - nay:	Phó Tổng Giám đốc VNS; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thép VICASA-VNSTEEL .

Chức vụ tại VICASA: Chủ tịch HĐQT

Chức vụ tại tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc VNS

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VICASA của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan, cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: 3.796.875 cổ phiếu, chiếm 25% vốn điều lệ.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Năm 2023	Năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
-	-	-

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Các khoản nợ đối với VICASA: Không có

➤ **Ông Ngô Tiến Thọ - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Ngô Tiến Thọ**

Ngày sinh: 21/06/1979

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 027079011346, Ngày cấp: 22/09/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Kỹ sư luyện kim đen, Cử nhân ngôn ngữ Anh, Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ
Từ 07/2002 - 06/2003:	Kỹ sư luyện kim. Nhà máy Thép Thủ Đức
Từ 07/2003 - 10/2004:	Kỹ sư luyện kim. Ban Quản lý dự án Nhà máy Thép Phú Mỹ
Từ 11/2004 - 12/2007:	Kỹ sư luyện kim. Công ty thép Miền Nam
Từ 01/2008 - 03/2014:	Phó Quản đốc Phân xưởng Luyện thép. Công ty Thép Miền Nam
Từ 04/2014 - 02/2015:	Giám đốc công nghệ chất lượng. Công ty TNHH VNS-DAEWOO
Từ 01/2016 - 12/2016:	Giám đốc công nghệ sản xuất. Công ty TNHH VNS-DAEWOO
Từ 01/2017 - 02/2017:	Trợ lý Tổng Giám đốc. Công ty CP Thép VICASA-VNSTEEL
Từ 03/2017 - 04/2017:	Phó Quản đốc Phân xưởng Luyện thép. Công ty CP Thép VICASA-VNSTEEL
Từ 05/2017 - 07/2017:	Quyền Quản đốc Phân xưởng Luyện thép. Công ty CP Thép VICASA-VNSTEEL
Từ 08/2017 - 04/2020:	Quản đốc Phân xưởng Luyện thép. Công ty CP Thép VICASA-VNSTEEL
Từ 05/2020 - 03/2023:	Phó Tổng Giám đốc. Công ty CP Thép VICASA - VNSTEEL
Từ 04/2023 - 09/2023:	Phó Tổng Giám đốc, Công ty TNHH Thép Vinakyoei
Từ 10/2023 - 10/2024:	Phó Tổng Giám đốc thứ nhất, Thành viên HĐQT Công ty TNHH Thép Vinakyoei.

Từ 08/2024 - đến nay:	Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT Công ty CP Thép VICASA-VNSTEEL; Thôi giữ chức vụ Thành viên HĐQT Công ty TNHH Thép Vinakyoei từ tháng 4/2025.
-----------------------	---

Chức vụ tại VICASA: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc.

Chức vụ tại tổ chức khác: Không.

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VICASA của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan, cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: 2.278.125 cổ phiếu, chiếm 15% vốn điều lệ.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Năm 2023	Năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
192.023.857 đồng	168.245.000 đồng	306.500.000 đồng

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Các khoản nợ đối với VICASA: Không có

➤ **Ông Hoàng Ngọc Chiến - Thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và tên: Hoàng Ngọc Chiến

Ngày sinh: 05/3/1976

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001076015967, Ngày cấp: 18/11/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân Luật, ngành Luật kinh tế; Cử nhân quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ
Từ 01/1999 - 14/7/2003:	Cán bộ Phòng TCHC Công ty kinh doanh Thép và vật tư Hà Nội thuộc Tổng công ty Thép Việt Nam
Từ 2001 - T3/2007:	Ủy viên Thường vụ Đoàn thanh niên Cơ quan Bộ Công nghiệp.
Từ 15/7/2003 - 15/5/2007:	Cán bộ Phòng Thanh tra Pháp chế Tổng công ty Thép Việt Nam
Từ 15/5/2007- 31/5/2008:	Chuyên viên tổng hợp Văn phòng
Từ 15/7/2007 - 14/6/2014:	Thư ký Chủ tịch Hội đồng quản trị
Từ 10/2007 - T8/2010:	Phó Chủ nhiệm Ủy Ban kiểm tra Đảng ủy Tổng công ty.

Từ 01/6/2008 - 30/9/2013:	Phó Chánh Văn phòng Tổng công ty, kiêm thư ký Chủ tịch Hội đồng quản trị
Từ 15/7/2010 - 30/11/2016:	Thành viên Hội đồng thành viên Công ty Vật liệu chịu lửa Nam Ưng
Từ 01/10/2013 – 05/2015:	Trưởng Ban Thư ký Tổng công ty
Từ 01/6/2015 - 30/6/2015:	Phó Chánh Văn phòng Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP
Từ 01/7/2015 - 31/8/2015:	Phó Chánh Văn phòng phụ trách chung Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP
Từ 01/9/2015 - 15/02/2017:	Chánh Văn Phòng Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP
Từ 5/2015 - T8/2020:	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Tổng công ty
Từ 01/01/2015 - 01/11/2017:	Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam
Từ 01/4/2015 - 15/3/2017:	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội
Từ 15/02/2017 - 15/3/2021:	Trưởng Ban Thư ký Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP
Từ 15/3/2017 - T6/2020:	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương Việt Nam
Từ 15/10/2017 - 14/01/2022:	Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Nippovina
Từ 20/6/2020 - 07/01/2022:	Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Cảng Quốc tế Thị Vải
Từ 16/3/2021 - 15/3/2024:	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội – VNSTEEL
Từ 15/3/2024 – nay:	Trưởng Ban Pháp chế Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP
Từ 15/3/2024 – nay:	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL
Từ 12/2024- T.6/2025	Thành viên HĐQT Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung
Từ 06/2025 – đến nay	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung
Từ 05/04/2024 - nay	Thành viên HĐQT VICASA

Chức vụ tại VICASA:

Thành viên HĐQT

Chức vụ tại tổ chức khác:

Trưởng ban Pháp chế Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP;
Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội – VNSTEEL; Phó Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung.

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VICASA của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan, cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: 1.518.750 cổ phiếu, chiếm 10% vốn điều lệ.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Năm 2023	Năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
-	24.000.000 đồng	24.000.000 đồng

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Các khoản nợ đối với VICASA: Không có

➤ **Ông Nguyễn Bảo Giang - Thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và tên: **Nguyễn Bảo Giang**

Ngày sinh: 16/01/1976

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001076057422, Ngày cấp: 03/08/2022, Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ
Từ năm 1998 – 2008:	Giám đốc Công ty TNHH An Hưng Tường
Từ 2009 - 10/01/2019:	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH An Hưng Tường
Từ 13/12/2019	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần thép VAS An Hưng Tường
Từ 29/04/2020 đến nay:	Chủ tịch Công ty TNHH MTV Thép VAS An Hưng Tường
Từ 2010 đến nay:	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thép VAS Tuệ Minh
Từ 12/2007 đến nay:	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn VAS Nghi Sơn
Từ 27/02/2012 đến nay:	Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Nhân Lạc
Từ 15/05/2008 đến nay:	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thép Tân Thuận
Từ 18/02/2022 đến nay:	Chủ tịch Công ty TNHH Bất Động Sản VAS
Từ 07/03/2022 đến nay:	Chủ tịch Công ty TNHH MTV Thép VAS Việt Mỹ
Từ 01/2013 đến nay:	Chủ tịch Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nghi Sơn
Từ năm 2008 đến nay:	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thép Đà Nẵng
Từ năm 2007 đến nay:	Thành viên HĐQT VICASA

Chức vụ tại VICASA:	Thành viên HĐQT
Chức vụ tại tổ chức khác:	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thép Đà Nẵng Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thép Tân Thuận Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thép VAS Tuệ Minh Chủ tịch HĐQT Công Ty Cổ Phần Tập đoàn VAS Nghi Sơn Chủ tịch Công ty TNHH MTV Thép VAS An Hưng Tường Chủ tịch Công ty TNHH MTV Thép VAS Việt Mỹ Chủ tịch Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nghi Sơn Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Nhân Lạc Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Bất Động Sản VAS

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VICASA của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan, cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: 1.084.629 cổ phiếu, chiếm 7,14% vốn điều lệ.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Năm 2023	Năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
48.000.000 đồng	60.000.000 đồng	24.000.000 đồng

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Các khoản nợ đối với VICASA: Không có

➤ **Ông Dương Văn Hà - Thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và tên: **Dương Văn Hà**
 Ngày sinh: 08/06/1985
 Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001085049234, Ngày cấp: 25/02/2025; Nơi cấp: Bộ Công An
 Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Kỹ sư xây dựng, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.
 Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ
Từ 12/2009 - 12/2013:	Chuyên viên, Tổ trưởng Tổ đấu thầu - Phòng Kinh tế Thị trường Công ty CP Cơ khí và Xây dựng thuộc Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội;

Từ 01/2014 - 12/2014:	Đội trưởng Đội Xây dựng số 6. Công ty CP cơ khí và Xây dựng thuộc Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội;
Từ 01/2015 - 11/2023:	Giám đốc Công ty TNHH Phát triển Kiến trúc Việt Nam;
Từ 12/2023 - nay:	Chuyên viên Ban Kỹ thuật Đầu tư. Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP;
Từ 04/2025 - nay:	Thành viên HĐQT - Công ty CP Thép Vicasa-Vnsteel

Chức vụ tại VICASA: Thành viên HĐQT

Chức vụ tại tổ chức khác: Chuyên viên Ban Kỹ thuật Đầu tư VNS

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VICASA của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan, cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: 2.278.125 cổ phiếu, chiếm 15% vốn điều lệ.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Năm 2023	Năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
-	-	-

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Các khoản nợ đối với VICASA: Không có

12.2. Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh
1. Bà	Ngô Thị Minh Nguyệt	- Trưởng Ban Kiểm soát
2. Ông	Nguyễn Bạch Đường	- Thành viên Ban Kiểm soát
3. Ông	Đặng Minh Đức	- Thành viên Ban Kiểm soát

➤ Bà Ngô Thị Minh Nguyệt – Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên: Ngô Thị Minh Nguyệt

Ngày sinh: 01/09/1979

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 037179004825; Ngày cấp: 24/04/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế Bưu chính Viễn thông, Cử nhân Kế toán

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ
--------------------	----------------------------

Từ 10/2001 - 08/2009:	Kế toán tại Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Liên Minh;
Từ 09/2009 - 03/2016:	Kế toán tại Công ty CP TVXD và TM Điện 1;
Từ 09/2017 - 08/2023:	Kế toán tại Công ty CP TVXD và TM Điện 1;
Từ 04/2016 - 08/2017:	Kế toán trưởng Công ty CP MHD Hà Nội;
Từ 05/2022 - 03/2023:	Kế toán trưởng Công ty CP Quốc tế Adamas Group;
Từ 09/2023 - 09/2024:	Kế toán tại Công ty CP Kim Khí Hà Nội – VNSTEEL;
Từ 10/2024 – nay:	Chuyên viên ban Tài chính Kế toán – Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP;
Từ 04/2025 – nay:	Trưởng Ban kiểm soát – Công ty CP Thép VICASA - VNSTEEL

Chức vụ tại VICASA: Trưởng Ban Kiểm soát

Chức vụ tại tổ chức khác: Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán VNS

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VICASA của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan, cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

- Sở hữu của người có liên quan: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Năm 2023	Năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
-	-	-

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Các khoản nợ đối với VICASA: Không có

➤ **Ông Nguyễn Bạch Đường – Thành viên Ban Kiểm soát**

Họ và tên: Nguyễn Bạch Đường

Ngày sinh: 17/11/1971

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 042071000234, Ngày cấp 12/01/2022 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Kỹ sư Gia công áp lực

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ
Từ 10/1994 - 10/1996:	Kỹ sư thực tập tại Phân xưởng Cán;

Từ 11/1996 – 5/2017:	Kỹ thuật viên tại Phân xưởng Cán;
Từ 06/2017 – nay:	Phó Quản đốc Phân xưởng Cán;
Từ 04/2021 - nay:	Thành viên Ban kiểm soát - Công ty CP Thép Vicasa-Vnsteel

Chức vụ tại VICASA: Phó Quản đốc Phân xưởng Cán; Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ tại tổ chức khác: Không

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VICASA của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan, cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 1.462 cổ phần, chiếm 0,0096% vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

- Sở hữu của người có liên quan: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Năm 2023	Năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
358.985.646 đồng	341.411.398 đồng	175.877.368 đồng

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Các khoản nợ đối với VICASA: Không có

➤ **Ông Đặng Minh Đức – Thành viên Ban Kiểm soát**

Họ và tên: **Đặng Minh Đức**

Ngày sinh: 01/01/1987

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001087051536, Ngày cấp: 24/7/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ
Từ 11/2011 - 09/2022:	Trợ lý Tổng Giám đốc, Trưởng đoàn Kiểm toán tại Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam;
Từ 09/2022 - nay:	Thư ký Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP;
Từ 04/2023 - nay:	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Thép VICASA-VNSTEEL

Chức vụ tại VICASA: Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ tại tổ chức khác: Thư ký Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VICASA của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan, cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Năm 2023	Năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
18.000.000 đồng	42.000.000 đồng	18.000.000 đồng

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Các khoản nợ đối với VICASA: Không có

12.3. Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

STT	Họ và tên	Chức danh
1. Ông	Ngô Tiến Thọ	- Tổng Giám đốc
2. Ông	Vũ Hồng Khanh	- Phó Tổng Giám đốc
3. Ông	Nguyễn Quyết Chiến	- Phó Tổng Giám đốc
4. Bà	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	- Phụ trách kế toán Công ty

➤ Ông Ngô Tiến Thọ - Tổng Giám đốc

Ông Ngô Tiến Thọ – Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty (Xem Mục 12.1 Thành viên Hội đồng quản trị).

➤ Ông Nguyễn Quyết Chiến - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Nguyễn Quyết Chiến**

Ngày sinh: 15/04/1965

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 038065004861, Ngày cấp: 14/08/2022, Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Kỹ sư cán thép

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ
Từ 09/1987 - 01/2008:	Kỹ sư cán thép Phòng Kỹ thuật - Cơ Điện - An Toàn Công ty CP Thép Biên Hòa;
Từ 02/2008 - 06/2014:	Phó quản đốc Phân xưởng Cán thép Công ty CP Thép Biên Hòa;

Từ 07/2014 - 03/2017:	Quản đốc Phân xưởng Cán thép Công ty CP Thép VICASA-VNSTEEL;
Từ 04/2017 – 05/2024:	Trưởng Phòng Kỹ thuật - Cơ Điện - An Toàn Công ty CP Thép VICASA-VNSTEEL;
Từ 03/06/2024 – nay:	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP thép Vicasa-Vnsteel

Chức vụ tại VICASA: Phó Tổng giám đốc

Chức vụ tại tổ chức khác: Không

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VICASA của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan, cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 2.250 cổ phần, chiếm 0,015% vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

- Sở hữu của người có liên quan: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Năm 2023	Năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
400.342.000 đồng	416.782.000 đồng	272.221.000 đồng

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Các khoản nợ đối với VICASA: Không có

➤ **Ông Vũ Hồng Khanh - Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: Vũ Hồng Khanh

Ngày sinh: 23/9/1968

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 019068000279, Ngày cấp: 25/03/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Kỹ sư điện

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ
Từ 08/1988 - 08/1990:	Công nhân sửa chữa điện lò luyện thép - Nhà máy Thép Biên Hòa;
Từ 09/1990 - 09/1992:	Chiến sỹ Phòng cảnh sát Bảo vệ Công an Tỉnh Đồng Nai;
Từ 09/1992 - 03/2008:	Công nhân sửa chữa điện lò luyện thép - Công ty cổ phần Thép Biên Hòa;
Từ 04/2008 - 01/2011:	Phó Quản đốc Phân xưởng luyện thép - Công ty cổ phần Thép Biên Hòa;
Từ 01/2011 - 02/2011:	Phó Phòng Tổ chức Hành chính. Công ty cổ phần Thép Biên Hòa;

Từ 02/2011 - 02/6/2024:	Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính. Công ty cổ phần Thép Vicasa – Vnsteel;
Từ 03/6/2024 đến nay:	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP thép Vicasa-Vnsteel

Chức vụ tại VICASA: Phó Tổng giám đốc

Chức vụ tại tổ chức khác: Không

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VICASA của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan, cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 2.137 cổ phần, chiếm 0,014% vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

- Sở hữu của người có liên quan: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Năm 2023	Năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
393.998.200 đồng	429.893.500 đồng	264.726.000 đồng

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Các khoản nợ đối với VICASA: Không có

➤ Bà Trương Thị Kim Anh – Kế toán trưởng (miễn nhiệm từ 20/10/2024, hiện tại chưa có Kế toán trưởng mới)

➤ Bà Nguyễn Thị Ngọc Thanh – Phụ trách kế toán Công ty

Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc Thanh

Ngày sinh: 22/12/1986

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 083186016247, Ngày cấp: 06/08/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân kế toán kiểm toán

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ
Từ 02/2011 – 09/2024	Chuyên viên phòng Tài chính kế toán - Công ty cổ phần Thép Vicasa - Vnsteel
Từ 10/2024 – nay	Phó phòng Tài chính kế toán - Công ty cổ phần Thép Vicasa – Vnsteel Phụ trách kế toán Công ty - Công ty cổ phần Thép Vicasa - Vnsteel

Chức vụ tại VICASA: Phó phòng tài chính kế toán – Phụ trách kế toán Công ty

Chức vụ tại tổ chức khác: Không

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VICASA của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan, cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Sở hữu của người có liên quan:

Chồng là Hồ Duy Khải – Người phụ trách quản trị công ty kiêm thư ký HĐQT, Trưởng Phòng TCHC.

Sở hữu cá nhân: 337 cổ phần, chiếm 0,002% vốn điều lệ

Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Năm 2023	Năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
183.578.563 đồng	226.286.000 đồng	148.078.494 đồng

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Các khoản nợ đối với VICASA: Không có

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty đại chúng có cổ phiếu được chào bán

- Quyết định số 324/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ngày 05/02/2024 về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Khu công nghiệp Biên Hòa 1 thành Khu đô thị - thương mại - dịch vụ và cải thiện môi trường. Theo đó, Công ty nằm trong diện di dời giai đoạn 2, hoàn thành trước tháng 12/2025.

- Thông báo số 438/TB-UBND, ngày 11/4/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Biên Hòa về việc Thu hồi đất để thực hiện Dự án Chuyển đổi Khu công nghiệp Biên Hòa 1 thành Khu đô thị - thương mại - dịch vụ và cải thiện môi trường, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đối với VICASA.

- Quyết định số 2105/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ngày 22/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung Đề án chuyển đổi Khu Công nghiệp Biên Hòa 1 thành Khu đô thị - thương mại - dịch vụ và cải thiện môi trường phê duyệt kèm theo Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 05/2/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Ngày 23/5/2025, Công ty đã nhận được Quyết định số 1515/QĐ-XPHC ngày 09/5/2025 về việc xử phạt vi phạm hành chính của Ủy ban nhân dân Tỉnh Đồng Nai do không có giấy phép môi trường. Nguyên nhân: Do Công ty thuộc diện phải di dời để Khu công nghiệp Biên Hòa chuyển đổi công năng Khu công nghiệp Biên Hòa 1 theo chủ trương của tỉnh Đồng Nai nên các cơ quan chức năng không cấp giấy phép môi trường cho Công ty.

- Theo Quyết định 1515/QĐ-XPHC ngày 09/5/2025 có nội dung: “Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải mà không có giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL đang hoạt động sản xuất tại đường số 9, khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai trong thời hạn 3,75 tháng kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt này”. Buộc: “Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL thực

hiện di dời đến địa điểm phù hợp với quy hoạch, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt do không phù hợp với quy hoạch tỉnh Đồng Nai”. Do các cơ quan chức năng đã tổ chức thi hành Quyết định 1515/QĐ-XPHC nên hiện nay Công ty đã ngưng hoạt động sản xuất tại các vị trí lò luyện thép và sản cán thành phẩm, nên hoạt động sản xuất thép cán và phôi thép của Công ty bị tạm ngưng. Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh bán hàng và tiêu thụ sản phẩm của Công ty vẫn đang được duy trì.

14. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty đại chúng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty đại chúng, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán

Công ty không có tranh chấp kiện tụng.

VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 9.871.875 cổ phiếu, số lượng lô cổ phần chào bán: 01 lô.

4. Tỷ lệ số lượng cổ phiếu chào bán/tổng số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu của Cổ đông

Tương ứng với 100% vốn góp của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP tại Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL.

5. Tỷ lệ số lượng cổ phiếu chào bán/tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty đại chúng

Tương đương chiếm 65% tổng số cổ phiếu đã phát hành theo vốn thực góp trong vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL.

6. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá là 98.718.750.000 đồng (*Chín mươi tám tỷ bảy trăm mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

7. Giá chào bán (giá khởi điểm) dự kiến

Giá khởi điểm chào bán: 12.790 đồng/cổ phiếu (sau khi làm tròn), giá chào bán 01 lô cổ phiếu 126.261.281.250 đồng/lô.

8. Nguyên tắc xác định giá chào bán

Mức giá khởi điểm bán đầu giá cổ phiếu VCA thuộc sở hữu của Tổng Công ty được tính toán dựa trên các căn cứ:

- i. Chứng thư thẩm định giá số 001/2025/603/VVFC-BAN3 ngày 17/07/2025 do Công ty Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam VVFC ban hành, giá trị cổ phiếu VCA là 12.680 đồng/cổ phần, giá 01 lô cổ phần là 125.175.375.000 đồng/lô cổ phần;
- ii. Theo thống kê của Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh, giá tham chiếu cổ phiếu VCA ngày 22/07/2025 là: 10.850 đồng/cổ phiếu;

- iii. Theo thống kê của Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, giá tham chiếu cổ phiếu VCA bình quân 30 ngày liên tiếp kể từ ngày 11/06/2025 đến ngày 22/07/2025 là: 9.646 đồng/cổ phiếu.
- iv. Theo số liệu BCTC soát xét năm 2025 của VICASA cung cấp, giá trị sổ sách của một cổ phiếu VICASA tại ngày 30/06/2025 (bằng vốn chủ sở hữu/tổng số cổ phần đang lưu hành) là 12.790 đồng/cổ phần (sau khi làm tròn) tương đương 126.261.281.250 đồng/lô cổ phần.
- v. Theo Nghị quyết số 69/NQ-VNS ngày 23/07/2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP phê duyệt giá chào bán (giá khởi điểm là 12.790 đồng/cổ phần (sau khi làm tròn) tương đương 126.261.281.250 đồng/lô cổ phần.

9. Phương thức phân phối

Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP thực hiện chuyển nhượng vốn cổ phần tại Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL thông qua phương thức chào bán cổ phiếu ra công chúng của cổ đông công ty đại chúng thông qua bán đấu giá công khai theo lô cổ phần tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Số lượng lô cổ phần chào bán là 01 lô.

Trường hợp đấu giá công khai không thành công sẽ thực hiện phương thức Chào bán cạnh tranh. Trường hợp Chào bán cạnh tranh không thành công thì thực hiện phương thức Thỏa thuận (áp dụng trong trường hợp chỉ có 01 nhà đầu tư là đối tượng đã tham gia nộp hồ sơ hợp lệ và thực hiện đầy đủ các thủ tục tham dự phiên chào bán cạnh tranh theo quy định của quy chế phiên chào bán cạnh tranh) cho đến khi hết thời hạn phân phối chứng khoán theo quy định của Luật chứng khoán và các văn bản có liên quan hoặc hết thời hạn của Chứng thư thẩm định giá (tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước).

Tổ chức bán đấu giá có trách nhiệm:

- Yêu cầu VNS cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về bán đấu giá cổ phiếu theo quy định;
- Cử đại diện tham gia Hội đồng bán đấu giá cổ phiếu;
- Xây dựng và ban hành quyết định thành lập Hội đồng bán đấu giá cổ phiếu và Quy chế bán đấu giá cổ phiếu;
- Thông báo với VNS về thời gian, địa điểm tổ chức đấu giá;
- Thực hiện thông báo và công bố thông tin theo Quy chế bán đấu giá cổ phần;
- Trường hợp thông tin công bố không chính xác, phản ánh sai lệch so với thông tin, số liệu do VNS và VICASA cung cấp thì HNX có trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật;
- Kiểm tra, giám sát việc công bố thông tin theo Quy chế bán đấu giá và các vấn đề liên quan khác;
- Tổng hợp, đối chiếu giữa kết quả đăng ký với số lượng đăng ký trên hệ thống và số tiền đặt cọc thực nộp sau khi kết thúc thời hạn đăng ký của nhà đầu tư. Thông báo công khai tại nơi bán đấu giá và trên các phương tiện thông tin của Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phiếu về tổng số nhà đầu tư tham gia và tổng số cổ phiếu đăng ký mua (phân loại theo tổ chức và cá nhân) theo quy định.
- Giữ bí mật về giá đặt mua của các nhà đầu tư cho đến khi công bố kết quả chính thức;

- Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phiếu và chịu trách nhiệm về việc xác định kết quả đấu giá theo quy định;
- Đồng ký Biên bản xác định kết quả đấu giá theo Quy chế đấu giá;
- Phối hợp với VNS công bố kết quả đấu giá cổ phiếu, hoàn trả tiền cọc cho nhà đầu tư tham gia đấu giá hợp lệ nhưng không trúng đấu giá theo Quy chế bán đấu giá cổ phiếu và thu tiền mua cổ phiếu;
- Chuyển tiền đặt cọc của nhà đầu tư tham gia đấu giá không hợp lệ (vi phạm Quy chế đấu giá) vào tài khoản nhận tiền thu được từ chuyển nhượng vốn theo quy định;
- Chuyển tiền thu từ bán cổ phiếu về tài khoản nhận tiền thu được từ chuyển nhượng vốn theo quy định;
- Chuyển giao toàn bộ hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá của nhà đầu tư cho VNS sau khi hết hạn nộp tiền thanh toán mua cổ phiếu của nhà đầu tư;
- Thực hiện các công việc khác có liên quan đến bán đấu giá cổ phần.

10. Đăng ký mua cổ phiếu

Sau khi giấy chứng nhận đăng ký chào bán do UBCKNN cấp có hiệu lực và theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần của Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP tại Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành.

11. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

- Dự kiến thời gian bắt đầu thực hiện: Dự kiến Quý III/2025, sau khi có sự chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Dự kiến thời gian hoàn thành: Quý III/2025 – Quý IV/2025
- VNS thực hiện phân phối cổ phiếu cho nhà đầu tư dự kiến tối thiểu 20 (hai mươi) ngày và tối đa trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp bắt đầu có hiệu lực. Trong trường hợp kéo dài hơn thời gian quy định, VNS sẽ xin phép UBCKNN cho gia hạn việc phân phối cổ phiếu nhưng tối đa không quá 30 ngày và đảm bảo trong thời gian chứng thư thẩm định giá còn hiệu lực (không quá 06 tháng kể từ thời điểm chứng thư thẩm định giá có hiệu lực đến ngày công bố trúng giá chuyển nhượng vốn (đối với phương thức đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh) hoặc tính đến ngày ký hợp đồng chuyển nhượng vốn (theo phương thức thỏa thuận).
- Trong trường hợp Chứng thư thẩm định giá hết hiệu lực mà vẫn đang trong thời hạn phân phối cổ phiếu: VNS sẽ thực hiện lại các bước theo quy định
- Dự kiến Lộ trình thực hiện:

TT	Hạng mục công việc	Thời gian
I	UBCKNN cấp giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng	T
II	Bán đấu giá tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)	

	Bán đấu giá theo lô	
1.	Nộp hồ sơ bán đấu giá tới HNX	T+2
2.	Công bố thông tin Bản thông báo phát hành và phiên đấu giá (trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN cấp giấy chứng nhận chào bán và 20 ngày trước ngày tổ chức đấu giá)	T+6 đến T+8
3.	Tiếp nhận đơn đăng ký, nhận tiền đặt cọc, phiếu tham dự đấu giá của nhà đầu tư	T+8 đến T+30
4.	Tổ chức bán đấu giá	T+31
5.	Công bố kết quả đấu giá	T+31
6.	Nhà đầu tư trúng đấu giá thanh toán tiền mua cổ phần	T+31 đến T+36
7.	Thực hiện chuyển nhượng cổ phần	T+31 đến T+36
<i>Trong trường hợp đấu giá công khai không thành công thì thực hiện chào bán cạnh tranh</i>		
8.	Công bố thông tin về phiên chào bán cạnh tranh (20 ngày trước ngày tổ chức phiên chào bán cạnh tranh)	T+38
9.	Tiếp nhận đơn đăng ký, nhận tiền đặt cọc, phiếu tham dự chào bán cạnh tranh của nhà đầu tư	T+38 đến T+60
10.	Tổ chức chào bán cạnh tranh	T+61
11.	Công bố kết quả chào bán cạnh tranh	T+61
12.	Nhà đầu tư trúng đấu giá thanh toán tiền mua	T+61 đến T+66
13.	Thực hiện chuyển nhượng cổ phần	T+61 đến T+66
<i>Trong trường hợp chào bán cạnh tranh không thành công thì thực hiện phương thức thỏa thuận.</i>		T+67 đến T+72
III	Báo cáo kết quả đấu giá (Việc báo cáo có thể diễn ra sớm hơn thời gian dự kiến phụ thuộc vào kết quả của các lần đấu giá trước)	
14.	Thông qua kết quả bán đấu giá cổ phần	T+75
15.	Báo cáo UBCKNN về kết quả chào bán (kết quả bán đấu giá cổ phần)	T+75 đến T+80
16.	Báo cáo Hội đồng thành viên VNS kết quả bán đấu giá	T+75 đến T+80
	Trong trường hợp bán đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận không thực hiện được, VNS ra quyết định kết thúc	

	đợt chào bán và thực hiện báo cáo các Cơ quan có thẩm quyền.	
--	--	--

T: ngày theo lịch (ngày thường)

12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

- Số tài khoản: 860.004.3620
- Chủ tài khoản: Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP
- Tại Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ngọc Khánh Hà Nội

13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt chào bán cổ phần của cổ đông

Căn cứ công văn số 424/ĐTKDV-DDT4 ngày 09/04/2024 của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước gửi Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu VNSTEEL giai đoạn đến năm 2025, theo đó, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước có ý kiến như sau:

“Thông qua các nội dung về mục tiêu tổng quát và định hướng các giải pháp để thực hiện Đề án tái cơ cấu VNSTEEL giai đoạn đến năm 2025 theo đề xuất của Người đại diện vốn tại Báo cáo số 08/BC-DDV ngày 03/01/2024.”

14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL đã nhận được văn bản 4920/UBCK-PTTT ngày 05/08/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc hồ sơ thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại VICASA, theo đó, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại VICASA là 0%.

Căn cứ số 177/2025-VCA/VSDC-DK ngày 10/03/2025 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày 10/03/2025, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại VICASA là 0,13%.

Tại Nghị quyết số 69/NQ-VNS ngày 23/07/2025 của Hội đồng quản trị VNS về việc thực hiện đảm bảo việc chào bán cổ phiếu VCA đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại VICASA theo quy định pháp luật. Nhà đầu tư nước ngoài không được đăng ký mua cổ phiếu trong đợt chào bán cổ phiếu VCA ra công chúng do Tổng Công ty thép Việt Nam - CTCP sở hữu.

15. Các loại thuế có liên quan

15.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định hiện hành

15.2. Các loại thuế khác

❖ Đối với nhà đầu tư cá nhân

Thu nhập từ cổ tức và thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu phải chịu thuế thu nhập cá nhân với mức thuế suất như sau:

➤ Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

Đối với nhà đầu tư trong nước: thì thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần được quy định tại điểm 2 Điều 16 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Thuế.

➤ **Thu nhập từ cổ tức**

Theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế toàn phần là 5%. Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

❖ **Đối với nhà đầu tư tổ chức**

➤ **Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán**

Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014, thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 22% (kể từ ngày 01/01/2016 thuế suất thuế TNDN là 20%)

➤ **Thu nhập từ cổ tức**

Được miễn thuế theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Luật thuế TNDN 2008

VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Mục đích của việc chuyển nhượng vốn của VNS nhằm cơ cấu lại danh mục đầu tư theo Công văn số 424/ĐTKDV-ĐT ngày 09/04/2024 của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu VNSTEEL giai đoạn đến năm 2025 và Quyết định số 113/QĐ-VNS ngày 25/4/2024 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP về việc phê duyệt Đề án Tái cơ cấu của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP giai đoạn đến năm 2025. Đồng thời tạo cơ hội cho Nhà đầu tư tiềm năng có mong muốn trở thành cổ đông tại VICASA, tham gia trực tiếp quản lý điều hành theo quy định của pháp luật.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức chào bán chứng khoán

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ trụ sở chính: Số 91 Láng Hạ, Phường Đồng Đa, TP Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024 3856 1767

Fax: 024 3856 1815

2. Tổ chức có cổ phiếu được chào bán

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251.3836148

Fax: 0251.3836505

3. Tổ chức kiểm toán cho Công ty CP Thép VICASA - VNSTEEL

KIỂM TOÁN BCTC NĂM 2023, 2024

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Phường Cửa Nam, Hà Nội

Điện thoại: 024 3824 1990

Fax: 024 3825 3973

KIỂM TOÁN BCTC SOÁT XÉT NĂM 2025

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ: Tầng 03, Tòa nhà Galaxy 9, Số 9 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hội, Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3945 0505

Fax: 028 3945 1106

4. Tổ chức thực hiện đấu giá

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh, Phường Cửa Nam, Hà Nội

Điện thoại: 024 3941 2626

Fax: 024 3934 7818

5. Tổ chức định giá

CÔNG TY CP ĐỊNH GIÁ VÀ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH VIỆT NAM VVFC

Địa chỉ: Số 03 đường Thụy Khuê, Phường Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại: 024 3843 2171

Fax: 024 3847 2271

6. Tổ chức tư vấn

CTCP CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn Ngoại giao, Phường Xuân Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024 3974 1771

Fax: 024 3974 7572

Ý kiến của Tổ chức tư vấn về đợt chào bán

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích và đưa ra những đánh giá chung về tình hình kinh tế và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL. Bản Cáo Bạch này được Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam xây dựng với khả năng và nỗ lực cao nhất từ các nguồn đáng tin cậy như đã trình bày và mong muốn công bố đến các nhà đầu tư về tình hình doanh nghiệp và các thông tin liên quan đến doanh nghiệp.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình đưa ra quyết định đầu tư.

IX. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Toàn bộ diện tích đất do VICASA – VNSTEEL đang sử dụng tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1

(bao gồm các thửa đất số 147, 151, 152 thuộc tờ bản đồ số 47, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; tổng diện tích 197.436 m²) không còn bảo đảm điều kiện khai thác, sử dụng ổn định do thuộc phạm vi thu hồi buộc phải di dời, tháo dỡ và bàn giao mặt bằng trước ngày 01/8/2025 theo yêu cầu của UBND tỉnh Đồng Nai để thực hiện Đề án chuyển đổi KCN Biên Hòa 1 thành khu đô thị – thương mại – dịch vụ theo Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và Thông báo số 438/TB-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Biên Hòa về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Chuyển đổi Khu công nghiệp Biên Hòa 1 thành Khu đô thị – thương mại – dịch vụ và cải thiện môi trường, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

X. BÁO CÁO CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC CHÀO BÁN VỀ CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY ĐẠI CHÚNG TRONG BẢN CÁO BẠCH

Chúng tôi xác nhận rằng Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP là cổ đông có quyền sở hữu hợp pháp đối với số cổ phần chào bán và đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Cáo Bạch này là phù hợp với thực tế của chúng tôi.

NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN, CÔNG
TY ĐẠI CHỨNG CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC CHÀO BÁN, TỔ CHỨC TƯ VẤN

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN
TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Công Thảo

ĐẠI DIỆN CÔNG TY ĐẠI CHỨNG CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC CHÀO BÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL
TỔNG GIÁM ĐỐC



Ngô Tiến Thọ

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CTCP CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Ngọc Hiệp

XI. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I:

- Công văn số 424/ĐTKDV-ĐT ngày 09/04/2024 của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu VNSTEEL giai đoạn đến năm 2025;
- Công văn số 1117/ĐTKDV-ĐT4 ngày 03/07/2025 của SCIC về việc tiếp tục thực hiện Đề án Tái cơ cấu VNS giai đoạn đến 2025;
- Quyết định số 113/QĐ-VNS ngày 25/4/2024 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP về việc phê duyệt Đề án Tái cơ cấu của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP giai đoạn đến năm 2025.
- Nghị quyết số 64/NQ-VNS ngày 4/7/2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP về việc triển khai thoái vốn của Vnsteel tại Công ty cổ phần Thép Biên Hòa (Vicasa);
- Nghị quyết số 69/NQ-VNS ngày 23/07/2025 của Hội đồng quản trị VNS thông qua Phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng;

2. **Phụ lục II:** Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023, năm 2024 và Báo cáo tài chính soát xét năm 2025 của Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL;

3. **Phụ lục III:** Giấy xác nhận số 167/2025/CV-VCS ngày 24/07/2025 của Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL xác nhận số cổ phần sở hữu của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP;

4. **Phụ lục IV:** Nghị quyết số 69/NQ-VNS ngày 23/07/2025 của Hội đồng quản trị VNS về việc thực hiện các biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài tại VCA;

5. **Phụ lục V:** Điều lệ Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL;

6. **Phụ lục VI:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL số 3600961762 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 08 năm 2024

7. **Phụ lục VII:** Điều lệ Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP;

8. **Phụ lục VIII:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP số 0100100047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/02/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 20/9/2024.



Số: 424/ĐTKDV-ĐT4
V/v phê duyệt Đề án tái cơ cấu
Vnsteel giai đoạn đến năm 2025

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Ông Lê Song Lai
Ông Nguyễn Đình Phúc
Ông Nghiêm Xuân Đa
Ông Phạm Công Thảo
Ông Trần Hữu Hưng
Người đại diện vốn của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh
vốn nhà nước tại Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP

Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) nhận được Báo cáo xin ý kiến số 08/BC-DDV ngày 03/01/2024 của Người đại diện vốn về việc phê duyệt Đề án Tái cơ cấu Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP (Vnsteel) giai đoạn đến năm 2025 (Đề án). Về việc này, SCIC có ý kiến như sau:

1. Thông qua các nội dung về mục tiêu tổng quát và định hướng các giải pháp để thực hiện Đề án Tái cơ cấu Vnsteel giai đoạn đến năm 2025 theo đề xuất của Người đại diện vốn tại Báo cáo số 08/BC-DDV ngày 03/01/2024. Giao Người đại diện vốn chủ động rà soát, có ý kiến để cập nhật số liệu về kết quả hoạt động năm 2023 của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên và biểu quyết thông qua/ban hành Đề án.

2. Về triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu, đề nghị Người đại diện vốn có ý kiến với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Vnsteel:

- Có phương án cơ cấu lại tài chính, vốn, tài sản phù hợp cho từng giai đoạn. Cân đối nguồn vốn đầu tư đảm bảo cơ cấu vốn chủ, vốn vay hợp lý và an toàn tài chính trong quá trình thực hiện đầu tư. Việc thực hiện các dự án đầu tư cụ thể thực hiện theo thẩm quyền quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Vnsteel, Quy chế Người đại diện vốn và công văn số 207/ĐTKDV-ĐT4 ngày 07/3/2024 của SCIC.

- Thực hiện rà soát các cơ sở nhà, đất của Công ty mẹ và các đơn vị có vốn góp đang sử dụng, sử dụng để lập báo cáo, kê khai và hoàn thành công tác sắp xếp theo ý kiến, hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền đối với các cơ sở nhà, đất thuộc đối tượng sắp xếp lại, xử lý tài sản công theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP, Nghị định số 67/2021/NĐ-CP của Chính phủ trước khi thực hiện các công việc có liên quan đến tái cơ cấu, thoái vốn.

- Đối với các doanh nghiệp thuộc danh mục thoái vốn: Triển khai thoái vốn thực hiện theo trình tự, thủ tục tại Điều lệ và Quy chế nội bộ của Vnsteel. Trước khi triển khai thoái vốn, đề nghị Vnsteel rà soát, xử lý các vấn đề liên quan đến công nợ; các kết luận, kiến nghị của các cơ quan có thẩm quyền (nếu có) như Thanh tra

Thy

Chính phủ, Kiểm toán nhà nước... liên quan đến các doanh nghiệp thuộc danh mục đã được phê duyệt, việc thực hiện thoái vốn đảm bảo các nguyên tắc tại mục 1.1 công văn số 2307/ĐTKDV-ĐT4 ngày 02/12/2021 của SCIC.

Việc thoái vốn tại các doanh nghiệp cụ thể, việc bổ sung, điều chỉnh (nếu có) đối với danh mục các đơn vị thực hiện tái cơ cấu thực hiện theo thẩm quyền quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Vnsteel, Quy chế Người đại diện vốn và công văn số 207/ĐTKDV-ĐT4 ngày 07/3/2024 của SCIC.

- Báo cáo ĐHĐCĐ năm 2024 kết quả thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ về việc hoàn thiện và ban hành Đề án.

Trân trọng./.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Nơi nhận: *Đã chứng thực* 4562 *Quyển số* 01 - SCT/BS

- Như trên;

- Đảng ủy SCIC; Ngày 29-07-2025

- HĐTV SCIC;

- Tổng giám đốc SCIC;

- HĐQT, BKS Vnsteel;

- Lưu: VT, ĐT4.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Lê Thanh Tuấn



CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Kim Huyền

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ
VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1117 /ĐTKDV-ĐT3

Hà Nội, ngày 03 tháng 7 năm 2025

V/v tiếp tục thực hiện Đề án Tái cơ cấu
VNS giai đoạn đến năm 2025 (nội dung liên
quan đến Công ty cổ phần Thép Vicasa)

Kính gửi: Người đại diện vốn của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn
nhà nước tại Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP

Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) nhận được Báo cáo
số 645/BC-DDV ngày 23/6/2025 của Người đại diện vốn SCIC tại Tổng công ty
Thép Việt Nam – CTCP (Vnsteel) xin ý kiến SCIC chấp thuận chủ trương tiếp tục
thực hiện thoái vốn theo Đề án Tái cơ cấu VNS giai đoạn đến năm 2025 đã được phê
duyet và phương án di dời nhà máy thép Vicasa - Vnsteel. Về việc này, SCIC có ý
kiến như sau:

1. Giao Người đại diện vốn SCIC tại Vnsteel chủ động rà soát, tham gia ý kiến
và biểu quyết tại Hội đồng quản trị Vnsteel về phương án tái cơ cấu tại Công ty cổ
phần Thép Vicasa – Vnsteel; đảm bảo phương án thực hiện công khai, minh bạch,
hiệu quả theo đúng quy định của pháp luật; không để xảy ra tham nhũng, lãng phí,
tiêu cực, mang lại lợi ích tối đa cho Vnsteel.

2. Sau cuộc họp HĐQT, đề nghị Người đại diện vốn phối hợp với HĐQT VNS
gửi Biên bản, Nghị quyết cuộc họp và các tài liệu có liên quan khác của VNS về
SCIC theo quy định hiện hành.

Trân trọng./ **CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Nơi nhận: *Ugh*

- Như trên;
- HĐQT SCIC;
- Tổng Giám đốc SCIC;
- HĐQT, BKS Vnsteel;
- Lưu: VT, ĐT3.

Số chứng thực: 4563 Quyển số: 01 -SGT/TS

Ngày 29-07-2025

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Lê Thanh Tuấn



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Kim Huyền

Số: 113/QĐ-VNS

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2024

BẢN SAO/ COPY

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án Tái cơ cấu của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP
giai đoạn đến năm 2025

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM-CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 28/6/2021;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP (Tổng công ty/VNS) ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-VNS ngày 28/6/2021 của Đại hội đồng cổ đông năm 2021 Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP;

Căn cứ Kết luận số 454/KL-ĐUT ngày 24/4/2024 của Ban Thường vụ Đảng ủy Tổng công ty về việc phê duyệt Đề án Tái cơ cấu của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP giai đoạn đến năm 2025;

Xét Tờ trình số 419/TTr-VNS ngày 19/4/2024 của Tổng Giám đốc Tổng công ty về việc phê duyệt Đề án Tái cơ cấu của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP giai đoạn đến năm 2025;

Căn cứ kết quả biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Đề án Tái cơ cấu Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP giai đoạn đến năm 2025”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng công ty; Kế toán trưởng, Trưởng các Ban nghiệp vụ, Chánh Văn phòng Tổng công ty, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Tổng công ty, Người đại diện của Tổng công ty tại các doanh nghiệp và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- SCIC (để b/c);
- Đảng ủy Tổng công ty;
- HĐQT Tổng công ty;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Ban kiểm soát; KTNB;
- Các Ban nghiệp vụ, VP;
- Thư ký Tổng công ty; Trợ lý TGD;
- Lưu: VT, KTĐT, TCNS, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Le Song Lai

CÔNG CHỨNG VIỆN

Ths. Vũ Quốc Hùng



Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2024

ĐỀ ÁN
TÁI CƠ CẤU TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM-CTCP (VNSTEEL)
GAJI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2025

PHẦN I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN TÁI CƠ CẤU TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM – CTCP GIAI ĐOẠN NĂM 2016 ĐẾN NAY

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ CỦA TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM, GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2016 ĐẾN NAY

1. Tình hình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm

1.1. Sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thép dài

Năng lực sản xuất và sản lượng sản xuất thép xây dựng của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP (Tổng công ty/Vnsteel/VNS), bao gồm các công ty con và các công ty liên kết, giai đoạn từ 2016-2023 được trình bày tại Bảng 1.

Bảng 1: Sản xuất thép xây dựng của VNSTEEL giai đoạn năm 2016-2023

Sản xuất Thép xây dựng	ĐVT	Năng lực	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	Tăng trưởng BQ giai đoạn 2017-2023
TỔNG	Tấn	3,630,000	3,136,015	3,164,240	3,325,367	3,277,705	3,180,773	2,879,580	2,654,688	2,148,319	-5.3%
1. Khối công ty con	Tấn	1,910,000	1,713,035	1,665,992	1,836,631	1,776,281	1,819,824	1,740,166	1,461,504	1,285,582	-4.0%
- Cty Thép Miền Nam	Tấn	400,000	459,019	473,256	518,922	527,942	536,165	482,682	415,268	373,359	-2.9%
- Cty CP Thép Vicasa	Tấn	180,000	130,085	146,148	179,103	160,680	159,347	159,743	129,237	94,360	-4.5%
- Cty CP Thép Thủ Đức	Tấn	180,000	153,883	157,517	178,131	181,753	155,859	140,710	97,089	82,322	-8.5%
- Cty CP Thép Nhà Bè	Tấn	150,000	149,610	149,630	171,908	175,579	166,209	132,532	115,248	94,896	-6.3%
- Công ty CP GTTN	Tấn	1,000,000	820,438	739,441	788,567	730,327	802,244	824,499	704,662	640,645	-3.5%
2. Khối công ty liên kết	Tấn	1,720,000	1,422,981	1,498,248	1,488,736	1,501,424	1,360,949	1,139,414	1,193,184	862,737	-6.9%
- Công ty TNHH Thép Vinakyoel	Tấn	950,000	724,005	823,153	840,097	920,049	801,709	690,828	694,218	444,487	-6.7%
- Natsteelvina	Tấn	150,000	158,939	140,904	112,377	152,656	161,096	167,551	168,856	166,468	0.7%
- Vinausteel	Tấn	250,000	241,962	245,932	255,693	319,023	366,489	281,035	330,110	251,782	0.6%
- Thép Tây Đô	Tấn	120,000	66,358	56,353	78,086	97,300	31,655				
- VPS	Tấn	250,000	231,716	231,907	202,483	12,396					

Nguồn: VSA và VNSTEEL

Qua phân tích số liệu nêu tại Bảng 1, cho chúng ta một số nhận định sau:

Về năng lực sản xuất thép xây dựng của Tổng công ty đã giảm sút từ 3.630.000 tấn năm 2016 xuống còn 3.260.000 tấn, do năm 2019 Tổng công ty đã thoái vốn toàn bộ vốn tại Công ty thép Tây Đô (giảm 120.000 tấn) và năm 2020 giải thể Công ty TNHH Thép VSC-POSCO (giảm 250.000 tấn), trong khi giai đoạn này không có đầu tư mới, bổ sung năng lực sản xuất.

Về sản lượng, trong giai đoạn năm 2016-2020, sản lượng thép xây dựng hàng năm của Tổng công đạt mức từ 3,1-3,3 triệu tấn, tỷ lệ khai thác công suất đạt trung bình khoảng 85%.

Tuy nhiên, bắt đầu từ năm 2021 đến năm 2023, sản lượng thép xây dựng của Tổng công ty giảm trong 3 năm liên tục, năm 2021 sản xuất 2.879.530 tấn

giảm còn 2.148.319 tấn. Nếu so với mức sản xuất năm 2020, thì sản xuất thép xây dựng năm 2023 giảm mạnh với mức giảm khoảng 32%.

Tình hình tiêu thụ thép xây dựng giai đoạn năm 2016-2023 được trình bày tại Bảng 2.

Bảng 2: Kết quả tiêu thụ và thị phần thép xây dựng của VNSTEEL giai đoạn năm 2016-2023

Tiêu thụ Thép xây dựng	ĐVT	Năng lực	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	Tăng trưởng BQ giai đoạn 2017-2023
TỔNG	Tấn	3,630,000	3,152,454	3,147,160	3,286,795	3,332,185	3,252,114	2,791,158	2,684,684	2,135,292	-5.4%
1. Khối công ty con		1,910,000	1,728,549	1,662,648	1,785,643	1,826,511	1,862,625	1,696,661	1,498,087	1,271,793	-4.3%
- Cty Thép Miền Nam	Tấn	400,000	464,496	475,884	529,327	561,736	555,174	469,418	432,387	370,346	-3.2%
- Cty CP Thép Vicasa	Tấn	180,000	134,872	144,649	170,013	164,127	170,596	152,520	133,440	91,639	-5.4%
- Cty CP Thép Thủ Đức	Tấn	180,000	159,814	151,307	172,438	162,154	164,270	131,335	101,751	75,125	-10.2%
- Cty CP Thép Nhà Bè	Tấn	150,000	154,107	146,131	151,964	151,907	162,341	124,923	119,380	95,613	-6.6%
- Công ty CP GTTN	Tấn	1,000,000	815,260	744,677	761,901	786,587	810,244	818,465	711,129	639,070	-3.4%
2. Khối công ty liên kết	Tấn	1,720,000	1,423,905	1,484,512	1,501,152	1,505,674	1,389,489	1,094,497	1,186,597	863,499	-6.9%
- Công ty TNHH Thép Vinakovei	Tấn	950,000	724,072	805,227	830,229	907,954	836,583	658,782	718,363	469,997	-6.0%
- Natsteelvina	Tấn	150,000	160,900	139,579	113,826	149,904	158,615	155,697	139,604	140,240	-1.9%
- Vinasteel	Tấn	250,000	237,797	247,076	254,402	329,639	358,116	280,018	328,630	253,262	0.9%
- Thép Tây Đô	Tấn	120,000	63,048	60,663	79,600	92,698	36,175				
- VPS	Tấn	250,000	238,088	231,967	223,095	23,479					

Nguồn: VSA và VNSTEEL

Qua số liệu của Bảng 2 có thể thấy:

Diễn biến tiêu thụ thép xây dựng của Tổng công ty giai đoạn năm 2016-2023 cũng tương tự như diễn biến của sản xuất trong giai đoạn này. Ngoại trừ Vinausteel có mức tiêu thụ tăng trưởng bình quân 0,9%/năm, còn tất cả 7 đơn vị sản xuất thép xây dựng trong hệ thống VNSTEEL có tăng trưởng tiêu thụ âm.

Xét về thị phần thép xây dựng của Tổng công ty năm 2023 đạt 23,1% thị phần nội địa. Nếu chỉ tính các công ty con của Tổng công ty thì thị phần thép xây dựng chỉ đạt khoảng 13,7%.

Việc suy giảm nhanh và mạnh về sản lượng sản xuất, tiêu thụ cũng như thị phần thép xây dựng của Tổng công ty xuất phát từ một số nguyên nhân sau:

- Không có năng lực sản xuất mới được bổ sung, trong khi năng lực hiện có bị giảm sút do thực hiện tái cơ cấu sản xuất, trong khi đó các đối thủ không ngừng mở rộng quy mô sản xuất với công nghệ hiện đại và khép kín, phát triển đa dạng hóa sản phẩm mới phục vụ cho phát triển thị trường xuất khẩu.

- Tại thị trường nội địa, các đơn vị tuy vẫn giữ được hệ thống các nhà phân phối/khách hàng (NPP) nhưng thị phần tại hầu hết các địa phương đều bị suy giảm khi các NPP tăng cường bán hàng cho các thương hiệu đối thủ khác, đồng thời, các đối thủ cũng phát triển thêm NPP tại cùng địa phương để cạnh tranh trực tiếp với các thương hiệu trong hệ thống của Tổng công ty.

- Tại thị trường xuất khẩu, mới chỉ tập trung vào thị trường Campuchia truyền thống, chưa đa dạng hóa và mở rộng thị trường xuất khẩu, còn các đối thủ đã phát triển và đẩy mạnh đa dạng thị trường và sản phẩm xuất khẩu.

- Năng lực cạnh tranh của các đơn vị trong Tổng công ty ngày càng bị giảm sút so với các đối thủ chính.

- Chính sách bán hàng của các công ty con trong hệ thống bị hạn chế về tính linh hoạt và cạnh tranh so với các doanh nghiệp tư nhân do tỷ lệ vốn nhà nước cao nên các đơn vị chịu nhiều quy định ràng buộc về việc phải đảm bảo hiệu quả, bảo toàn vốn, dẫn

đến nhiều thời điểm các đơn vị phải xem xét điều tiết giảm sản lượng để đảm bảo hiệu quả, không thể chạy theo thị phần dẫn đến hiệu quả giảm sút.

1.2. Sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thép dẹt

a) Thép cuộn cán nguội

Tình hình tiêu thụ thép cán nguội được trình bày tại Bảng 3 và Bảng 4.

**Bảng 3. Kết quả tiêu thụ thép cuộn cán nguội của VNSTEEL
giai đoạn năm 2016-2023**

Thép cán nguội	ĐVT	Năng lực	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	Tăng trưởng BQ giai đoạn 2017-2023
I. Sản xuất	Tấn	600.000	507.464	600.530	388.770	366.777	525.416	671.183	437.811	505.808	0,0%
Tấm lá Phú Mỹ	Tấn	400.000	340.064	337.594	262.330	259.434	389.145	488.041	333.869	363.036	0,9%
Tấm lá Thống Nhất	Tấn	200.000	167.400	262.936	126.440	107.343	136.271	183.142	103.942	142.772	-2,2%
II. Tiêu thụ	Tấn		502.798	602.059	395.785	372.300	517.871	667.015	438.469	508.402	0,2%
Tấm lá Phú Mỹ	Tấn		336.967	338.645	269.620	263.299	381.344	483.132	334.527	366.381	1,2%
- Chính phẩm	Tấn		201.290	184.595	201.329	206.227	210.058	294.850	279.692	205.771	0,3%
- Gia công	Tấn		135.677	154.050	68.291	57.072	171.286	188.282	54.835	160.610	2,4%
Tấm lá Thống Nhất	Tấn		165.831	263.414	126.165	109.001	136.527	183.883	103.942	142.021	-2,2%
- Chính phẩm	Tấn		93.479	70.378	77.950	73.312	52.367	66.564	24.060	63.901	-5,3%
- Gia công	Tấn		72.352	193.036	48.215	35.689	84.160	117.319	79.882	78.120	1,1%

Nguồn: VNSTEEL

Theo số liệu thống kê của Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), công suất CRC trong cả nước là 8,94 triệu tấn và hầu hết các nhà sản xuất tôn mạ lớn của Việt Nam đều tự chủ sản xuất được CRC để đưa toàn bộ vào sản xuất tôn mạ, không bán ra ngoài thị trường, như Hoa Sen (công suất CRC và công suất tôn mạ đều là 2,2 triệu tấn); Nam Kim (công suất CRC 1,2 triệu tấn và công suất tôn mạ 1,18 triệu tấn); Tôn Đông Á (công suất CRC 800.000 tấn và công suất tôn mạ 750.000 tấn)... Trên thị trường Việt Nam hiện nay chỉ có PFS, TNFS và Posco là không có dây chuyền mạ mà chỉ sản xuất CRC bán ra ngoài thị trường.

Tính cả hai công ty có vốn của Tổng công ty là Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ-Vnsteel (PFS) (có 100% vốn của Tổng công ty) và Công ty Cổ phần thép tấm lá Thống Nhất-Vnsteel (TNFS) (có vốn góp của Tổng công ty) có tổng công suất là 600.000 tấn, chiếm tỷ trọng 6,7% trong tổng công suất cả nước. Do sản phẩm cán nguội chủ yếu là sản phẩm trung gian, nên hoạt động sản xuất của 02 đơn vị phụ thuộc rất nhiều vào thị trường sản phẩm đầu vào (cuối cán nóng) và thị trường tiêu thụ (các đơn vị sản xuất tôn phủ kim loại).

Giai đoạn năm 2016 đến nay, sản lượng sản xuất CRC của toàn hệ thống VNSTEEL không có tăng trưởng, trong khi tiêu thụ chỉ tăng trưởng nhẹ 0,2%/năm. Trong năm 2021, các nhà sản xuất tôn mạ lớn như Hoa Sen, Nam Kim, Tôn Đông Á... đẩy mạnh xuất khẩu nên gia tăng nhu cầu mua CRC và gia công từ 2 đơn vị cán nguội này, đặc biệt lượng gia công tăng mạnh do các nhà sản xuất lớn chạy hết công suất nên phải thuê gia công thêm tại PFS và TNFS để đảm bảo sản lượng. Tuy nhiên sang năm 2022 và 2023, thị trường tôn mạ khó khăn đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản lượng tiêu thụ của PFS và TNFS, đặc biệt lượng hàng chính phẩm giảm mạnh. Lượng gia công chỉ mang tính chất thời điểm, phụ thuộc nhiều vào bên ngoài, công ty không chủ động được.

b) Sản phẩm tôn mạ

Tình hình tiêu thụ tôn mạ được trình bày tại Bảng 4.

**Bảng 4. Kết quả sản xuất tiêu thụ tôn mạ của VNSTEEL
giai đoạn năm 2016-2023**

Tôn mạ	ĐVT	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	Tăng trưởng BQ giai đoạn 2017-2023
I. Sản xuất	Tấn	302.853	300.826	282.627	287.869	324.059	278.447	246.635	272.009	-1,5%
Tôn Thăng Long	Tấn	78.598	64.695	68.482	66.698	78.595	78.979	61.063	50.970	-6,0%
Tôn Phương Nam	Tấn	224.255	236.131	214.145	221.171	245.464	199.468	185.572	221.039	-0,2%
II. Tiêu thụ	Tấn	301.368	302.543	282.525	294.323	325.661	261.595	247.579	290.964	-0,5%
Tôn Thăng Long	Tấn	71.041	68.850	68.412	65.204	78.196	78.610	60.080	50.636	-4,7%
Tôn Phương Nam	Tấn	230.327	233.692	214.113	229.119	247.465	182.985	187.499	240.328	0,6%

Nguồn: VNSTEEL

Sản xuất và tiêu thụ tôn mạ của hệ thống VNSTEEL giảm 0,5-1,5%/năm trong giai đoạn năm 2017-2023, Công ty Tôn Phương Nam (SSSC) tiêu thụ bình quân có tăng trưởng 0,6%/năm tuy nhiên sản lượng của đơn vị mới chỉ tăng trở lại trong năm 2023 sau khi đã đạt mức sản lượng thấp nhất trong cả giai đoạn vào 02 năm 2021 và 2022; còn đối với Công ty Cổ phần Tôn mạ Vnsteel Thăng Long (TVT), tiêu thụ giảm bình quân 4,7%/năm, năm 2023 tiêu thụ chỉ đạt gần 51.000 tấn là mức sản lượng thấp nhất trong giai đoạn này.

Trong khi đó, tổng sản xuất và tiêu thụ tôn mạ của VSA vẫn có tăng trưởng bình quân từ 5,6-6,4%/năm, điều này cho thấy các đơn vị trong hệ thống VNS đang tụt hậu so với các đối thủ cạnh tranh bên ngoài.

Việc giảm sút tương đối về năng lực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm tôn mạ so với các nhà sản xuất trong nước do những yếu tố sau:

- Thị trường trong nước cạnh tranh gay gắt, các đối thủ lớn như Hoa Sen, Nam Kim, Tôn Đông Á sử dụng chiến lược giá rẻ để chiếm lợi thế, thu hút khách hàng và chiếm thị phần. Thêm vào đó, nguồn nguyên liệu chính CRC thì hiện cả 2 đơn vị đang phải mua ngoài 100% và chưa tự chủ được nguồn nguyên liệu. Do vậy, so với các đối thủ cạnh tranh có dây chuyền sản xuất khép kín, tự chủ được nguyên liệu thì 2 đơn vị sẽ bất lợi hơn, nhất là khi giá nguyên liệu đầu vào biến động mạnh như trong năm 2022 và 2023.

- TVT và SSSC trước giờ chỉ tập trung vào thị trường trong nước (gần 100% sản lượng TVT và 95% sản lượng SSSC là tiêu thụ nội địa); sản lượng xuất khẩu của 2 đơn vị này vẫn còn rất thấp so với các đối thủ cạnh tranh lớn trong ngành như Hoa Sen, Nam Kim, Đông Á... Năm 2021, trong khi các doanh nghiệp tôn mạ tận dụng cơ hội đẩy mạnh mở rộng thị trường xuất khẩu với sản lượng trên 3,37 triệu tấn thì SSSC chỉ xuất khẩu được 37.500 tấn và sang năm 2022 khi thị trường khó khăn hơn thì lượng xuất khẩu của SSSC chỉ trên 14.600 tấn. Sang năm 2023, SSSC tuy có sự cải thiện, mở rộng thị trường xuất khẩu khi sản lượng xuất khẩu trên 80.000 tấn nhưng vẫn là tương đối thấp so với các nhà sản xuất tôn lớn khác.

- Tỷ lệ sử dụng công suất thấp: TVT công suất chỉ là 80.000 tấn/năm, thấp hơn nhiều so với các đối thủ lớn trên thị trường, nhưng tỷ lệ sử dụng công suất thấp (năm 2023 đơn vị mới chỉ khai thác được 64% công suất). SSSC với công suất là 400.000 tấn/năm đối với tôn mạ kẽm, mạ nhôm kẽm và 170.000 tấn/năm đối với tôn mạ màu nhưng với việc tiêu thụ thấp trong 2 năm 2021 và 2022 (dưới 200.000 tấn/năm) thì cũng mới chỉ khai thác được khoảng 50% công suất mạ kẽm và 76% công suất mạ màu.

2. Kết quả sản xuất, kinh doanh (SXKD) và tình hình tài chính

2.1. Kết quả SXKD và tình hình tài chính của Tổng công ty

Tóm tắt tình hình tài chính của Tổng công ty giai đoạn năm 2016-2023 được nêu tại các Bảng số 5, 6, 7 và 8 dưới đây.

**Bảng 5: Một số chỉ tiêu về hiệu quả SXKD của VNSTEEL
giai đoạn năm 2016-2023**

(Theo báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Doanh thu thuần	1.373.884	1.380.742	2.097.972	1.821.638	2.446.068	5.237.638	3.767.732	860.947
Lợi nhuận gộp	22.559	11.960	11.970	11.524	9.240	9.460	9.440	9.013
Doanh thu hoạt động tài chính	411.417	565.283	296.631	284.180	368.636	413.074	650.998	462.340
Chi phí tài chính	126.348	303.649	-53.823	73.240	182.376	-84.724	262.360	390.837
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	140.238	163.378	79.433	60.471	64.874	276.829	107.583	69.008
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	167.390	110.217	282.991	161.994	130.625	230.430	290.494	11.508
Lợi nhuận khác	7.680	4.735	-6.670	-3.509	-2.586	-11.296	940	1.874
Lợi nhuận trước thuế	175.070	114.940	276.321	158.485	128.039	219.134	291.434	13.381
Lợi nhuận sau thuế	175.070	114.940	276.321	158.485	128.039	219.134	291.434	13.381

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2012, 2013 bị lỗ lớn với số lỗ lên đến 815,7 tỷ đồng. Trong các năm tiếp theo từ 2014 đến 2023 kết quả kinh doanh đã có sự cải thiện đáng kể, 10 năm liền kinh doanh đều có lãi với tổng lợi nhuận Công ty mẹ cả giai đoạn đạt hơn 1.590 tỷ đồng. Năm 2019, Công ty mẹ Tổng công ty đã xóa hết lỗ lũy kế. Lợi nhuận lũy kế đến hết 31/12/2023 là 291.813 triệu đồng (lợi nhuận lũy kế đến 31/12/2022 là 724.136 triệu đồng, trong năm 2023 Tổng công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận số tiền là 438.922 triệu đồng, trong đó thực hiện chi trả cổ tức số tiền 203.400 triệu đồng).

Bảng 6: Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán giai đoạn năm 2016-2023

(Theo báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
A. Tài sản ngắn hạn	1.162.639	679.465	462.524	607.137	1.052.733	1.974.481	1.045.290	1.048.434
I. Tiền và các khoản trương đương tiền	439.248	296.726	201.501	391.135	714.446	1.503.655	922.856	721.726
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.000	8.800	0	0	0	0	10.186	17.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	666.630	331.509	217.556	118.416	243.695	343.691	67.288	263.566
IV. Hàng tồn kho	11	10	10	48.940	46.389	74.679	7	38
V. Tài sản ngắn hạn khác	48.750	42.420	43.456	48.646	48.202	52.456	44.954	46.104
B. Tài sản dài hạn	8.028.386	8.091.180	8.099.514	8.056.212	7.865.617	7.926.329	7.680.750	7.311.101
I. Các khoản phải thu dài hạn	201.100	1.100	1.100	10.767	16.766	22.246	1.100	1.100
II. Tài sản cố định	827.591	805.797	796.937	793.845	790.060	787.846	785.044	790.471
III. Bất động sản đầu tư	0	19.565	17.916	16.479	15.058	13.679	12.464	11.416
IV. Tài sản dở dang dài hạn	81.541	27.075	27.075	27.075	27.075	27.075	40.735	45.021

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
V. Đầu tư tài chính dài hạn	6.805.343	7.128.460	7.148.340	7.102.250	6.913.144	7.057.452	6.823.179	6.445.618
VI. Tài sản dài hạn khác	112.812	109.183	108.146	105.796	103.515	18.032	18.229	17.475
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	9.191.025	8.770.645	8.562.038	8.663.349	8.918.350	9.900.811	8.726.041	8.359.534
C. Nợ phải trả	2.818.438	2.199.289	1.798.261	1.741.087	1.875.317	2.649.507	1.194.641	1.036.675
I. Nợ ngắn hạn	2.205.259	1.641.247	1.240.814	1.183.912	1.318.646	2.099.316	645.076	487.115
II. Nợ dài hạn	613.179	558.041	557.447	557.175	556.671	550.191	549.565	549.560
D. Vốn chủ sở hữu	6.372.586	6.571.357	6.763.777	6.922.262	7.043.032	7.251.304	7.531.400	7.322.860
I. Vốn chủ sở hữu	6.372.586	6.571.357	6.763.777	6.922.262	7.043.032	7.251.304	7.531.400	7.322.860
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	9.191.025	8.770.645	8.562.038	8.663.349	8.918.350	9.900.811	8.726.041	8.359.534

Qua số liệu nêu tại Bảng 6 cho thấy, tổng tài sản của Tổng công ty (Báo cáo tài chính) giai đoạn năm 2016-2023, dao động từ khoảng 8.300 tỷ đến 9.901 tỷ đồng với xu hướng giảm dần. Năm 2023, tổng tài sản đạt 8.360 tỷ đồng giảm 9% so với năm 2016 (9.191 tỷ đồng).

Tỷ trọng nợ phải trả trên nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ - Tổng công ty dao động từ 0,16 đến 0,37 lần, cho thấy cơ cấu nợ đang ở mức an toàn. Nguồn vốn dài hạn hiện đã được cải thiện, tại thời điểm 01/01/2022, Công ty mẹ - Tổng công ty bị mất cân đối tài chính 124,83 tỷ đồng, tuy nhiên đến 31/12/2022 tình hình tài chính của Công ty mẹ - Tổng công ty đã được cải thiện và không còn bị mất cân đối chủ yếu do kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2022 có được từ nguồn thu cổ tức, lợi nhuận từ các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty.

Vốn chủ sở hữu của Tổng công ty tại (báo cáo tài chính riêng) giai đoạn năm 2016-2023 có sự tăng trưởng song tỉ lệ tăng trưởng thấp. Qua 8 năm (từ năm 2016-2023), vốn chủ sở hữu chỉ tăng có 15%, từ 6.372 tỷ đồng (năm 2016) lên 7.323 tỷ đồng (năm 2023).

Qua đó cho thấy khả năng huy động vốn cho đầu tư phát triển của Tổng công ty vẫn gặp nhiều khó khăn. Đây là rủi ro rất lớn của Tổng công ty trong hoạt động đầu tư và là điểm yếu so với các đối thủ cạnh tranh.

2.2. Kết quả SXKD và tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty giai đoạn năm 2016-2023

Bảng 7: Một số chỉ tiêu về kết quả SXKD giai đoạn năm 2016-2023

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Doanh thu thuần	17.849.248	19.807.136	35.388.401	34.020.755	31.300.959	40.572.198	38.492.156	30.305.110
Lợi nhuận gộp	1.531.960	1.381.942	1.676.358	1.498.545	1.752.973	2.174.854	726.581	999.253
Doanh thu hoạt động tài chính	308.081	344.816	258.994	243.293	369.155	435.460	664.319	487.416
Lãi (lỗ) trong Công ty liên kết, liên doanh	173.839	18.580	163.290	177.976	-106.784	155.729	-696.177	-459.267
Chi phí tài	262.308	259.688	484.780	530.543	290.731	300.109	476.988	421.362

chính								
Chi phí bán hàng	346.430	264.510	321.708	302.865	347.319	302.417	298.979	284.529
Chi phí quản lý doanh nghiệp	499.453	496.555	647.309	604.168	686.157	1.141.525	673.538	614.427
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	905.689	724.585	644.845	482.238	691.137	1.021.992	-754.783	-292.917
Lợi nhuận khác	42.343	37.048	29.774	20.419	5.807	9.908	31.689	41.126
Lợi nhuận kế toán trước thuế	948.032	761.633	674.619	502.657	696.944	1.031.900	-723.093	-251.791

Trong giai đoạn năm 2016-2021, hầu hết các đơn vị trong hệ thống VNSTEEL đều có hiệu quả trong hoạt động SXKD ngoại trừ một số đơn vị có một số năm bị lỗ và/ hoặc có lỗ lũy kế như VTM, PFS, MDC, Nasteelvina, Vinapipe, Kim khí Hà Nội và một số đơn vị đang trong quá trình giải thể, phá sản như Thép Tấm Miền Nam, Tân Thành Mỹ. Tuy nhiên, trong các năm 2022 và 2023, tình hình thị trường rất khó khăn và bất lợi cho ngành thép, giá các mặt hàng thép liên tục giảm mạnh trong khi nhu cầu thị trường suy yếu cả trong nước và thế giới cộng với những tồn tại, hạn chế nội tại, hoạt động SXKD của các đơn vị thêm khó khăn, hiệu quả kinh doanh sụt giảm nghiêm trọng nên hầu hết các đơn vị quy mô lớn trước đây kinh doanh hiệu quả đều bị lỗ, thậm chí lỗ lớn (khối công ty con: 6/13 đơn vị, khối công ty liên kết: 7/17 đơn vị lỗ), dẫn tới lợi nhuận hợp nhất trước thuế năm 2022 bị lỗ 720,97 tỷ đồng và lợi nhuận hợp nhất trước thuế năm 2023 lỗ 251,79 tỷ đồng.

Bảng 8: Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán giai đoạn năm 2016 – 2023

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
A. Tài sản ngắn hạn	5.897.603	5.705.500	9.867.339	8.280.660	8.278.365	13.377.282	10.129.118	10.707.085
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	1.754.246	1.241.412	774.309	828.844	1.540.075	2.155.629	1.487.756	1.351.540
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	140.869	189.665	410.825	422.525	620.000	798.300	1.035.405	1.984.300
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	1.631.396	1.356.659	2.252.168	2.215.352	1.941.063	2.781.841	2.501.381	2.788.499
IV. Hàng tồn kho	2.176.629	2.679.179	5.862.873	4.283.713	3.779.766	6.920.034	4.714.396	4.046.856
V. Tài sản ngắn hạn khác	194.463	238.585	567.164	530.226	397.461	721.478	390.181	535.888
B. Tài sản dài hạn	8.853.964	8.638.613	14.289.066	14.363.585	14.073.397	14.017.706	13.110.280	12.638.655
I. Các khoản phải thu dài hạn	11.233	11.358	91.672	90.151	83.587	90.129	61.098	62.875
II. Tài sản cố định	3.520.066	3.233.281	4.612.417	4.182.673	3.763.010	3.337.607	2.957.494	2.665.269
III. Bất động sản đầu tư	121.806	117.968	111.221	104.094	97.374	90.789	84.736	80.094
IV. Tài sản dở dang dài hạn	105.394	43.653	5.147.463	5.414.837	5.733.424	6.056.676	6.319.583	6.680.126

V. Đầu tư tài chính dài hạn	4.771.422	4.891.273	3.767.457	3.995.342	3.865.199	4.012.249	3.289.621	2.820.054
VI. Tài sản dài hạn khác	324.043	341.080	558.836	576.488	530.803	430.256	397.748	330.234
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	14.751.567	14.344.113	24.156.405	22.644.245	22.351.762	27.394.988	23.239.398	23.245.740
C. Nợ phải trả	7.152.279	6.108.253	14.911.152	13.009.580	12.264.579	16.525.772	13.347.870	14.067.201
I. Nợ ngắn hạn	6.445.020	5.441.576	10.964.145	9.884.562	9.305.513	13.348.604	10.301.636	10.094.291
II. Nợ dài hạn	707.259	666.677	3.947.007	3.125.018	2.959.066	3.177.168	3.046.234	3.162.909
D. Vốn chủ sở hữu	7.599.288	8.235.860	9.245.253	9.634.665	10.087.183	10.869.216	9.891.528	9.278.539
I. Vốn chủ sở hữu	7.599.218	8.235.860	9.245.253	9.634.665	10.087.183	10.869.216	9.891.528	9.278.539
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	14.751.567	14.344.113	24.156.405	22.644.245	22.351.762	27.394.988	23.239.398	23.345.740

Bảng 8 cho thấy tổng tài sản hợp nhất trong giai đoạn năm 2016-2023 có sự tăng trưởng cao hơn các chỉ tiêu khác, tăng từ 14.751 tỷ đồng (năm 2016) lên 23.245 tỷ đồng (năm 2023), tuy nhiên tính trung bình chỉ tăng khoảng 6%/năm.

3. Kết quả thực hiện đầu tư phát triển

Trong giai đoạn từ năm 2016-2023, hệ thống Tổng công ty (bao gồm công ty mẹ, công ty con và liên kết) đã triển khai các dự án đầu tư với giá trị thực hiện là 2.317,49 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là các dự án của các công ty liên kết. Công ty mẹ không có dự án đầu tư mới nào được triển khai.

Thống kê giá trị thực hiện hàng năm phân theo nguồn vốn như sau:

Bảng 9. Giá trị thực hiện dự án đầu tư giai đoạn năm 2016-2023

Đơn vị: tỷ đồng

Nguồn vốn	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Vốn chủ sở hữu	214,94	173,69	200,95	314,29	231,11	120,37	9,58	22,75
Vốn vay	69,03	93,65	69,52	384,53	333,08	0,0	80	0
Tổng cộng	283,97	267,34	270,47	698,82	564,19	120,37	89,58	22,75

Trong giai đoạn vừa qua, giá trị đầu tư thực hiện chủ yếu các dự án nhóm B, C của các công ty con và công ty liên kết. Công ty mẹ Tổng công ty chỉ đầu tư một số hạng mục (chủ yếu là nhóm C). Trong lĩnh vực sản xuất và chế biến thép, chỉ có duy nhất dự án của Công ty Tôn Phương Nam với công suất 150.000 tấn tôn mạ kẽm/năm;

Trong khi đó, Tổng công ty đang phải xử lý những tồn tại yếu kém của hai dự án của Công ty Gang thép Thái Nguyên và Công ty Khoáng sản và luyện kim Việt Trung. Dự án đầu tư mở rộng sản xuất giai đoạn 2 Công ty Gang thép Thái Nguyên (Dự án Tisco2 – Nhóm A) do Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên làm chủ đầu tư đang trong tình trạng thi công dở dang, bị dừng thi công từ đầu năm 2013 đến nay (hơn 10 năm). Dự án Tisco 2 cùng với Công ty VTM là hai dự án, doanh nghiệp thuộc danh mục 12 Dự án, doanh nghiệp yếu kém của ngành Công Thương theo chỉ đạo của Chính phủ tại Đề án 1468.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, tuy nhiên việc xử lý tồn tại hai dự án này vẫn kéo dài, chưa có hiệu quả.

Như vậy, trong các năm vừa qua hoạt động đầu tư của các Công ty trong hệ thống VNSTEEL rất thấp, không có các sản phẩm thép mới ra đời, năng lực sản xuất hầu như

không có sự tăng trưởng, VNSTEEL ngày càng bị tụt hậu về quy mô công suất, sản phẩm so với các nhà sản xuất thép trong nước như Hòa Phát, Tôn Hoa Sen, Formosa...

4. Đánh giá chung về năng lực và vị thế hiện nay của Tổng công ty hiện nay

Đến thời điểm này, VNSTEEL không còn giữ vị thế dẫn đầu ngành thép Việt Nam xét trên năng lực sản xuất thép thô, sản lượng các loại sản phẩm (thép xây dựng, thép cán nguội, tôn mạ và ống thép), năng lực cạnh tranh và thị phần bị giảm sút liên tục. Điều này xuất phát từ nhiều nguyên nhân trong đó có yếu tố nội tại như quy mô nhà máy nhỏ, thiết bị công nghệ cũ chưa được đổi mới, các nhà máy nằm phân tán. Bên cạnh đó trong thời gian qua, có nhiều những biến động của môi trường kinh doanh, đặc biệt trong ngành thép do sự tăng trưởng nhanh chóng của khu vực có vốn FDI và tư nhân, đã làm thay đổi tình hình theo hướng bất lợi cho Tổng công ty. Vị thế của VNSTEEL có thể được xem xét qua những tiêu chí sau:

4.1. Về năng lực sản xuất:

- Đối với lĩnh vực thép dài: Năng lực sản xuất thép dài của toàn hệ thống VNSTEEL đã suy giảm mạnh. Sản lượng sản xuất không có tăng trưởng một phần do không có đầu tư mới trong những năm vừa qua, đồng thời năng lực sản xuất chung của toàn hệ thống giảm đi khi thực hiện công tác tái cơ cấu Tổng công ty (bán, giải thể). Trong hệ thống hiện nay chỉ có 3 đơn vị sản xuất vượt công suất thiết kế là Thép Miền Nam, VUC và NSV; các đơn vị thép dài còn lại chỉ hoạt động từ 78 - 90% công suất thiết kế. Việc không phát huy được tối đa công suất chủ yếu do năng lực cạnh tranh ngày càng giảm sút, không có lợi thế về chi phí sản xuất do quy mô của từng cơ sở sản xuất thua kém so với đối thủ cạnh tranh; không có lợi thế về vị trí địa lý; bất lợi về logistic trước các đối thủ hiện đang vận hành những liên hợp thép có quy mô lớn, sản xuất khép kín được xây dựng ở khu vực có cảng nước sâu, thuận lợi cho việc vận chuyển nguyên liệu đầu vào và thành phẩm.

- Đối với lĩnh vực thép dẹt: Năng lực sản xuất CRC và tôn mạ của VNSTEEL chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ tại thị trường Việt Nam và khó có thể tăng trưởng do có khoảng trống trong chuỗi sản phẩm khi VNSTEEL chưa tự sản xuất được HRC, 100% HRC phải mua ngoài để phục vụ cho sản xuất CRC. Hai đơn vị tôn mạ cũng chưa tự sản xuất được CRC, phụ thuộc vào nguồn CRC mua của các đơn vị trong hệ thống và mua của các nguồn bên ngoài. Trong khi đó, cả 4 đơn vị thép dẹt phải cạnh tranh hết sức gay gắt với những đối thủ có quy mô sản xuất lớn như Hoa Sen, Tôn Đông Á, Nam Kim,...

4.2. Về thị phần:

- Đối với thép dài: VNSTEEL không còn vai trò dẫn dắt thị trường, thị phần giảm liên tục do cạnh tranh gay gắt. Tại thị trường nội địa, các đơn vị vẫn giữ được hệ thống Nhà phân phối/khách hàng nhưng thị phần tại hầu hết các địa phương đều bị suy giảm khi các Nhà phân phối tăng cường bán thêm các thương hiệu đối thủ khác. Trong khi đó, các đối thủ cũng chủ động phát triển thêm Nhà phân phối tại cùng địa bàn để cạnh tranh trực tiếp với các thương hiệu trong hệ thống VNSTEEL. Tại thị trường xuất khẩu, công tác đa dạng hóa và mở rộng thị trường xuất khẩu còn nhiều hạn chế và bị động, các đơn vị mới chỉ tập trung khai thác thị trường Campuchia với các chủng loại sản phẩm truyền thống. Trong khi các đối thủ đã mở rộng xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, Canada, Hàn Quốc, Philippines, Thái Lan... với các mác thép SAE đa dạng.

- Đối với lĩnh vực thép dẹt: PFS và TNFS chủ yếu sản xuất CRC và gia công cho các nhà sản xuất tôn mạ lớn như Hoa Sen, Nam Kim, Tôn Đông Á. Tuy nhiên, các đối thủ cạnh tranh của PFS và TNFS đều là các công ty lớn (như Posco, CSVC) có tiềm lực tài chính và quy mô sản xuất vượt trội, đồng thời có các chính sách giá linh hoạt nên có

nhiều lợi thế hơn trong các cuộc chiến về giá để giành thị phần. Ngoài ra, các nhà sản xuất tôn mạ lớn cũng đang dần chủ động trong sản xuất CRC, không phụ thuộc vào nguồn CRC mua ngoài nên sản lượng gia công sẽ giảm dần trong thời gian tới.

Thị phần tôn mạ của VNSTEEL chiếm tỷ lệ nhỏ trên thị trường và không có tăng trưởng trong những năm qua trong khi các đối thủ cạnh tranh không ngừng gia tăng và mở rộng thị phần. Đến nay, các nhà sản xuất lớn như Hoa Sen, Nam Kim, Tôn Đông Á, Hòa Phát đã chiếm hơn 60% thị phần tôn mạ của Việt Nam, đồng thời có năng lực cạnh tranh cao hơn nên VNSTEEL ngày càng gặp khó khăn trong việc giữ thị phần tôn mạ, có nguy cơ ngày càng bị thu hẹp thị phần.

4.3. Về tính cạnh tranh:

Năng lực cạnh tranh của phần lớn các doanh nghiệp trong hệ thống còn khá thấp khi chi phí sản xuất cao so với đối thủ do các cơ sở sản xuất của VNSTEEL vừa phân tán, vừa có quy mô thấp, thiết bị công nghệ hầu hết đã cũ, năng lực sản xuất của một số đơn vị đã chạm giới hạn, trong khi đối thủ ngày càng đầu tư mở rộng sản xuất, nâng cấp mới.

Chính sách bán hàng của các công ty trong hệ thống VNSTEEL (các công ty con) không được linh hoạt như các doanh nghiệp tư nhân do tỷ lệ vốn nhà nước cao nên các đơn vị chịu nhiều quy định ràng buộc, dẫn đến việc ra quyết định kinh doanh chậm, thiếu linh hoạt. Đặc biệt, các chính sách bán hàng kém cạnh tranh hơn so với các doanh nghiệp tư nhân.

4.4. Về hiệu quả kinh doanh:

Về tổng thể, hiệu quả kinh doanh của cả mảng thép dài và thép dẹt của VNSTEEL đều ở mức rất thấp hơn các đối thủ cạnh tranh trực tiếp như Hòa Phát, VAS, Hoa Sen, Nam Kim, Tôn Đông Á.

4.5. Về các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của các nhà máy thép hiện tại trong hệ thống VNS cao hơn so với các nhà máy thép khác như Hòa Phát, Fomosa.. chi tiết được thông kê tại Phụ lục¹.

4.6. Về năng lực tài chính của Tổng công ty:

Về tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty đã được nêu tại mục 2.2 phần I, theo đó các chỉ tiêu tài chính cụ thể của Tổng công ty như sau:

- Tổng tài sản hợp nhất tại 31/12/2023: 23.345.741 triệu đồng;
- Nguồn vốn chủ sở hữu tại 31/12/2023: 9.278.540 triệu đồng;
- Lợi nhuận trước thuế tại 31/12/2023: -251.791 triệu đồng.

Trong 02 năm 2022 và 2023, tổng số lợi nhuận trước thuế hợp nhất lỗ 972.763 triệu đồng.

Hiện nay, đối với các đơn vị trong hệ thống Tổng công ty kết quả kinh doanh giảm sút, tổng tài sản cũng bị sụt giảm, khả năng tích lũy tài chính thấp, cơ cấu tài chính không lành mạnh.

Tóm lại với thực trạng năng lực tài chính của Tổng công ty và các đơn vị thành viên là yếu tố với các nhà sản xuất và kinh doanh thép trong nước như Hòa Phát, Hoa Sen, Posco, Formosa... và các đơn vị khác.

¹ Phụ lục I - Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật về luyện gang, luyện thép và cán thép.

Năng lực tài chính để đầu tư mới, nâng cao công suất, đổi mới công nghệ, thiết bị của Tổng công ty và các đơn vị thành viên là rất hạn chế.

Về tổng thể vị thế của Tổng công ty trong ngành thép Việt Nam có thể tóm tắt như sau:

- Vị thế của VNSTEEL đã bị tụt hạng so với thời điểm trước cổ phần hóa và đứng trước nguy cơ tiếp tục tụt hạng trong những năm tới. Hiện VNSTEEL không còn là doanh nghiệp dẫn đầu thị trường và sức cạnh tranh kém so với đối thủ. Có thể nói VNSTEEL không chỉ dậm chân tại chỗ mà còn thụt lùi trong khi các đối thủ đều có sự phát triển đáng kể.

- Vị thế của VNSTEEL chỉ có thể đạt được nhờ mối liên kết chặt chẽ trong hệ thống. Nếu chỉ tách riêng Công ty mẹ hoặc từng đơn vị thành viên thì vai trò còn mờ nhạt và sức cạnh tranh bị hạn chế trong ngành thép Việt Nam hiện nay. VNSTEEL cần tăng cường củng cố và phát huy sự liên kết này.

- Để giữ vững và không tiếp tục bị thụt lùi về vị thế, VNSTEEL cần chủ động tiếp cận xu thế phát triển của ngành thép thế giới, cơ cấu lại sản xuất và kinh doanh theo tín hiệu của thị trường; chủ động tăng năng lực cạnh tranh thông qua việc tiết kiệm chi phí, cải tiến năng lực quản trị, nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường, điều chỉnh chính sách bán hàng và hệ thống phân phối phù hợp với tình hình mới.

II. Kết quả thực hiện Tái cơ cấu giai đoạn 2015 đến nay

A. Đánh giá kết quả thực hiện Tái cơ cấu giai đoạn năm 2015-2020

Thực hiện công văn số 7418/BCT-TCCB ngày 22/8/2012 của Bộ Công thương, về việc thực hiện Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 17/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước, trọng tâm là các tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước giai đoạn năm 2011-2015”, Tổng công ty đã xây dựng Đề án tái cơ cấu giai đoạn năm 2012-2015. Tuy nhiên, do trong giai đoạn năm 2012-2014 thị trường chứng khoán trầm lắng, giá trị giao dịch các cổ phiếu niêm yết trên sàn chứng khoán giảm mạnh và các doanh nghiệp ngành thép gặp nhiều khó khăn, kinh doanh thu lỗ, nên Đề án tái cơ cấu của Tổng công ty không triển khai được.

Trước tình hình đó, Tổng công ty đã rà soát, đánh giá lại toàn bộ công tác tái cơ cấu trên cơ sở tình hình thực tế và bám sát chiến lược phát triển của Tổng công ty để điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện Đề án tái cơ cấu và đã được Bộ Công Thương phê duyệt tại văn bản số 3844/BCT-CNNg ngày 20/4/2015. Ngày 05/05/2015, HĐQT Tổng công ty đã ban hành Quyết định số 134/QĐ-VNS phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Thép Việt Nam giai đoạn 2015-2016 và 2016-2020; ngày 18/05/2016 ban hành Quyết định số 148/QĐ-VNS điều chỉnh một số nội dung trong Đề án tái cơ cấu; ngày 15/10/2019 HĐQT ban hành Quyết định số 204/QĐ-VNS tiếp tục thực hiện Đề án tái cơ cấu Tổng công ty.

Việc thực hiện Đề án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn năm 2016-2020 đã đạt được kết quả tích cực, cụ thể như sau:

1. Kết quả đã đạt được

1.1 Hoàn thành tái cơ cấu chi nhánh, đơn vị trực thuộc

Hoàn thành việc chuyển đổi 04 chi nhánh thành Công ty TNHH MTV do Tổng công ty sở hữu 100% vốn điều lệ, bao gồm:

- Chuyển đổi Công ty Thép Miền Nam thành Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam-Vnsteel;

- Chuyển đổi Công ty Thép tấm lá Phú Mỹ thành Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ-Vnsteel;
- Chuyển đổi Công ty tư vấn và thiết kế luyện kim thành Công ty TNHH MTV Tư vấn MDC-Vnsteel;
- Chuyển đổi Trung tâm Hợp tác lao động với nước ngoài thành Công ty TNHH MTV Cung ứng nhân lực và dịch vụ - Vnsteel

1.2. Hoàn thành mua thêm cổ phần của IBC, Thép Tây Đô và gia hạn hợp đồng liên doanh:

- Hoàn thành việc nhận chuyển nhượng 10% vốn điều lệ Trung tâm thương mại quốc tế (IBC) theo Giấy chứng nhận đầu tư và Hợp đồng liên doanh, tăng tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty từ 40% lên 50% vốn điều lệ IBC.
- Hoàn thành mua 20% vốn điều lệ Công ty Thép Tây Đô do Công ty An Phú chuyển nhượng tăng tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty tại Thép Tây Đô từ 35% lên 55% vốn điều lệ.
- Hoàn thành việc gia hạn Hợp đồng liên doanh của Công ty Nippovina

1.3. Thoái vốn đầu tư của Tổng công ty tại 09 đơn vị

Bảng 10: Kết quả thu được từ công tác thoái vốn

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung thoái vốn	Số tiền thu về	Giá trị sổ sách	Chi phí thoái vốn	Hiệu quả thu được
1	CT CP KK Bắc Thái	9.695.776.000	6.879.690.271	170.550.000	2.645.535.729
2	Cty Tài chính Xi măng	75.600.000.000	73.806.162.755	340.000.000	1.453.837.245
3	Công ty CP KKMT	52.791.600.000	51.151.856.000	79.489.900	1.560.254.100
4	CP BH Petrolimex	88.897.536.000	45.676.396.250	133.346.304	43.087.793.446
5	Đôlômít Việt Nam	1.500.000.000	1.500.000.000	67.500.000	0
6	ĐTXDMN	1.682.520.000	1.721.370.265	125.454.545	-164.304.810
7	Thép Tân Thuận	5.610.000.000	5.550.808.010	170.909.091	-111.717.101
8	Cơ điện LKTN	9.580.300.400	6.211.770.000	196.363.636	3.172.166.764
9	Thép Tây Đô	57.452.582.887	27.223.407.862	261.818.182	29.967.356.8
	Tổng cộng :	302.810.351.287	219.721.461.413	1.545.431.658	81.610.922.216

1.4. Công tác giải thể và chấm dứt hoạt động Công ty:

Hoàn thành việc giải thể các Công ty gồm: Công ty CP Thép Dự ứng lực; Công ty TNHH Posvina và Công ty TNHH VNS Daewoo; Công ty TNHH Thép VSC-POSCO.

1.5 Việc góp thêm vốn để giữ nguyên tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty tại Công ty TNHH Cơ khí Việt Nhật (28% vốn điều lệ): đã hoàn thành.

2. Các công việc chưa thực hiện được

2.1. Giảm vốn nhà nước tại Công ty mẹ - Tổng công ty:

Hiện nay, việc thoái vốn nhà nước tại Tổng công ty vẫn chưa thực hiện được do Tổng công ty vẫn chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán cổ phần hóa; tỷ lệ vốn nhà nước tại Tổng công ty tính đến thời điểm hiện tại vẫn chiếm tỷ lệ 93,93%.

2.2. Về tái cơ cấu tổ chức:

- Không thực hiện đề án chuyển Khách sạn Phương Nam thành mô hình doanh nghiệp phức lợi phục vụ người lao động;

- Chưa thực hiện việc thành lập mới 01 Công ty TNHH MTV 100% vốn Tổng công ty sau khi chấm dứt hoạt động Công ty TNHH Thép VSC-POSCO tại khu vực Hải Phòng.

2.3. Về việc tăng vốn đầu tư tại các công ty con, công ty liên kết:

- Không thực hiện đầu tư thêm vốn bằng việc mua lại phần vốn của các đối tác để tăng tỷ lệ vốn nắm giữ tại Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung lên 51% vốn điều lệ. VTM thuộc danh sách 12 dự án, doanh nghiệp yếu kém ngành Công thương. Việc xử lý tồn tại yếu kém của VTM kéo dài chưa hiệu quả. Hiện nay, VTM đã dừng hoạt động sản xuất từ tháng 5/2022.

- Tổng công ty đã có văn bản báo cáo Bộ Công Thương xin dừng thực hiện góp thêm 208 tỷ đồng tại Công ty cổ phần sắt Thạch Khê (TIC) để duy trì tỷ lệ vốn góp 20% vốn điều lệ tương đương khoảng 480 tỷ đồng tại TIC. Hiện tại Dự án mỏ sắt Thạch Khê đã dừng thực hiện. Do vậy, không có kế hoạch góp thêm vốn khi TIC có kế hoạch tăng vốn điều lệ do tăng tổng mức đầu tư dự án từ 9.932,2 tỷ đồng lên 14.618,2 tỷ đồng.

2.4. Về nghiên cứu đầu tư vốn để thành lập mới các công ty thượng nguồn: không thực hiện do chưa có đủ nguồn lực và tình hình kinh doanh có nhiều thay đổi.

2.5. Về công tác thoái một phần vốn đầu tư của Tổng công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết:

i) Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên: giảm vốn từ 65 vốn điều lệ xuống còn 51% vốn điều lệ giai đoạn 1 (2014-2015); Giai đoạn 2 (2015-2016) tăng tỷ lệ vốn đầu tư của Tổng công ty tại TISCO từ 42,2% vốn điều lệ lên 51% bằng việc mua lại tối thiểu là 8,8% vốn điều lệ từ các cổ đông hiện hữu.

Hiện tại, việc thoái vốn trên của TISCO không thực hiện được, ngoài ra Dự án giai đoạn 2 của TISCO là một trong 12 dự án thuộc danh mục dự án, doanh nghiệp yếu kém của ngành Công thương. Từ năm 2017 đến nay việc thoái vốn của Tổng công ty tại TISCO đã được Tổng công ty báo cáo lên Chính phủ và Ban Chỉ đạo. Tổng công ty đã báo cáo phương án thoái vốn của Tổng công ty lên các cấp có thẩm quyền theo chỉ đạo của Chính phủ tại văn bản số 123/TB-VPCP ngày 08/4/2019. Đến thời điểm hiện nay việc thoái vốn của Tổng công ty tại TISCO vẫn chưa triển khai thực hiện. Theo các văn bản chỉ đạo mới và gần đây nhất của Chính phủ tại văn bản số 116/TB-VPCP ngày 18/7/2023.

ii) Chưa hoàn thành việc giảm quy mô vốn đầu tư của Tổng công ty tại các công ty gồm:

- Công ty CP Tôn mạ Vnsteel Thăng Long;
- Công ty CP Kim khí Hà Nội;
- Công ty TNHH MTV Tư vấn và thiết kế luyện kim (nay là Công ty TNHH MTV Tư vấn MDC-VNSTEEL);
- Công ty TNHH MTV Hợp tác lao động với nước ngoài (nay là Công ty TNHH MTV Cung ứng nhân lực Quốc tế -VNSTEEL);

iii) Về việc thoái toàn bộ vốn đầu tư của Tổng công ty tại các Công ty con, công ty liên kết: Đến hết giai đoạn (2015-2020), chưa hoàn thành việc thoái toàn vốn của Tổng công ty tại các đơn vị:

- Công ty cổ phần Thép tấm Miền Nam;
- Công ty CP giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam;
- Công ty TNHH Cảng quốc tế Thị Vải;
- Công ty TNHH ống thép Nippon Steel & Sumikin Việt Nam (nay là Công ty TNHH ống thép hàn xoắn Nippon Steel Việt Nam);
- Công ty cổ phần Tân Thành Mỹ;
- Công ty cổ phần Trúc Thôn (Công ty Cổ phần RedstarCera);
- Công ty cổ phần Thép Đà Nẵng;
- Công ty ống thép Việt Nam;
- Công ty địa ốc Thép Việt Nam – Quang Huy;
- Công ty CP Lưới thép Bình Tây;
- Công ty Vật liệu chịu lửa Nam Ứng;
- Công ty CP Thép Tấm lá Thông Nhất.

iv) Về việc cơ cấu lại các công ty:

- Tổng công ty không chuyển nhượng toàn bộ cổ phần Tổng công ty hiện đang nắm giữ tại 03 Công ty (Công ty CP Thép Nhà Bè - Vnsteel 69,07%; Công ty cổ phần thép Vicasa - Vnsteel 65%; Công ty cổ phần thép Thủ Đức - Vnsteel 65%) cho Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel để 03 công ty này trở thành công ty con của Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel.

B. Đánh giá kết quả thực hiện Tái cơ cấu giai đoạn từ 2021 đến nay (Quyết định 352/QĐ-VNS ngày 29/12/2021)

Hội đồng quản trị đã có Tờ trình số 573/TTr-VNS ngày 7/5/2021 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua dừng thực hiện Đề án cơ cấu Tổng công ty ban hành kèm theo Quyết định số 134/QĐ-VNS ngày 05/05/2015; Quyết định số 148/QĐ-VNS ngày 18/5/2016 về điều chỉnh một số nội dung trong Đề án tái cơ cấu và Quyết định số 204/QĐ-VNS ngày 15/10/2019.

Ngày 28/6/2021 Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty đã ban hành Nghị quyết số 13/NQ-VNS trong đó có nội dung nhất trí thông qua tờ trình số 573/TTr-VNS ngày 7/5/2021 và thông qua báo cáo số 574/BC-VNS ngày 7/5/2021 về Định hướng công tác tái cơ cấu của Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP giai đoạn 2021-2026.

Căn cứ Nghị quyết trên, ngày 29/12/2021 Hội đồng quản trị đã ban hành Quyết định số 352/QĐ-VNS phê duyệt kế hoạch tái cơ cấu một số đơn vị thành viên của Tổng công ty Thép Việt Nam giai đoạn năm 2021-2022: thoái vốn toàn bộ vốn của VNS tại các đơn vị gồm Công ty cổ phần RedstarCera; Công ty cổ phần thép Đà Nẵng; Công ty TNHH Ống thép Việt Nam; Công ty TNHH MTV Tư vấn MDC-Vnsteel; Công ty TNHH MTV Cung ứng nhân lực Quốc tế - Vnsteel; Công ty TNHH Cảng quốc tế Thị Vải; Chấm dứt Hợp đồng liên doanh, thanh lý, giải thể công ty Vật liệu chịu lửa Nam Ứng; Thực hiện thủ tục phá sản Công ty Thép tấm Miền Nam và Công ty cổ phần Tân Thành Mỹ.

1. Những việc đã hoàn thành

Đã hoàn thành việc giải thể và thanh lý tài sản của Công ty Vật liệu chịu lửa Nam Ứng theo đúng quy định của pháp luật.

2. Những việc chưa hoàn thành

Chưa hoàn thành việc thoái vốn tại các doanh nghiệp theo Quyết định số 352/QĐ-VNS ngày 29/12/2021 của Hội đồng quản trị bao gồm:

- + Công ty cổ phần RedstarCera;
- + Công ty cổ phần Thép Đà Nẵng;
- + Công ty TNHH Ống thép Việt Nam;
- + Công ty TNHH MTV Tư vấn MDC - VNSTEEL;
- + Công ty TNHH MTV Cung ứng nhân lực và Dịch vụ - VNSTEEL (nay là Công ty TNHH MTV Cung ứng nhân lực Quốc tế -VNSTEEL);
- + Công ty TNHH Cảng Quốc tế Thị Vải.

3. Nguyên nhân chưa hoàn thành việc thoái vốn giai đoạn từ năm 2021 đến nay

3.1. Nguyên nhân khách quan

- Các công ty thuộc danh mục thoái vốn của Tổng công ty trong giai đoạn này có hoạt động không hiệu quả, có quy mô vốn nhỏ, ngành nghề đặc thù nên không hấp dẫn các nhà đầu tư. Mặt khác, việc thoái vốn phải tuân thủ các quy định của Nhà nước đối với các doanh nghiệp về bảo toàn được vốn góp nên quá trình thoái vốn diễn ra chậm, một số khoản thoái vốn theo kế hoạch nhưng không thành công.

- Quy trình thủ tục pháp lý kéo dài khi thực hiện thoái vốn đối của VNSTEEL đối với một số đơn vị thực hiện chào bán ra công chúng theo luật Chứng khoán, trong khi chứng thư định giá của doanh nghiệp chỉ có thời hạn là 06 tháng. Do vậy, đã ảnh hưởng đến tiến độ thoái vốn.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Một số đơn vị thực hiện thoái vốn theo kế hoạch nhưng phải tạm dừng theo chỉ đạo của cơ quan chức năng do vướng mắc về đất đai.

- Việc quyết toán cổ phần hóa tại Công ty mẹ Tổng công ty chưa được phê duyệt.

III. Bài học kinh nghiệm

Như vậy, có thể đánh giá về cơ bản Tổng công thép Việt Nam đã bám sát các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thực hiện nghiêm túc Đề án tái cơ cấu giai đoạn năm 2015-2020 và giai đoạn từ năm 2021 đến nay, đã đạt được một số kết quả nhất định. Tuy nhiên, việc thực hiện Đề án tái cơ cấu Tổng công ty trong giai đoạn vừa qua còn tồn tại một số hạn chế, chưa hoàn thành mục tiêu đề ra. Một số bài học có thể rút ra trong quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án tái cơ cấu Tổng công ty như sau:

1. Việc xây dựng Đề án tái cơ cấu cần bám sát chủ trương, chính sách của Đảng, hướng dẫn của các cơ quan quản lý.

2. Để xây dựng được Đề án có tính khả thi, công tác thu thập số liệu thông tin cần phải phải chú trọng thu thập đầy đủ về phạm vi, nội dung toàn diện, lựa chọn phương pháp phân tích đánh giá, mục tiêu và các giải pháp sát với thực tế của doanh nghiệp.

3. Người đứng đầu phải có quyết tâm cao, có định hướng rõ ràng, kế hoạch cụ thể và cam kết bố trí đủ nguồn lực để thực hiện.

4. Việc tổ chức thực hiện Đề án sau khi phê duyệt, cần bám sát kế hoạch lộ trình nêu trong đề án; phân công một lãnh đạo của Tổng công ty chỉ đạo cụ thể các bộ phận nghiệp vụ triển khai nhiệm vụ, điều phối các công việc, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh.

5. Làm tốt công tác tuyên truyền, sự tham gia tích cực của các tổ chức chính trị đoàn thể.

6. Trong giai đoạn phát triển mới, với sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ, chuyển đổi số, cạnh tranh trong ngành thép càng ngày càng gay gắt kèm với các thay đổi về môi trường kinh doanh, cách thức kinh doanh, thì cấu trúc tổ chức, mô hình kinh doanh cần phải thay đổi thích nghi kịp thời. Điều đó đòi hỏi phải thường xuyên rà soát đánh giá và điều chỉnh Đề án tái cơ cấu một cách kịp thời.

PHẦN II

ĐỊNH HƯỚNG VÀ PHƯƠNG ÁN TÁI CƠ CẤU GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2025

I. Sự cần thiết và cơ sở pháp lý xây dựng Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Thép Việt Nam, giai đoạn đến năm 2025

1. Sự cần thiết xây dựng Đề án

- Tính đến nay, sau hơn 12 năm kể từ ngày cổ phần hóa, Tổng công ty thép Việt Nam đã trở thành một doanh nghiệp đại chúng quy mô lớn, vẫn giữ được là một trong những nhà sản xuất thép hàng đầu tại Việt Nam. Thực hiện Đề án tái cơ cấu giai đoạn vừa qua đã từng bước cải thiện hiệu quả sản xuất kinh doanh, đã xóa hết lỗ lũy kế, thực hiện chia cổ tức lần đầu vào năm 2023, các đầu mối sản xuất được tinh giảm hơn. Tuy nhiên, trong 3 năm gần đây hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty liên tục giảm sút, khả năng cạnh tranh của Tổng công ty kém so với các nhà sản xuất thép trong nước.

- Thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và các công con, công ty liên kết trong thời gian qua chưa thực sự hiệu quả, thiết bị cũ và lạc hậu. Do vậy, cần phải tiếp tục cải cách công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp, xác định lại các danh mục đầu tư, khắc phục tình trạng tỷ trọng vốn đầu tư nhỏ và kém hiệu quả.

- Đứng trước giai đoạn phát triển mới trong thời đại chuyển đổi công nghệ, chuyển đổi số, cạnh tranh trong nước, khu vực càng ngày càng khốc liệt và các xu hướng chuyển dịch sang sản xuất thép xanh trên thế giới diễn ra mạnh mẽ, Tổng công ty cũng dần phải thích nghi, thay đổi để có thể cạnh tranh và hướng tới sự phát triển và phát triển bền vững. Điều này đòi hỏi nội tại Tổng công ty cần phải có một định hướng chiến lược mới trong quá trình chuyển đổi, trong đó sự thay đổi, tái cơ cấu lại mô hình hoạt động, cơ cấu sở hữu vốn của Công ty mẹ, cần tiếp tục tái cơ cấu sâu rộng, mạnh mẽ và toàn diện tại các đơn vị thành viên; từng bước nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, cơ cấu lại danh mục đầu tư, khắc phục tình trạng yếu kém về năng lực và sức cạnh tranh; tập trung nguồn lực để đầu tư các lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh cốt lõi tiếp tục duy trì giữ vững thương hiệu mạnh về các sản phẩm thép.

Tuy nhiên, do thời gian của giai đoạn năm 2021-2025, không còn nhiều nên Đề án này sẽ chỉ tập chung vào những nội dung ngắn và trung hạn, những vấn đề mang tính chất lâu dài sẽ được đề cập trong chiến lược phát triển của Tổng công ty. Để phù hợp với thực tế, tên gọi của Đề án sẽ là **Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP, giai đoạn đến năm 2025**.

2. Cơ sở pháp lý xây dựng Đề án Tái cơ cấu

- Căn cứ Luật Quản Lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản doanh nghiệp;

- Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

- Căn cứ Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

- Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước giai đoạn 2021 - 2025”;

- Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg ngày 02/07/2021 về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại, thoái vốn giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022-2025;

- Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10/2/2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Căn cứ Nghị quyết số 63/NQ-VNS ngày 12/5/2023 của Đại hội đồng cổ đông năm 2023 Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP;

- Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-VNS ngày 26/5/2023 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP về việc hoàn thiện Đề án Tái cơ cấu giai đoạn 2021-2025 theo các yêu cầu nêu tại phụ lục công văn 971/ĐTKDV-ĐT4 ngày 11/5/2023 của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC);

- Căn cứ Nghị quyết số 89/NQ-VNS ngày 12/7/2023 của Hội đồng quản trị về đánh giá kết quả công tác quý II và chương trình công tác quý III năm 2023 về đánh giá kết quả công tác quý II và chương trình công tác quý III năm 2023;

II. Phân tích SWOT và vị thế của VNSTEEL

Điểm mạnh	Cơ hội
- Hệ thống VNSTEEL có mạng lưới sản xuất kinh doanh rộng khắp trên hầu hết các vùng kinh tế trong cả nước, trong đó có nhiều thương hiệu mạnh và có uy tín. Sản phẩm và dịch vụ của hệ thống VNSTEEL đa dạng. Chất lượng sản phẩm và dịch vụ được người tiêu dùng đánh giá tốt và được thị trường tín nhiệm. - Các đơn vị sản xuất thép trong hệ thống	- Nhu cầu tiêu thụ thép ở Việt Nam còn tiềm năng tăng trưởng lớn do yêu cầu của sự phát triển cơ sở hạ tầng cho nền kinh tế. Mức tiêu thụ bình quân đầu người vẫn còn thấp so với các nước phát triển. - Cơ hội thu hút đầu tư, mở rộng thị trường, tăng cường liên minh liên kết dưới tác động của hội nhập quốc tế... - Một số phân khúc thị trường thép còn chưa

VNSTEEL tham gia hầu hết các công đoạn sản xuất thép, trừ cán tấm nóng. Trong đó, năng lực sản xuất thép dài của khối công ty con và công ty liên kết chiếm tỷ trọng cao trên 70% tổng năng lực sản xuất thép các loại của cả hệ thống VNSTEEL. - Tổ chức VNSTEEL vững mạnh, đoàn kết, thông suốt. Lãnh đạo có quyết tâm cao. - Đội ngũ nhân lực kỹ thuật có kinh nghiệm, hiểu biết về sản xuất, tâm huyết với sự nghiệp ngành thép. - Tổng công ty và các đơn vị xây dựng được mối quan hệ tốt với các đối tác có uy tín trên thế giới.	phát triển tại Việt Nam như thép phục vụ ngành cơ khí, chế tạo; các loại thép hợp kim, thép đặc biệt. - Các quy chuẩn sản xuất ngày càng được hoàn thiện (như các TCVN, QCVN...). Hệ thống luật pháp thương mại dần được hoàn thiện theo các định chế tiên tiến trên thế giới, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, minh bạch hơn... - Khi hội nhập quốc tế, các doanh nghiệp quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu không có khả năng cạnh tranh tốt sẽ bị đào thải, là cơ hội tốt cho các doanh nghiệp thực sự có lợi thế cạnh tranh.
Điểm yếu	Thách thức
- Năng lực nội tại còn yếu, các cơ sở sản xuất của VNSTEEL nhìn chung vẫn còn phân tán và phần lớn có quy mô công suất từ 500.000 tấn/năm trở xuống, thấp hơn so với các đối thủ cạnh tranh trực tiếp. Hiện tại, đa số các nhà máy thép của VNSTEEL chưa bắt kịp trình độ công nghệ tiên tiến và quy mô phổ biến của các nhà máy thép hàng đầu thế giới và khu vực. Vì vậy, khó có lợi thế về năng suất và giá thành, khả năng cạnh tranh thấp khiến thị phần có xu thế suy giảm. - Khu vực sản xuất kinh doanh thép cán dẹt trong các năm gần đây đã có nhiều cố gắng cải thiện về quản lý và vận hành, nên hoạt động sản xuất kinh doanh từng bước có cải thiện. Tuy nhiên các doanh nghiệp trong nhóm này vẫn gặp khó khăn lớn do quy mô nhỏ, đầu tư không đồng bộ, cạnh tranh quá gay gắt trên thị trường nên tỷ lệ huy động công suất thấp, chi phí sản xuất cao so với các đối thủ, kém cạnh tranh về giá. - Năng lực sản xuất không tăng, công nghệ thiết bị chưa có đổi mới trong khi công tác quản lý và quản trị doanh nghiệp, chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu, chưa thích ứng với những thay đổi về mô hình tổ chức hoạt động và sức ép cạnh tranh ngày càng gia tăng từ các đối thủ lớn. - Hoạt động sản xuất kinh doanh các năm gần đây của Tổng công ty đã được cải thiện rõ rệt. Tuy nhiên, năng lực tài chính của VNS còn thấp so với nhu cầu phát triển. - Thương hiệu Công ty mẹ Tổng công ty (VNSTEEL) chưa mạnh, chưa có sự nhận biết rộng rãi. Công tác truyền thông và quan	- Cạnh tranh ngày càng gay gắt với các nhà sản xuất thép trong và ngoài nước. Mặc dù hiện tại đang dư thừa công suất nhưng các doanh nghiệp thép tư nhân cũng như FDI vẫn có kế hoạch mở rộng công suất trong thời gian tới, điều này có thể dẫn đến khủng hoảng dư thừa thép ngày càng mạnh. - Thị trường thép nội địa đối diện với sức ép cạnh tranh từ thép nhập khẩu do những cam kết tự do hóa thương mại của Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế. - Thị trường thép xuất khẩu của Việt Nam gặp nhiều khó khăn khi đối diện với chủ nghĩa bảo hộ gia tăng của các quốc gia trên toàn cầu với hàng loạt nguy cơ các vụ kiện phòng vệ thương mại và hàng rào kỹ thuật khi sản phẩm thép Việt Nam ra thị trường thế giới. - Sản xuất thép lò điện đối mặt với xu hướng giá điện và chi phí môi trường ngày càng tăng cao; bên cạnh đó là sự bất lợi của giá thép phế khi xu hướng chuyển đổi trong sản xuất thép toàn cầu từ công nghệ lò cao sang công nghệ lò điện để giảm thiểu phát thải carbon. Điều này sẽ làm thị trường thép phế thế giới tăng sự cạnh tranh gay gắt hơn nữa giữa các nước nhập khẩu phế liệu. Nguồn cung thép phế sẽ thêm hạn chế khi Châu Âu dự kiến trong những năm tới sẽ từ chối xuất khẩu thép phế trở thành người nhập khẩu thép phế. - Sản xuất lò cao đối mặt với sự gia tăng chi phí khai thác và bảo vệ môi trường. VNSTEEL không còn lợi thế về nguồn nguyên liệu quặng sắt, than mỡ tự khai thác; còn đối với nguồn nguyên liệu nhập khẩu thì bị hạn chế về logistic do các mỏ có vốn góp của

hệ cộng đồng còn hạn chế. - Tính liên kết, phối hợp giữa các đơn vị thành viên để cùng thực hiện mục tiêu chung của Tổng công ty chưa cao. - Tỷ lệ vốn nhà nước tại doanh nghiệp cao nên VNSTEEL và khối các công ty con chịu nhiều quy định đối với doanh nghiệp nhà nước, dẫn đến việc ra quyết định chậm, thiếu linh hoạt, mất thời cơ.	VNSTEEL không có và không gần cảng nước sâu. - Ngành thép Việt Nam cơ bản phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu nước ngoài nên thị trường trong nước chịu chi phối lớn bởi biến động thị trường thép thế giới và điều chỉnh chính sách của các nền kinh tế lớn, đặc biệt là Trung Quốc; bên cạnh đó là dễ gặp rủi ro trong thương mại quốc tế, biến động tỷ giá và rủi ro đứt gãy chuỗi cung ứng.
--	--

III. Mục tiêu tái cơ cấu giai đoạn đến năm 2025

Chặng đà suy giảm và giữ vững vị thế là một trong những nhà sản xuất thép hàng đầu của Việt Nam (Top 5), tiếp tục lấy sản xuất thép làm trục chính trong hoạt động kinh doanh, từng bước mở rộng đầu tư phát triển sang các lĩnh vực hỗ trợ cho sản xuất và kinh doanh thép.

IV. Định hướng và các giải pháp tái cơ cấu giai đoạn đến năm 2025

1. Ngành nghề kinh doanh

Tổng công ty tiếp tục tập trung vào các ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất và kinh doanh sản phẩm thép và từng bước tích hợp chuỗi giá trị lấy thép làm cốt lõi.

2. Đổi mới quản trị doanh nghiệp

2.1. *Đẩy mạnh cơ cấu lại, đổi mới về quản trị doanh nghiệp, tập trung vào các nội dung sau:*

- Hoàn thiện các quy định, quy chế quản trị nội bộ, ứng dụng quản trị trên nền tảng số.
- Kiến toàn tổ chức bộ máy quản lý, điều hành đảm bảo hiệu lực hiệu quả, phù hợp với quy mô về vốn, lao động, mô hình doanh nghiệp, trình độ công nghệ và tài sản của các đơn vị thành viên; tiếp tục nâng cao hiệu quả liên kết hệ thống trong toàn Tổng Công ty.
- Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài chính, kế toán; quản lý sử dụng lao động hiệu quả, cải cách cơ chế tiền lương, phát triển và đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

2.2. *Áp dụng thông lệ quốc tế trong việc đổi mới quản trị doanh nghiệp*

- Từng bước thực hiện quản trị doanh nghiệp theo thông lệ quản trị tốt nhất với các nguyên tắc quản trị của OECD. Rà soát hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý Tổng công ty theo thông lệ quản trị tốt nhất, trong đó tập trung nâng cao hiệu quả quản trị điều hành của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và công tác giám sát của Ban kiểm soát; xem xét thay đổi mô hình Hội đồng quản trị có Ủy Ban kiểm toán, các thành viên Hội đồng quản trị độc lập...

- Quản trị rủi ro: Tăng cường các giải pháp quản trị rủi ro một cách hệ thống, toàn diện vào mọi hoạt động của Tổng công ty nhằm ngăn ngừa các rủi ro, nâng cao hiệu quả cho toàn bộ hoạt động trong Tổng công ty.

- Xem xét xây dựng phương án/đề án niêm yết cổ phiếu của Tổng công ty vào năm 2025.

3. Phương án cơ cấu lại năng lực sản xuất

3.1. *Đối với các sản phẩm truyền thống*

- Sản phẩm thép xây dựng: Khôi phục, duy trì và từng bước mở rộng công suất, tiếp tục duy trì giữ vững vị trí hiện tại ở sản phẩm thép xây dựng; nắm bắt cơ hội tăng trưởng từ ngành xây dựng cao ốc, hạ tầng cơ sở, công nghiệp phụ trợ và nghiên cứu, cải tiến đa dạng hóa sản phẩm thép xây dựng để xuất khẩu sang các thị trường tiềm năng khác ngoài thị trường truyền thống (như thị trường các nước ASEAN ngoài Campuchia, thị trường Châu Âu, Châu Mỹ...).

- Sản phẩm thép dẹt: duy trì và tối ưu hóa các sản phẩm hạ nguồn (cuộn cán nguội và thép tôn mạ).

3.2. Đối với các sản phẩm mới

Từng bước nghiên cứu, đầu tư mới và đầu tư chiều sâu để tiến tới sản xuất các chủng loại thép hợp kim, thép chế tạo, thép chất lượng cao, thép đặc chủng.

4. Phương án xây dựng cơ cấu tài chính, đầu tư

4.1. Cơ cấu lại danh mục vốn đầu tư vào các công ty con và liên kết

- Tiếp tục thực hiện thoái vốn tại các công ty không thuộc lĩnh vực kinh doanh chính (vật liệu phụ trợ, dịch vụ cảng biển, dịch vụ Logistics, dịch vụ xuất khẩu lao động, dịch vụ tư vấn.. hoặc thoái một phần vốn ở các công ty thuộc lĩnh vực kinh doanh chính vẫn đảm bảo tỷ lệ cổ phần biểu quyết đủ quyền chi phối hoặc phủ quyết tùy theo tính chất quan trọng của từng Công ty trong cơ cấu Tổng công ty. Sử dụng nguồn vốn thu được từ thoái vốn để đầu tư phát triển các dự án mới, đầu tư mua lại cổ phần/vốn góp để tăng tỷ lệ sở hữu ở những công ty sản xuất thép có vị trí quan trọng trong danh mục đầu tư của Tổng công ty theo quy định của pháp luật. Cụ thể:

- Tiếp tục thực hiện thoái vốn tại các doanh nghiệp không thuộc ngành nghề kinh doanh chính (Công ty Cổ phần RedstarCera, Công ty TNHH Cảng Quốc tế Thị Vải...), các doanh nghiệp quy mô nhỏ, tỷ lệ sở hữu thấp, hoạt động kém hiệu quả. Những đơn vị này đã thực hiện thoái vốn nhiều lần trong giai đoạn năm 2020- 2022, nhưng không thành công.

- Riêng đối với khoản đầu tư tại IBC, tiếp tục duy trì do kết quả sản xuất kinh doanh ổn định, hiệu quả, hàng năm đóng góp lợi nhuận cao cho Tổng công ty. Hơn nữa, theo Hợp đồng liên doanh của IBC thì có điều khoản khi hết hạn liên doanh vào năm 2034, Bên nước ngoài sẽ chuyển giao tài sản không bồi hoàn cho Bên Việt Nam.

- Đối với các đơn vị sản xuất khác: Tiếp tục duy trì đầu tư và tối ưu hóa cơ cấu sản xuất để phát huy tiềm năng của các công ty trong lĩnh vực gia công và ống thép (VJE, Vingal, Sadakim, SGC, Nippovina, Vinapipe; Công ty cổ phần Lưới thép Bình Tây) nhằm tạo chuỗi giá trị gia tăng cho lĩnh vực thép dẹt.

4.2. Thực hiện thu xếp vốn để đầu tư vào các công ty con, liên kết:

- Bên cạnh phương thức huy động truyền thống từ nguồn tín dụng thương mại, Tổng công ty mở rộng thêm các kênh huy động vốn dài hạn khác như: phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược, trái phiếu doanh nghiệp để huy động vốn cho Tổng công ty và các công ty con.

- Nguồn lợi nhuận lũy kế chưa phân phối và số dư quỹ Đầu tư phát triển của Tổng công ty và dự kiến nguồn thu từ việc thoái vốn của Tổng công ty tại các đơn vị giai đoạn đến năm 2025 để đảm bảo cân đối đủ vốn đối ứng thực hiện các dự án đầu tư theo kế hoạch và thực hiện mua bán sáp nhập các công ty sản xuất thép hiện nay theo hình thức M&A.

- Tối ưu hóa các nguồn lực về vốn, đất đai, thương hiệu; cơ cấu lại các khoản mục tài sản khác không cần thiết để tập trung nguồn lực đầu tư dự án mới.

- Tăng cường quản trị dòng tiền, vốn bằng tiền đảm bảo an toàn và hiệu quả sử dụng vốn, đáp ứng nhu cầu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị.

5. Phương án cơ cấu lại tổ chức bộ máy tổ chức quản lý

- Rà soát, cơ cấu lại tổ chức bộ máy của các đơn vị thành viên theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối, khắc phục tình trạng chồng chéo, đảm bảo sự đồng nhất về cơ cấu tổ chức bộ máy đối với từng loại hình công ty thành viên (công ty con có cùng tính chất như các công ty cổ phần sản xuất thép có vốn chi phối, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, các công ty cổ phần không chi phối, các công ty trách nhiệm hai thành viên trở lên) nhằm nâng cao năng lực quản trị của các đơn vị thành viên, nâng cao một bước hiệu quả liên kết giữa các công ty thành viên.

- Rà soát, đánh giá, tổ chức và hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của các ban tham mưu, giúp việc, nâng cao chất lượng nhân sự của các ban tham mưu, giúp việc của Tổng công ty thép Việt Nam để nâng cao hơn nữa hiệu lực và hiệu quả đối với bộ máy tham mưu, giúp việc.

- Xây dựng và hoàn thiện bộ máy quản trị, kiểm soát nội bộ có hiệu quả, hiệu lực tại Tổng công ty và các đơn vị thành viên; đảm bảo tính tuân thủ pháp luật; phòng ngừa và phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật, xung đột lợi ích, lạm dụng quyền lực trong hoạt động sản xuất kinh doanh; nâng cao tính minh bạch, công khai và trách nhiệm giải trình trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển và tái cơ cấu của Tổng công ty.

6. Định hướng đầu tư đổi mới công nghệ, bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội; tăng cường mở rộng liên kết với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế để hoàn thiện chuỗi cung ứng sản xuất

- Xây dựng lộ trình đầu tư đổi mới cải tiến để từng bước đổi mới công nghệ từng phần, từng giai đoạn một cách hợp lý phù hợp với năng lực của từng đơn vị.

- Thực hiện thường xuyên rà soát, đánh giá để đổi mới cải tiến kỹ thuật, áp dụng các giải pháp kỹ thuật mới nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng sản phẩm, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường, tuân thủ các yêu cầu tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định của Nhà nước (về môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ...) phù hợp với năng lực, định hướng phát triển của từng đơn vị thành viên.

- Tổng công ty tiếp tục tìm kiếm, phối hợp, liên doanh, liên kết với các đơn vị tổ chức, doanh nghiệp trong nước và các khu vực ASEAN và quốc tế để hình thành chuỗi cung ứng, sản xuất trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thép và các vật liệu có liên quan đến thép nhằm mở rộng thị trường.

- Thực hiện các giải pháp trong việc tìm kiếm các đối tác có tiềm lực về tài chính, công nghệ mới sản xuất thép xanh, kinh nghiệm... để thực hiện các mục tiêu chiến lược.

7. Kế hoạch sắp xếp cơ cấu lại các doanh nghiệp² giai đoạn đến năm 2025

7.1. Tổng công ty thép Việt Nam-CTCP - Công ty mẹ và các đơn vị phụ thuộc

Xem xét xây dựng phương án đa dạng cơ cấu cổ đông, số lượng cổ đông để đáp ứng các yêu cầu, điều kiện có thể niêm yết cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

Rà soát hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của Công ty mẹ cho phù hợp với tình hình kinh doanh thay đổi.

² Phụ lục II – Danh mục các đơn vị thoái vốn giai đoạn đến năm 2025.

Các đơn vị phụ thuộc Công ty mẹ: (i) Giữ nguyên khách sạn Phương Nam như hiện nay (ii) Xây dựng phương án quản lý Viện Luyện kim đen theo định hướng của Chính phủ báo cáo các cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định.

Đối với các đơn vị sản xuất các sản phẩm thép (thép xây dựng, cuộn cán nóng, tôn mạ và ống thép) là hoạt động cốt lõi, đóng góp chính vào năng lực sản xuất kinh doanh trong chuỗi giá trị và hoạt động có hiệu quả của Tổng công ty sẽ tiếp tục giữ tỷ lệ chi phối (từ 50% đến 65% và trên 65%). Danh mục các doanh nghiệp này nêu ở mục 7.2 và mục 7.3 dưới đây.

7.2. Doanh nghiệp do Tổng công ty nắm giữ trên 65% vốn điều lệ trở lên (5 đơn vị)

- (1) Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam-VNSTEEL (100%);
- (2) Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ-Vnsteel (100%);
- (3) Công ty TNHH MTV Vinausteel (100%);
- (4) Công ty Cổ phần Tôn mạ Vnsteel Thăng Long (89,01%);
- (5) Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè – VNSTEEL (69,07%);

7.3. Doanh nghiệp do Tổng công ty duy trì tỷ lệ nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên (7 đơn vị)

- (1) Công ty Cổ phần thép Thủ Đức – VNSTEEL (65%);
- (2) Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên (65%);
- (3) Công ty cổ phần Kim khí Hồ Chí Minh (55,67%);
- (4) Công ty cổ phần Mạ kẽm Công nghiệp Vingal – VNSTEEL (51,0%);
- (5) Công ty TNHH Trung tâm Thương mại Quốc tế (50%);
- (6) Công ty TNHH Ống thép Việt Nam (50%);
- (7) Công ty TNHH Nippovina (50%).

Đối với Công ty Nippovina theo kế hoạch trước là doanh nghiệp thực hiện thoái vốn. Tuy nhiên, sau khi rà soát đánh giá vị trí vai trò của Công ty trong chuỗi giá trị sản xuất kinh doanh sản phẩm thép đẹp, đề xuất vẫn tiếp tục nắm giữ vốn tại Nippovina vì những lý do sau:

- Công ty nằm trong chuỗi các đơn vị thép đẹp của Tổng công ty bao gồm Công ty Thép Tấm lá Phú Mỹ, Tấm lá Thống Nhất, Tôn Phương nam, Tôn Thăng Long, Gia công dịch vụ thép Sài Gòn.

- Mặc dù tiêu thụ sản phẩm và hiệu quả kinh doanh của công ty trong mấy năm gần đây có sự giảm sút, Nippovina luôn là khách hàng nằm trong top đầu các khách hàng có sản lượng lớn của Công ty Tôn Phương Nam. Việc duy trì tỷ lệ sở hữu của VNS tại Nippovina sẽ giúp tăng cường liên kết hệ thống và tăng trưởng tiêu thụ sản phẩm đầu ra cho các đơn vị của VNS.

- Nippovina là thương hiệu đã định vị trên thị trường gần 30 chục năm. Mặc dù, VNS chỉ chiếm 50% vốn, song trên thực tế Tổng công ty thực hiện được khả năng chi phối trong hoạt động sản xuất của Công ty.

7.4. Doanh nghiệp do Tổng công ty nắm giữ tỷ lệ dưới 50% vốn điều lệ (10 đơn vị)

- (1) Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung (46,85%);
- (2) Công ty TNHH Thép Vinakyoei (40%);
- (3) Công ty TNHH Natsteelvina (36,70%);

- (4) Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống nhất (31,25%);
- (5) Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung (38,30%);
- (6) Công ty TNHH Gia công và Dịch vụ Thép Sài Gòn (40%);
- (7) Công ty TNHH Cơ khí Việt Nhật (28%);
- (8) Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện Kim (45%);
- (9) Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây (40,06%);
- (10) Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê (15,12%).

Với quan điểm tiếp tục tăng cường chuỗi giá trị trong sản xuất kinh doanh thép, đảm bảo sự hiện diện của Tổng công ty tại các địa bàn vùng miền trọng điểm trong toàn quốc (miền Bắc, miền Trung và miền Nam), đề nghị điều chỉnh tiếp tục nắm giữ vốn đầu tư của VNS tại các đơn vị: Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây; Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê và Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung.

Cơ sở tiếp tục nắm giữ vốn tại các đơn vị trên cụ thể như sau:

+ Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây (Lưới thép Bình Tây): Vốn điều lệ 19.654.400.000 Việt Nam đồng. Nguyên liệu cho sản xuất của Lưới Thép Bình Tây là thép cuộn tròn cán nóng Ø 6 – Ø 8 mm.

Sản phẩm thép sau cán: dây sáng, dây mạ, dây mạ bọc nhựa, dây mềm đen, lưới rào B40, lưới rào bọc nhựa, kẽm gai, lưới rọ đá, lưới băng tải... Đây là các sản phẩm cuối cùng và nằm trong chuỗi sản phẩm của ngành thép.

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm vừa qua đều có lãi (lợi nhuận sau thuế) : Năm 2019 lãi 0,948 tỷ đồng; Năm 2020 lãi 4,315 tỷ đồng; Năm 2021 lãi 2,77 tỷ đồng; Năm 2022 lãi 1,886 tỷ đồng; Năm 2023 lãi 1,98 tỷ đồng.

Như vậy, việc tiếp tục giữ lại vốn đầu tư của VNS tại Lưới thép Bình Tây nhằm tiếp tục duy trì và phát triển tiêu thụ các sản phẩm thép trong hệ thống của VNS và mang lại hiệu quả cho VNS.

+ Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê (TIC):

Hiện tại VNS có tỷ lệ 15,12% cổ phần hiện hữu tại TIC. Dự án Khai thác và tuyển quặng sắt mỏ Thạch Khê, Hà Tĩnh có quy mô công suất tính theo sản phẩm nguyên khai chưa chế biến với giai đoạn 1 là 5 triệu tấn/năm kéo dài trong 7 năm và giai đoạn 2 là 10 triệu tấn/năm kéo dài trong 29 năm. Hiện nay, Dự án đang tạm dừng và hoạt động của TIC kém hiệu quả. Tuy nhiên, mỏ quặng sắt Thạch Khê là mỏ sắt lớn nhất Việt Nam, có vị trí chiến lược trong ngành công nghiệp thép của Việt Nam trong tương lai. Do vậy, việc VNS có phần vốn góp tại TIC sẽ giúp cho VNS tiếp tục tham gia vào dự án quan trọng quốc gia, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi hơn khi chuẩn bị nguồn nguyên liệu cung cấp cho Trung tâm thép đang nghiên cứu của Tổng công ty.

+ Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung (Kim khí Miền Trung): Việc tiếp tục duy trì tỷ lệ vốn đầu tư của VNS là 38,30% tại Kim khí Miền Trung nhằm duy trì sự hiện diện của VNS tại khu vực Miền Trung khi VNS thoái toàn bộ vốn tại Công ty cổ phần Thép Đà Nẵng và tiếp tục giữ thị phần và hỗ trợ tiêu thụ các sản phẩm thép của các đơn vị trong hệ thống VNS là cần thiết. Hoạt động kinh doanh của Kim khí Miền Trung tương đối ổn định hàng năm đều có lãi mang lại hiệu quả cho VNS. Lợi nhuận sau thuế 05 năm gần đây: Năm 2019 lợi nhuận đạt 7,2 tỷ đồng; Năm 2020 lợi nhuận đạt 6,0 tỷ đồng; Năm 2021 lợi nhuận đạt 11,9 tỷ đồng; Năm 2022 lợi nhuận đạt 12,1 tỷ đồng; Năm 2023 lợi nhuận đạt 3,6 tỷ đồng.

7.5. Thoái toàn bộ hoặc một phần vốn đầu tư của Tổng công ty tại các Công ty sau:

Tiếp tục thực hiện thoái vốn tại các đơn vị thoái vốn không thành công trong giai đoạn trước đây (Theo Quyết định 352/QĐ-HĐQT ngày 29 tháng 12 năm 2021) không bao gồm Vinapipe và bổ sung thoái vốn tại 3 đơn vị (Các công ty: Kim khí Hà Nội, Vinatrans, Vicasa). Thông tin cơ bản về các đơn vị dự kiến thoái vốn được trình bày tóm tắt dưới đây.

(a) Các đơn vị thoái vốn một phần, vẫn giữ tỷ lệ chi phối: 2 công ty

(1) Giảm tỷ lệ vốn đầu tư của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội: giảm tỷ lệ sở hữu từ 89,37% xuống còn 51%.

Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội – Vnsteel: có vốn góp của Tổng công ty tại doanh nghiệp là 85.014 triệu đồng tương ứng 89,37 % vốn điều lệ. Là đơn vị hoạt động trong khâu lưu thông, hiệu quả kinh doanh của đơn vị cũng chỉ ở mức khiêm tốn.

**Bảng 11 : Kết quả SXKD của Công ty CP Kim khí Hà Nội
giai đoạn năm 2021-2023**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.492.022	3.551.696	4.011.132
Giá vốn hàng bán	2.439.355	3.497.905	3.943.062
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	52.667	53.792	68.069
Lợi nhuận trước thuế	9.314	10.449	15.021
Lợi nhuận sau thuế	6.665	6.963	11.566

Tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội theo số liệu đến ngày 31/12/2023:

Tổng tài sản khoảng 403.409 triệu đồng, trong đó tài sản dài hạn là 12.851 triệu đồng tương ứng 3%; tài sản ngắn hạn 390.558 triệu đồng chiếm 97%.

Vốn chủ sở hữu 106.695 triệu đồng tương ứng 26% tổng nguồn vốn và nợ phải trả ngắn hạn là 296.715. triệu đồng tương ứng 74% tổng nguồn và Nợ phải trả dài hạn là không có. Tổng giá trị tài sản dài hạn nhỏ hơn vốn chủ sở hữu, nên tình hình tài chính của Công ty khá ổn định.

Tỷ suất sinh lời khá khiêm tốn; riêng năm 2023, lợi nhuận 11,566 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận năm 2023 tính theo tài sản là ROA là 2,8% và tính theo vốn chủ ROE là 10,8%.

Hệ số thanh toán hiện tại tương đối ổn định, tài sản ngắn hạn/ nợ ngắn hạn = 1,32 > 1.

(2) Giảm tỷ lệ vốn đầu tư của Tổng công ty tại Công ty Cổ phần Kho vận Ngoại Thương (Vinatrans) giảm tỷ lệ sở hữu từ 95,37% xuống còn 51%.

Công ty Cổ phần Kho vận Ngoại Thương (Vinatrans) có vốn góp của Tổng công ty tại doanh nghiệp là 250.840 triệu đồng tương ứng 95,37 % vốn điều lệ. Vinatrans là đơn vị kinh doanh dịch vụ, hiệu quả kinh doanh chính của công ty không tốt, nhiều năm bị thua lỗ, tuy nhiên, nếu xét tổng thể chung toàn công ty thì Vinatrans vẫn có lợi nhuận.

**Bảng 12 : Kết quả SXKD của Công ty CP Kho vận Ngoại thương Việt Nam
giai đoạn năm 2021-2023**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	226.039	214.175	142.428
Giá vốn hàng bán	218.884	187.400	118.128
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.155	26.775	24.300
Doanh thu hoạt động tài chính	44.761	65.630	32.770
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	50.415	86.750	44.324
Lợi nhuận trước thuế	50.917	86.900	44.607
Lợi nhuận sau thuế	49,168	86,100	43.342

Tình hình tài chính của Công ty Vinatrans theo số liệu tính đến ngày 31/12/2023 (báo cáo tài chính hợp nhất):

Tổng tài sản khoảng 592.961 triệu đồng, trong đó tài sản dài hạn là 377.044 triệu đồng tương ứng 63%; tài sản ngắn hạn 215.916 triệu đồng chiếm 36%.

Vốn chủ sở hữu 560.084 triệu đồng tương ứng 94% tổng nguồn vốn và nợ phải trả ngắn hạn là 31.701 triệu đồng tương ứng 5,3% tổng nguồn và Nợ phải trả dài hạn là không đáng kể. Tổng giá trị tài sản dài hạn nhỏ hơn vốn chủ sở hữu, nên tình hình tài chính của Vinatrans khá ổn định.

Tỷ suất sinh lời khá khiêm tốn; riêng năm 2023, lợi nhuận sau thuế 43,3 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận năm 2023 tính theo tài sản là ROA là 7,3% và tính theo vốn chủ là 7,7 %

Hệ số thanh toán hiện tại tương đối ổn định, tài sản ngắn hạn/ nợ ngắn hạn = 6,81 > 1. Dư thừa vốn dẫn đến khai thác sử dụng vốn chưa hiệu quả.

(b) Thoái toàn bộ vốn của VNSTEEL tại các công ty sau (7 công ty)

(1) Công ty TNHH MTV Tư vấn MDC-VNSTEEL (MDC): Tỷ lệ sở hữu hiện tại của Tổng công ty là 100% vốn điều lệ.

i) Về hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 13 : Kết quả SXKD của MDC giai đoạn năm 2021-2023

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Doanh thu thuần	1.505	1.415	1.313
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-342	-208	433
Lợi nhuận khác	-38	-15	0
Lợi nhuận trước thuế	-380	-223	-138
Lợi nhuận sau thuế	-380	-223	-138
Tỷ lệ lợi nhuận cổ tức	0%	0%	0%

ii) Về tình hình tài chính của MDC theo số liệu đến ngày 31/12/2023:

Tổng tài sản 2.657 triệu đồng, quy mô rất nhỏ; tài sản dài hạn hầu như không có, tài sản ngắn hạn là 2.653 triệu đồng chiếm 99% tổng tài sản.

Vốn chủ sở hữu là 1.254 triệu đồng chiếm 47% tổng nguồn vốn; Nợ phải trả là 1.403 triệu đồng chiếm 53%. MDC là đơn vị dịch vụ, giá trị tài sản dài hạn hầu như không có và không có nợ phải trả dài hạn.

Khả năng tự chủ tài chính khá yếu, kết quả hoạt động kinh doanh bị thua lỗ nhiều năm, hiện còn lỗ lũy kế khoảng 3,7 tỷ đồng, nên rất khó khăn.

Tỷ suất sinh lời của MDC bị âm do bị lỗ lũy kế nhiều năm.

iii) Đánh giá: Đến thời điểm hiện tại, hoạt động sản xuất kinh doanh của MDC không hiệu quả, để bảo toàn vốn của Tổng công ty đã đầu tư, Tổng công ty sẽ tiếp tục thực hiện thoái toàn bộ vốn tại MDC. Trong trường hợp thoái vốn không thành công tại đơn vị này Tổng công ty sẽ thực hiện giải thể, phá sản doanh nghiệp theo luật định.

(2) Công ty TNHH MTV Cung ứng nhân lực Quốc tế - VNSTEEL (VMSC): tỷ lệ sở hữu hiện tại của Tổng công ty là 100% vốn điều lệ. Hoạt động kinh doanh của VMSC hiệu quả đạt rất thấp hàng năm lợi nhuận đạt dưới 50 triệu đồng.

i) Về hoạt động sản xuất kinh doanh

**Bảng 14 : Kết quả SXKD của Cung ứng nhân lực Quốc tế - VNSTEEL
giai đoạn năm 2021 – 2023**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Doanh thu thuần	1.995	2.546	2.816
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	11	17	57
Lợi nhuận khác	0	0	0
Lợi nhuận trước thuế	11	17	57
Lợi nhuận sau thuế	4	6	38
Tỷ lệ lợi nhuận cổ tức	0%	0%	0%

ii) Về tình hình tài chính của VMSC theo số liệu tính đến ngày 31/12/2023:

Tổng tài sản khoảng 10.357 triệu đồng; tài sản dài hạn là 1.474 triệu đồng tương ứng 14% tổng tài sản và tài sản ngắn hạn là 8.883 triệu đồng chiếm 86% tổng tài sản.

Vốn chủ sở hữu là 6.977 triệu đồng chiếm 67% tổng nguồn vốn; Nợ phải trả là 3.380 triệu đồng chiếm 33%. VMSC là đơn vị dịch vụ, giá trị tài sản dài hạn thấp và không có nợ phải trả dài hạn.

Khả năng tự chủ tài chính khá tốt, chỉ số thanh toán hiện hành. Tỷ suất sinh lời của VMDC khá khiêm tốn và hầu như không chia cổ tức, cụ thể tỷ suất lợi nhuận năm 2023 là: Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản (ROA) là 0,4% và tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) là 0,6%.

iii) Đánh giá: Với hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả rất thấp, Tổng công ty sẽ thực hiện thoái toàn bộ vốn tại VMSC, trong trường hợp thoái vốn không thành công tại đơn vị này Tổng công ty sẽ thực hiện giải thể, phá sản doanh nghiệp theo luật định.

(3) Công ty cổ phần Thép Vicasa - Vnsteel: Thép Vicasa đổi tên từ Công ty cổ phần Thép Biên Hòa (VICASA) được thành lập theo Quyết định số 2255/QĐ-BCN ngày 29/06/2007 của Bộ Công nghiệp và Quyết định số 641/QĐ-TCLĐ ngày 21/09/2007 của Tổng công ty Thép Việt Nam về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Thép Biên Hòa thành Công ty cổ phần Thép Biên Hòa. Đăng ký kinh doanh theo hình thức công ty cổ phần ngày 25/12/2007 (Mã cổ phiếu VCA). Vốn điều lệ là 151.873.220.000 đồng. Vốn góp của VNSTEEL: 98.718.750.000 VNĐ chiếm tỷ lệ 65% vốn điều lệ. Xưởng luyện thép và cán thép được đánh giá với trình độ thiết bị công nghệ lạc hậu, không đồng bộ, xuống cấp với công suất: 200.000 tấn/năm. Sản phẩm là thép xây dựng.

i) Về hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 15 : Kết quả SXKD của Vicasa giai đoạn năm 2021-2023

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Doanh thu thuần	2.613.330	2.335.209	1.724.962
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	45.573	-4.395	8.851
Lợi nhuận khác	(62)	(582)	90
Lợi nhuận trước thuế	45.510	-4.977	8.942
Lợi nhuận sau thuế	36.384	-5.900	7.291
Tỷ lệ lợi nhuận cổ tức	30%	0%	0%

ii) Tình hình tài chính của VICASA theo số liệu tính đến ngày 31/12/2023:

Tổng tài sản khoảng 342.808 triệu đồng, trong đó tài sản dài hạn là 38.305 triệu đồng tương ứng 11%; tài sản ngắn hạn 304.503 triệu đồng chiếm 89%.

Vốn chủ sở hữu 189.703 triệu đồng tương ứng 55% tổng nguồn vốn và nợ phải trả là 153.105 triệu đồng tương ứng 45% tổng nguồn vốn.

Tỷ suất sinh lời khá khiêm tốn; năm 2021 có tỷ suất lợi nhuận trên tài sản (ROA) là 8,1% và tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) là 15,7% ; năm 2022; ROA là -1,2% và ROE là -2,7% và năm 2023: ROA là 1,35%; ROE là 2,6%

Do quy mô nhỏ, ít đầu tư, giá trị tài sản dài hạn thấp năm 2023 khoảng 11%; nên không bị mất cân đối tài chính và hệ số thanh toán hiện tại khá tốt, luôn lớn hơn 1.

iii) Đánh giá:

Căn cứ Đề án chuyển đổi công năng KCN Biên Hòa I của UBND tỉnh Đồng Nai (công văn số 185/PTKCN-DA ngày 09/3/2015 của Sonadezi, công văn số 374/KCNĐN-QHXXH ngày 11/3/2015 của Ban quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai về việc cung cấp thông tin đề án chuyển đổi công năng KCN Biên Hòa 1), theo đó VICASA dự kiến di dời vào giai đoạn 3, từ năm 2022-2025.

VICASA đã tiến hành triển khai các bước chuẩn bị cần thiết tìm kiếm địa điểm mới để thực hiện công tác di dời và đã đánh giá việc di dời kết hợp với việc đầu tư nâng cấp các trang thiết bị, kết quả tính toán hiệu quả đối với phương án di dời là không có hiệu quả và không khả thi. Thiết bị, công nghệ sản xuất hiện tại của VICASA đã lạc hậu, chỉ duy trì được trong vài năm tới, hiện nay thương hiệu VICASA vẫn còn giá trị, thời điểm phải di dời nhà máy đã cận kề. Hoạt động sản xuất kinh doanh của VICASA trong 02 năm gần đây bị sụt giảm nhiều. Do vậy, cần thoái vốn tại VICASA để tập trung nguồn lực đầu tư cho di dời nhà máy Thép Thủ Đức và các dự án trọng điểm. Hiện tại với số lao động của nhà máy thép khoảng 310 người, việc VNS thực hiện thoái toàn bộ vốn sẽ không bị tác động đến công việc của người lao động. Sau khi thoái vốn, đối tác vẫn duy trì việc SXKD thép xây dựng, có mở rộng, có cải tiến đổi mới công nghệ nâng công suất và tuyển dụng thêm lao động tương xứng.

(4) Công ty cổ phần RedstarCera: Tỷ lệ sở hữu hiện tại của Tổng công ty là 20,05% vốn điều lệ.

i) Về hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 16 : Kết quả SXKD của RedstarCera giai đoạn năm 2021-2023

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Doanh thu thuần	624.601	675.971	510.715
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	37.518	38.159	-19.282
Lợi nhuận khác	-7.950	-1.951	-14.09
Lợi nhuận trước thuế	29.568	36.208	-33.380
Lợi nhuận sau thuế	24.291	28.684	-33.667
Tỷ lệ lợi nhuận cổ tức	10%	10%	

ii) Về tình hình tài chính của RedstarCera theo số liệu tại thời điểm 31/12/2023:

Tổng tài sản khoảng 540.734 triệu đồng, trong đó tài sản dài hạn là 261.644 triệu đồng tương ứng 48%; tài sản ngắn hạn 279.090 triệu đồng chiếm 52%.

Vốn chủ sở hữu 125.337 triệu đồng tương ứng 23% tổng nguồn vốn và nợ phải trả ngắn hạn là 343.929 triệu đồng tương ứng 64% tổng nguồn vốn và nợ phải trả dài hạn là 71.468 triệu đồng tương ứng 13% tổng nguồn vốn.

Tỷ suất sinh lời khá khiêm tốn; năm 2023, bị lỗ khoảng 33,6 tỷ đồng. Do đó tỷ suất lợi nhuận bị âm.

Hiện tại Công ty đang bị mất cân đối tài chính (Vốn chủ sở hữu + Nợ dài hạn – Tài sản dài hạn = âm 64,84 tỷ đồng).

Hệ số thanh toán hiện tại khá yếu, tài sản ngắn hạn/ nợ ngắn hạn = 0,8 < 1; tiềm ẩn nguy cơ mất khả năng thanh toán.

iii) Đánh giá: do ngành nghề kinh doanh của Công ty không gắn kết với ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của Tổng công ty và hiệu quả đầu tư mang lại cho Công ty mẹ - Tổng công ty không ổn định. Trong giai đoạn 2021-2022 đã thực hiện thoái vốn tại RedstarCera không thành công, tiếp tục thực hiện thoái toàn bộ vốn của Tổng công ty tại đơn vị này giai đoạn 2023-2025.

(5) Công ty cổ phần thép Đà Nẵng: Tỷ lệ sở hữu hiện tại của Tổng công ty là 31,16% vốn điều lệ.

i) Về hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 17 : Kết quả SXKD của Thép Đà Nẵng giai đoạn năm 2021-2023

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Doanh thu thuần	1.754.356	1.544.719	1.479.146
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	113.310	-58.152	1.622
Lợi nhuận khác	1.457	7.260	1.850
Lợi nhuận trước thuế	114.768	-50.891	3.472
Lợi nhuận sau thuế	99.574	-50.891	3.472
Tỷ lệ lợi nhuận cổ tức	26%	0%	0%

ii) Về tình hình tài chính của Công ty CP Thép Đà Nẵng tính đến ngày 31/12/2023:

Tổng tài sản khoảng 518.750 triệu đồng, trong đó tài sản dài hạn là 101.549 triệu đồng tương ứng 20%; tài sản ngắn hạn 417.201 triệu đồng chiếm 80%.

Vốn chủ sở hữu 177.778 triệu đồng tương ứng 34% tổng nguồn vốn và nợ phải trả ngắn hạn là 340.952 triệu đồng tương ứng 66% tổng nguồn.

Tỷ suất sinh lời khá khiêm tốn; năm 2022 bị lỗ và năm 2023, lợi nhuận khoảng 3,5 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận tính theo tài sản ROA là 0,7% và theo vốn chủ sở hữu ROE là 1,6%.

Hiện tại Công ty tài chính của công ty khá ổn định do giá trị tài sản dài hạn nhỏ hơn vốn chủ sở hữu, Công ty không có nợ dài hạn.

Hệ số thanh toán hiện tại tương đối ổn định, tài sản ngắn hạn/ nợ ngắn hạn = 1,22 > 1.

iii) Đánh giá: Hiệu quả đầu tư mang lại cho Công ty mẹ - Tổng công ty không cao, ngoài ra với tỷ lệ góp vốn chỉ chiếm trên 31% vốn điều lệ của Công ty nên khả năng kiểm soát của Tổng công ty là rất thấp, không có tiếng nói quyết định trong đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị cũng như tham gia sâu vào các công tác quản lý của Công ty để nâng cao hiệu quả vốn đầu tư. Trong giai đoạn 2021-2022 đã thực hiện thoái vốn tại Công ty cổ phần thép Đà Nẵng không thành công, tiếp tục thực hiện thoái toàn bộ vốn của Tổng công ty tại đơn vị này giai đoạn 2023-2025.

(6) Công ty TNHH Cảng quốc tế Thị Vải: Tỷ lệ sở hữu hiện tại của Tổng công ty là 12,75% vốn điều lệ.

i) Về hoạt động sản xuất kinh doanh

**Bảng 18 : Kết quả SXKD của Cảng quốc tế Thị Vải
giai đoạn năm 2021-2023**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Doanh thu thuần	137.525	119.883	67.085
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	32.526	10.619	-23.423
Lợi nhuận khác	(9)	21	-37
Lợi nhuận trước thuế	32.516	10.640	-23.460
Lợi nhuận sau thuế	32.516	10.640	-23.460
Tỷ lệ lợi nhuận cổ tức	0%	0%	

ii) Về tình hình tài chính của Công ty TNHH Cảng quốc tế Thị Vải theo số liệu tính đến ngày 31/12/2023:

Tổng tài sản khoảng 960.254 triệu đồng, trong đó tài sản dài hạn là 708.007 triệu đồng tương ứng 73,7%; tài sản ngắn hạn 252.246 triệu đồng chiếm 26,2%.

Vốn chủ sở hữu 622.896 triệu đồng tương ứng 64% tổng nguồn vốn và nợ phải trả ngắn hạn là 64.200 triệu đồng tương ứng 10% tổng nguồn và Nợ phải trả dài hạn là 273.157 triệu đồng tương ứng 43%

Tỷ suất sinh lời khá khiêm tốn; riêng năm 2023, bị lỗ khoảng 23,46 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận năm 2023 bị âm

Hiện tại Công ty tài chính của công ty khá ổn định do giá trị tài sản dài hạn nhỏ hơn vốn chủ sở hữu + Nợ phải trả dài hạn.

Hệ số thanh toán hiện tại tương đối ổn định, tài sản ngắn hạn/ nợ ngắn hạn = 3,9 > 1. Dư thừa vốn dẫn đến khai thác sử dụng vốn chưa hiệu quả.

iii) Đánh giá: Kể từ khi đi vào hoạt động hiệu quả đầu tư cho Công ty mẹ - Tổng công ty không cao. Ngoài ra với tỷ lệ góp vốn chỉ chiếm trên 12% vốn điều lệ nên quyền kiểm soát hoạt động của Công ty rất thấp, do vậy không thể tham gia sâu trong công tác quản lý của Công ty để nâng cao hiệu quả vốn đầu tư. Trong giai đoạn 2021-2022 đã thực hiện thoái vốn tại Công ty TNHH Cảng quốc tế Thị Vải không

thành công, tiếp tục thực hiện thoái toàn bộ vốn của Tổng công ty tại đơn vị này giai đoạn 2023-2025.

(7) Công ty TNHH Ống thép Hàn xoắn Nippon Steel Việt Nam (Công ty Ống thép Hàn xoắn): Tỷ lệ sở hữu hiện tại của Tổng công ty là 3,85% vốn điều lệ.

i) Về hoạt động sản xuất kinh doanh

**Bảng 19 : Kết quả SXKD của Công ty TNHH Ống thép Hàn Xoắn
giai đoạn năm 2021-2023**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Doanh thu thuần	1.062.241	1.080.605	231.687
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	176.302	61.293	-96.382
Lợi nhuận khác	133	88	0
Lợi nhuận trước thuế	176.436	61.382	-110.909
Lợi nhuận sau thuế	140.710	48.933	-137.276
Tỷ lệ lợi nhuận cổ tức	0%	0%	

ii) Về tình hình tài chính của Công ty Ống thép Hàn xoắn theo số liệu tính đến ngày 31/12/2023 :

Tổng tài sản khoảng 677.921 triệu đồng, trong đó tài sản dài hạn là 284.508 triệu đồng tương ứng 41%; tài sản ngắn hạn 93.413 triệu đồng chiếm 58%.

Vốn chủ sở hữu 236.734 triệu đồng tương ứng 35% tổng nguồn vốn và nợ phải trả ngắn hạn là 441.186 triệu đồng tương ứng 65% tổng nguồn.

Tỷ suất sinh lời khá khiêm tốn; riêng năm 2023, lợi nhuận bị lỗ khoảng 137 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận năm 2023 bị âm.

Hiện tại Công ty tài chính của công ty không ổn định do giá trị tài sản dài hạn lớn hơn vốn chủ sở hữu.

Hệ số thanh toán hiện tại không ổn định, tài sản ngắn hạn/ nợ ngắn hạn = $0,89 < 1$.

iii) Đánh giá: Với tỷ lệ góp vốn quá thấp, do đó Tổng công ty không thể kiểm soát hoạt động của Công ty để tham gia công tác quản lý để nâng cao hiệu quả vốn đầu tư. Thực hiện thoái toàn bộ vốn của Công ty Ống thép Hàn xoắn để tập trung nguồn lực của Tổng công ty đầu tư cho dự án mới.

Quá trình thực hiện thoái vốn các đơn vị trên thực hiện rà soát, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên danh mục các đơn vị sẽ thực hiện thoái vốn triển khai trước để đảm bảo việc thoái vốn khả thi, thành công và có nguồn tài chính để tập trung đầu tư cho các dự án trọng điểm của VNSTEEL.

Đối với các đơn vị thoái vốn không thành công giai đoạn trước đây, tạm thời dừng thoái vốn tại Công ty Vinapipe do việc thoái vốn của Vinapipe đã 4 lần không thành công. Đây là đơn vị sản xuất ống thép duy nhất có vốn của Tổng công ty, có thương hiệu tốt. Hiện nay, đối tác Hàn Quốc đang mong muốn cùng Tổng công ty xem xét cơ hội đầu tư tăng công suất. Do vậy, Tổng công ty cần có thời gian để xem xét đánh giá phương án tái cơ cấu Vinapipe và sẽ báo cáo phương án bổ sung sau khi trao đổi bàn bạc với đối tác.

7.6. Tăng tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty tại các Công ty sau:

(1) Mua lại phần vốn của đối tác tại liên doanh để tăng tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty lên ít nhất là 51%, cao nhất là 67% tại Công ty Tôn Phương Nam (SSSC):

SSSC là công ty liên doanh giữa VNSTEEL, Công ty FIW Steel Sdn.Bhd (Malaysia) và Sumitomo (Nhật Bản) được thành lập tháng 06/1995 theo Giấy phép đầu tư số 1264/GP do UBND về Hợp tác và Đầu tư cấp ngày 09/6/1995. Hiện tại SSSC có 02 nhà máy: Nhà máy tại KCN Biên Hòa I hoạt động từ tháng 09 năm 1998 gồm xưởng mạ kẽm công suất 100.000 tấn/năm và xưởng mạ màu công suất 70.000 tấn/năm; Nhà máy tại KCN Nhơn Trạch II – Nhơn Phú có 03 phân xưởng gồm xưởng mạ kẽm và hợp kim nhôm kẽm công suất 150.000 tấn/năm, xưởng mạ màu công suất 100.000 tấn/năm (02 xưởng này hoạt động từ tháng 4/2015). Xưởng mạ kẽm CGL3 (loại tôn dày) công suất 150.000 tấn/năm hoạt động tháng 5/2021. Nhà máy tại KCN Biên Hòa I phải thực hiện di dời theo quy hoạch của UBND tỉnh Đồng Nai. Ngày 31/01/2023 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai đã có thông báo số 09/TB-STNMT hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ777700 cấp ngày 19/5/2011 đối với nhà máy ở KCN Biên Hòa I. Hiện nay nhu cầu thị trường đang dần chuyển dịch theo hướng đa dạng hóa các dòng sản phẩm để cung cấp cho cùng một công trình như tôn kẽm dày để làm xà gồ, tấm đồ sần, hệ thống cơ điện lạnh; tôn màu lợp vách, tôn màu lợp mái.

Tiềm năng nhu cầu sử dụng tôn mạ kẽm của SSSC trong tương lai tiếp tục là điểm sáng, với các thiết bị hiện đại, công nghệ thân thiện với môi trường nên các sản phẩm của SSSC phù hợp với xu thế thép xanh, đạt tiêu chí xuất khẩu sang các thị trường Châu Âu, Mỹ, Úc, Asean..

Vì vậy, việc phát triển SSSC là một trong những đơn vị mạnh về lợi thế phát triển thép dẹt là chiến lược của VNSTEEL. Để tăng cường tham gia sâu hơn vào thị trường các sản phẩm gia công mạ, căn cứ vào khả năng tài chính hiện nay của Tổng công ty, trước mắt VNSTEEL xem xét mua lại 6% phần vốn góp của đối tác trong liên doanh tại SSSC để đạt được tỷ lệ vốn chi phối nhằm tăng cường công tác quản lý, kiểm soát tại SSSC và sự phối hợp giữa các đơn vị trong khối thép dẹt của VNSTEEL.

(2) Mua lại 70% phần vốn của VII để tăng tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty tại Vinausteel lên 100%:

Công ty Liên doanh Sản xuất Thép Vinausteel được thành lập theo Giấy phép Đầu tư số 898/GP do Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư (nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cấp ngày 28/6/1994, thời hạn hoạt động 30 năm (hết hạn vào ngày 28/6/2024) và các Giấy phép Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 6 vào ngày 13/6/2001. Vốn điều lệ: 12.100.000 USD. Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Việt Nam (Công ty VII) góp 8.470.000 chiếm 70% vốn điều lệ. Vốn góp của Tổng công ty là 3.630.000 USD, chiếm 30% vốn điều lệ. Hiện tại nhà máy của Vinausteel đang sản xuất thép cán xây dựng với công suất 250.000 tấn/năm. Giấy phép đầu tư và Hợp đồng Liên doanh, đến ngày 28/6/2024 là hết hạn liên doanh của Vinausteel; để Công ty Vinausteel (pháp nhân doanh nghiệp) tiếp tục tồn tại mà không bị hết hạn cùng Dự án nhà máy Thép Vinausteel thì Vinausteel phải thực hiện chuyển đổi Giấy phép đầu tư thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (CNĐKDN) và Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (CNĐKĐT) đối với Dự án liên doanh tại Quán Toan, Hải Phòng.

Ngày 27/10/2023, VII có thư chào bán 70% cổ phần của VII tại Vinausteel cho VNSTEEL. Việc nhận chuyển nhượng phần vốn góp của VII tại Vinausteel nhằm duy trì hoạt động của Công ty sau khi hết thời hạn hoạt động của dự án để tiếp tục duy trì và giữ vững thương hiệu mạnh trên thị trường thép dân dụng. Khi đó Tổng công ty sở hữu 100% vốn điều lệ tại Vinausteel, và Vinausteel trở thành Công ty TNHH MTV

thuộc Tổng công ty và hoàn toàn chủ động trong việc quyết định mọi mặt liên quan đến các định hướng phát triển của Vinausteel; Tổng công ty giữ vững được thị phần và vị trí trong lĩnh vực sản xuất thép xây dựng trên thị trường phía Bắc (là khu vực thị trường Tổng công ty đang bị thu hẹp sau khi giải thể VPS), đồng thời có thể tiếp tục đầu tư phát triển, mở rộng trên nền tảng thương hiệu “Thép Việt Úc”.

Ngày 12/12/2024 Hội đồng quản trị của VNS đã ban hành Nghị quyết số 124/NQ-VNS về việc phê duyệt hạng mục đầu tư mua lại phần vốn góp của VII tại Vinausteel trên cơ sở công văn số 2035/ĐTKDV-ĐT4 ngày 30/10/2023 của SCIC và tờ trình số 1103/TTr-VNS ngày 12/12/2023 của Ban điều hành VNS.

Triển khai Nghị quyết số 124/NQ-VNS ngày 12/12/2023, VNS đã ký hợp đồng mua lại phần vốn góp của VII tại Vinausteel. Ngày 05/02/2024 Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200108811 Công ty TNHH Một thành viên cho Vinausteel, chủ sở hữu là Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP. Vốn điều lệ 141.639.618.000 đồng.

7.7. Đầu tư mới để bù đắp sản lượng thép chữ V

Phương án định hướng đầu tư đối với Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức, đồng thời bù đắp sản lượng thép V khi thực hiện thoái vốn tại VICASA, sẽ xem xét đầu tư 01 nhà máy sản xuất luyện cán thép công suất 500.000 tấn/năm theo hình thức mua bán sáp nhập doanh nghiệp sản xuất thép hiện có (M&A). Mua lại cổ phần của doanh nghiệp sản xuất thép hiện có tại khu vực phía Nam, miền Tây.

Tỷ lệ sở hữu mục tiêu đối với doanh nghiệp sản xuất thép: ít nhất là 51%

7.8. Tái cơ cấu lại các Công ty thuộc danh mục Dự án, doanh nghiệp yếu kém của ngành Công thương.

Danh mục 02 công ty thuộc 12 Dự án, doanh nghiệp kém hiệu quả, chậm tiến độ ngành Công Thương gồm: Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên (Tisco) và Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung (VTM).

Tổng công ty sẽ thực hiện tái cơ cấu lại 02 đơn vị nói trên sau khi có ý kiến chỉ đạo của các cấp thẩm quyền theo Đề án riêng. Sau khi thực hiện tái cơ cấu hai đơn vị này. Tổng công ty sẽ nghiên cứu cơ cấu lại các đơn vị sản xuất tại khu vực các tỉnh phía Bắc (Tisco, VTM, Natsteelvina, Thép Việt Úc) theo định hướng tăng quy mô kinh tế (Công suất 1,5-2,0 triệu tấn thép/năm), giảm đầu mỗi, chuyên môn hóa sản xuất theo sản phẩm với chủ lực là thép xây dựng, bổ sung sản phẩm thép hợp kim.

7.9 Danh mục doanh nghiệp thực hiện thủ tục phá sản doanh nghiệp

Bảng 20 : Danh mục các đơn vị giải thể, phá sản

TT	Danh mục các doanh nghiệp	Hình thức thực hiện
1	Công ty cổ phần Tân Thành Mỹ	Phá sản doanh nghiệp
2	Công ty cổ phần Thép tấm Miền Nam	Phá sản doanh nghiệp

8. Nguồn thu từ việc cơ cấu lại các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Căn cứ vào giá trị sổ sách tại thời điểm hiện tại và tỷ lệ thoái vốn, dự kiến nguồn thu từ hoạt động thoái vốn như sau:

Bảng 21 : Dự kiến nguồn thu từ cơ cấu lại các khoản đầu tư*Đơn vị: VNĐ*

STT	Tên công ty	Vốn góp của Vnsteel đã đầu tư ghi nhận theo sổ sách	Dự kiến thoái Vốn 2024-2025		Giá trị dự thu theo giá trị sổ sách
			Trước khi giảm	Sau khi giảm	
I	Công ty con	469.072.297.088			286.419.109.999
1	Công ty TNHH MTV Cung ứng nhân lực Quốc tế - Vnsteel	6.800.000.000	100%	0%	6.800.000.000
2	Công ty TNHH MTV Tư vấn MDC	5.000.000.000	100%	0%	5.000.000.000
3	Công ty cổ phần Thép Vicasa - Vnsteel	121.418.373.106	65%	0%	121.418.373.106
4	Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - Vnsteel	85.013.746.834	89,37%	51%	36.499.691.910
5	Công ty giao nhận kho vận ngoại thương Vinatrans	250.840.177.148	95,37%	51%	116.701.044.983
II	Các công ty liên kết	200.629.822.460			199.810.822.460
1	Công ty cổ phần Redstarcera	23.577.820.000	20,05%	0%	23.577.820.000
2	Công ty cổ phần Thép Đà Nẵng	71.642.335.291	31,16%	0%	71.642.335.291
3	Công ty TNHH Cảng quốc tế Thị Vải	76.909.667.169	12,75%	0%	76.090.667.169
4	Công ty TNHH ống thép hàn xoắn Nippon Steel Việt Nam	28.500.000.000	3,85%	0%	28.500.000.000
	TỔNG CỘNG	669.702.119.547			486.229.932.459

Số tiền thu được từ thoái vốn sẽ phụ thuộc phương án thoái vốn cụ thể, tình hình thị trường vốn tại thời điểm thoái vốn và các yếu tố liên quan khác.

9. Về việc xử lý đất đai đối với các đơn vị thoái vốn.

a) Các cơ sở nhà đất hiện do các đơn vị (thoái vốn, giảm tỷ lệ vốn điều lệ của VNS tại đơn vị) quản lý chủ yếu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và sử dụng làm văn phòng hoạt động. Đối với các công ty con thuộc đối tượng phải sắp xếp lại, xử lý nhà, đất, Tổng công ty sẽ thực hiện việc sắp xếp các cơ sở đất đai theo đúng quy định tại Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối với các doanh nghiệp có lợi thế về đất đai: nghiên cứu, rà soát, đánh giá hiện trạng pháp lý của quỹ đất do các đơn vị quản lý, sử dụng để xây dựng các phương án khai thác cụ thể nhằm tận dụng lợi thế về đất đai để có nguồn lực tái đầu tư cho lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh cốt lõi.

(Danh mục các cơ sở đất đai nêu ở Phụ lục III).

10. Xác định nhu cầu vốn đầu tư, tái cơ cấu giai đoạn đến năm 2025

Nhu cầu vốn để đầu tư, tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn đến năm 2025, được xây dựng trên những cơ sở sau:

- Vốn đầu tư cho Dự án của Công ty thép Nhà Bè, căn cứ vào Phương án vốn đã nêu trong Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án đầu tư bổ sung công suất luyện thép của Công ty Cổ phần thép Nhà Bè.
- Vốn đầu tư mua lại cổ phần của doanh nghiệp sản xuất thép, nghiên cứu tìm kiếm các doanh nghiệp sản xuất thép hiện có để góp vốn đầu tư (tối thiểu 51% vốn điều lệ) nhằm bù đắp sản lượng thép chữ V của VNS khi nhà máy thép Thủ Đức của VNS phải di dời theo quy hoạch của địa phương.
- Vốn đầu tư để mua lại vốn của FIW tại Tôn Phương Nam và vốn của VII tại Công ty thép Việt Úc, căn cứ vào thư chào mới nhất của các đối tác gửi cho VNS.

Bảng 22: Nhu cầu vốn đầu tư tái cơ cấu giai đoạn đến năm 2025

TT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn			Dự kiến giải ngân năm 2023-2025 (tỷ đồng)
			Vốn chủ sở hữu		Vốn vay	
			Công ty mẹ góp	Đơn vị tự thu xếp		
I	Dự kiến một số danh mục đầu tư giai đoạn đến năm 2025					
1	Dự án đầu tư bổ sung công đoạn luyện phôi thép công suất 150.000 tấn/năm tại Công ty Thép Nhà Bè	450,0	149,39	66,61	234,0	450,0
2	Phương án định hướng đầu tư đối với Công ty Thép Thủ Đức (Mua lại cổ phần của doanh nghiệp sản xuất thép)	600,0	300,0		300,0	600,0
II	Dự chi cho hoạt động đầu tư dài hạn					
1	Phương án mua lại vốn góp tại Tôn Phương Nam theo thư chào của đối tác tại SSSC.	92,048	92,048			92,048
2	Mua lại vốn góp của liên doanh tại Vinausteel	66,92	66,92			66,92

	Tổng cộng	1.208,968	608,358	66,61	534,0	1.208,968
--	------------------	------------------	----------------	--------------	--------------	------------------

11. Nguồn vốn đầu tư dự kiến:

- Nguồn vốn chủ sở hữu của Tổng công ty (Quỹ đầu tư phát triển).
- Thu từ thoái vốn của VNSTEEL giai đoạn đến 2025.
- Phát hành tăng vốn điều lệ (khi đáp ứng đủ điều kiện).
- Vốn vay từ các tổ chức tín dụng.

12. Lộ trình/kế hoạch triển khai thực hiện việc tái cơ cấu

- Lộ trình thoái vốn, giảm tỷ lệ sở hữu của VNS tại các Công ty con, liên kết thực hiện trong năm 2024-2025. Lộ trình cụ thể của từng đơn vị sẽ được xây dựng sau khi Đề án Tái cơ cấu được phê duyệt.

- Bám sát những nguyên tắc và lộ trình của Đề án tái cơ cấu Tổng công ty. Đẩy mạnh công tác thoái vốn để phân đầu đến năm 2025 hoàn thành kế hoạch sắp xếp, cơ cấu lại các đơn vị thành viên Tổng công ty đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Đến hết năm 2025: Có mô hình tổ chức tinh gọn, có tình hình tài chính lành mạnh, hoạt động hiệu quả; có trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất hiện đại, đáp ứng đầy đủ các chuẩn mực quốc tế về quản trị doanh nghiệp; phát triển bền vững, hài hòa với môi trường và người lao động; góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Củng cố, phát triển thêm các doanh nghiệp thành viên có quy mô lớn, hoạt động hiệu quả, có thương hiệu và sức cạnh tranh trong khu vực và quốc tế; M&A một số đơn vị có ngành nghề, lĩnh vực hoạt động phù hợp để tập trung nguồn lực, nâng cao vị thế và hiệu quả hoạt động sau khi thực hiện tái cơ cấu, xử lý tồn tại, nâng cao hiệu quả.

PHẦN III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổng công ty thép Việt Nam-CTCP báo cáo cơ quan đại diện vốn nhà nước tại Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC).
2. Hội đồng quản trị Tổng công ty phê duyệt Đề án tái cơ cấu.
3. Sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt, Đề án này là khuôn khổ và cơ sở pháp lý quan trọng để Tổng công ty tiếp tục triển khai công tác tái cơ cấu Tổng công ty và chỉ đạo thực hiện tái cơ cấu các công ty con, công ty liên kết theo lộ trình.
4. Tổng giám đốc căn cứ vào nội dung Đề án được duyệt, xây dựng Kế hoạch tổng thể để triển khai thực hiện.
5. Trên cơ sở kế hoạch tổng thể, Tổng công ty sẽ có phương án cụ thể đối với từng đơn vị để báo cáo Hội đồng quản trị phê duyệt phương án cụ thể cho từng đơn vị.
6. Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện theo Phương án đã được Hội đồng quản trị Tổng công ty phê duyệt.

Trong quá trình triển khai thực hiện, căn cứ tình hình thực tế, Tổng công ty sẽ bổ sung, điều chỉnh (nếu có) đối với danh mục các đơn vị thực hiện tái cơ cấu nêu trên./.

Phụ Lục I - Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

Phụ Lục I- a: Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật luyện gang

	Sản Lượng	Hệ số lợi dụng	Tiêu hao coke	Phun than	Tiêu hao quặng	Tiêu hao điện năng
Tisco 2						
2021	114,886.1	2.630	555.56	53.97	1,755	31.60
2022	115,889.1	2.674	580.80	54.80	1,776	136.15
2023	83,266.7	2.864	546.30	90.62	1,779	135.82
Bình Quân	314,041.9	2.708	562.417	63.994	1,768.983	97.815
Tisco 3						
2021	89,537.3	2.473	572.42	34.18	1,756	148.44
2022	87,942.9	2.466	600.41	18.81	1,776	136.15
2023	35,806.8	2.382	590.36	53.35	1,778	132.89
Bình Quân	213,287.0	2.455	586.973	31.059	1,767.821	140.760
VTM						
2021	150,700.5	2.141	576.26	46.08	1,663	151.61
2022	124,305.1	2.147	519.12	86.02	1,706	179.06
2023						
Bình Quân	275,005.6	2.144	550.431	64.134	1,682.435	164.015

Phụ Lục I- b : Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cán thép

	Sản Lượng	Tiêu Hao Kim Loại	Tiêu Hao Dầu/Khí	Tiêu Hao Điện Năng
Lưu Xá				
2021	129,830.4	1.045	37.50	120.03
2022	99,126.0	1.047	34.86	117.80
2023	43,595.4	1.049	43.45	117.80
Bình Quân	272,551.8	1.047	37.492	117.890
Thái Nguyên				
2021	310,504.0	1.023	33.67	115.39
2022	295,378.0	1.023	33.97	118.40
2023	187,258.4	1.024	32.54	116.61
Bình Quân	793,140.4	1.023	33.518	116.799
Thủ Đức				
2021	140,709.8	1.030	0.00	105.01
2022	104,340.0	1.027		108.00
2023	51,711.1	1.025	0.00	112.23
Bình Quân	296,760.9	1.028	0.00	107.322
Biên Hòa				
2021	159,657.4	1.028	0.00	122.40
2022	129,236.7	1.028	0.00	121.33
2023	66,427.5	1.028		119.80
Bình Quân	355,321.5	1.028	0.00	121.523
Thép Miền Nam				

2021	482,681.6	1.023	23.50	111.57
2022	415,267.9	1.024	19.97	108.10
2023	245,628.1	1.024	20.47	109.27
Bình Quân	1,143,577.6	1.024	21.568	109.816
Nhà Bè				
2021	132,531.5	1.021	1.19	102.00
2022	115,249.0	1.030	1.17	100.41
2023	63,610.8	1.029	1.23	103.31
Bình Quân	311,391.4	1.026	1.189	101.679

Phụ Lục I – c : Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật luyện thép

	Sản Lượng	Tiêu Hao Kim Loại	Than Điện Cực	Tiêu Hao Điện Năng
Lưu Xá				
2021	430,737.2	1.131	2.22	273.21
2022	313,163.4	1.140	2.29	260.21
2023	35,021.8	1.146	2.00	224.45
Bình Quân	778,922.3	1.135	2.239	265.794
VTM				
2021	150,700.5	1.107		45.00
2022	0.0	0.0		0.0
2023	0.0	0.0		0.0
Bình Quân	150,700.5	1.107		45.00
Thủ Đức				
2021	162,955.4	1.133	2.20	529.26
2022	120,652.0	1.114	2.04	542.00
2023	42,558.2	1.131	2.01	547.21
Bình Quân	326,165.6	1.126	2.114	536.314
Biên Hòa				
2021	162,955.4	1.133	2.20	529.26
2022	143,988.1	1.133	2.17	525.45
2023	66,427.5	1.135	2.01	520.37
Bình Quân	373,370.9	1.133	2.154	526.209
Thép Miền Nam				
2021	536,745.3	1.133	2.20	429.26
2022	409,093.1	1.129	1.46	425.00
2023	237,102.6	1.131	1.38	428.09
Bình Quân	1,182,940.9	1.131	1.779	427.552

PHỤ LỤC II : Danh mục tái cơ cấu 5 năm giai đoạn 2021-2025

STT	Tên đơn vị	Giai đoạn đến 2025		Ghi chú
		Tỷ lệ vốn trước kế hoạch	Tỷ lệ vốn sau khi thực hiện	
I	Thoái 100% vốn của VNS tại các công ty con, công ty liên kết (theo Quyết định đã được Hội đồng quản trị phê duyệt và đề xuất bổ sung)			
1	Công ty TNHH MTV tư vấn MDC-Vnsteel	100%	0%	Tiếp tục thực hiện
2	Công ty TNHH MTV Cung ứng nhân lực Quốc tế - Vnsteel	100%	0%	Tiếp tục thực hiện
3	Công ty cổ phần RedstarCera	20,05%	0%	Tiếp tục thực hiện
4	Công ty cổ phần thép Đà Nẵng	31,16%	0%	Tiếp tục thực hiện
5	Công ty TNHH Cảng quốc tế Thị Vải	12,75%	0%	Tiếp tục thực hiện
6	Công ty TNHH Ống thép Hàn Xoắn Nippon Steel Việt Nam	3,85%	0%	Tiếp tục thực hiện
7	Công ty Cổ phần Thép Vicasa - Vnsteel	65%	0%	
II	Xem xét giảm quy mô vốn đầu tư/Giảm tỷ lệ vốn đầu tư của Tổng công ty			
1	Công ty cổ phần Kim Khí Hà Nội - Vnsteel	89,37%	51%	
2	Công ty cổ phần Giao nhận Ngoại thương Việt Nam (Vinatrans)	95,37%	51%	
III	Mua thêm vốn điều lệ tại một số Công ty để tăng vai trò kiểm soát quản trị, điều hành tại các doanh nghiệp			
1	Công ty Tôn Phương Nam	45%	51%	(Xem xét mua lại phần vốn góp của đối tác liên doanh tại SSSC)
2	Công ty liên doanh sản xuất thép Vinausteel	30%	100%	(Mua lại phần vốn góp 70% của VII tại Vinausteel)
3	Công ty sản xuất thép hiện hữu quy mô công suất luyện cán 500.000 tấn/năm	0	51%	Mục tiêu nắm giữ từ 51% trở lên vốn điều lệ tại Công ty sản xuất thép hiện hữu quy mô công suất luyện cán 500.000 tấn/năm
IV	Các đơn vị tuyên bố phá sản theo luật định			
1	Công ty Thép tấm Miền Nam	Thực hiện phá sản	Hoàn thành phá sản doanh nghiệp	Đang tập hợp hồ sơ
2	Công ty cổ phần Tân thành Mỹ	Thực hiện phá sản	Hoàn thành phá sản doanh nghiệp	Đã gửi hồ sơ lên tòa án

PHỤ LỤC III
DANH SÁCH CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT CỦA CÁC ĐƠN VỊ TÀI CƠ CẤU GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2025

TT	Địa chỉ cơ sở nhà, đất	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
I. Công ty TNHH MTV Cung ứng Nhân lực Quốc tế						
1	63/42 Lạc Trung, Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội	-	~1.074,78	Nhà là tài sản nhận góp vốn từ Tổng công ty	Trụ sở Công ty và trung tâm đào tạo lao động	
II. Công ty TNHH MTV Tư vấn MDC: Không có nhà, đất. Tổng công ty đang hỗ trợ, cho phép sử dụng không thu tiền một diện tích văn phòng nhỏ tại tòa nhà 56 Thủ Khoa Huân, quận 1, TP HCM.						
III. Công ty cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam (Vinatrans)						
1	406 Nguyễn Tất Thành, F18, quận 4, TP HCM	2.572,5	2.033,39	PL điều chỉnh Hợp đồng số 127/PLĐC-QLKDN-KD ngày 12/4/2021; Hợp đồng thuê nhà số 250/HĐTN-QLKDN-KD ngày 28/8/2020	Văn phòng làm việc	Nhà thuê của Công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà TP HCM
2	A8, Trường Sơn, F2 Tân bình, TP HCM	325,6	1.411	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất (lâu dài) số BB 694283 ngày 25/8/2010	Văn phòng làm việc	
3	1531 Phạm Thế Hiển, F6, Q8, TP HCM	90,2	90,2	Hợp đồng thuê đất số 1922/HĐ-TĐ ngày 31/10/1997 của Sở Địa chính nhà đất TP HCM hết hạn từ năm 2000, chưa ký lại; Quyết định số 3910/QĐ-UBND ngày 17/8/2011 của UBND TP chấp thuận cho Công ty tiếp tục sử dụng phần diện tích phù hợp quy hoạch (60m2) để sử dụng làm văn phòng làm việc theo chế độ thuê đất 50 năm kể từ ngày 16/3/2010 (ngày cấp Giấy chứng nhận kinh doanh Công ty cổ phần); phần diện tích không phù hợp quy hoạch (30,2m2 được tạm	Văn phòng làm việc	

TT	Địa chỉ cơ sở nhà, đất	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
				sử dụng cho đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch mở rộng đường)		
4	1650 -1652 Phạm Thế Hiển, F6, Q8, TPHCM	2.479	Kho 1650: 1670,55 m2; Kho 1652: 881,60 m2	HĐ thuê đất số 1923/HĐ-TĐ ngày 31/10/1997 của Sở Địa chính TP HCM thời hạn thuê 5 năm từ ngày 01/01/1996; Hợp đồng hết hạn từ năm 2000, Công ty chưa ký lại được HĐ do Thành phố quy hoạch khu vực này làm công viên cây xanh. Hiện nay UBND quận 8 đang quy hoạch khu vực này thành khu nhà tái định cư	Kho chứa hàng	
5	102C Nguyễn Văn Cừ, Phường Cầu Kho, quận 1, TP HCM	781,2	1142,33	Giấy phép tạm thời sử dụng nhà số 0401/BNC ngày 14/6/1975 của UB quân quản TP Sài Gòn - Gia Định	Nhà tập thể	
6	161 Nguyễn Văn Quỳ, phường Phú Thuận, quận 7, TP HCM	41.302,1	96 (nhà) + 3.589 (kho)	QĐ giao đất số 3230/QĐ-UBND ngày 19/6/2013 của UBND TP HCM; Hợp đồng thuê đất số 5970/HĐ-TNMT-QLSDD ngày 12/9/2013; diện tích 41.302,1 m2; thời gian thuê đến hết ngày 31/12/2020; Giấy CN QSDD số CT 24260 cấp ngày 12/9/2013, diện tích 40.708,7m2,	Kho, bãi chứa hàng	
7	Bãi Đình Vũ, phường Đông Hải, TP Hải Phòng	25.419,6	110	Hợp đồng thuê đất số 72/HĐ-TĐ ngày 17/9/2003, diện tích 25.419,6 m2, thời hạn thuê đất là 40 năm từ năm 2003 đến năm 2043; Giấy CNQSDD số X 048994 ngày 15/10/2003 (đến 03/2043)	Bãi trung chuyển container	
IV. Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội						
1	Số 9 Tràng Tiền Đ/c: Số 9 Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội.	122,3	122,3	Hợp đồng thuê nhà đất số 353/XNHHK/HĐTNCCĐ ngày 25/12/2013, kèm theo phụ lục hợp đồng thuê nhà đất ngày 12/11/2018. Hết hạn 31/12/2018	Cửa hàng kinh doanh	Nhà thuê của Công ty TNHH MTV Quản lý và phát triển nhà Hà Nội

TT	Địa chỉ cơ sở nhà, đất	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
2	Số 20 Tôn Thất Tùng Đ/c: Số 20 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội.	1.811	3160	GCNQSDĐ số T813233 thời hạn 50 năm từ 01/01/2016 đến 01/01/2066; QĐ gia hạn sử dụng đất số 265/QĐ-UBND ngày 19/01/2015; Hợp đồng thuê đất số 353/HĐTD-STNMT-PC ngày 31/8/2015, thời hạn 50 năm đến ngày 01/01/2066.	Làm văn phòng, trụ sở Công ty	
3	A12 Khương Thượng Đ/c: Số 103 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội	151,3	151,3	Quyết định V/v: phân giao cơ sở vật chất số 516/KT-XDCB ngày 26/9/1985 của Bộ Vật tư (bản sao công chứng từ năm 1995); Tờ khai sử dụng đất theo chỉ thị 245/TTg ngày 6/7/1996.	Cửa hàng kinh doanh	
4	198 Nguyễn Trãi Đ/c: 198 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, Hà Nội	1.791,5	247	Hợp đồng thuê đất số 138-245/ĐC-ND- HĐTD ký ngày 17/7/1996 thời hạn 10 năm. Hợp đồng hết hạn 01/01/2006.	Làm văn phòng và cơ sở kinh doanh	Bị lấn chiếm khoảng không phía trên nhà vệ sinh khoảng 30 m ²
5	H2 - Thanh Xuân Đ/c: 461 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.	202,2	202,2	Quyết định số: 551/QĐ-TCCB ngày 15/4/1997 về việc sáp nhập Xí nghiệp Dịch vụ Vật tư và Công ty Vật tư thứ liệu Hà Nội (bản phổ tó); HĐKT v/v đăng ký nhà H2 Nam Thanh Xuân số 10/XN ngày 10/6/1991 của Cty XD Hà Nội.	Làm cửa hàng kinh doanh	
6	Số 658 Trương Định Đ/c: 658 Trương Định, Hoàng Mai, Hà Nội.	2.392,1	732,7	Hợp đồng thuê đất số 474 -245-98/ĐC-HĐTD ký ngày 21/12/1998 thời hạn 20 năm kể từ ngày: 01/01/1996. Hợp đồng hết hạn 01/01/2016; Giấy sử dụng đất của UB Hành chính TP Hà Nội cấp ngày 10/4/1971.D101	Làm văn phòng, cửa hàng kinh doanh	Đang bị lấn chiếm đất khoảng 34,9 m ²
7	Số 53 Đức Giang Đ/c: 53 Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	17.748,4	640,5	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 692495 ngày 05/1/2009 thời hạn 50 năm từ 15/10/1993. - QĐ cho thuê đất số 383/QĐ-UBND ngày 22/01/2008. - Hợp đồng thuê đất số 48-08 / HĐDTN	Làm văn phòng, nhà kho và bãi để hàng	

TT	Địa chỉ cơ sở nhà, đất	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
				ngày 30/6/2008. Thời hạn 50 năm từ ngày 15/10/1993 đến ngày 15/10/2043.		
8	Ngõ 109/53 Đức Giang Đ/c: Số 109 ngõ 53 Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	78.282,6	949	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 495654 ngày 06/10/2010 từ 01/01/1996 - 01/01/2026. - QĐ cho thuê đất số 4605/QĐ-UBND ngày 8/9/2009. - Hợp đồng thuê đất số 104/HĐTD ngày 26/4/2010. Thời hạn 30 năm từ 01/01/1996 đến 01/01/2026. - Quyết định thu hồi đất số 873/QĐ -UBND ngày 16/4/2019.	Làm kho, xưởng sản xuất	
9	Số 188-190 Ngọc Lâm Đ/c: 188-190 Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội.	440,6	612	- GCNQSDĐ số CK 273965 ngày 25/8/2017 thời hạn 50 năm từ 01/01/1993. - Quyết định cho thuê đất số 1628/QĐ-UBND ngày 9/03/2017. - Hợp đồng thuê đất số 333/HĐTD-STNMT-CCQLĐĐ ngày 05/6/2017. Thời hạn 50 năm từ ngày 15/10/1993 đến 15/10/2043.	Làm văn phòng, cửa hàng kinh doanh.	
10	Số 352 Ngọc Lâm Đ/c: Số 352 Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội.	171,35	160,50	Hợp đồng thuê nhà đất số 194/XNLB/HĐTNCD ngày 23/7/2014, kèm theo phụ lục hợp đồng thuê nhà, đất ngày 22/6/2018.	Làm văn phòng, cửa hàng kinh doanh	Nhà thuê của Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội
11	Số 316 Ngọc Lâm Đ/c: Số 316 Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội.	32	32	Hợp đồng thuê nhà đất số 347/XNLB/HĐTNCD ngày 23/7/2014, kèm theo phụ lục hợp đồng thuê nhà, đất ngày 22/6/2018.	Cửa hàng kinh doanh	Nhà thuê của Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội

TT	Địa chỉ cơ sở nhà, đất	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
12	Số 163 Hà Huy Tập Đ/c: 163 Hà Huy Tập, Gia Lâm, Hà Nội.	326	147	- Hợp đồng mua Nhà số 01/HĐ ngày 01/7/1992 (bản photo). - Trích lục bản đồ - Biên bản bàn giao nhà đất ngày 23/12/1992. - Giấy chứng nhận số 331/CN-UB ngày 01/12/1992; - Bảng kê nhận tiền của HTX Cơ khí Ánh Hồng ngày 26/12/1992. - Giấy phép xây dựng số 361GP/XD - Công văn số 04 ngày 06/8/1992 của Cửa hàng Kim khí số 2 Đức Giang.	Cửa hàng kinh doanh.	
13	Km3 Phan Trọng Tuệ (Tổng kho Kim khí số 1) Đ/c: Km3, đường Phan Trọng Tuệ, Thanh Trì, Hà Nội.	29.599	340	- GCNQSDĐ số X112342 thời hạn 30 năm từ 01/01/199- 01/01/2026. - QĐ cho thuê đất số 8250/QĐ-UB ngày 02/12/2002. - Hợp đồng thuê đất số 114 - 09/HĐTĐTN ngày 05/5/2009, thời hạn thuê đất 30 năm từ ngày 01/01/1996 đến 01/01/2026.	Làm văn phòng, kho xưởng sản xuất kinh doanh Kim khí	
14	Km3 Phan Trọng Tuệ (Tổng kho Kim khí số 3) Đ/c: Km3, đường Phan Trọng Tuệ, Thanh Trì, Hà Nội.	27.951	517	- QĐ cho thuê đất số 2672/QĐ-UBND ngày 27/5/2016. - Hợp đồng thuê đất hàng năm số 863/HĐTĐ-STNMT-PC ngày 15/11/2016.	Làm kho xưởng sản xuất	Đang bị lấn chiếm đất, diện tích khoảng 1.900 m ²
15	Khối 2 thị trấn Đông Anh Đ/c: Tổ 13, thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội.	16.267,4	461	- QĐ cho thuê đất số 2659/QĐ-UBND ngày 15/5/2014. - Hợp đồng thuê đất hàng năm số 701/HĐTĐ ngày 23/12/2014.	Làm kho bãi và xưởng sản xuất	
16	Cửa Lò Nghệ An Đ/c: Xã Nghi Thu, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.	193		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 834078 ngày 26/4/2010, đất ở lâu dài	Để trống	

TT	Địa chỉ cơ sở nhà, đất	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
V. Công ty cổ phần Thép Biên Hòa (Vicasa)						
1	Số 4&5 E2, Tổ 6, Khu phố 1, P.Long Bình Tân, Tp.Biên Hòa, Đồng Nai	169,6	478,40	Giấy CNQSDĐ và các tài sản gắn liền trên đất: CV 308196; Hợp đồng Cty ký thuê đất số 83/HĐTD với Sở Tài Nguyên Môi trường Đồng Nai, thời hạn đến năm 2043	Nhà tập thể 3 tầng, 13 phòng cho CBCNV của Công ty ở	Có 12,3 m ² nằm trong quy hoạch giao thông
2	Đường số 9 & 3 & 2, P.An Bình, KCN Biên Hòa I, Đồng Nai	69.030,2	Nhà: 15 m ² ; Công trình khác: 3.135 m ²	Giấy CNQSDĐ: AL 632520; Không tranh chấp; được cấp giấy 65.872,5m ² Công ty thuê đất Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai theo Hợp đồng số 36/HĐTD/BH1, Phụ lục HĐ số 06- 2021	Làm nhà xưởng sản xuất, kinh doanh và cho thuê	Ngày 05/02/2024, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 324/QĐ-UBND phê duyệt Đề án chuyển đổi Khu công nghiệp Biên Hòa 1 thành Khu đô thị - Thương mại – dịch vụ và cải thiện môi trường. Theo đó, Vicasa thuộc các doanh nghiệp phải hoàn thành di dời trước tháng 12/2025.
3	Đường số 9 & 3, KCN Biên Hòa I, Đồng Nai	130.957,6	Nhà: 6.365 m ² Công trình khác: 30.326 m ²	Giấy CNQSDĐ: AL 632521; ; Không tranh chấp; được cấp giấy 127.721,6m ² Công ty thuê đất Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai theo Hợp đồng số 36/HĐTD/BH1, Phụ lục HĐ số 06 2021	Đang sử dụng, khu nhà máy chính sản xuất thép, kho thành phẩm, bãi chứa nguyên vật liệu, nhà xưởng, văn phòng	
4	Đường số 9 & 2, KCN Biên Hòa I, Đồng Nai	3.841,90	Nhà: 269 m ² Công trình khác: 1.600 m ²	Giấy CNQSDĐ: AL 632517; Không tranh chấp, được cấp giấy 3841.9m ² Công ty thuê đất Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai theo Hợp đồng số 36/HĐTD/BH1, Phụ lục HĐ số 06 2021	Xây dựng sân tennis phục vụ CBCNV từ năm 1993 (Đang cho thuê)	

TT	Địa chỉ cơ sở nhà, đất	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
VI. Công ty TNHH Ông thép Nippon Steel & Sumikin Việt Nam						
1	Đường D3, KCN Phú Mỹ II, Phường Phú Mỹ, Tx Phú Mỹ, Bà Rịa – Vũng Tàu	100.000		Hợp đồng thuê đất với IDICO, số HĐ 60/TCT-DT ngày 09/08/2010; GCN QSD đất số BK 622345 ngày 10/10/2012 và BL 907009 ngày 10/10/2012; Sử dụng tới năm 2055; Đã trả tiền thuê đất hết thời kỳ	Văn phòng và nhà máy	
VII. Công ty cổ phần Redstarcera						
1	Trung tâm Công ty cổ phần Trúc Thôn; ĐC: KDC Chúc Thôn, phường Cộng Hòa, Thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương	270.272		Quyết định cho thuê đất số: 4202/QĐ-UBND tỉnh ngày 29/11/2007; 03 Giấy CNQSDĐ sê ri CP 030960; CP 030961; CP 030962; cấp ngày 20/9/2018	Trụ sở công ty	
2	Cửa hàng giới thiệu sản phẩm; Cạnh đường QL 18 phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương	15.000		Quyết định cho thuê đất số: 4202/QĐ-UBND tỉnh ngày 29/11/2007; Giấy CNQSDĐ số: AL 569196; cấp ngày 29/5/2009	Cửa hàng giới thiệu sản phẩm	
3	Khu Khai thác đất; KDC Bích Động - Tân Tiến, phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương	4.011		Quyết định cho thuê đất số: 4202/QĐ-UBND tỉnh ngày 29/11/2007 (Đất trong diện tích đất khai thác, dùng làm văn phòng phân xưởng khai thác trước những năm 2007 thời hạn thuê đến 2031 có quyết định thuê không có GCNQSDĐ)	Không sử dụng	
4	KDC Chúc Cường, phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương	50.330		Quyết định cho thuê đất khai thác số: 256/QĐ-UBND ngày 21/01/2011, thời hạn 3 năm theo giấy phép khai thác 1740/GP-BTNMT ngày/11/2007 (DT trên được gia hạn thuê đất số: 3660/QĐ-UBND ngày 29/11/2017 thời hạn thuê đến 05/11/2022 để khai thác tiếp đất chịu lựa tại giấy phép khai	Đất thuê phục vụ khai thác đất chịu lựa	

TT	Địa chỉ cơ sở nhà, đất	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
				thác khoáng sản (gia hạn) số: 1654/GP-BTNMT ngày 07/7/2017)		
VIII. Công ty cổ phần Thép Đà Nẵng						
1	Đường Tạ Quang Bửu, Khu công nghiệp Liên Chiểu, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng	89.000		Hợp đồng Thuê lại đất số 06/2007/HĐ-TLĐ/SDN ngày 01/01/2007; thời hạn thuê 36 năm	Văn phòng và nhà xưởng phục vụ sản xuất	
2	Đường Tạ Quang Bửu, Khu công nghiệp Liên Chiểu, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng	13.600		Hợp đồng Thuê lại đất số 04/2008/HĐ-TLĐ/SDN ngày 29/12/2008; thời hạn thuê 39 năm	Văn phòng và nhà xưởng phục vụ sản xuất	
3	Đường Tạ Quang Bửu, Khu công nghiệp Liên Chiểu, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng	25.195		Hợp đồng Thuê lại đất số 03/2010/HĐ-TLĐ/SDN ngày 01/06/2010; thời hạn thuê đến 12/12/2046	Văn phòng và nhà xưởng phục vụ sản xuất	
IX. Công ty TNHH Cảng quốc tế Thị Vải						
1	Phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	41ha đất và mặt nước		Phần vốn góp của Công ty Dịch vụ và Vận tải Biển Vũng Tàu (Giấy CNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BM510812 ngày 10/4/2013)	Xây dựng cảng biển, kho bãi và công trình phụ trợ phục vụ SXKD	

Số: **6 4** /NQ-VNS

Hà Nội, ngày 4 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

BẢN SAO

Về việc triển khai thoái vốn của Vnsteel tại CTCP Thép Biên Hoà (Vicasa)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM-CTCP

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP (Tổng công ty/VNS) ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-VNS ngày 28/6/2021 của Đại hội đồng cổ đông năm 2021 Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP;

Căn cứ Quy chế quản lý và đánh giá Người đại diện của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP tại các doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 100/QĐ-VNS ngày 13/4/2023 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số 90/NQ-VNS ngày 27/11/2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc phê duyệt Phương án chuyển nhượng vốn của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP tại Công ty cổ phần Thép Vicasa - Vnsteel (Vicasa);

Căn cứ Công văn số 1117/ĐTKDV-ĐT4 ngày 3/7/2025 của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) về việc tiếp tục thực hiện Đề án Tái cơ cấu VNS giai đoạn đến năm 2025 (nội dung liên quan đến Công ty cổ phần Thép Vicasa);

Xét Tờ trình số 642/TTr-VNS ngày 20/6/2025 của Tổng Giám đốc Tổng công ty về phương án di dời Nhà máy thép Vicasa - Vnsteel;

Căn cứ kết quả biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với nội dung và đề nghị của Tổng Giám đốc VNS tại Tờ trình số 642/TTr-VNS ngày 20/6/2025 về phương án di dời nhà máy thép Vicasa - Vnsteel.

Điều 2. Giao Tổng Giám đốc VNS:

2.1. Khẩn trương triển khai thực hiện phương án thoái toàn bộ vốn của VNS tại Vicasa đã được Hội đồng quản trị Tổng công ty phê duyệt tại Nghị quyết số 90/NQ-VNS ngày 27/11/2024 theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ VNS và các quy chế nội bộ của VNS;

2.2. Trong quá trình thực hiện cần tuân thủ các nguyên tắc thị trường; đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật; đem lại lợi ích tối đa cho Tổng công ty;

2.3. Chỉ đạo bộ phận đại diện vốn của VNS tại Vicasa thông qua Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Vicasa để thực hiện quyền biểu quyết theo nội dung đã được Tổng công ty phê duyệt. Trong quá trình thực hiện cần tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Vicasa, các quy định các quy chế nội bộ của VNS và báo cáo kết quả về Tổng công ty theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- SCIC (để b/c);
- Đảng ủy Tcty;
- HĐQT Tcty;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Ban Kiểm soát; KTNB;
- Các Ban: KTĐT, TCKT, KHTT, TCNS, PC;
- Thư ký Tổng công ty; Trợ lý TGĐ;
- Lưu: VT, HĐQT.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: **4567** - **01** - Quyền số: - SCT/B'

Ngày: **29-07-2025**

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Song Lai



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Kim Huyền



Số: **69** /NQ-VNS

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt Phương án chuyển nhượng vốn của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP tại Công ty cổ phần Thép Vicasa - Vnsteel

BẢN SAO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM-CTCP

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP (Tổng công ty/VNS) ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-VNS ngày 28/6/2021 của Đại hội đồng cổ đông năm 2021 Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP;

Căn cứ Quyết định số 113/QĐ-VNS ngày 25/4/2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc phê duyệt Đề án Tái cơ cấu của Tổng công ty Thép Việt Nam giai đoạn đến năm 2025;

Căn cứ Công văn số 1117/ĐTKDV-ĐT4 ngày 3/7/2025 của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) về việc tiếp tục thực hiện Đề án tái cơ cấu VNS giai đoạn đến năm 2025 (nội dung liên quan đến Công ty cổ phần Thép Vicasa);

Căn cứ Nghị quyết số 64/NQ-VNS ngày 4/7/2025 của Hội đồng quản trị VNS về việc triển khai thoái vốn của Vnsteel tại CTCP Thép Biên Hoà (Vicasa);

Xét Tờ trình số 757/TTr-VNS ngày 21/7/2025 của Tổng Giám đốc Tổng công ty về việc phê duyệt Phương án chuyển nhượng vốn của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP tại Công ty cổ phần Thép Vicasa - Vnsteel (Vicasa) và các tài liệu kèm theo;

Căn cứ kết quả biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với nội dung và đề xuất của Tổng Giám đốc VNS tại Tờ trình số 757/TTr-VNS ngày 21/7/2025 về việc phê duyệt Phương án chuyển nhượng vốn của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP tại Công ty cổ phần Thép Vicasa - Vnsteel.

Điều 2. Giao Tổng Giám đốc VNS:

2.1. Triển khai thực hiện phương án thoái vốn được nêu tại Tờ trình số 757/TTr-VNS ngày 21/7/2025 theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ VNS và các quy chế nội bộ của VNS.



2.2. Trong quá trình thực hiện cần tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ VNS và các quy chế nội bộ của VNS; đảm bảo các nguyên tắc thị trường, công khai, minh bạch, tối đa hoá lợi ích của VNS và không ảnh hưởng đến việc phê duyệt quyết toán, công bố giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm VNS chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

2.3. Báo cáo kết quả thực hiện về Hội đồng quản trị Tổng công ty theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- SCIC (để b/c);
- HĐQT Tcty;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Ban Kiểm soát; KTNB;
- Các Ban: KTĐT, TCKT, TCNS, KHTT, PC;
- Thư ký Tổng công ty; Trợ lý TGĐ;
- Lưu: VT, KTĐT, HĐQT.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực:.....**4565**.....Quyết số:.....**SCT/RS**.....

Ngày: **29 -07- 2025**

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Lê Song Lai



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Kim Huyền



Số: **757** /TTr-VNS

Hà Nội, ngày **21** tháng 7 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt Phương án chuyển nhượng vốn của Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP tại Công ty cổ phần Thép Vicasa - Vnsteel

Kính gửi: Hội đồng quản trị Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư 16/2023/TT-BTC ngày 17/03/2023 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021;
- Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Điều lệ Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP được Đại hội đồng cổ đông năm 2021 thông qua ngày 28/6/2021;
- Quyết định số 113/QĐ-VNS ngày 25/4/2024 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP về việc phê duyệt Đề án Tái cơ cấu của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP giai đoạn đến năm 2025;
- Nghị quyết số 64/NQ-VNS ngày 4/7/2025 (Nghị quyết 64) của Hội đồng quản trị Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP về việc triển khai thoái vốn của Vnsteel tại Công ty cổ phần Thép Biên Hoà (Vicasa).

Thực hiện Nghị quyết 64 nêu trên, ngày 03/7/2025 Tổng công ty đã ký Hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam (VVFC) để thực hiện định giá giá trị phần vốn của VNS tại Vicasa; đã ký Phụ lục gia hạn Hợp đồng tư vấn ngày 15/7/2025 với Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương (Vietinbank Securities) để xây dựng phương án chuyển nhượng vốn và thực hiện bán phần vốn đầu tư của VNS tại Vicasa.

Đến nay, VVFC đã hoàn thành việc định giá và phát hành chứng thư thẩm định giá trị phần vốn đầu tư của VNS tại Vicasa số 001/2025/603/VVFC-BAN3 ngày 17/07/2025. Vietinbank Securities cũng đã hoàn thành việc xây dựng, tư vấn phương án chuyển nhượng cổ phần của VNS tại Vicasa.

Trên cơ sở đó, Tổng Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị Tổng công ty xem xét thông qua các nội dung cụ thể Phương án Chuyển nhượng vốn của Tổng công ty tại Vicasa như sau:

I. Thông tin, giá khởi điểm và phương thức chào bán cổ phần của VNS

1. Thông tin về cổ phần chuyển nhượng

- Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần Thép Vicasa – Vnsteel.
- Mã chứng khoán: VCA.
- Số lượng cổ phần thuộc sở hữu của VNS tại Vicasa: 9.871.875 cổ phần.
- Giá trị thực tế phần vốn của VNS tại Vicasa (tại thời điểm 30/06/2025) là 121.418.373.106 đồng.
- Tổng giá trị thực tế phần vốn chủ sở hữu của VNS tại Vicasa tại thời điểm 30/6/2025 (theo Chứng thư số 001/2025/603/VVFC-BAN3 ngày 17/07/2025 của VVFC): 125.175.375.000 đồng tương ứng 12.680 đồng/cổ phần.
- Tỷ lệ vốn đầu tư của VNS/vốn điều lệ thực góp của VNS tại Vicasa: 65%.
- Tỷ lệ chuyển nhượng: 65% vốn điều lệ của Vicasa (tương ứng với 100% phần vốn góp của VNS tại Vicasa).
- Cơ cấu cổ đông góp vốn của Vicasa nêu tại bảng dưới đây:

Bảng 1 - Cơ cấu cổ đông của Vicasa tại ngày 30/06/2025

TT	Danh mục	Số lượng (người)	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
A	Cổ phiếu đang lưu hành	987	15.187.322	151.873.220.000	100,00
II	Cổ đông trong nước	973	15.167.847	151.678.470.000	99,87
1	Cổ đông tổ chức	5	11.174.266	111.742.660.000	73,58
2	Cổ đông cá nhân	968	3.993.581	39.935.810.000	26,30
II	Cổ đông nước ngoài	14	19.475	194.750.000	0,13
1	Cổ đông tổ chức	3	2.900	29.000.000	0,02
2	Cổ đông cá nhân	11	16.575	165.750.000	0,11
B	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
Tổng cộng (A+B)		987	15.187.322	151.873.220.000	100

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL)

Bảng 2 - Danh sách cổ đông lớn nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Vicasa tại ngày 30/06/2025

STT	Cổ đông	Số cổ phiếu nắm giữ (cổ phiếu)	Giá trị cổ phiếu nắm giữ tính theo mệnh giá (VNĐ)	Tỷ trọng / Vốn Điều lệ (%)
1	Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP	9.871.875	98.718.750.000	65%
2	Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng	1.084.629	10.846.290.000	7,14%
	Tổng cộng	10.956.504	109.565.040.000	72,14%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL)

2. Giá khởi điểm chuyển nhượng dự kiến

Ngày 17/07/2025, Công ty Cổ phần Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam (VVFC) đã ban hành Chứng thư thẩm định giá số 001/2025/603/VVFC-BAN3, theo đó, VVFC đã sử dụng Phương pháp tài sản, Phương pháp tỷ số bình quân và Phương pháp giá giao dịch để xác định giá trị một cổ phần của Vicasa. Kết quả thẩm định giá tại thời điểm ngày 30/06/2025 cụ thể như sau:

STT	Phương pháp thẩm định giá	Trọng số	Giá cổ phần (đồng/CP)
1	Phương pháp tài sản	40%	15.878
2	Phương pháp tỷ số bình quân	30%	11.540
3	Phương pháp giá giao dịch	30%	9.550
	Giá trị một cổ phần đã làm tròn		12.680

(Số liệu tại Chứng thư thẩm định giá số 001/2025/603/VVFC-BAN3 do Công ty Cổ phần Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam (VVFC) ban hành ngày 17/07/2025)

3. Phương thức chuyển nhượng vốn của VNS tại Vicasa

Trên cơ sở phương án tư vấn của Đơn vị tư vấn là Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam được đính kèm theo Công văn số 155/2025/CV-CKCT07 ngày 21/07/2025, đề xuất phương thức chuyển nhượng vốn của VNS tại Vicasa như sau:

Hiện tại, SCIC đang nắm giữ 93,93% vốn điều lệ VNS, SCIC là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, do đó, VNS không thuộc các đối tượng phải áp dụng Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty TNHH MTV do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử

dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

Mặt khác, Vicasa là công ty cổ phần đại chúng, hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. VNS hiện đang nắm giữ 65% vốn điều lệ Vicasa nên VNS là công ty mẹ cũng đồng thời là cổ đông lớn của Vicasa. Do vậy, việc chuyển nhượng vốn của VNS tại Vicasa tuân thủ theo quy định Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Vì những lý do trên, việc chuyển nhượng vốn của VNS tại Vicasa có thể thực hiện theo 02 phương thức:

Phương thức 1: Chuyển nhượng cổ phiếu theo phương thức Giao dịch khớp lệnh trên sàn HOSE.

Phương thức 2: Chuyển nhượng cổ phiếu theo phương thức giao dịch ngoài sàn HOSE: chào bán cổ phiếu ra công chúng của cổ đông công ty đại chúng thông qua bán đấu giá công khai. Việc chuyển nhượng vốn theo phương thức này chia làm 2 loại: Đấu giá công khai thông thường và Đấu giá công khai theo lô.

Trường hợp đấu giá công khai không thành công hoặc thành công nhưng vẫn còn số lượng cổ phần cần bán để chuyển nhượng vốn thì thực hiện chào bán cạnh tranh, trường hợp chào bán cạnh tranh không thành công thì thực hiện phương thức thỏa thuận.

Qua nghiên cứu tình hình hoạt động của doanh nghiệp và đánh giá ưu, nhược điểm của các phương thức kể trên, có thể thấy việc chuyển nhượng vốn thông qua bán đấu giá công khai theo lô có nhiều ưu điểm vượt trội hơn so với các phương thức còn lại. Do vậy, Tổng Giám đốc nhất trí lựa chọn việc chuyển nhượng cổ phiếu theo phương thức giao dịch ngoài sàn HOSE: “**chào bán cổ phiếu ra công chúng của cổ đông công ty đại chúng thông qua bán đấu giá công khai theo lô cổ phần**” theo đề xuất của đơn vị tư vấn như dưới đây:

3.1. Phương thức chuyển nhượng vốn: Chào bán cổ phiếu ra công chúng của cổ đông công ty đại chúng thông qua bán đấu giá công khai theo lô cổ phần.

3.2. Số lượng cổ phần chào bán: 9.871.875 cổ phần.

3.3. Số lượng lô cổ phần chào bán: 01 lô

3.4. Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 98.718.750.000 đồng. Giá theo Chứng thư thẩm định giá: 125.175.375.000 đồng/lô cổ phần tương đương 12.680 đồng/cổ phần (sau khi đã làm tròn). Tuy nhiên để bảo toàn vốn đã đầu tư của VNS đề xuất giá chào bán theo giá trị sổ sách.

3.5. Giá khởi điểm chào bán theo sổ sách: 126.261.281.250 đồng/lô cổ phần tương đương 12.790 đồng/cổ phần (sau khi làm tròn).

3.6. Phương thức chuyển nhượng vốn: Chào bán cổ phiếu ra công chúng của cổ đông công ty đại chúng thông qua bán đấu giá công khai theo lô cổ phần.

3.7. Trình tự thực hiện: Bán đấu giá công khai, trường hợp đấu giá công khai không thành công thì thực hiện chào bán cạnh tranh, trường hợp chào bán cạnh tranh

không thành công thì thực hiện phương thức thỏa thuận.

3.8. Đối tượng tham gia mua cổ phần: Các nhà đầu tư trong nước theo quy định của pháp luật. Nhà đầu tư nước ngoài không được đăng ký mua cổ phiếu trong đợt chào bán cổ phiếu CTCP Thép VICASA – VNSTEEL ra công chúng do Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP sở hữu.

3.9. Đơn vị tổ chức chức bán đấu giá: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

3.10. Dự kiến lộ trình thực hiện:

- Dự kiến thời gian bắt đầu thực hiện: Kể từ ngày ngay sau khi Hội đồng quản trị Tổng Công ty phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn.

- Dự kiến thời gian hoàn thành: Quý III/2025 - Quý IV/2025.

II. Tài liệu gửi kèm theo

1. Chứng thư thẩm định giá số 001/2025/603/VVFC-BAN3 ngày 17/07/2025 do Công ty Cổ phần Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam (VVFC) ban hành.

2. Công văn số 155/2025/CV-CKCT07 ngày 21/07/2025 về việc Báo cáo phương án chuyển nhượng vốn của VNS tại Vicasa do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam ban hành.

III. Đề xuất và kiến nghị

Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP kính đề nghị Hội đồng quản trị Tổng Công ty xem xét, phê duyệt các nội dung sau:

1. Phê duyệt Phương án chuyển nhượng vốn của Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP tại CTCP Thép VICASA – VNSTEEL;

2. Thực hiện Phương án chuyển nhượng vốn đảm bảo việc chào bán cổ phiếu VCS đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại CTCP Thép VICASA – VNSTEEL theo quy định pháp luật. Nhà đầu tư nước ngoài không được đăng ký mua cổ phiếu trong đợt chào bán cổ phiếu CTCP Thép VICASA – VNSTEEL ra công chúng do Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP sở hữu;

3. Giao cho Tổng Giám đốc Tổng Công ty triển khai các thủ tục cần thiết, ký các hồ sơ gửi Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và tổ chức thực hiện Phương án chuyển nhượng vốn của VNS tại VCS, báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện.

Trân trọng/

SỐ Y BẢN CHÍNH

Hà Nội, ngày 30. tháng 07 năm 2025

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đảng ủy Tcty;
- CĐ Tcty;
- Ban kiểm soát;
- Ban TGD;
- Các Ban nghiệp vụ;
- Lưu: VT, KTĐT.



**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG
Phùng Vũ Anh**

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phạm Công Thảo

BẢN SAO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 35
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL, đổi tên từ Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa (VICASA), được thành lập theo Quyết định số 2255/QĐ-BCN ngày 29/06/2007 của Bộ Công nghiệp và Quyết định số 641/QĐ-TCLĐ ngày 21/09/2007 của Tổng Công ty Thép Việt Nam về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Thép Biên Hòa thành Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa (VICASA).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600961762 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 02 tháng 01 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thoan	Thành viên
Ông Huỳnh Công Du	Thành viên
Ông Nguyễn Bảo Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Đông Vững	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Huỳnh Công Du	Tổng giám đốc	
Ông Vương Thanh Đường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Đức Hoa	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Ngô Tiến Thọ	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 03/04/2023

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Phước Hải	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Bạch Đường	Thành viên	
Ông Đặng Minh Đức	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 10/04/2023
Ông Hồ Duy Khải	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10/04/2023

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Đồng Nai, ngày 20 tháng 02 năm 2024

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc


Huỳnh Công Du



Số: 200224.001/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL được lập ngày 20 tháng 02 năm 2024, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2024

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phó Tổng Giám đốc



Ngô Minh Quý

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2023-002-1

Kiểm toán viên

Đào Trung Thành

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4700-2024-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		244.345.089.965	314.184.150.075
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	18.369.443.481	19.154.703.046
111	1. Tiền		18.369.443.481	19.154.703.046
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		55.223.076.790	97.350.090.046
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	04	54.106.027.951	96.180.999.458
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	05	925.164.047	1.089.045.788
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	191.884.792	110.044.800
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	07	-	(30.000.000)
140	IV. Hàng tồn kho	08	168.211.256.498	195.726.952.348
141	1. Hàng tồn kho		168.211.256.498	195.726.952.348
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.541.313.196	1.952.404.635
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	2.541.313.196	1.952.404.635
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		38.305.147.177	57.259.088.583
220	II. Tài sản cố định		28.065.770.561	42.232.113.946
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	28.065.770.561	42.232.113.946
222	- Nguyên giá		392.819.715.852	397.611.981.887
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(364.753.945.291)	(355.379.867.941)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	575.983.500	575.983.500
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		575.983.500	575.983.500
260	VI. Tài sản dài hạn khác		9.663.393.116	14.450.991.137
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	9.663.393.116	14.450.991.137
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		282.650.237.142	371.443.238.658



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		90.455.887.467	186.540.019.917
310	I. Nợ ngắn hạn		90.455.887.467	186.540.019.917
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	5.971.672.723	3.087.143.611
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	4.344.817.076	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	2.684.970.518	6.881.982.580
314	4. Phải trả người lao động		17.211.833.265	17.030.926.472
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	4.941.113.921	4.560.715.534
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	1.314.224.950	1.978.943.343
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12	49.285.520.014	152.333.122.748
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	4.701.735.000	-
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		-	667.185.629
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		192.194.349.675	184.903.218.741
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	192.194.349.675	184.903.218.741
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		151.873.220.000	151.873.220.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		151.873.220.000	151.873.220.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		20.441.721.380	20.441.721.380
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		14.999.169.000	14.999.169.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.880.239.295	(2.410.891.639)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(2.410.891.639)	3.488.812.182
421b	LNST chưa phân phối năm nay		7.291.130.934	(5.899.703.821)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		282.650.237.142	371.443.238.658

Người lập



Đặng Công An

Phụ trách kế toán



Trương Thị Kim Anh



Đồng Nai, ngày 20 tháng 02 năm 2024

Tổng Giám đốc

Huỳnh Công Du

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	1.726.954.696.995	2.337.977.763.437
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	1.992.040.722	2.768.679.093
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.724.962.656.273	2.335.209.084.344
11	4. Giá vốn hàng bán	23	1.668.538.536.099	2.301.906.838.653
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		56.424.120.174	33.302.245.691
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	233.522.045	1.020.238.705
22	7. Chi phí tài chính	25	8.898.768.163	13.385.435.145
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		8.809.249.504	13.174.593.796
25	8. Chi phí bán hàng	26	14.414.018.713	17.844.481.441
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	24.492.876.587	7.487.521.907
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8.851.978.756	(4.394.954.097)
31	11. Thu nhập khác	28	90.206.667	114.381.000
32	12. Chi phí khác		-	696.212.229
40	13. Lợi nhuận khác		90.206.667	(581.831.229)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.942.185.423	(4.976.785.326)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	1.651.054.489	922.918.495
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		7.291.130.934	(5.899.703.821)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	480	(388)

Người lập



Đặng Công An

Phụ trách kế toán



Trương Thị Kim Anh

Đồng Nai, ngày 20 tháng 02 năm 2024

Tổng Giám đốc




Huỳnh Công Du

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		8.942.185.423	(4.976.785.326)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		14.475.510.052	15.257.868.581
03	- Các khoản dự phòng		4.671.735.000	(15.080.400.000)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		7.236.705	24.463.990
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(115.319.417)	(148.587.516)
06	- Chi phí lãi vay		8.809.249.504	13.174.593.796
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		36.790.597.267	8.251.153.525
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		42.157.013.256	38.859.292.054
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		27.515.695.850	157.827.156.346
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		2.858.289.963	(45.036.368.302)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		4.198.689.460	(1.898.696.739)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(8.888.593.243)	(13.230.832.913)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.366.590.871)	(2.806.815.029)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(667.185.629)	(1.736.819.200)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		102.597.916.053	140.228.069.742
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(350.000.000)	(6.609.307.040)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		131.040.000	114.381.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		25.112.750	34.206.516
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(193.847.250)	(6.460.719.524)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.067.259.553.458	1.508.649.649.148
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.170.307.156.192)	(1.598.649.822.542)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(141.670.425)	(45.354.616.195)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(103.189.273.159)	(135.354.789.589)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(785.204.356)	(1.587.439.371)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		19.154.703.046	20.763.229.800
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(55.209)	(21.087.383)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>18.369.443.481</u>	<u>19.154.703.046</u>

Người lập



Đặng Công An

Phụ trách kế toán



Trương Thị Kim Anh

Đồng Nai, ngày 20 tháng 02 năm 2024

Tổng Giám đốc



Huỳnh Công Du

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm 2023***1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL, đổi tên từ Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa (VICASA), được thành lập theo Quyết định số 2255/QĐ-BCN ngày 29/06/2007 của Bộ Công nghiệp và Quyết định số 641/QĐ-TCLĐ ngày 21/09/2007 của Tổng Công ty Thép Việt Nam về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Thép Biên Hòa thành Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa (VICASA).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600961762 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 02 tháng 01 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 151.873.220.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 151.873.220.000 VND; tương đương 15.187.322 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 310 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 323 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất Sắt, thép, gang;
- Sản xuất khí đốt;
- Tái chế phế liệu;

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm 2023 trong bối cảnh kinh tế tăng trưởng chậm, các ngân hàng siết chặt tín dụng khiến cho thị trường bất động sản trong nước đóng băng, việc tiêu thụ thép trong nước giảm mạnh. Bên cạnh đó, những bất ổn về chính trị trên thế giới cũng khiến cho việc xuất khẩu thép của Việt Nam nói chung và Công ty nói riêng gặp nhiều khó khăn. Những tác động nói trên đã ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty và làm cho doanh thu năm nay giảm 611,02 tỷ VND tương ứng giảm 26,13% đồng thời giá vốn giảm 633,37 tỷ VND tương ứng giảm 27,51% so với năm trước. Tuy nhiên, tình hình ngành thép có dấu hiệu tích cực, giá bán ra tăng dần về thời điểm cuối năm 2023 dẫn tới lãi gộp năm 2023 tăng 23,12 tỷ VND tương ứng tăng 69,43% và tổng lợi nhuận trước thuế TNDN tăng 13,92 tỷ VND tương ứng với tỷ lệ tăng 279,68% so với năm 2022.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 08 năm

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng không quá 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền điện, chi phí lãi tiền vay phải trả,... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (nay đổi tên thành Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.)

2.19 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm cho thuê mặt bằng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất thép và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	283.648.752	151.009.681
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.085.794.729	19.003.693.365
	18.369.443.481	19.154.703.046

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	53.876.847.550	-	95.762.255.175	-
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	53.866.047.550	-	70.701.896.775	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	10.800.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	-	-	25.060.358.400	-
Bên khác	229.180.401	-	418.744.283	(30.000.000)
- Công ty Cổ phần Đàm Gia Phú	228.358.400	-	168.268.799	-
- Các khách hàng khác	822.001	-	250.475.484	(30.000.000)
	54.106.027.951	-	96.180.999.458	(30.000.000)

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Chuyển giao Công nghệ Quốc Tế	870.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Thương mại An Cường	-	-	1.027.000.000	-
- Các khách hàng khác	55.164.047	-	62.045.788	-
	925.164.047	-	1.089.045.788	-

6 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu về tạm ứng	48.636.421	-	60.044.800	-
- Ký cược, ký quỹ	50.000.000	-	50.000.000	-
- Phải thu khác	93.248.371	-	-	-
	191.884.792	-	110.044.800	-

7 . NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
+ Doanh nghiệp tư nhân Mười Thanh	-	-	30.000.000	-
	-	-	30.000.000	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	83.686.574.954	-	122.215.249.366	-
Công cụ, dụng cụ	79.191.946	-	98.312.121	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.575.913.916	-	5.142.528.729	-
Thành phẩm	75.869.575.682	-	68.270.862.132	-
	168.211.256.498	-	195.726.952.348	-

Toàn bộ giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm tồn kho cuối năm được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Chi tiết xem tại Thuyết minh số 12).

9 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Chi phí di dời, cải tạo, nâng cấp xưởng luyện cán thép	575.983.500	575.983.500
	575.983.500	575.983.500

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	61.374.104.514	292.890.002.651	34.353.914.806	8.993.959.916	397.611.981.887
- Mua trong năm	-	350.000.000	-	-	350.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	(513.947.203)	(3.834.496.421)	(245.000.000)	(548.822.411)	(5.142.266.035)
Số dư cuối năm	60.860.157.311	289.405.506.230	34.108.914.806	8.445.137.505	392.819.715.852
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	60.048.029.135	255.761.651.742	31.890.199.969	7.679.987.095	355.379.867.941
- Khấu hao trong năm	671.126.599	12.718.517.156	667.621.781	418.244.516	14.475.510.052
- Thanh lý, nhượng bán	(513.947.203)	(3.834.496.421)	(204.166.667)	(548.822.411)	(5.101.432.702)
Số dư cuối năm	60.205.208.531	264.645.672.477	32.353.655.083	7.549.409.200	364.753.945.291
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.326.075.379	37.128.350.909	2.463.714.837	1.313.972.821	42.232.113.946
Tại ngày cuối năm	654.948.780	24.759.833.753	1.755.259.723	895.728.305	28.065.770.561

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 907.549.680 VND.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 309.196.279.334 VND.



11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.103.036.166	1.385.223.272
- Chi phí bảo hiểm tài sản	407.165.485	501.256.363
- Các chi phí khác	31.111.545	65.925.000
	2.541.313.196	1.952.404.635
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	8.734.055.840	12.987.526.277
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	929.337.276	1.463.464.860
	9.663.393.116	14.450.991.137

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL

Khu công nghiệp Biên Hòa I, đường số 9, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

12 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh	39.460.161.292	39.460.161.292	330.208.199.502	355.957.401.944	13.710.958.850	13.710.958.850
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa	82.273.984.656	82.273.984.656	485.771.986.504	559.756.925.358	8.289.045.802	8.289.045.802
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	30.598.976.800	30.598.976.800	251.279.367.452	254.592.828.890	27.285.515.362	27.285.515.362
	152.333.122.748	152.333.122.748	1.067.259.553.458	1.170.307.156.192	49.285.520.014	49.285.520.014

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

12 . VAY NGẮN HẠN

(Tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Loại tiền	Lãi suất	Thời hạn của hợp đồng	Hình thức đảm bảo (*)	Mục đích vay	31/12/2023	01/01/2023
					VND	VND
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh	Theo từng giấy nhận nợ	Đến hết ngày 30/04/2024	Khoản tiền vay được thế chấp bằng hệ thống xử lý khí thải xưởng luyện thép công suất 8.000 m3 và được đảm bảo bằng 45,46% tổng giá trị hàng tồn kho và khoản phải thu	Bổ sung vốn lưu động	13.710.958.850	39.460.161.292
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa	Theo từng giấy nhận nợ	Đến hết ngày 05/08/2024	Khoản tiền vay được đảm bảo bằng 27,27% tổng giá trị hàng tồn kho và khoản phải thu	Bổ sung vốn lưu động	8.289.045.802	82.273.984.656
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Theo từng giấy nhận nợ	Đến hết ngày 30/09/2024	Khoản tiền vay được thế chấp bằng hệ thống máy cắt băm liệu công suất 1000T và dây chuyền máy móc thiết bị ngành thép; Khoản tiền vay được đảm bảo bằng 27,27% tổng giá trị hàng tồn kho và khoản phải thu	Bổ sung vốn lưu động	27.285.515.362	30.598.976.800

(*) Các khoản vay từ ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	355.420.721	355.420.721	540.509.101	540.509.101
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	355.420.721	355.420.721	540.509.101	540.509.101
Bên khác	2.707.816.802	2.707.816.802	2.546.634.510	2.546.634.510
- Công ty TNHH Phế liệu Huy Hoàng Gia	2.908.435.200	2.908.435.200	-	-
- Công ty TNHH TMDV và Vận tải Vinh Kim Sơn	714.567.720	714.567.720	956.733.129	956.733.129
- Công ty Cổ phần Thép Lê Vỹ	463.968.000	463.968.000	-	-
- Công ty TNHH Thực phẩm và Dịch vụ suất ăn Sen Việt	207.814.680	207.814.680	241.283.880	241.283.880
- Các khách hàng khác	1.321.466.402	1.321.466.402	1.348.617.501	1.348.617.501
	5.971.672.723	5.971.672.723	3.087.143.611	3.087.143.611

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Sắt thép Hữu Sang	2.195.636.969	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Thép Phước Thạnh	2.149.180.107	-	-	-
	4.344.817.076	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	6.615.391.709	16.364.829.097	20.846.304.777	-	2.133.916.029
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	115.367.450	115.367.450	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	266.590.871	1.651.054.489	1.366.590.871	-	551.054.489
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	2.069.399.612	2.069.399.612	-	-
- Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	8.547.840	8.547.840	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	50.244.090	50.244.090	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	663.379	663.379	-	-
	-	6.881.982.580	20.260.105.957	24.457.118.019	-	2.684.970.518

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	56.228.090	135.571.829
- Trích trước chi phí mua hàng	800.916.000	229.563.200
- Trích trước tiền điện	3.998.969.831	4.086.192.231
- Chi phí phải trả khác	85.000.000	109.388.274
	4.941.113.921	4.560.715.534

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	-	66.033.931
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	793.020.101	934.690.526
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	81.600.000	66.600.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	439.604.849	911.618.886
	1.314.224.950	1.978.943.343

18 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Quỹ lương dự phòng	4.701.735.000	-
	4.701.735.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2022	151.873.220.000	20.441.721.380	14.999.169.000	53.166.443.182	240.480.553.562
Lỗ trong năm trước	-	-	-	(5.899.703.821)	(5.899.703.821)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.638.365.000)	(3.638.365.000)
Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	(45.561.966.000)	(45.561.966.000)
Thường HĐQT, BKS, Ban điều hành, Thư ký HĐQT	-	-	-	(477.300.000)	(477.300.000)
Số dư tại ngày 31/12/2022	151.873.220.000	20.441.721.380	14.999.169.000	(2.410.891.639)	184.903.218.741
Số dư tại ngày 01/01/2023	151.873.220.000	20.441.721.380	14.999.169.000	(2.410.891.639)	184.903.218.741
Lãi trong năm nay	-	-	-	7.291.130.934	7.291.130.934
Số dư tại ngày 31/12/2023	151.873.220.000	20.441.721.380	14.999.169.000	4.880.239.295	192.194.349.675

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ %	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần	65,00	98.718.750.000	65,00	98.718.750.000
- Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng	7,14	10.846.290.000	7,14	10.846.290.000
- Cổ đông khác	27,86	42.308.180.000	27,86	42.308.180.000
	100	151.873.220.000	100	151.873.220.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	151.873.220.000	151.873.220.000
- Vốn góp cuối năm	151.873.220.000	151.873.220.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	934.690.526	727.340.721
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	-	45.561.966.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	-	45.561.966.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(141.670.425)	(45.354.616.195)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	(141.670.425)	-
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm nay</i>	-	(45.354.616.195)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	793.020.101	934.690.526

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.187.322	15.187.322
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.187.322	15.187.322
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.187.322	15.187.322
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phần.		

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	14.999.169.000	14.999.169.000
	14.999.169.000	14.999.169.000

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng với Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp để thuê đất tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để sử dụng với mục đích làm văn phòng, nhà xưởng từ năm 2001 đến năm 2051. Diện tích khu đất thuê là 197.436 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Tài sản nhận giữ hộ

Chủng loại, quy cách	Đvt	31/12/2023	
		Số lượng	Phẩm chất
- Thép cuộn 6 SAE1008	Tấn	192,13	Bình thường

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2023	01/01/2023
- Đô la Mỹ (USD)	1.380,22	65.898,07

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	1.719.661.274.394	2.331.157.266.492
Doanh thu gia công	1.869.727.960	-
Doanh thu bán vật tư, phế liệu	868.825.000	1.877.182.244
Doanh thu khác	4.554.869.641	4.943.314.701
	1.726.954.696.995	2.337.977.763.437
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan	1.427.906.094.820	1.856.460.128.334

Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36.

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	1.992.040.722	2.659.675.516
Giảm giá hàng bán	-	109.003.577
	1.992.040.722	2.768.679.093
Trong đó: Các khoản giảm trừ đối với các bên liên quan	1.991.234.241	2.403.140.603

Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36.

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	1.664.191.540.352	2.297.916.537.488
Giá vốn dịch vụ gia công	1.851.813.921	-
Giá vốn của vật tư, phế liệu đã bán	828.585.080	1.877.182.244
Giá vốn khác	1.666.596.746	2.113.118.921
	1.668.538.536.099	2.301.906.838.653
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan	8.068.864.578	15.866.982.642

*Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36.***24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi	25.112.750	34.206.516
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	121.047.509	681.769.846
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	87.361.786	304.262.343
	233.522.045	1.020.238.705
Trong đó: Nhận từ các bên liên quan	87.361.786	297.346.328

*Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36.***25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	8.809.249.504	13.174.593.796
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	79.572.268	172.421.442
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	7.236.705	24.463.990
Chi phí tài chính khác	2.709.686	13.955.917
	8.898.768.163	13.385.435.145
Trong đó: Chi trả cho các bên liên quan	2.709.686	13.955.917

*Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36.***26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	481.373.278	776.210.026
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.180.711.527	10.766.299.245
Chi phí khác bằng tiền	3.751.933.908	6.301.972.170
	14.414.018.713	17.844.481.441
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan	3.582.983.611	5.927.085.376

Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36.

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.060.511.960	2.534.288.452
Chi phí nhân công	6.327.358.623	6.343.839.287
Chi phí khấu hao tài sản cố định	418.244.516	622.136.562
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	4.671.735.000	(15.080.400.000)
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.365.652.340	5.297.207.815
Chi phí khác bằng tiền	5.646.374.148	7.767.449.791
	24.492.876.587	7.487.521.907
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan	5.768.519	-

Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36.

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	90.206.667	114.381.000
	90.206.667	114.381.000

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	8.942.185.423	(4.976.785.326)
Các khoản điều chỉnh tăng	162.437.937	6.786.902.879
- Chi phí không hợp lý hợp lệ	162.382.728	792.212.229
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	55.209	21.087.383
- Chi phí lãi vay không được trừ theo ND132/2020/NĐ-CP	-	5.973.603.267
Các khoản điều chỉnh giảm	(849.350.915)	-
- Chi phí lãi vay được trừ chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo theo ND132/2020/NĐ-CP	(849.350.915)	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	8.255.272.445	1.810.117.553
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	1.651.054.489	362.023.511
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	560.894.984
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	266.590.871	2.150.487.405
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(1.366.590.871)	(2.806.815.029)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	551.054.489	266.590.871

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	7.291.130.934	(5.899.703.821)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	7.291.130.934	(5.899.703.821)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	15.187.322	15.187.322
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	480	(388)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.435.302.915.325	1.919.087.802.265
Chi phí nhân công	80.443.336.098	96.696.990.335
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.475.510.052	15.257.868.581
Chi phí dịch vụ mua ngoài	168.468.356.153	197.710.024.094
Chi phí khác bằng tiền	15.223.877.822	20.474.092.688
Chi phí dự phòng khác	4.671.735.000	(15.080.400.000)
	1.718.585.730.450	2.234.146.377.963

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền	18.085.794.729	-	-	18.085.794.729
Phải thu khách hàng, phải thu khác	54.297.912.743	-	-	54.297.912.743
	72.383.707.472	-	-	72.383.707.472
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền	19.003.693.365	-	-	19.003.693.365
Phải thu khách hàng, phải thu khác	96.261.044.258	-	-	96.261.044.258
	115.264.737.623	-	-	115.264.737.623

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Vay và nợ	49.285.520.014	-	-	49.285.520.014
Phải trả người bán, phải trả khác	7.285.897.673	-	-	7.285.897.673
Chi phí phải trả	4.941.113.921	-	-	4.941.113.921
	61.512.531.608	-	-	61.512.531.608
Tại ngày 01/01/2023				
Vay và nợ	152.333.122.748	-	-	152.333.122.748
Phải trả người bán, phải trả khác	5.066.086.954	-	-	5.066.086.954
Chi phí phải trả	4.560.715.534	-	-	4.560.715.534
	161.959.925.236	-	-	161.959.925.236

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	1.067.259.553.458	1.508.649.649.148
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	1.170.307.156.192	1.598.649.822.542

34 . THÔNG TIN KHÁC

Ngày 22/02/2012, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 519/QĐ-UBND về việc quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 chuyển đổi Khu công nghiệp Biên Hòa 1 thành Khu đô thị - thương mại - dịch vụ tại phường An Bình, thành phố Biên Hòa. Do Công ty có nhà máy thuộc phạm vi quy hoạch của UBND tỉnh Đồng Nai nên Công ty phải di dời nhà máy ra khỏi Khu công nghiệp Biên Hòa 1.

Hội đồng Quản trị Công ty chủ trương di dời nhà máy về Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, huyện Nhơn Phú, tỉnh Đồng Nai và đã được Tổng Công ty Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần chấp nhận theo Công văn số 51/VNS-HĐQT ngày 12/01/2015.

Theo Công văn số 374/KCNĐN-QHXXH ngày 11/03/2015 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai, tiến độ di dời nhà máy của Công ty thuộc giai đoạn 3 từ năm 2022 đến năm 2025.

Tuy nhiên, theo Công văn số 5806/SKHĐT-KTĐN ngày 07/12/2023 của Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai về thời gian thực hiện di dời các Doanh nghiệp trong Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Công ty nằm trong diện di dời giai đoạn 2 theo đó các Doanh nghiệp hoàn thành di dời trước tháng 12 năm 2025.

Công ty đang xây dựng dự thảo phương án di dời để trình các cấp thẩm quyền phê duyệt, cũng như đề xuất ý kiến về việc cho giãn thời gian di dời phù hợp tình hình thực tế tại Công ty.

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Khách sạn Phương Nam	Đơn vị trực thuộc của công ty mẹ
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Mạ kẽm Công nghiệp Vingal - VNSTEEL	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Giao nhận ngoại thương Việt Nam	Cùng công ty mẹ
Công ty Vật liệu chịu lửa Nam Ưng	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Thép VINAKYOEI	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Tôn Phương Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Gia công và Dịch vụ Thép Sài Gòn	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Liên doanh Nippovina	Công ty liên kết của Công ty mẹ

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.427.906.094.820	1.856.460.128.334
- Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	8.214.206.466	19.730.586.891
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	1.185.707.123.942	1.650.460.336.819
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	88.358.278.500	123.671.395.000
- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL	44.537.680	22.177.144
- Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	322.586.240	391.568.480
- Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	31.171.117.640	-
- Công ty TNHH Thép VINAKYOEI	114.086.392.500	62.184.064.000
- Công ty Tôn Phương Nam	1.851.852	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.991.234.241	2.403.140.603
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	1.991.234.241	2.403.140.603
Mua hàng hóa, dịch vụ	8.068.864.578	15.866.982.642
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	996.000.000	6.907.050.992
- Công ty Cổ phần Mạ kẽm Công nghiệp Vingal - VNSTEEL	1.063.418.000	2.343.836.000
- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL	53.351.100	16.034.384
- Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	3.239.554.000	5.518.276.636
- Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	257.229.678	377.175.630
- Công ty Liên doanh Nippovina	2.456.711.800	469.209.000
- Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	-	235.400.000
- Công ty Cổ phần Giao nhận ngoại thương Việt Nam	2.600.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính	87.361.786	297.346.328
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	87.361.786	237.435.353
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	-	59.910.975
Chi phí tài chính	2.709.686	13.955.917
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	2.709.686	13.955.917
Chi phí bán hàng	3.582.983.611	5.927.085.376
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	3.301.927.933	5.911.050.992
- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL	48.942.978	16.034.384
- Công ty Cổ phần Giao nhận ngoại thương Việt Nam	232.112.700	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.768.519	-
- Khách sạn Phương Nam	5.768.519	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập trong năm	
		Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
- Nguyễn Xuân Sơn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	590.402.000	270.200.000
- Lê Văn Cam	Chủ tịch Hội đồng quản trị (Từ nhiệm ngày 20/12/2021)	-	70.000.000
- Huỳnh Công Du	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị	619.950.000	844.013.000
- Nguyễn Bảo Giang	Thành viên Hội đồng quản trị	48.000.000	79.000.000
- Nguyễn Văn Thoan	Thành viên Hội đồng quản trị	48.000.000	89.000.000
- Nguyễn Đông Vững	Thành viên Hội đồng quản trị	492.231.000	603.494.000
- Vương Thanh Đường	Phó Tổng Giám đốc	517.213.000	698.641.000
- Hoàng Đức Hoa	Phó Tổng Giám đốc	496.050.000	513.164.112
- Ngô Tiến Thọ	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 03/04/2023)	192.023.857	641.266.391
- Nguyễn Phước Hải	Trưởng Ban kiểm soát	432.781.125	511.401.000
- Nguyễn Bạch Đường	Thành viên Ban kiểm soát	358.985.646	416.184.013
- Đặng Minh Đức	Thành viên Ban kiểm soát (Bổ nhiệm từ ngày 10/04/2023)	18.000.000	-
- Trương Thị Kim Anh	Phụ trách kế toán (Bổ nhiệm ngày 20/10/2023)	373.091.000	432.811.571
- Hồ Duy Khải	Thành viên Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 10/04/2023)	340.076.250	419.342.750
- Lê Trọng Dung	Thành viên Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 23/04/2021)	-	5.000.000
- Nguyễn Thanh Hùng	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 20/10/2023)	397.373.000	617.979.324

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực... 22215... quyển số... 4 - SCT/BS
Người lập Ngày... 29-07-2024 Phụ trách kế toán
Đặng Công An
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BÌNH DÀ
BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI
Đông Nai, ngày 20 tháng 02 năm 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI
Trương Thị Kim Anh
Huỳnh Công Du
Phan Kim Loan

BẢN SAO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 34
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL đổi tên từ Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa (VICASA), được thành lập theo Quyết định số 2255/QĐ-BCN ngày 29/06/2007 của Bộ Công nghiệp và Quyết định số 641/QĐ-TCLĐ ngày 21/09/2007 của Tổng Công ty Thép Việt Nam về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Thép Biên Hòa thành Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa (VICASA).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600961762 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 14 tháng 08 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty tại: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Sơn	Chủ tịch	
Ông Ngô Tiến Thọ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/10/2024
Ông Nguyễn Văn Thoan	Thành viên	
Ông Nguyễn Bảo Giang	Thành viên	
Ông Hoàng Ngọc Chiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05/04/2024
Ông Huỳnh Công Du	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18/10/2024
Ông Nguyễn Đông Vững	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05/04/2024

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Tiến Thọ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/08/2024
Ông Huỳnh Công Du	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 09/08/2024
Ông Vương Thanh Đường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Hồng Khanh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03/06/2024
Ông Nguyễn Quyết Chiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03/06/2024
Ông Hoàng Đức Hoa	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15/04/2024

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Phước Hải	Trưởng ban
Ông Nguyễn Bạch Đường	Thành viên
Ông Đặng Minh Đức	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là ông Ngô Tiến Thọ - Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Ngô Tiến Thọ

Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 05 tháng 03 năm 2025



Số: 050325.001/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL được lập ngày 05 tháng 03 năm 2025, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2023-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2025

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Lê Phụng Hiếu, Hanoi, Vietnam

HÀNG KIỂM TOÁN AASC

Đào Trung Thành

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4700-2024-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		294.871.007.160	244.345.089.965
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	28.034.599.442	18.369.443.481
111	1. Tiền		28.034.599.442	18.369.443.481
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		63.446.360.178	55.223.076.790
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	04	63.153.395.560	54.106.027.951
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	05	180.714.618	925.164.047
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	112.250.000	191.884.792
140	IV. Hàng tồn kho	07	194.766.173.064	168.211.256.498
141	1. Hàng tồn kho		194.766.173.064	168.211.256.498
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		8.623.874.476	2.541.313.196
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	1.450.964.295	2.541.313.196
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		6.821.824.649	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	351.085.532	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		25.094.356.797	38.305.147.177
220	II. Tài sản cố định		17.144.721.483	28.065.770.561
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	17.144.721.483	28.065.770.561
222	- Nguyên giá		392.819.715.852	392.819.715.852
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(375.674.994.369)	(364.753.945.291)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		575.983.500	575.983.500
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	08	575.983.500	575.983.500
260	VI. Tài sản dài hạn khác		7.373.651.814	9.663.393.116
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	7.373.651.814	9.663.393.116
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		319.965.363.957	282.650.237.142

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		127.608.967.046	90.455.887.467
310	I. Nợ ngắn hạn		127.608.967.046	90.455.887.467
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	47.036.970.345	5.971.672.723
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	-	4.344.817.076
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	-	2.684.970.518
314	4. Phải trả người lao động		10.630.656.767	17.211.833.265
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	7.873.769.665	4.941.113.921
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	1.474.162.909	1.314.224.950
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	11	60.433.592.638	49.285.520.014
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	17	-	4.701.735.000
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		159.814.722	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		192.356.396.911	192.194.349.675
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	192.356.396.911	192.194.349.675
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		151.873.220.000	151.873.220.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		151.873.220.000	151.873.220.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		20.441.721.380	20.441.721.380
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		14.999.169.000	14.999.169.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.042.286.531	4.880.239.295
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		4.005.303.583	(2.410.891.639)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		1.036.982.948	7.291.130.934
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		319.965.363.957	282.650.237.142

Huỳnh Thị Kim Tuyền
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Thanh
Phụ trách kế toán



Ngô Tiến Thọ
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 05 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.361.919.134.847	1.726.954.696.995
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	4.161.082.266	1.992.040.722
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.357.758.052.581	1.724.962.656.273
11	4. Giá vốn hàng bán	22	1.328.119.083.164	1.668.538.536.099
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		29.638.969.417	56.424.120.174
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	1.065.344.105	233.522.045
22	7. Chi phí tài chính	24	3.673.806.484	8.898.768.163
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.617.829.729	8.809.249.504
25	8. Chi phí bán hàng	25	12.739.005.135	14.414.018.713
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	13.244.604.487	24.492.876.587
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.046.897.416	8.851.978.756
31	11. Thu nhập khác		-	90.206.667
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		-	90.206.667
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.046.897.416	8.942.185.423
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	9.914.468	1.651.054.489
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.036.982.948	7.291.130.934
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	68	480

Huỳnh Thị Kim Tuyền
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Thanh
Phụ trách kế toán



Ngô Tiến Thọ
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 05 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.046.897.416	8.942.185.423
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		10.921.049.078	14.475.510.052
03	- Các khoản dự phòng		(4.701.735.000)	4.671.735.000
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(66.500.348)	7.236.705
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(150.930.177)	(115.319.417)
06	- Chi phí lãi vay		3.617.829.729	8.809.249.504
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		10.666.610.698	36.790.597.267
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(14.979.045.247)	42.157.013.256
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(26.554.916.566)	27.515.695.850
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		31.248.485.774	2.858.289.963
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		3.380.090.203	4.198.689.460
14	- Tiền lãi vay đã trả		(3.626.371.456)	(8.888.593.243)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(912.054.489)	(1.366.590.871)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(715.120.990)	(667.185.629)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.492.322.073)	102.597.916.053
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(350.000.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	131.040.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		150.930.177	25.112.750
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		150.930.177	(193.847.250)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		720.253.239.348	1.067.259.553.458
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(709.105.166.724)	(1.170.307.156.192)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(141.962.325)	(141.670.425)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		11.006.110.299	(103.189.273.159)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		9.664.718.403	(785.204.356)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		18.369.443.481	19.154.703.046
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		437.558	(55.209)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	28.034.599.442	18.369.443.481


Huỳnh Thị Kim Tuyền
Người lập


Nguyễn Thị Ngọc Thanh
Phụ trách kế toán




Ngô Tiến Thọ
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 05 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL đổi tên từ Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa (VICASA), được thành lập theo Quyết định số 2255/QĐ-BCN ngày 29/06/2007 của Bộ Công nghiệp và Quyết định số 641/QĐ-TCLĐ ngày 21/09/2007 của Tổng Công ty Thép Việt Nam về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Thép Biên Hòa thành Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa (VICASA).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600961762 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 14 tháng 08 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty tại: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 151.873.220.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 151.873.220.000 VND; tương đương 15.187.322 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 290 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 310 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất Sắt, thép, gang;
- Sản xuất khí đốt;
- Tái chế phế liệu.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2024, nền kinh tế tăng trưởng chậm, nhu cầu tiêu thụ vẫn còn thấp trong khi sản lượng cung của các thương hiệu như Hòa Phát,... có sự gia tăng. Bên cạnh đó, nguồn thép nhập khẩu giá rẻ từ các nước Trung Quốc, Indonesia,... tiếp tục tăng tại thị trường Việt Nam. Những tác động nói trên đã ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty và làm cho Doanh thu thuần năm 2024 giảm 367,20 tỷ VND tương ứng tỷ lệ giảm 21,29%. Trong điều kiện sản xuất và tiêu thụ gặp nhiều khó khăn, Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp để tiết giảm chi phí sản xuất, dẫn đến Giá vốn giảm 340,42 tỷ VND, tương ứng tỷ lệ giảm 20,4% so với năm trước và Lãi gộp trong năm 2024 giảm 26,785 tỷ VND, tương ứng tỷ lệ giảm 47,47% so với cùng kỳ năm trước.

Trong năm 2024, Công ty hoàn nhập quỹ lương dự phòng đã trích cuối năm 2023 do không sử dụng với số tiền 4,701 tỷ VND và không trích quỹ lương dự phòng của năm 2024, dẫn đến tổng chi phí dự phòng trong chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 9,4 tỷ VND. Đồng thời, Công ty thực hiện tiết giảm các chi phí quản lý khác do tình hình sản xuất kinh doanh khó khăn như các chi phí nhân công, chi phí phúc lợi, chi phí công tác,... dẫn đến tổng Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm giảm 11,25 tỷ VND, tương ứng tỷ lệ giảm 45,92% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng hợp các yếu tố nêu trên dẫn đến lợi nhuận trước thuế năm nay của Công ty giảm 7,89 tỷ VND, tương ứng với tỷ lệ giảm 88,29% so với năm trước.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Dự phòng phải trả
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trọng tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 08 năm

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước, dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 06 tháng đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khối ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí tiền điện, chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là chiết khấu thương mại.

Các khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất thép và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	95.752.973	283.648.752
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.060.528.661	18.085.794.729
Tiền đang chuyển	7.878.317.808	-
	28.034.599.442	18.369.443.481

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	22.501.752.924	-	53.876.847.550	-
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	15.525.679.589	-	53.866.047.550	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	-	-	10.800.000	-
Chi nhánh Nhơn Trạch - Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	6.976.073.335	-	-	-
Bên khác	40.651.642.636	-	229.180.401	-
Công ty Cổ phần Đàm Gia Phú	-	-	228.358.400	-
Chip Mong Group Ltd	40.373.847.888	-	-	-
Các đối tượng khác	277.794.748	-	822.001	-
	63.153.395.560	-	54.106.027.951	-

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công ty Cổ phần Tur vản và Chuyển giao Công nghệ Quốc Tế	-	-	870.000.000	-
Công ty TNHH MTV Môi trường Phúc An Khang	136.500.000	-	-	-
Các đối tượng khác	44.214.618	-	55.164.047	-
	180.714.618	-	925.164.047	-

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	50.000.000	-	48.636.421	-
Ký cược, ký quỹ	50.000.000	-	50.000.000	-
Phải thu khác	12.250.000	-	93.248.371	-
	112.250.000	-	191.884.792	-

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	95.186.930.351	-	83.686.574.954	-
Công cụ, dụng cụ	68.716.335	-	79.191.946	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	35.909.468.185	-	8.575.913.916	-
Thành phẩm	63.601.058.193	-	75.869.575.682	-
	194.766.173.064	-	168.211.256.498	-

Toàn bộ giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm tồn kho cuối kỳ được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Chi tiết xem tại Thuyết minh số 11).

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí di dời, cải tạo, nâng cấp xưởng luyện cán thép	575.983.500	575.983.500
	575.983.500	575.983.500

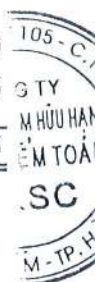
9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	60.860.157.311	289.405.506.230	34.108.914.806	8.445.137.505	392.819.715.852
Số dư cuối năm	60.860.157.311	289.405.506.230	34.108.914.806	8.445.137.505	392.819.715.852
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	60.205.208.531	264.645.672.477	32.353.655.083	7.549.409.200	364.753.945.291
- Khấu hao trong năm	333.925.236	9.850.281.901	415.342.425	321.499.516	10.921.049.078
Số dư cuối năm	60.539.133.767	274.495.954.378	32.768.997.508	7.870.908.716	375.674.994.369
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	654.948.780	24.759.833.753	1.755.259.723	895.728.305	28.065.770.561
Tại ngày cuối năm	321.023.544	14.909.551.852	1.339.917.298	574.228.789	17.144.721.483

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 326.244.571.362 VND.

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	949.045.162	2.103.036.166
Chi phí bảo hiểm tài sản	462.805.133	407.165.485
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	39.114.000	31.111.545
	1.450.964.295	2.541.313.196
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	6.978.442.122	8.734.055.840
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	395.209.692	929.337.276
	7.373.651.814	9.663.393.116



Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL

Khu công nghiệp Biên Hòa I, đường số 9, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

11 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh ⁽¹⁾	49.285.520.014	49.285.520.014	720.253.239.348	709.105.166.724	60.433.592.638	60.433.592.638
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa ⁽²⁾	13.710.958.850	13.710.958.850	275.473.912.450	264.997.043.350	24.187.827.950	24.187.827.950
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽³⁾	8.289.045.802	8.289.045.802	284.126.311.902	256.169.593.016	36.245.764.688	36.245.764.688
	27.285.515.362	27.285.515.362	160.653.014.996	187.938.530.358	-	-
	49.285.520.014	49.285.520.014	720.253.239.348	709.105.166.724	60.433.592.638	60.433.592.638

Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Loại tiền	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	Số dư nợ gốc tại	
					31/12/2024	01/01/2024
					VND	VND
(1) Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh	Theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất áp dụng tại ngày 31/12/2024 là 4,5%/năm.	Theo từng giấy nhận nợ.	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.	Khoản tiền vay được thế chấp bằng hệ thống xử lý khí thải xưởng luyện thép công suất 8.000 m3 và được đảm bảo bằng 45,46% tổng giá trị hàng tồn kho và khoản phải thu	24.187.827.950	13.710.958.850
(2) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa	Theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất áp dụng tại ngày 31/12/2024 là 4,5%/năm.	Theo từng giấy nhận nợ.	Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định	Khoản tiền vay đã bảo đảm bằng 27,27% tổng giá trị hàng tồn kho và khoản phải thu.	36.245.764.688	8.289.045.802
(3) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Theo từng giấy nhận nợ	Theo từng giấy nhận nợ.	Bổ sung vốn lưu động	Khoản tiền vay được thế chấp bằng hệ thống máy cắt bầm liệu công suất 1000T và dây chuyền máy móc thiết bị ngành thép; Khoản tiền vay được đảm bảo bằng 27,27% tổng giá trị hàng tồn kho và khoản phải thu	-	27.285.515.362
					60.433.592.638	49.285.520.014

(*) Các khoản vay từ ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	1.108.543.875	1.108.543.875	355.420.721	355.420.721
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	262.095.143	262.095.143	355.420.721	355.420.721
Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện Kim	706.354.000	706.354.000	-	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	122.422.747	122.422.747	-	-
Chi nhánh Nhơn Trạch - Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	2.414.929	2.414.929	-	-
Công ty Cổ Phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL	15.257.056	15.257.056	-	-
Bên khác	45.928.426.470	45.928.426.470	5.616.252.002	5.616.252.002
Công ty TNHH Phế liệu Huy Hoàng Gia	18.990.170.100	18.990.170.100	2.908.435.200	2.908.435.200
Công ty TNHH TMDV và Vận tải Vinh Kim Sơn	637.361.481	637.361.481	714.567.720	714.567.720
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hoàng Phúc Ân	7.767.217.700	7.767.217.700	119.064.000	119.064.000
Công ty TNHH Thảo Hùng Phát	2.482.865.000	2.482.865.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại Tân Thiện Hòa	7.137.559.000	7.137.559.000	-	-
Các đối tượng khác	8.913.253.189	8.913.253.189	1.874.185.082	1.874.185.082
	47.036.970.345	47.036.970.345	5.971.672.723	5.971.672.723

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bên khác		
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Sắt thép Hữu Sang	-	2.195.636.969
Công ty TNHH MTV Thép Phước Thạnh	-	2.149.180.107
	-	4.344.817.076

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	390.626.670	81.600.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	651.057.776	793.020.101
Các khoản phải trả, phải nộp khác	432.478.463	439.604.849
	1.474.162.909	1.314.224.950

17 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ lương dự phòng	-	4.701.735.000
	-	4.701.735.000

Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	151.873.220.000	20.441.721.380	14.999.169.000	(2.410.891.639)	184.903.218.741
Lãi trong năm trước	-	-	-	7.291.130.934	7.291.130.934
Số dư cuối năm trước	151.873.220.000	20.441.721.380	14.999.169.000	4.880.239.295	192.194.349.675
Số dư đầu năm nay	151.873.220.000	20.441.721.380	14.999.169.000	4.880.239.295	192.194.349.675
Lãi trong năm nay	-	-	-	1.036.982.948	1.036.982.948
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành (*)	-	-	-	(874.935.712)	(874.935.712)
Số dư cuối năm nay	151.873.220.000	20.441.721.380	14.999.169.000	5.042.286.531	192.356.396.911

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 03/NQ-ĐHĐCĐ-VCA ngày 05/04/2024, Công ty công bố việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến ngày 31/12/2023 với giá trị lần lượt là 729.113.093 VND và 145.822.619 VND.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	65,00	98.718.750.000	65,00	98.718.750.000
Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng	7,14	10.846.290.000	7,14	10.846.290.000
Các cổ đông khác	27,86	42.308.180.000	27,86	42.308.180.000
	100	151.873.220.000	100	151.873.220.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	151.873.220.000	151.873.220.000
- Vốn góp cuối năm	151.873.220.000	151.873.220.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	793.020.101	934.690.526
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(141.962.325)	(141.670.425)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(141.962.325)	(141.670.425)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	651.057.776	793.020.101

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.187.322	15.187.322
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	15.187.322	15.187.322
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	15.187.322	15.187.322
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

e) Các quỹ công ty

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	14.999.169.000	14.999.169.000
	14.999.169.000	14.999.169.000

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng với Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp để thuê đất tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để sử dụng với mục đích làm văn phòng, nhà xưởng từ năm 2001 đến năm 2051. Diện tích khu đất thuê là 197.436 m2. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Tài sản nhận giữ hộ

Chủng loại, quy cách	ĐVT	31/12/2024	
		Số lượng	Phẩm chất
Thép thành phẩm các loại	Tấn	967.465	Bình thường

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	01/01/2024
Đồng đô la Mỹ (USD)	235.155,64	1.380,22

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	1.354.477.308.890	1.719.661.274.394
Doanh thu gia công	1.887.832.640	1.869.727.960
Doanh thu bán vật tư, phế liệu	502.940.348	868.825.000
Doanh thu khác	5.051.052.969	4.554.869.641
	1.361.919.134.847	1.726.954.696.995
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 34)	1.016.972.112.908	1.427.818.733.034

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	4.161.082.266	1.992.040.722
	4.161.082.266	1.992.040.722
Trong đó: Các khoản giảm trừ đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 34)	4.161.082.266	1.991.234.241

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	1.324.052.521.395	1.664.191.540.352
Giá vốn dịch vụ gia công	1.660.800.560	1.851.813.921
Giá vốn của vật tư, phế liệu đã bán	390.725.204	828.585.080
Giá vốn khác	2.015.036.005	1.666.596.746
	1.328.119.083.164	1.668.538.536.099
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan Tổng giá trị mua vào (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 34)	4.655.861.889	8.068.864.578

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi	150.930.177	25.112.750
Lãi bán hàng trả chậm	106.239.928	87.361.786
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	741.673.652	121.047.509
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	66.500.348	-
	1.065.344.105	233.522.045
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan	17.904.118	87.361.786
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 34)		

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.617.829.729	8.809.249.504
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	46.197.164	79.572.268
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	7.236.705
Chi phí tài chính khác	9.779.591	2.709.686
	3.673.806.484	8.898.768.163
Trong đó: Chi phí tài chính mua từ các bên liên quan	9.779.591	2.709.686
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 34)		

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	341.970.555	481.373.278
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.805.089.432	10.180.711.527
Chi phí khác bằng tiền	4.591.945.148	3.751.933.908
	12.739.005.135	14.414.018.713
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan	5.175.253.463	3.582.983.611
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 34)		

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.166.883.615	2.060.511.960
Chi phí nhân công	5.725.244.594	6.327.358.623
Chi phí khấu hao tài sản cố định	321.499.516	418.244.516
(Hoàn nhập)/chi phí dự phòng	(4.701.735.000)	4.671.735.000
Thuế, phí, và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.531.749.770	5.365.652.340
Chi phí khác bằng tiền	5.197.961.992	5.646.374.148
	13.244.604.487	24.492.876.587
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan	-	5.768.519
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 34)		

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	1.046.897.416	8.942.185.423
Các khoản điều chỉnh tăng	232.726.130	162.437.937
- Chi phí không hợp lệ	232.726.130	162.382.728
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	-	55.209
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.230.051.208)	(849.350.915)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(66.500.348)	-
- Chi phí lãi vay được trừ chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo theo ND132/2020/NĐ-CP	(1.163.550.860)	(849.350.915)
Thu nhập chịu thuế TNDN	49.572.338	8.255.272.445
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	9.914.468	1.651.054.489
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	551.054.489	266.590.871
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(912.054.489)	(1.366.590.871)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	(351.085.532)	551.054.489

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.036.982.948	7.291.130.934
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.036.982.948	7.291.130.934
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	15.187.322	15.187.322
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	68	480

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.134.868.020.640	1.435.302.915.325
Chi phí nhân công	69.987.022.452	80.443.336.098
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.921.049.078	14.475.510.052
Chi phí dịch vụ mua ngoài	144.030.722.950	168.468.356.153
Chi phí khác bằng tiền	9.360.914.446	15.223.877.822
Chi phí dự phòng khác	-	4.671.735.000
	1.369.167.729.566	1.718.585.730.450

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.938.846.469	-	-	27.938.846.469
Phải thu khách hàng, phải thu khác	63.265.645.560	-	-	63.265.645.560
	<u>91.204.492.029</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>91.204.492.029</u>
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.085.794.729	-	-	18.085.794.729
Phải thu khách hàng, phải thu khác	54.297.912.743	-	-	54.297.912.743
	<u>72.383.707.472</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>72.383.707.472</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2024				
Vay và nợ	60.433.592.638	-	-	60.433.592.638
Phải trả người bán, phải trả khác	48.511.133.254	-	-	48.511.133.254
Chi phí phải trả	7.873.769.665	-	-	7.873.769.665
	116.818.495.557	-	-	116.818.495.557
Tại ngày 01/01/2024				
Vay và nợ	49.285.520.014	-	-	49.285.520.014
Phải trả người bán, phải trả khác	7.285.897.673	-	-	7.285.897.673
Chi phí phải trả	4.941.113.921	-	-	4.941.113.921
	61.512.531.608	-	-	61.512.531.608

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	720.253.239.348	1.067.259.553.458
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	709.105.166.724	1.170.307.156.192

32. THÔNG TIN KHÁC

Ngày 22/02/2012, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 519/QĐ-UBND về việc quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 chuyển đổi Khu công nghiệp Biên Hòa 1 thành Khu đô thị - thương mại - dịch vụ tại phường An Bình, thành phố Biên Hòa. Do Công ty có nhà máy thuộc phạm vi quy hoạch của UBND tỉnh Đồng Nai nên Công ty phải di dời nhà máy ra khỏi Khu công nghiệp Biên Hòa 1.

Theo Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, tiến độ di dời nhà máy của Công ty thuộc giai đoạn 2, hoàn thành trước tháng 12/2025.

Ngày 28/06/2024, Công ty đã gửi Công văn số 21/VB-VCS cho Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai về việc xin hướng dẫn, giới thiệu của các cơ quan ban ngành trong việc tìm kiếm vị trí di dời phù hợp cũng như có phương án hỗ trợ cụ thể cho doanh nghiệp để có đủ thông tin thực hiện báo cáo cho cấp có thẩm quyền.

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty chưa nhận được phương án hỗ trợ di dời của UBND Tỉnh Đồng Nai.

33. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội - VNSTEEL	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Kim Khí Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sản xuất Sản phẩm mạ Công nghiệp Vingal	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tôn mạ VNSTEEL Thăng Long	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - VNSTEEL	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thép Tấm Miền Nam	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Tư vấn MDC - VNSTEEL	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Cung ứng Nhân lực và Dịch vụ - VNSTEEL	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Cùng công ty mẹ
Công ty Liên doanh Sản xuất Thép Vinausteel	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tân Thành Mỹ	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Nippovina	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Tôn Phương Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Gia công và Dịch vụ Thép Sài Gòn	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Liên doanh Vật liệu Chịu lửa Nam Ưng	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Ống thép Việt Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Trúc Thôn	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Nasteelvina	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Thép Vinakyoei	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Trung Tâm Thương mại Quốc Tế (IBC)	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Thép VSC - POSCO (VPS)	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Khoáng sản Luyện kim Việt Trung	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Nassin Logistics	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Kim Khí Miền Trung	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Agility	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Lotte Vinatrans Global Logistics Việt Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	Người quản lý chủ chốt

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.016.972.112.908	1.427.818.733.034
- Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	36.583.197.623	8.214.206.466
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	725.335.273.908	1.185.619.762.156
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	119.978.738.726	88.358.278.500
- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL	89.370.576	44.537.680
- Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	215.905.000	322.586.240
- Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	50.436.774.529	31.171.117.640
- Công ty TNHH Thép VINAKYOEI	84.327.398.000	114.086.392.500
- Công ty Tôn Phương Nam	5.454.546	1.851.852
Các khoản giảm trừ doanh thu	4.161.082.266	1.991.234.241
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	4.161.082.266	1.991.234.241
Mua hàng hóa, vật tư	4.655.861.889	8.068.864.578
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	996.000.000	996.000.000
- Công ty Cổ phần Mạ kẽm Công nghiệp Vingal - VNSTEEL	-	1.063.418.000
- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL	-	53.351.100
- Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	3.199.714.000	3.239.554.000
- Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	87.786.815	257.229.678
- Công ty Liên doanh Nippovina	358.887.000	2.456.711.800
- Công ty Cổ phần Giao nhận ngoại thương Việt Nam	13.474.074	2.600.000
Doanh thu hoạt động tài chính	17.904.118	87.361.786
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	7.034.023	87.361.786
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	10.870.095	-
Chi phí tài chính	9.779.591	2.709.686
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	9.779.591	2.709.686
Chi phí bán hàng	5.175.253.463	3.582.983.611
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	4.050.773.600	3.301.927.933
- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL	220.977.568	48.942.978
- Công ty Cổ phần Giao nhận ngoại thương Việt Nam	872.605.800	232.112.700
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	30.896.495	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	5.768.519
- Khách sạn Phương Nam	-	5.768.519

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

		Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		4.788.508.884	5.321.144.078
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Chủ tịch HĐQT	575.168.000	590.402.000
Ông Ngô Tiến Thọ	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 09/08/2024) Thành viên Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 18/10/2024)	168.245.000	192.023.857
Ông Huỳnh Công Du	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 09/08/2024) Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 18/10/2024)	561.355.000	619.950.000
Ông Nguyễn Văn Thoan	Thành viên HĐQT	60.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Bảo Giang	Thành viên HĐQT	60.000.000	48.000.000
Ông Hoàng Ngọc Chiến	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 05/04/2024)	24.000.000	-
Ông Nguyễn Đông Vững	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 05/04/2024)	200.055.500	492.231.000
Ông Vương Thanh Đường	Phó Tổng Giám đốc	487.848.000	517.213.000
Ông Vũ Hồng Khanh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 03/06/2024)	429.893.500	393.998.200
Ông Nguyễn Quyết Chiến	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 03/06/2024)	416.782.000	400.342.000
Ông Hoàng Đức Hoa	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15/04/2024)	206.605.500	496.050.000
Ông Nguyễn Phước Hải	Trưởng ban kiểm soát	418.889.000	432.781.125
Ông Nguyễn Bạch Đường	Thành viên Ban kiểm soát	341.411.398	358.985.646
Ông Đặng Minh Đức	Thành viên Ban kiểm soát	42.000.000	18.000.000
Trương Thị Kim Anh	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 20/10/2024)	445.408.259	373.091.000
Hồ Duy Khải	Thành viên Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 10/04/2023)	350.847.727	340.076.250

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Huỳnh Thị Kim Tuyền
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Thanh
Phụ trách kế toán

Ngô Tiến Thọ
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 05 tháng 03 năm 2025

BẢN SAO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025
(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06 - 37
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL đổi tên từ Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa (VICASA), được thành lập theo Quyết định số 2255/QĐ-BCN ngày 29/06/2007 của Bộ Công nghiệp và Quyết định số 641/QĐ-TCLĐ ngày 21/09/2007 của Tổng Công ty Thép Việt Nam về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Thép Biên Hòa thành Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa (VICASA).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600961762 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 14 tháng 08 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Phú Dương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 09/04/2025
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 09/04/2025
Ông Dương Văn Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09/04/2025
Ông Ngô Tiến Thọ	Thành viên	
Ông Nguyễn Bảo Giang	Thành viên	
Ông Hoàng Ngọc Chiến	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Thoan	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 09/04/2025

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Tiến Thọ	Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Hồng Khanh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quyết Chiến	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vương Thanh Đường	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/07/2025

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Ngô Thị Minh Nguyệt	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 09/04/2025
Ông Nguyễn Phước Hải	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 09/04/2025
Ông Nguyễn Bạch Đường	Thành viên	
Ông Đặng Minh Đức	Thành viên	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Ngô Tiến Thọ - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.



Ngô Tiến Thọ
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 14 tháng 07 năm 2025

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL được lập ngày 14 tháng 07 năm 2025, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 01 và Thuyết minh số 31 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, nhà máy của Công ty nằm trong phạm vi quy hoạch chuyển đổi công năng Khu Công nghiệp Biên Hòa 1 thành Khu Đô thị – Thương mại – Dịch vụ theo Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 22/02/2012 và Thông báo số 438/TB-UBND ngày 11/04/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai và UBND thành phố Biên Hòa. Ngoài ra, theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1515/QĐ-XPHC ngày 09/05/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai, Công ty bị đình chỉ hoạt động trong 3,75 tháng do chưa có giấy phép môi trường và buộc phải di dời toàn bộ cơ sở sản xuất trước ngày 01/12/2025. Đến thời điểm soát xét, Công ty đã tạm ngừng hoạt động sản xuất tại lò luyện thép và sản cán thành phẩm. Những sự kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục soát xét cần thiết nhưng chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng phù hợp để đánh giá việc Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp hay không.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Trần Trung Hiếu

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2023-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 07 năm 2025

11/06/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		344.998.735.565	294.871.007.160
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	20.913.578.278	28.034.599.442
111	1. Tiền		20.913.578.278	28.034.599.442
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		109.564.317.525	63.446.360.178
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	04	109.167.606.481	63.153.395.560
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	05	245.071.044	180.714.618
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	151.640.000	112.250.000
140	IV. Hàng tồn kho	07	200.825.786.713	194.766.173.064
141	1. Hàng tồn kho		200.825.786.713	194.766.173.064
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		13.695.053.049	8.623.874.476
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	4.368.899.052	1.450.964.295
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		9.326.153.997	6.821.824.649
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	-	351.085.532
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		17.951.937.851	25.094.356.797
220	II. Tài sản cố định		12.519.898.338	17.144.721.483
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	12.519.898.338	17.144.721.483
222	- Nguyên giá		392.819.715.852	392.819.715.852
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(380.299.817.514)	(375.674.994.369)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	08	575.983.500	575.983.500
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		575.983.500	575.983.500
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.856.056.013	7.373.651.814
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	4.856.056.013	7.373.651.814
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		362.950.673.416	319.965.363.957

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		168.731.613.374	127.608.967.046
310	I. Nợ ngắn hạn		168.731.613.374	127.608.967.046
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	41.010.675.838	47.036.970.345
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	248.864.824	-
314	3. Phải trả người lao động		9.431.843.936	10.630.656.767
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	182.505.050	7.873.769.665
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	14	2.179.182.209	1.474.162.909
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	115.625.691.580	60.433.592.638
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		52.849.937	159.814.722
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		194.219.060.042	192.356.396.911
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	194.219.060.042	192.356.396.911
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		151.873.220.000	151.873.220.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		151.873.220.000	151.873.220.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		20.441.721.380	20.441.721.380
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		14.999.169.000	14.999.169.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.904.949.662	5.042.286.531
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		4.938.588.236	4.005.303.583
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		1.966.361.426	1.036.982.948
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		362.950.673.416	319.965.363.957


Huỳnh Thị Kim Tuyền
Người lập


Nguyễn Thị Ngọc Thanh
Phụ trách kế toán


Ngô Tiến Thọ
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 14 tháng 07 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	885.931.293.529	632.248.491.105
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	1.407.172.400	2.262.776.247
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		884.524.121.129	629.985.714.858
11	4. Giá vốn hàng bán	20	864.915.704.249	614.653.986.323
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		19.608.416.880	15.331.728.535
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.547.748.043	275.691.430
22	7. Chi phí tài chính	22	1.782.567.785	2.501.538.959
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.513.287.594	2.492.726.005
25	8. Chi phí bán hàng	23	7.559.646.143	6.151.855.283
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	8.912.639.213	4.703.085.227
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.901.311.782	2.250.940.496
31	11. Thu nhập khác		-	-
32	12. Chi phí khác	25	335.000.000	-
40	13. Lợi nhuận khác		(335.000.000)	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.566.311.782	2.250.940.496
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	599.950.356	450.188.099
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.966.361.426	1.800.752.397
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	129	119

Huỳnh Thị Kim Tuyền
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Thanh
Phụ trách kế toán

Ngô Tiến Thọ
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 14 tháng 07 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2.566.311.782	2.250.940.496
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		4.624.823.145	5.770.149.012
03	- Các khoản dự phòng		-	(2.177.452.710)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(93.717.511)	(518.169)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(10.250.425)	(9.257.509)
06	- Chi phí lãi vay		1.513.287.594	2.492.726.005
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		8.600.454.585	8.326.587.125
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(48.529.030.647)	(36.083.147.499)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(6.059.613.649)	(48.582.802.146)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(14.271.524.569)	(1.170.644.047)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(400.338.956)	(2.474.199.787)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.438.580.678)	(2.453.437.592)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(782.054.489)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(210.663.080)	(495.672.619)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(62.309.296.994)	(83.715.371.054)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
27	1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.250.425	9.257.509
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		10.250.425	9.257.509
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		329.016.034.250	457.574.726.564
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(273.823.935.308)	(378.446.823.588)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(14.535.000)	(88.706.250)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		55.177.563.942	79.039.196.726

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(7.121.482.627)	(4.666.916.819)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		28.034.599.442	18.369.443.481
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		461.463	518.169
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	20.913.578.278	13.703.044.831



Huỳnh Thị Kim Tuyền
Người lập



Nguyễn Thị Ngọc Thanh
Phụ trách kế toán



Ngô Tiến Thọ
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 14 tháng 07 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL đổi tên từ Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa (VICASA), được thành lập theo Quyết định số 2255/QĐ-BCN ngày 29/06/2007 của Bộ Công nghiệp và Quyết định số 641/QĐ-TCLĐ ngày 21/09/2007 của Tổng Công ty Thép Việt Nam về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Thép Biên Hòa thành Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa (VICASA).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600961762 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 14 tháng 08 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường Trảng Biên, tỉnh Đồng

Nai. Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 151.873.220.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 151.873.220.000 VND; tương đương 15.187.322 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là: 273 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 290 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Sản xuất khí đốt;
- Tái chế phế liệu.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Trong kỳ, hoạt động sản xuất của Công ty chịu ảnh hưởng đáng kể do bị đình chỉ theo Quyết định số 1515/QĐ-XPHC ngày 09/05/2025 của Ủy ban Nhân dân (gọi tắt là "UBND") tỉnh Đồng Nai về việc tạm ngừng hoạt động đối với nguồn phát sinh chất thải không có giấy phép môi trường. Theo quyết định, Công ty buộc phải di dời nhà máy đến địa điểm phù hợp với quy hoạch và phân vùng môi trường; việc thi hành bắt đầu từ ngày 23/05/2025 và kéo dài trong thời hạn 3,75 tháng. Do đó, Công ty đã tạm ngưng hoạt động sản xuất tại khu vực lò luyện thép và sản cán thành phẩm, khiến hoạt động sản xuất thép cán và phối thép bị gián đoạn. Sự kiện này cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 31 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Công ty vẫn duy trì hoạt động bán hàng và tiêu thụ sản phẩm từ hàng tồn kho, góp phần giúp doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ tăng 254,538 tỷ VND (tương đương 40,4%) so với cùng kỳ năm trước; giá vốn hàng bán tăng 250,262 tỷ VND (tương đương 40,72%), dẫn đến lợi nhuận gộp tăng 4,277 tỷ VND (tương đương 27,89%).

Công ty hiện đang tích cực làm việc với các cơ quan chức năng tỉnh Đồng Nai để tháo gỡ khó khăn và từng bước khôi phục hoạt động sản xuất. Đối với yêu cầu di dời, Công ty đã đề xuất các phương án di dời để Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP (Công ty mẹ, nắm giữ 65% cổ phần) trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đồng thời, Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP đang triển khai công tác xác định giá trị doanh nghiệp tại Công ty để thực hiện phương án thoái vốn, tạo điều kiện cho nhà đầu tư mới có tiềm lực tiếp quản và triển khai kế hoạch di dời cũng như phục hồi sản xuất kinh doanh.

Trên các cơ sở đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 vẫn được lập trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong thời gian tới là phù hợp.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Dự phòng phải trả;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 08 năm

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chỉ tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

006-C.I.
ANH
TNHH
M TOA
SC
HỒ CH

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa niên độ;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là chiết khấu thương mại.

Các khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.20 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

2.23 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất thép và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	42.197.725	95.752.973
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.871.380.553	20.060.528.661
Tiền đang chuyển	-	7.878.317.808
	<u>20.913.578.278</u>	<u>28.034.599.442</u>

Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL

Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>				
- Công ty TNHH MTV Vinausteel	94.712.421.312	-	22.501.752.924	-
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	42.165.018.610	-	-	-
- Công ty TNHH Thép Vinakyoel	27.688.199.058	-	15.525.679.589	-
- Chi nhánh Nhơn Trạch - Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	13.856.674.920	-	-	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	10.997.128.724	-	6.976.073.335	-
	5.400.000	-	-	-
<i>Bên khác</i>				
- Chíp Mong Group Ltd	14.455.185.169	-	40.651.642.636	-
- Đối tượng khác	14.235.217.116	-	40.373.847.888	-
	219.968.053	-	277.794.748	-
	109.167.606.481	-	63.153.395.560	-

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
- Công ty TNHH MTV Môi trường Phúc An Khang	136.500.000	-	136.500.000	-
- Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng Việt Thuận	100.000.000	-	-	-
- Đối tượng khác	8.571.044	-	44.214.618	-
	245.071.044	-	180.714.618	-

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	111.640.000	-	50.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	40.000.000	-	50.000.000	-
Phải thu khác	-	-	12.250.000	-
	151.640.000	-	112.250.000	-

7 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	159.961.757.276	-	95.186.930.351	-
Công cụ, dụng cụ	51.686.344	-	68.716.335	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.448.073.098	-	35.909.468.185	-
Thành phẩm	39.153.630.152	-	63.601.058.193	-
Hàng gửi đi bán	210.639.843	-	-	-
	200.825.786.713	-	194.766.173.064	-

Toàn bộ giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm tồn kho cuối kỳ được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 15).

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí di dời, cải tạo, nâng cấp xưởng luyện cán thép	575.983.500	575.983.500
	575.983.500	575.983.500

Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL

Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	60.860.157.311	289.405.506.230	34.108.914.806	8.445.137.505	392.819.715.852
Số dư cuối kỳ	60.860.157.311	289.405.506.230	34.108.914.806	8.445.137.505	392.819.715.852
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	60.539.133.767	274.495.954.378	32.768.997.508	7.870.908.716	375.674.994.369
- Khấu hao trong kỳ	113.425.338	4.189.409.170	198.712.877	123.275.760	4.624.823.145
Số dư cuối kỳ	60.652.559.105	278.685.363.548	32.967.710.385	7.994.184.476	380.299.817.514
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	321.023.544	14.909.551.852	1.339.917.298	574.228.789	17.144.721.483
Tại ngày cuối kỳ	207.598.206	10.720.142.682	1.141.204.421	450.953.029	12.519.898.338

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 330.675.844.089 VND.



10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	477.061.170	949.045.162
Chi phí thuê đất và phí sử dụng hạ tầng	1.853.627.882	-
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	2.038.210.000	-
Chi phí bảo hiểm tài sản	-	462.805.133
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	39.114.000
	4.368.899.052	1.450.964.295
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.727.910.113	6.978.442.122
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	128.145.900	395.209.692
	4.856.056.013	7.373.651.814

Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL

Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>				
- Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	808.280.155	808.280.155	1.108.543.875	1.108.543.875
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	552.300.498	552.300.498	122.422.747	122.422.747
- Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện Kim	188.551.169	188.551.169	262.095.143	262.095.143
- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL	50.094.000	50.094.000	706.354.000	706.354.000
- Chi nhánh Nhôm Trạch - Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	17.334.488	17.334.488	15.257.056	15.257.056
	-	-	2.414.929	2.414.929
<i>Bên khác</i>				
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thép Sông Hậu	40.202.395.683	40.202.395.683	45.928.426.470	45.928.426.470
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kim khí Bình Dương	13.138.285.050	13.138.285.050	-	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Túc Phát	11.077.885.500	11.077.885.500	-	-
- Công ty TNHH Phế liệu Huy Hoàng Gia	5.868.689.200	5.868.689.200	-	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hoàng Phúc Ân	4.916.125.500	4.916.125.500	18.990.170.100	18.990.170.100
- Công ty TNHH Thương mại Tân Thiện Hòa	-	-	7.767.217.700	7.767.217.700
- Công ty TNHH Thảo Hùng Phát	-	-	7.137.559.000	7.137.559.000
- Đối tượng khác	5.201.410.433	5.201.410.433	2.482.865.000	2.482.865.000
			9.550.614.670	9.550.614.670
	41.010.675.838	41.010.675.838	47.036.970.345	47.036.970.345

Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL

Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	1.064.830.018	1.064.830.018	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	71.070.505	71.070.505	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	351.085.532	-	599.950.356	-	-	248.864.824
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	1.221.910.125	1.221.910.125	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	12.211.200	12.211.200	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	335.000.000	335.000.000	-	-
	351.085.532	-	3.307.972.204	2.708.021.848	-	248.864.824

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	122.393.279	47.686.363
- Trích trước chi phí mua hàng	-	3.225.703.900
- Trích trước tiền điện	-	4.515.379.402
- Chi phí phải trả khác	60.111.771	85.000.000
	182.505.050	7.873.769.665

14 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	55.267.000	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	390.626.670	390.626.670
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	636.522.776	651.057.776
- Phải trả trợ cấp thôi việc	563.575.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	533.190.763	432.478.463
	2.179.182.209	1.474.162.909



Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL

Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

15 . CÁC KHOẢN VAY NGẮN HẠN

	01/01/2025		Trong kỳ		30/06/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh ⁽¹⁾	24.187.827.950	24.187.827.950	177.431.367.038	89.127.485.275	112.491.709.713	112.491.709.713
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽²⁾	-	-	48.231.118.167	45.097.136.300	3.133.981.867	3.133.981.867
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa	36.245.764.688	36.245.764.688	103.353.549.045	139.599.313.733	-	-
	60.433.592.638	60.433.592.638	329.016.034.250	273.823.935.308	115.625.691.580	115.625.691.580

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 137/2024-HĐCVHM/NHCT902-VICASA ngày 26/06/2024, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn vay: Theo từng giấy nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ, lãi suất áp dụng tại ngày 30/06/2025 là 4,8%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 112.491.709.713 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản tiền vay được thế chấp bằng hệ thống xử lý khí thải xường luyện thép công suất 8.000 m³ và được đảm bảo bằng 45,46% tổng giá trị hàng tồn kho và khoản phải thu.
- (2) Khoản vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/3177565/HĐTD ngày 16/10/2024, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 120.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn vay: Theo từng giấy nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất áp dụng tại ngày 30/06/2025 là 4,7%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 3.133.981.867 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản tiền vay được thế chấp bằng hệ thống máy cắt băm liệu công suất 1000T và dây chuyền máy móc thiết bị ngành thép; Khoản tiền vay được đảm bảo bằng 27,27% tổng giá trị hàng tồn kho và khoản phải thu.

Các khoản vay từ ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp, cầm cố với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	151.873.220.000	151.873.220.000
- Vốn góp cuối kỳ	151.873.220.000	151.873.220.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	651.057.776	793.020.101
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(14.535.000)	(88.706.250)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	(14.535.000)	(88.706.250)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	636.522.776	704.313.851

d) Cổ phiếu

	30/06/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.187.322	15.187.322
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	15.187.322	15.187.322
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	15.187.322	15.187.322
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

e) Các quỹ công ty

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	14.999.169.000	14.999.169.000
	14.999.169.000	14.999.169.000

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp (gọi tắt là "Tổng Công ty Sonadezi") tại KCN Biên Hòa 1, phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai với diện tích 197.436 m², thời hạn từ năm 2001 đến 2051, sử dụng làm văn phòng và nhà xưởng. Theo hợp đồng, Công ty thanh toán tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành.

Tuy nhiên, ngày 10/07/2025, Tổng Công ty Sonadezi có Công văn số 484/SNZ-DAKD thông báo thanh lý hợp đồng thuê đất để triển khai đề án chuyển đổi KCN Biên Hòa 1 thành khu Đô thị – Thương mại – Dịch vụ. Căn cứ Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 22/06/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai, các doanh nghiệp trong KCN phải di dời trước ngày 01/08/2025. Theo đó, Tổng Công ty Sonadezi sẽ chấm dứt cung cấp dịch vụ hạ tầng KCN Biên Hòa 1 kể từ ngày này (xem thêm thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 31).

b) Tài sản nhận giữ hộ

		30/06/2025	
Chủng loại, quy cách	ĐVT	Số lượng	Phẩm chất
Thép thành phẩm các loại	Tấn	16,20	Bình thường

c) Ngoại tệ các loại

	30/06/2025	01/01/2025
- Đồng đô la Mỹ (USD)	4.550,06	235.155,64

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	874.076.816.675	627.593.486.841
Doanh thu dịch vụ gia công	3.242.839.600	1.887.832.640
Doanh thu bán phế phẩm, phế liệu	6.097.769.000	238.918.000
Doanh thu khác	2.513.868.254	2.528.253.624
	885.931.293.529	632.248.491.105
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 33)	708.844.210.737	482.335.204.519

19 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	1.407.172.400	2.262.776.247
	1.407.172.400	2.262.776.247
Trong đó: Các khoản giảm trừ đối với bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 33)	1.407.172.400	2.262.776.247

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	855.811.485.858	611.731.731.495
Giá vốn dịch vụ gia công	2.583.390.744	1.660.800.560
Giá vốn của phế phẩm, phế liệu đã bán	5.663.957.828	238.918.000
Giá vốn khác	856.869.819	1.022.536.268
	864.915.704.249	614.653.986.323
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 33)	3.269.451.989	2.085.880.725

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	10.250.425	9.257.509
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	64.215.851
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.443.780.107	201.699.901
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	93.717.511	518.169
	1.547.748.043	275.691.430
Trong đó: Doanh thu tài chính nhận từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 33)	-	355.113

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.513.287.594	2.492.726.005
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	263.546.922	-
Chi phí tài chính khác	5.733.269	8.812.954
	1.782.567.785	2.501.538.959
Trong đó: Chi phí tài chính mua từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 33)	5.733.269	8.812.954

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	202.746.987	167.761.345
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.192.116.329	5.577.051.814
Chi phí khác bằng tiền	164.782.827	407.042.124
	7.559.646.143	6.151.855.283
Trong đó: Chi phí bán hàng mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 33)	2.678.797.537	2.577.416.688

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	500.437.471	1.320.043.715
Chi phí nhân công	2.830.053.000	2.950.684.754
Chi phí khấu hao tài sản cố định	123.275.760	195.017.537
Thuế, phí, lệ phí	15.211.200	3.000.000
Hoàn nhập dự phòng	-	(4.701.735.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.463.889.511	2.015.388.797
Chi phí khác bằng tiền	2.979.772.271	2.920.685.424
	8.912.639.213	4.703.085.227

25 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Các khoản bị phạt	335.000.000	-
	335.000.000	-

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.566.311.782	2.250.940.496
Các khoản điều chỉnh tăng	433.440.000	-
- Chi phí không hợp lệ	433.440.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	2.999.751.782	2.250.940.496
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	599.950.356	450.188.099
Thuế thu nhập doanh nghiệp (phải thu)/phải nộp đầu kỳ	(351.085.532)	551.054.489
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	(782.054.489)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	248.864.824	219.188.099

27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	1.966.361.426	1.800.752.397
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.966.361.426	1.800.752.397
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	15.187.322	15.187.322
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	129	119

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	667.480.491.699	539.911.196.654
Chi phí nhân công	41.268.463.886	34.970.408.271
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.624.823.145	5.770.149.012
Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.411.469.445	73.367.834.981
Chi phí khác bằng tiền	4.904.558.145	1.805.243.421
	822.689.806.320	655.824.832.339

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.871.380.553	-	-	20.871.380.553
Phải thu khách hàng, phải thu khác	109.319.246.481	-	-	109.319.246.481
	<u>130.190.627.034</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>130.190.627.034</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.938.846.469	-	-	27.938.846.469
Phải thu khách hàng, phải thu khác	63.265.645.560	-	-	63.265.645.560
	<u>91.204.492.029</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>91.204.492.029</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2025				
Vay và nợ	115.625.691.580	-	-	115.625.691.580
Phải trả người bán, phải trả khác	43.189.858.047	-	-	43.189.858.047
Chi phí phải trả	182.505.050	-	-	182.505.050
	<u>158.998.054.677</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>158.998.054.677</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Vay và nợ	60.433.592.638	-	-	60.433.592.638
Phải trả người bán, phải trả khác	48.511.133.254	-	-	48.511.133.254
Chi phí phải trả	7.873.769.665	-	-	7.873.769.665
	<u>116.818.495.557</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>116.818.495.557</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường:	329.016.034.250	457.574.726.564
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường:	273.823.935.308	378.446.823.588

31 . THÔNG TIN KHÁC

Ngày 22/02/2012, Ủy ban Nhân dân (gọi tắt là "UBND") tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 519/QĐ-UBND phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 chuyển đổi Khu Công nghiệp Biên Hòa 1 thành Khu Đô thị - Thương mại - Dịch vụ. Theo đó, toàn bộ khu vực này, bao gồm cả nhà máy của Công ty, thuộc diện phải di dời. Theo Quyết định số 324/QĐ ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai, tiến độ di dời nhà máy của Công ty thuộc giai đoạn 2, hoàn thành trước tháng 12/2025.

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Trúc Thôn
Công ty TNHH Nasteelvina
Công ty TNHH Thép Vinakyoei
Công ty TNHH Trung Tâm Thương mại Quốc Tế (IBC)
Công ty TNHH Thép VSC - POSCO (VPS)
Công ty TNHH Khoáng sản Luyện kim Việt Trung
Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật
Công ty TNHH Nassin Logistics
Công ty Cổ phần Kim Khí Miền Trung
Công ty TNHH Agility
Công ty TNHH Lotte Vinatrans Global Logistics Việt Nam
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Mối quan hệ

Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty liên kết của Công ty mẹ

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	708.844.210.737	482.335.204.519
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	311.461.333.016	444.309.697.345
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	155.091.024.272	1.532.608
- Công ty TNHH Thép Vinakyoei	130.696.207.800	-
- Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	62.171.998.817	8.945.823.976
- Công ty TNHH MTV Vinausteel	38.331.835.100	-
- Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	11.033.052.452	28.827.716.368
- Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	30.825.000	180.530.000
- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL	27.934.280	68.086.040
- Công ty Tôn Phương Nam	-	1.818.182
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.407.172.400	2.262.776.247
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	1.407.172.400	2.262.776.247
Mua hàng hóa, vật tư	3.269.451.989	2.085.880.725
- Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	1.342.426.500	1.145.530.000
- Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	1.253.175.000	-
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	498.000.000	498.000.000
- Công ty Cổ phần Mạ kẽm Công nghiệp Vingal - VNSTEEL	129.629.500	-
- Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	42.044.444	-
- Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	4.176.545	83.463.725
- Công ty TNHH Nippovina	-	358.887.000
Doanh thu hoạt động tài chính	-	355.113
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	-	355.113
Chi phí tài chính	5.733.269	8.812.954
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	5.733.269	8.812.954

Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo):

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí bán hàng	2.678.797.537	2.577.416.688
- Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	1.488.060.210	-
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	1.050.489.883	2.427.022.738
- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL	127.344.624	144.795.000
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	12.902.820	5.598.950

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Chức vụ	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		1.903.736.368	2.731.963.041
- Ông Nguyễn Xuân Sơn	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 09/04/2025)	369.108.000	321.384.000
- Ông Ngô Tiến Thọ	Thành viên Hội đồng quản trị kiểm Tổng Giám đốc	306.500.000	3.000.000
- Ông Nguyễn Bảo Giang	Thành viên Hội đồng quản trị	24.000.000	36.000.000
- Ông Hoàng Ngọc Chiến	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 05/04/2024)	24.000.000	-
- Ông Nguyễn Văn Thoan	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 09/04/2025)	24.000.000	36.000.000
- Ông Nguyễn Đông Vững	Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 05/04/2024)	-	188.055.500
- Ông Huỳnh Công Du	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 09/08/2024)	-	347.100.000
	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 18/10/2024)		
- Ông Vũ Hồng Khanh	Phó Tổng Giám đốc	264.726.000	213.119.500
- Ông Nguyễn Quyết Chiến	Phó Tổng Giám đốc	272.221.000	199.528.000
- Ông Vương Thanh Đường	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/07/2025)	265.726.000	273.974.000
- Ông Hoàng Đức Hoa	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15/04/2024)	-	194.605.500
- Ông Nguyễn Phước Hải	Trưởng ban Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 09/04/2025)	159.578.000	235.857.000
- Ông Nguyễn Bạch Đường	Thành viên Ban kiểm soát	175.877.368	198.585.080
- Ông Đặng Minh Đức	Thành viên Ban kiểm soát	18.000.000	24.000.000
- Ông Hồ Duy Khải	Thành viên Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 10/04/2023)	-	188.853.202
- Bà Trương Thị Kim Anh	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 03/06/2024 và Miễn nhiệm ngày 20/10/2024)	-	262.901.259
- Ông Nguyễn Thanh Hùng	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 20/10/2023)	-	9.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.


Huỳnh Thị Kim Tuyền
Người lập


Nguyễn Thị Ngọc Thanh
Phụ trách kế toán


Ngô Tiến Thọ
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 14 tháng 07 năm 2025

CHỨNG THỰC BAN SAO ĐÚNG VỚI BAN CHỨNG
Số chứng thực 22168 quyền số 5 - SCT/BS
Ngày 17-07-2025




Nguyễn Thị Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN
THÉP VICASA - VNSTEEL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 167/2025/CV-VCS
(V/v Xác nhận số cổ phần của Tổng Công ty
Thép Việt Nam - CTCP)

Đồng Nai, ngày 24 tháng 07 năm 2025

GIẤY XÁC NHẬN

(V/v: Thông tin sở hữu cổ phần của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP)

Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL (“VCS”) xác nhận thông tin sở hữu cổ phần của cổ đông Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP hiện đang sở hữu hợp pháp tại VCS như sau:

- Tên cổ đông: Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP.
- Số lượng cổ phần đang sở hữu: **9.871.875 cổ phần** (Bằng chữ: Chín triệu tám trăm bảy mươi một nghìn tám trăm bảy mươi lăm cổ phần) tương ứng 65% vốn điều lệ VCS.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng.

Chúng tôi xác nhận rằng toàn bộ số cổ phần của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP tại Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL là cổ phần được phép tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA-VNSTEEL
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Ngô Tiến Thọ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn Ngoại Giao, phường Xuân Tảo, Quận
Bắc Từ Liêm, Tp.Hà Nội
Điện thoại: 1900588866

THÔNG BÁO SƠ DƯ CHỨNG KHOÁN (MÃ CHỨNG KHOÁN: VCA)

Kính gửi: Ông/ Bà/ Công ty: Tổng Công Ty Thép Việt Nam-CTCP

Công ty chứng khoán Công thương thông báo sơ dư tài khoản chứng khoán của Quý khách hàng tại Công ty Chứng khoán Công thương đến 15h ngày 01/08/2025 như sau:

Tên tài khoản: Tổng Công Ty Thép Việt Nam-CTCP
Số ĐKSH: 0100100047
Số tài khoản: 007C116668
Loại tài khoản:

Nơi cấp: Sở KH&ĐT Hà Nội

Ngày cấp: 20/09/2024

Dư nợ ký quỹ: 0

STT	Mã CK	Tổng	Có thể giao dịch	Chờ thanh toán bán	Tự do chuyển nhượng chờ rút	Hạn chế chuyển nhượng chờ rút	Phong tỏa chờ xử lý (tất toán,...)	Hạn chế chuyển nhượng	Phong tỏa tại CTCK (loại tự do chuyển nhượng)	Phong tỏa tại CTCK (loại hạn chế chuyển nhượng)	Cầm cố (loại tự do chuyển nhượng)	Cầm cố (loại hạn chế chuyển nhượng)	Tự do chuyển nhượng chờ giao dịch	Hạn chế chuyển nhượng chờ giao dịch	Mua chờ về
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	VCA	9.871.875	9.871.875	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Chú thích: Tổng số lượng chứng khoán không bao gồm số lượng chứng khoán mua chờ về

Cảm ơn Quý khách đã giao dịch tại Công ty Chứng khoán Công thương!

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2025

NHÂN VIÊN
(Ký và ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT
(Ký và ghi rõ họ tên)



TP. DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN
Toàn Thị Minh Tâm

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL

BẢN SAO



ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL

TP. Biên Hòa – Tỉnh Đồng Nai, ngày 23 tháng 04 năm 2021

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	8
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	8
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	8
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	9
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	9
Điều 10. Thu hồi cổ phần (<i>đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp</i>)	9
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	10
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	10
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	10
Điều 12. Quyền của cổ đông	10
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	12
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 17. Thay đổi các quyền	15
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 20. Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	19
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	22

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	23
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	23
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	24
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	25
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	26
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	26
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	29
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	30
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	30
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	30
Điều 34. Người điều hành Doanh nghiệp	30
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc.....	31
Điều 36. Thư ký Công ty	31
IX. BAN KIỂM SOÁT	32
Điều 37. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	32
Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát.....	32
Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát.....	32
Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	33
Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	33
Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên	34
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	34
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	34
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	35
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	35
Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	35
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	36
Điều 46. Công nhân viên và công đoàn.....	36
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	36
Điều 47. Phân phối lợi nhuận	36
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	37
Điều 48. Tài khoản ngân hàng	37
Điều 49. Năm tài chính.....	37

Điều 50. Chế độ kế toán	37
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	38
Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	38
Điều 52. Báo cáo thường niên	38
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	38
Điều 53. Kiểm toán	38
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	38
Điều 54. Dấu của doanh nghiệp	38
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	39
Điều 55. Giải thể công ty	39
Điều 56. Thanh lý	39
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	39
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ	39
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	40
Điều 58. Điều lệ công ty	40
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	40
Điều 59. Ngày hiệu lực	40

198.
1G1
HÀ
GP
VSTE
DO

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 06/NQ-HĐQT-VCA ngày 23 tháng 04 năm 2021 của Công ty Cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- e) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- f) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- j) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- k) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- l) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- m) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
- n) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL**
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **VNSTEEL - VICASA JOINT STOCK COMPANY**
- Tên Công ty viết tắt: **VCS**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 9, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Điện thoại: (0251) 3836148 - 3836090

- Fax: (0251) 3836505

- Email: vicasasteel@vicasasteel.com

- Website: : www.vicasasteel.com

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 55 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 56 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc
2. Người đại diện theo pháp luật của công ty là cá nhân đại diện cho công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.
4. Trường hợp hết hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc, hoặc cho đến khi HĐQT quyết định cử người khác thay thế.
5. Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì HĐQT sẽ cử người khác thay thế.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
2410 (Chính)	Sản xuất sắt, thép, gang <i>Chi tiết: Sản xuất sản phẩm thép, nguyên vật liệu sản xuất thép, sắt thép các loại</i>
5022	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng.</i>
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Mua bán thứ liệu và phế liệu kim loại.</i>
7120	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật <i>Chi tiết: Kiểm định vỏ chai chứa khí áp lực</i>
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan <i>Chi tiết: Mua bán xăng, dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng, mỡ máy (địa điểm kinh doanh xăng dầu phải phù hợp quy hoạch mạng lưới kinh doanh xăng dầu của tỉnh)</i>
3830	Tái chế phế liệu <i>Chi tiết: Xử lý, gia công, chế biến thứ liệu và phế liệu kim loại.</i>
2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại <i>Chi tiết: Gia công kết cấu thép.</i>
2822	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại <i>Chi tiết: Sản xuất máy móc thiết bị, phụ tùng ngành sản xuất thép. Chế tạo thiết bị cơ khí luyện kim.</i>
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị phụ tùng ngành sản xuất thép.</i>
3520	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống <i>Chi tiết: Sản xuất Oxy, Nitơ và Argon dạng lỏng hoặc khí.</i>



3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp <i>Chi tiết: Lắp đặt thiết bị cơ khí luyện kim.</i>
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại <i>Chi tiết: Mua bán sản phẩm thép, nguyên vật liệu sản xuất thép.</i>

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Công ty xây dựng và giữ vững thương hiệu, đồng thời mở rộng và phát triển đồng bộ các ngành nghề hoạt động khác mà công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc, tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. *Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.*

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 151.873.220.000 đồng (Một trăm năm mươi một tỷ tám trăm bảy mươi ba triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng)
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 15.187.322 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Công ty hiện tại không có cổ đông sáng lập.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn *ba mươi (30) ngày* kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn *ba mươi (30) ngày* kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị,
3. Ban kiểm soát
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các

quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

- j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- l) Đối với cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền tối đa 2 người đại diện theo ủy quyền; nếu sở hữu từ 10% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền tối đa 3 người đại diện theo ủy quyền; tổ chức nắm giữ từ 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền tối đa 5 đại diện theo ủy quyền; Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho công ty và chỉ có hiệu lực đối với công ty kể từ ngày nhận được thông báo. Thủ tục và điều kiện ủy quyền thực hiện theo quy định tại Điều 14 Luật Doanh nghiệp.
- m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **05%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
- c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
- e) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- f) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
- g) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán

trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn **sáu mươi (60) ngày** kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan;

- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

- d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

35991
CỘNG
HÒA
THỊ
SÀI GÒN
70A-1

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
- f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

- q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- s) Phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu

đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá **mười (10) ngày** trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất **hai mươi một (21) ngày** trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách

hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c) Phiếu biểu quyết/bầu cử;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất **03 ngày** làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ **05%** cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện **trên 50%** tổng số phiếu biểu quyết.

2 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn **30 ngày**, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ **33%** tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn **20 ngày** kể từ ngày dự định

họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội cổ quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

8. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều này, khoản 1 Điều 17, Khoản 8 Điều 22 của Điều lệ này:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Nghị quyết về các nội dung khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, Khoản 3 Điều này, khoản 1 Điều 17 và Khoản 3 Điều 21 của Điều lệ này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, trừ các vấn đề sau:

- a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- b) Định hướng phát triển công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết **chậm nhất 10 ngày** trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối

với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d) Vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông **số hữu trên 50%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- j) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ

đồng quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

CO
COT
TH
SA/VA
U.T.T

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị tối thiểu 01 thành viên độc lập.

Quyền, nghĩa vụ và cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập sẽ được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường

- hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty
 - p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - q) Yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.
 - r) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị .
 - s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn **10 ngày** kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành

viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp **chậm nhất là 03 ngày** làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn **07 ngày** kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Biểu quyết

- a) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 9 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c) Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 43 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
- e) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được **đa số thành viên dự họp tán thành**; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

15. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ này.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

16. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

17. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Tiểu Ban kiểm toán nội bộ

a) Hội đồng quản trị thành lập Tiểu Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị để thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; nhân sự Ban kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm.

b) Trách nhiệm của Ban kiểm toán nội bộ; trách nhiệm của người làm công tác kiểm toán nội bộ; điều kiện kiện, tiêu chuẩn người làm công tác kiểm toán nội bộ được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

2. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban khác trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có **tối thiểu là 02 người** bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/ thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

1762
TY
ÂN
P
STEEL
I. ĐOR

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chi đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành **doanh nghiệp** phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 36. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ Công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ này. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là **03 người**. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong

các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trường Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của

mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.



4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 54. Dấu của Doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a) Cổ đông với Công ty;
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;
- Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin

liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có những nội dung trong bản điều lệ này trái với quy định mới của pháp luật thì áp dụng những quy định của pháp luật đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL nhất trí thông qua ngày 23 tháng 04 năm 2021 tại Công ty Cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 22217 quyền số: SC1055

Ngày: 29-07-2024



Phan Kim Loan

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Huỳnh Công Du

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 3600961762

Đăng ký lần đầu: ngày 25 tháng 12 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 9, ngày 14 tháng 08 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VNSTEEL - VICASA JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VCS

2. Địa chỉ trụ sở chính

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251.3836148

Fax: 0251.3836505

Email: vicasasteel@vicasasteel.com

Website:

3. Vốn điều lệ: 151.873.220.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm năm mươi một tỷ tám trăm bảy mươi ba triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 15.187.322

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGÔ TIẾN THỌ

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 21/06/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027079011346

Ngày cấp: 22/09/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Địa chỉ thường trú: 417, KP 4, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Số chứng thực: 08320.0001/2024-SC/BS

Ngày: 08/08/2024
Địa chỉ liên lạc: 417, KP 4, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG AN BÌNH



Trần Thị Hồng Đức



K. TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Le Hoàng Huỳnh

BẢN SAO / COPY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ
TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP

Hà Nội, Ngày 28 tháng 6 năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	1
CHƯƠNG II TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty.....	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.....	3
CHƯƠNG III MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG.....	3
CỦA TỔNG CÔNG TY	3
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty	3
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	4
CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	5
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	5
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	5
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	6
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	6
Điều 10. Mua lại cổ phần	6
CHƯƠNG V.....	8
CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	8
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	8
CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	8
Điều 12. Quyền của cổ đông	8
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	10
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	15
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông ...	15
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	19

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	23
CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	23
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	26
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	28
Điều 29. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị	29
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	30
CHƯƠNG VIII TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	34
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	34
Điều 34. Người điều hành Tổng công ty	34
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc	35
Điều 36. Tiêu chuẩn Tổng giám đốc	35
Điều 37. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	35
Điều 38. Ủy quyền của Tổng giám đốc	37
Điều 39. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan	37
Điều 40. Từ nhiệm, đương nhiệm mất tư cách	38
Điều 41. Bộ máy giúp việc Tổng giám đốc	39
Điều 42. Cơ cấu tổ chức bộ máy giúp việc Tổng công ty	39
CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT	39
Điều 43. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	39
Điều 44. Thành phần Ban kiểm soát	40
Điều 45. Trưởng Ban kiểm soát	41
Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	41
Điều 47. Cuộc họp của Ban kiểm soát	42
Điều 48. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	42
CHƯƠNG X TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH	44
Điều 49. Trách nhiệm cần trọng	44
Điều 50. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	44
Điều 51. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	45
Điều 52. Những vấn đề liên quan về nhân sự của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc	46

Handwritten signature

CHƯƠNG XI QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY	46
Điều 53. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	46
CHƯƠNG XII TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG ĐOÀN, ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH, CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	47
Điều 54. Tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.....	47
Điều 55. Công nhân viên và công đoàn	47
CHƯƠNG XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	48
Điều 56. Phân phối lợi nhuận	48
CHƯƠNG XIV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	49
Điều 57. Tài khoản ngân hàng	49
Điều 58. Năm tài chính.....	49
Điều 59. Chế độ kế toán	49
CHƯƠNG XV BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	50
Điều 60. Công bố thông tin	50
Điều 61. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	50
Điều 62. Báo cáo thường niên.....	50
CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY	50
Điều 63. Kiểm toán	50
CHƯƠNG XVII CON DẤU	51
Điều 64. Dấu của Tổng công ty	51
CHƯƠNG XVIII GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY	51
Điều 65. Giải thể Tổng công ty	51
Điều 66. Thanh lý	51
CHƯƠNG XIX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	52
Điều 67. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	52
CHƯƠNG XX BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	52
Điều 68. Điều lệ Tổng công ty.....	52
CHƯƠNG XXI NGÀY HIỆU LỰC	53
Điều 69. Ngày hiệu lực	53

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 tổ chức vào ngày tháng năm 2021

CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) "Tổng công ty" là Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP.
- b) "Vốn điều lệ" là Tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này.
- c) "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.
- d) "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- đ) "Ngày thành lập" là ngày Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương lần đầu.
- e) "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác do Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc.
- f) Người có quan hệ gia đình bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.
- g) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán.
- h) "Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty" là văn bản tập hợp các nguyên tắc cơ bản về quản trị Tổng công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cán bộ quản lý khác của Tổng công ty.
- i) "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần.

j) "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty.

k) "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này.

1. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty

1. Tên Tổng công ty

- Tên tiếng Việt : TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM – CTCP

- Tên tiếng Anh: VIETNAM STEEL CORPORATION

- Tên viết tắt: VNSTEEL

2. Tổng công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty là:

- Địa chỉ: Số 91 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

- Điện thoại: 024.38561767

- Fax: 024.38561815

- E-mail: vanphong@vnsteel.vn

- Website: www.vnsteel.vn

- Logo:



4. Văn phòng đại diện: 56 Thủ Khoa Huân, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.

5. Tổng công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Thời hạn hoạt động của Tổng công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty là Tổng giám đốc.

2. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty là cá nhân đại diện cho Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Tổng công ty, đại diện cho Tổng công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty phải cư trú ở Việt Nam; phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo khoản 3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì Người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty cổ phần phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc tại Tổng công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm những công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

CHƯƠNG III MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty bao gồm:

a) Khai thác quặng sắt, than mỡ và các nguyên liệu trợ dung cho công nghiệp sản xuất thép;

b) Sản xuất thép và các kim loại khác, vật liệu chịu lửa, thiết bị phụ tùng luyện kim và các sản phẩm thép sau cán;

c) Kinh doanh dịch vụ Logistic; xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: các sản phẩm thép và các nguyên nhiên liệu luyện, cán thép; phế liệu kim loại; cao su, xăng, dầu, mỡ, ga và các loại vật tư phụ tùng, thiết bị phục vụ cho sản xuất thép, xây dựng, giao thông, cơ khí và các ngành công nghiệp khác;

d) Thiết kế, chế tạo, thi công xây lắp các công trình sản xuất thép, các công trình công nghiệp và dân dụng; sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng;

đ) Tư vấn thiết kế các công trình công nghiệp luyện kim, cán thép và xây dựng dân dụng: Điều tra, khảo sát và lập các dự án đầu tư; thiết kế và lập dự toán công trình; lập hồ sơ mời thầu và đánh giá, thẩm tra các dự án thiết kế, dự toán và hồ sơ mời thầu, kết quả đấu thầu; quản lý các dự án đầu tư, giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị;

e) Kinh doanh oxy, nitơ, argon dạng khí, dạng lỏng sử dụng trong công nghiệp, y tế, quốc phòng, Lắp đặt, cung cấp thiết bị hệ thống dẫn khí oxy, nitơ, argon;

f) Kinh doanh khai thác cảng và dịch vụ giao nhận, kho bãi, nhà xưởng, nhà văn phòng, nhà ở; đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh phát triển nhà và bất động sản;

g) Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống, dịch vụ du lịch, lữ hành, quảng cáo;

h) Đại lý mua - bán các mặt hàng trong phạm vi kinh doanh của Tổng công ty;

i) Kinh doanh tài chính, ngân hàng, chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác;

j) Xuất khẩu lao động;

k) Đầu tư, liên doanh liên kết kinh tế với các đối tác trong nước và nước ngoài; Đào tạo, nghiên cứu khoa học kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và đào tạo nghề cho ngành sản xuất thép và sản xuất vật liệu kim loại;

l) Các ngành, nghề khác mà pháp luật không cấm.

2. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty:

Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty là phát triển bền vững, nâng cao khả năng cạnh tranh, sản xuất kinh doanh hiệu quả nhằm tối đa hóa giá trị lợi ích cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách nhà nước, tạo công ăn việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Tổng công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Tổng công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tổng công ty.

2. Tổng công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Tổng công ty là 6.780.000.000.000 đồng (sáu nghìn bảy trăm tám mươi tỷ đồng) được chia thành 678.000.000 (sáu trăm bảy mươi tám triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 (mười nghìn đồng) một cổ phần.

2. Tổng công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Toàn bộ cổ phần của Tổng công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông, Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tổng công ty không có cổ đông sáng lập.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Tổng công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và Điều lệ này.

8. Tổng công ty có quyền phát hành cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Tổng công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Tổng công

ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn năm (5) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng công ty hoặc trong thời hạn hai (2) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ cổ phần quy định tại khoản 3 Điều này và pháp luật có quy định khác, Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Người nhận chuyển nhượng cổ phần chỉ trở thành cổ đông của Tổng công ty khi đã đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông.

3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Mua lại cổ phần

1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

a) Cổ đông được quyền yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của mình khi:

- Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Tổng công ty;
- Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này.

b) Thủ tục yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần:

- Yêu cầu của cổ đông phải được làm bằng văn bản, trong đó nêu rõ: Tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Tổng công ty mua lại;

- Yêu cầu phải được gửi đến Tổng công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết với nội dung quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này.

c) Nghĩa vụ của Tổng công ty khi nhận được yêu cầu mua lại cổ phần:

- Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu mua lại cổ phần quy định tại điều này, Tổng công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông với giá thị trường hoặc giá được xác định theo thoả thuận giữa cổ đông và Hội đồng quản trị;

- Trường hợp không thoả thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Tổng công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

2. Mua lại cổ phần theo quyết định của Tổng công ty.

Tổng công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định sau đây:

a) Việc mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã phát hành do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trong các trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Hội đồng quản trị quyết định ;

b) Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm c Khoản 2 này;

c) Tổng công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà họ có trong Tổng công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Tổng công ty phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có các nội dung sau:

- Tên, trụ sở của Tổng công ty;
- Tổng số cổ phần, loại cổ phần được mua lại;
- Giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại;
- Thời hạn và thủ tục thanh toán;
- Thời hạn và thủ tục để cổ đông đăng ký bán cổ phần cho Tổng công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được Tổng công ty trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ

đồng là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Tổng công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nêu trên.

3. Tổng công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc và Bộ máy giúp việc.

CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty;

h) Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Cổ đông là tổ chức có sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 05 người đại diện.

- Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo đến Tổng công ty và chỉ có hiệu lực đối với Tổng công ty kể từ ngày Tổng công ty nhận được thông báo.

- Thủ tục và điều kiện ủy quyền thực hiện theo Điều 14 Luật doanh nghiệp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc theo quy định tại Điều 166 Luật Doanh nghiệp.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm, hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng công ty chậm nhất là 05 ngày làm

việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Quyền khác theo quy định của pháp luật.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty; chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

4. Bảo mật các thông tin được Tổng công ty cung cấp theo quy định Điều lệ, Quy chế nội bộ của Tổng công ty và quy định pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

5. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với Tổng công ty;

d) Chịu trách nhiệm cá nhân về chi phí khi trực tiếp hoặc tham gia yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông với lý do, nguyên nhân không phù hợp.

7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần để quyết định những vấn đề quan trọng của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết Hội đồng quản trị có thể quyết định gia hạn thời gian triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;

b) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d, khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó;
- g) Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị; Thành viên Ban kiểm soát;
- h) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty; phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty;

- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chỉ định người thanh lý;
- p) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và các cổ đông của Tổng công ty;
- q) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản Tổng công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất;
- r) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- s) Tổng công ty ký kết hợp đồng với những đối tượng được quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp có giá trị lớn hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- t) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- u) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- v) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các sự kiện nêu trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng công ty không bị thay đổi khi Tổng công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có

quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- f) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức đảm bảo, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin điện tử (Website) của Tổng công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Tổng công ty thực hiện niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai một ngày (21) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó hoặc ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa) Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

b) Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc) Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác)

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố biểu quyết vấn đề đó hoặc ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa của đại hội có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Tổng công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Tổng công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng ty;

e) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua hoặc bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

6. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty, trừ các trường hợp sau:

- a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- b) Định hướng phát triển Tổng công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức) Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến Tổng công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Các vấn đề đã được thông qua tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác)

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên website của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác) Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

f) Tổng số phiếu biểu quyết tuyệt đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành,

không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

g) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

h) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký hoặc người khác ký tên trong biên bản phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được công bố trên Website Tổng công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ sau khi kết thúc cuộc họp.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam

kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên liên quan của Tổng công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có).

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người, bao gồm: Chủ tịch, Phó chủ tịch và các thành viên. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể chuyên trách hoặc kiêm nhiệm.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên

đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc)

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Tổng Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định sau:

a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

i) Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều 155 Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

ii) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

iii) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

i) Không tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

ii) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tổng công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

iii) Vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty về mua, bán và chuyển nhượng cổ phần;

iv) Vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao;

v) Cổ đông pháp nhân mà thành viên Hội đồng quản trị đó đại diện, mất tư cách pháp nhân;

vi) Tổng công ty bị giải thể theo quy định của Tòa án.

c) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản điểm a và điểm b khoản này.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Tổng công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định với những nội dung cơ bản như sau:

✓ a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh, tài chính, và đầu tư hàng năm của Tổng công ty; Xác định mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

✗ b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

✓ c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

✗ d) Đề xuất phương án phát hành trái phiếu doanh nghiệp; đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;

✗ đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật; việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

✗ g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp;

i) Quyết định ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty; Thông qua các Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;

k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác được quy định trong Quy chế quản lý cán bộ của Tổng công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

l) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty;

m) Giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh liên quan đến cán bộ thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT; Hội đồng quản trị chủ trì giải quyết tố cáo trong các trường hợp sau: Tố cáo liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị (trừ trường hợp tố cáo liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị sẽ do Ban kiểm soát chủ trì giải quyết); Tố cáo liên quan đến tất cả các thành viên Ban kiểm soát;

n) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp; Mức phân cấp cụ thể trong từng lĩnh vực được quy định và điều chỉnh bằng Quy chế nội bộ của Tổng công ty do Hội đồng quản trị quyết định;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

r) Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán của Tổng công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

s) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

t) Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện;

u) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a) Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Tổng công ty; ✓

b) Quyết định thành lập, sáp nhập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị thành viên 100% vốn của Tổng công ty, đơn vị trực thuộc Tổng công ty; kết nạp các thành viên mới; tiếp nhận các Công ty liên kết tự nguyện tham gia vào Tổng công ty;

c) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Tổng công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê mua công ty và liên doanh);

d) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Tổng công ty;

đ) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng công ty, trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông;

e) Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh tài chính và đầu tư hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh đã xác định hàng năm;

f) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

g) Việc định giá các tài sản góp vào Tổng công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

h) Quyết định mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng; quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Tổng công ty. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

i) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Tổng công ty;

j) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tổng Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một

thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị trong số các thành viên Hội đồng quản trị bằng thể thức bầu trực tiếp và bỏ phiếu kín.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Thay mặt Hội đồng quản trị triệu tập và chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; Triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

b) Lập chương trình, kế hoạch làm việc cho Hội đồng quản trị, xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;

c) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ phiên họp Hội đồng quản trị;

d) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;

đ) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Lập chương trình công tác và phân công các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện việc kiểm tra giám sát hoạt động của Tổng công ty;

f) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản, quy định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị sau khi đã được Hội đồng quản trị thông qua;

g) Ngoài ra, Chủ tịch hội đồng quản trị còn có chung quyền lợi và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Luật Doanh nghiệp.

4. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Phó chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt và không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất hoặc ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của các thành viên Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật, nếu có.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị

phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư ($3/4$) số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa ($1/2$) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin phù hợp. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua tại cuộc họp bằng hình thức trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại

khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác)

11. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc) Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt. Biên bản có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Ban kiểm toán nội bộ và các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Ban kiểm toán nội bộ

a) Hội đồng quản trị thành lập Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị để thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; nhân sự Ban kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm.

b) Trách nhiệm của Ban kiểm toán nội bộ

- Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về kết quả công việc kiểm toán nội bộ, về những đánh giá, kết luận, kiến nghị, đề xuất trong các báo cáo kiểm toán nội bộ.

- Phải bảo mật tài liệu, thông tin theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.

- Phải kịp thời theo dõi, đôn đốc, kiểm tra kết quả thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán của các bộ phận/đơn vị thuộc, trực thuộc Tổng công ty.

- Tổ chức đào tạo liên tục nhằm nâng cao và đảm bảo năng lực chuyên môn cho người làm công tác kiểm toán nội bộ.

- Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Quy chế hoạt động

của Ban kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.

c) Trách nhiệm và quyền hạn của người làm công tác kiểm toán nội bộ, Người phụ trách Ban kiểm toán nội bộ được quy định cụ thể trong quy chế hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.

d) Điều kiện, tiêu chuẩn người làm công tác kiểm toán nội bộ.

- Có bằng đại học trở lên các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu kiểm toán, có kiến thức đầy đủ và luôn được cập nhật về các lĩnh vực được giao thực hiện kiểm toán nội bộ;

- Đã có thời gian từ 05 năm trở lên làm việc theo chuyên ngành đào tạo hoặc từ 03 năm trở lên làm việc tại Tổng công ty hoặc từ 03 năm trở lên làm kiểm toán, kế toán hoặc thanh tra.

- Có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của đơn vị; có khả năng thu thập, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin; có kiến thức, kỹ năng về kiểm toán nội bộ.

- Chưa bị kỷ luật ở mức cảnh cáo trở lên do sai phạm trong quản lý kinh tế, tài chính, kế toán hoặc không đang trong thời gian bị thi hành án kỷ luật.

- Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, nếu có.

2. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, ít nhất là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

3. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, Ban kiểm toán nội bộ hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty Tổng công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Tổng công ty

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất một người làm Người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Tổng công ty. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.

3. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát;

f) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;

g) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các chỉ đạo và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Tổng công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Tổng công ty

1. Người điều hành Tổng công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cưỡng hỗ trợ Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức)

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

5. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 36. Tiêu chuẩn Tổng giám đốc

Tổng giám đốc phải là người có đầy đủ các điều kiện sau:

1. Tổng giám đốc phải là người có trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành quản lý kinh tế hay kỹ thuật phù hợp; Có kinh nghiệm và kiến thức trong lĩnh vực ngành, nghề chính đã đăng ký kinh doanh của Tổng công ty; có năng lực tổ chức sản xuất - kinh doanh và kinh nghiệm quản lý Tổng công ty, hiểu biết pháp luật.

2. Có phẩm chất đạo đức tốt, có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ.

3. Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

4. Tổng giám đốc không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Tổng công ty, Kiểm soát viên của Tổng công ty; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Tổng công ty.

Điều 37. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Tổng giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau:

1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

2. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch sản xuất-kinh doanh và kế hoạch đầu tư đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty, quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Tổng công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại.

4. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.

4. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý Tổng công ty.

5. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Tổng công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tổng công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

6. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tổng công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc).

7. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.

8. Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch sản xuất kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm.

10. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị xem xét, thông qua trước khi trình Đại hội đồng cổ đông quyết định chiến lược đầu tư phát triển của Tổng công ty.

11. Tổ chức tốt công tác thống kê, hạch toán kế toán, lập báo cáo tài chính quý, bán niên và hàng năm của Tổng công ty theo đúng quy định của Nhà nước) Trình Hội đồng quản trị báo cáo tài chính đã được kiểm toán và báo cáo chung về tình hình sản xuất định kỳ của Tổng công ty.

12. Đưa ra các quyết định vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp bất khả kháng, khẩn cấp (như thiên tai, hỏa hoạn hay sự cố) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo cho Hội đồng quản trị và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết tiếp.

13. Ký các hợp đồng, giao dịch, hợp đồng vay, cho vay; về nhượng bán, cho thuê, thế chấp, cầm cố, thanh lý tài sản và các quyết định liên quan đến công tác tổ chức, cán bộ theo thẩm quyền quy định tại Quy chế nội bộ của Tổng công ty do Hội đồng quản trị ban hành.

14. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng công ty; Đồng thời thực hiện các biện pháp huy động các nguồn tài chính dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Tổng công ty để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

15. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, quy chế nội bộ của Tổng công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị và hợp đồng lao động ký với Tổng công ty.

16. Giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh liên quan đến cán bộ thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc.

17. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và các quy chế, quy định của Tổng công ty.

Điều 38. Ủy quyền của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc ủy quyền bằng văn bản cho Phó Tổng giám đốc hoặc người khác thay mặt mình giải quyết hoặc thi hành một số công việc của Tổng công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về việc ủy quyền của mình.

2. Tổng giám đốc ủy quyền bằng văn bản cho Giám đốc các công ty, chi nhánh và đơn vị trực thuộc thay mặt mình quản lý điều hành, giải quyết hoặc thi hành các công việc ở các công ty, chi nhánh và đơn vị trực thuộc đó theo quy chế phân cấp quản lý của Tổng công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về việc ủy quyền của mình.

3. Người được Tổng giám đốc ủy quyền chỉ được thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi được ủy quyền và không được ủy quyền cho người khác. Người được ủy quyền phải trực tiếp chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về những việc được ủy quyền.

4. Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan đến con dấu của Tổng công ty đều phải thực hiện bằng văn bản, có thời hạn.

Điều 39. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan

1. Các hợp đồng, giao dịch của Tổng công ty ký kết với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp thì phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định như sau:

a) Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

- Các hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

- Hợp đồng giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Tổng công ty và cổ đông sở hữu 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

Người đại diện của Tổng công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 21 của Điều lệ này.

b) Đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký. Trong trường hợp này, Tổng giám đốc phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát; Niêm yết tại trụ sở chính của Tổng công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có người liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp, hợp đồng đã quy định tại khoản 1 Điều này được ký mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho Tổng công ty phải bồi thường.

3. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 40. Từ nhiệm, đương nhiệm mất tư cách

1. Khi Tổng giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn Hội đồng quản trị phải xem xét và quyết định.

2. Tổng giám đốc đương nhiệm mất tư cách Tổng giám đốc khi xảy ra các trường hợp sau đây:

a) Chết hoặc mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

b) Tự ý bỏ nhiệm sở trong vòng 5 ngày làm việc liên tục mà không có lý do chính đáng và không uỷ quyền bằng văn bản cho một phó Tổng giám đốc thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình;

c) Mất quyền công dân;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Tổng giám đốc bị mất tư cách, Hội đồng quản trị phải chỉ định một phó Tổng giám đốc tạm thời thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 ngày, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bổ nhiệm Tổng giám đốc mới.

Điều 41. Bộ máy giúp việc Tổng giám đốc

Giúp việc cho Tổng giám đốc gồm có các Phó Tổng giám đốc, các Trưởng phòng, Ban Tổng công ty, Giám đốc các đơn vị trực thuộc có các nghĩa vụ và quyền hạn sau:

1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, miễn cưỡng vì lợi ích của Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty.
2. Không được lạm dụng địa vị, quyền hạn, sử dụng tài sản của Tổng công ty để thu lợi riêng cho bản thân hoặc cho người khác, không được tiết lộ bí mật Tổng công ty.
3. Chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối Tổng công ty do những hành vi vi phạm của mình.

Điều 42. Cơ cấu tổ chức bộ máy giúp việc Tổng công ty

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và sự phê chuẩn của Hội đồng quản trị, Tổng công ty có cơ cấu tổ chức và bộ máy điều hành, số lượng và các loại cán bộ quản lý cần thiết để thực hiện các hoạt động trong từng thời kỳ.
2. Cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành Tổng công ty bao gồm :
 - a) Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
 - b) Các Phòng, Ban Tổng công ty.

CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT

Điều 43. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm

soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Pháp luật.

Điều 44. Thành phần Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát của Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu bằng hình thức bỏ phiếu trực tiếp tại đại hội. Số lượng Thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty là năm (05) thành viên. Nhiệm kỳ của Thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định sau:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại Điều 17 khoản 2 Luật doanh nghiệp;

b) Có trình độ đại học, được đào tạo một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành khác phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý Tổng công ty; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty;

d) Không phải là người quản lý Tổng công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;

e) Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có hiểu biết về pháp luật;

g) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính Tổng công ty;

h) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong (03) năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Thành viên Ban kiểm soát quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;

c) Không thực hiện quyền và nghĩa của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, nếu có.

5. Trường hợp các Thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 45. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

2. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông. Thành viên Ban kiểm soát;

d) Các quyền hạn và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác của Tổng công ty.

4. Đảm bảo sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng quy chế hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

10. Giải quyết tố cáo trong các trường hợp: Đơn tố cáo liên quan đến thành viên Ban kiểm soát (trừ trường hợp đơn tố cáo liên quan đến tất cả các thành viên Ban kiểm soát sẽ do Hội đồng quản trị giải quyết); đơn tố cáo liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị.

11. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 47. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát có thể được triệu tập họp bất thường để giải quyết những công việc đột xuất.

4. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp.

5. Thông báo chương trình họp Ban kiểm soát:

Thông báo họp Ban kiểm soát phải được gửi cho các thành viên Ban kiểm soát ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp phải được làm bằng văn bản, trong đó nêu rõ chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát.

6. Cuộc họp Ban kiểm soát có đủ điều kiện tiến hành khi có từ 2/3 số thành viên trở lên tham dự. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát vắng mặt, không tham gia các cuộc họp Ban kiểm soát liên tục trong vòng 06 tháng mà không có lý do chính đáng thì thành viên đó sẽ bị mất tư cách thành viên Ban kiểm soát.

7. Biểu quyết:

a) Mỗi thành viên tham dự họp Ban kiểm soát có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp. Nếu thành viên Ban kiểm soát không tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban kiểm soát khác thực hiện quyền biểu quyết thay;

b) Thành viên Ban kiểm soát có các quyền lợi liên quan đến vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định, không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời không được nhận ủy quyền của thành viên Ban kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó;

c) Nếu có nghi ngờ nảy sinh tại cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ chuyển tới Chủ tọa cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.

8. Ban kiểm soát có quyền thông qua các quyết định bằng việc tiến hành cuộc họp, bằng văn bản có chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm soát, hoặc bằng hỏi ý kiến qua thư tín, qua fax.

9. Thông qua quyết định của Ban kiểm soát bằng hỏi ý kiến:

a) Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết vấn đề đưa ra xin ý kiến;

b) Số lượng thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát, Biên bản họp của Ban kiểm soát phải ghi đầy đủ vào sổ biên bản và được thông qua mọi thành viên tham dự với đầy đủ chữ ký của mỗi thành viên Ban kiểm soát.

Điều 48. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, tiền thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

CHƯƠNG X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

Điều 49. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty.

Điều 50. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai lợi ích có liên quan theo quy định tại Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng công, Công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Tổng công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những

người này có các lợi ích tài chính trừ các Công ty con, Công ty liên kết của Tổng công ty.

6. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

7. Giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan ;

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Tổng công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện giao dịch có liên quan.

Điều 51. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra)

2. Tổng công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng công ty là người

khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Tổng công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Tổng công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Tổng công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 52. Những vấn đề liên quan về nhân sự của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

1. Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc không được là thành viên của Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng hoặc thủ quỹ của Tổng công ty.

2. Đảm bảo tuân thủ các quy định khác của pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG XI QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

Điều 53. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty.

2. Trong trường hợp đại diện theo uỷ quyền của cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu kiểm tra sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Tổng công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Tổng công ty phải được công bố trên website của Tổng công ty.

CHƯƠNG XII

TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG ĐOÀN, ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH, CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 54. Tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh được tổ chức hoạt động trong Tổng công ty theo các qui định pháp luật hiện hành của Việt Nam và Điều lệ của tổ chức đó.

Điều 55. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty tạo mọi điều kiện để người lao động trong Tổng công ty được biết, được tham gia ý kiến, được quyết định và giám sát những vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích, nghĩa vụ và trách nhiệm của người lao động. Tạo điều kiện để các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội của Tổng công ty hoạt động theo quy định của pháp luật trong việc thực hiện quyền dân chủ cho người lao động. Thiết lập mối quan hệ lao động hài hoà, ổn định, góp phần ngăn ngừa và hạn chế tranh chấp lao động trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty, người quản lý và người lao động trong Tổng công ty có nghĩa vụ thực hiện đúng hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, chấp hành các nội quy, quy chế của Tổng công ty và các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người quản lý và người lao động.

4. Người lao động được quyền tham gia giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách có liên quan đến quyền lợi hợp pháp, chính đáng và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và quy chế dân chủ của Tổng công ty.

Người lao động có quyền gia nhập các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

5. Công đoàn là tổ chức đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động và tập thể người lao động, có trách nhiệm tổ chức để người lao động thực hiện quyền được biết, được tham gia, được kiểm tra, giám sát và được quyết định những vấn đề trực tiếp liên quan đến người lao động.

6. Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty hoặc người do Ban Chấp hành Công đoàn Tổng công ty ủy quyền được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông và được tham gia ý kiến về vấn đề liên quan tới quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tập thể người lao động trong Tổng công ty.

7. Hàng năm Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty, người điều hành khác có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn tổ chức Hội nghị người lao động trong Tổng công ty. Nội dung chủ yếu của Hội nghị người lao động là bàn giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua; Đánh giá việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể, các nội quy, quy chế của Tổng công ty, những vấn đề khác liên quan tới quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

CHƯƠNG XIII

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 56. Phân phối lợi nhuận

1. Tổng công ty chi trả cổ tức cho cổ đông sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng công ty.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Tổng công ty.

3. Tổng công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng

công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác)

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 57. Tài khoản ngân hàng

1. Tổng công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam, ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Tổng công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng công ty mở tài khoản.

Điều 58. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01/01 (dương lịch) hàng năm và kết thúc vào ngày 31/12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

Điều 59. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là Chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Tổng công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Tổng công ty tham gia) Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.

3. Tổng công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Tổng công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 60. Công bố thông tin

Tổng công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan khác)

Điều 61. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Tổng Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Tổng Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 62. Báo cáo thường niên

Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI

KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY

Điều 63. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty

3. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty.

CHƯƠNG XVII CON DẤU

Điều 64. Dấu của Tổng công ty

1. Dấu của Tổng công ty có thể được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tổng công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty.
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY

Điều 65. Giải thể Tổng công ty

1. Tổng công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 66. Thanh lý

1. Sau khi có một quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Tổng công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Tổng công ty;
- đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước)

CHƯƠNG XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 67. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Tổng công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty, các quy định pháp luật hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

- a) Cổ đông với Tổng công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười năm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu hoặc chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

CHƯƠNG XX

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 68. Điều lệ Tổng công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có quy định trong điều lệ này trái với quy định mới của pháp luật thì những quy định của pháp luật đó được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

CHƯƠNG XXI

NGÀY HIÊU LỰC

Điều 69. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 Chương 69 Điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP nhất trí thông qua ngày 28 tháng 6 năm 2021 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Điều lệ này thay thế Bản Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 29/6/2020 tại Hà nội.

2. Điều lệ được lập thành ba (3) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 57296 - 12 - Quyền số: 4

Ngày: 11-12-2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Phúc



CÔNG CHỨNG VIÊN

ThS. Vũ Quốc Hùng

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

BẢN SAO / COPY

Mã số doanh nghiệp: 0100100047

Đăng ký lần đầu: ngày 05 tháng 02 năm 1996

Đăng ký thay đổi lần thứ: 13, ngày 20 tháng 09 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM STEEL CORPORATION

Tên công ty viết tắt: VNSTEEL.CORP

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 91 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243.8561767

Fax: 0243.8561815

Email: vanphong@vnsteel.vn

Website: www.vnsteel.vn

3. Vốn điều lệ: 6.780.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Sáu nghìn bảy trăm tám mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 678.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGHIÊM XUÂN ĐÀ

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 29/05/1966

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027066000023

Ngày cấp: 21/05/2023

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 705 nhà 165B Thái Hà, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 705 nhà 165B Thái Hà, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành
phố Hà Nội, Việt Nam

Số chứng thực: 49090-10-2024-SCT/BS

Ngày: 18-10-2024

TRƯỞNG PHÒNG/



CÔNG CHỨNG VIÊN
Ths. Vũ Quốc Hùng